English Section PAGE 45

NĂM THỨ NĂM • #51 • JULY 1993

THẾ KỶ 21

POBOX 2054-H39 WESTMINSTER CA 92684 ● TEL (714) 894-9021 ● FAX (714) 894-2752

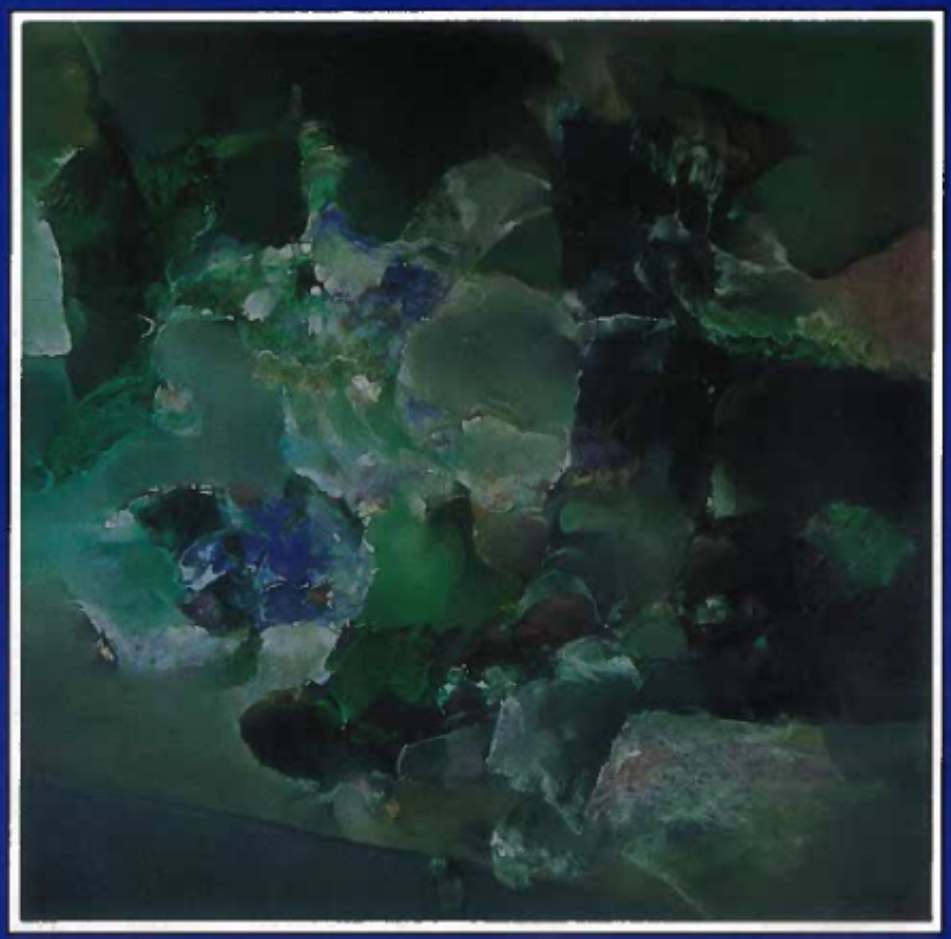

VƯƠN LÊN TỪ THẦM LẶNG
Maria Kubaiska

VỀ NGUYỄN XUÂN KHOÁT
Phạm Duy • Trần Văn Khê

THIÊN AN MÔN - CHUYỆN BÊN LỀ
Đông Nhân

NHẬT KÝ CỦA MỴ NƯƠNG
Nhung Uyên

NEW YORK LIFE

The Company You Keep®

Ra đời từ thế kỷ 19
Lớn mạnh suốt thế kỷ 20
Đưa quí vị đến thành công tài chánh vững chắc từ nay sang đến thế kỷ 21

SVN Team - Nhóm bạn đồng hành của quí vị trên đường đi tới mục tiêu tài chánh.
Với New York Life/ SVN Team quí vị sẽ đạt được 3 yếu tố căn bản:

CÔNG TY RẤT TỐT • HỢP ĐỒNG RẤT TỐT • DỊCH VỤ RẤT TỐT

Xin quí vị liên lạc ngay:

NGUYỄN VĂN SON
LISE VÕ DIỆU TRANG
PASCAL NGUYỄN GIA DŨNG
PHẠM HỒNG NGỌC
NGÔ VĂN TRÌNH

Hoặc đến viếng thăm cơ sở khang trang tân tiến của chúng tôi tại:

FOUNTAIN VALLEY SATELLITE OFFICE

CITY CENTER: 17330 Brookhurst St. Suite 330
Fountain Valley, CA 92708

Bus: (714) 962-4440
Fax: (714) 964-0545 Toll free: 1-800-543-3770

để thảo luận các kế hoạch về:

BẢO VỆ VÀ RÚT NGẮN THỜI GIAN TRẢ NỢ NHÀ • BẢO HIỂM LỢI TỨC
GÂY QUỸ ĐẠI HỌC • BẢO HIỂM CHI PHÍ THƯƠNG MẠI • GÂY QUỸ HƯU TRÍ
BẢO HIỂM NHÂN THỌ • THANH TOÁN THUẾ DI SẢN, PROBATE, V.V...

LỜI NHẮN NHỦ TRƯỚC KHI QUÍ VỊ QUYẾT ĐỊNH MUA BẢO HIỂM NHÂN THỌ VÀ TÀN PHẾ:
Xin Quí Vị vui lòng tìm hiểu thành tích và khả năng phục vụ của chúng tôi. Cho phép chúng tôi có dịp tiếp đón Quí Vị tại văn phòng của chúng tôi, hoặc mang tài liệu đến giải thích cùng Quí Vị tại tư gia hay cơ sở thương mại của Quí Vị.

Trung Tâm Băng Nhạc Hải Âu

Xin hân hạnh giới thiệu: *2 băng nhạc mới, lạ nhất của 3 ca sĩ đang được quí khán giả yêu thương:*

Mỹ Huyền
Chung Tử Lưu
Randy

Hải Âu 65
Hợp Khúc Tình Yêu 1

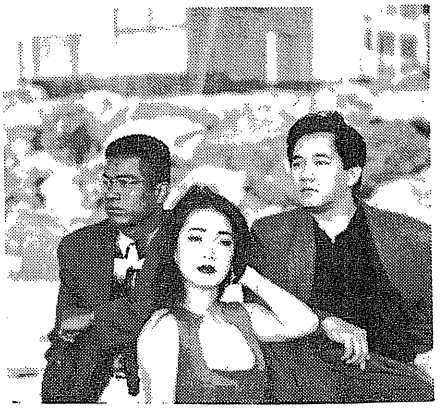

Tình Nhớ 24
Hợp Khúc Tình Yêu 2

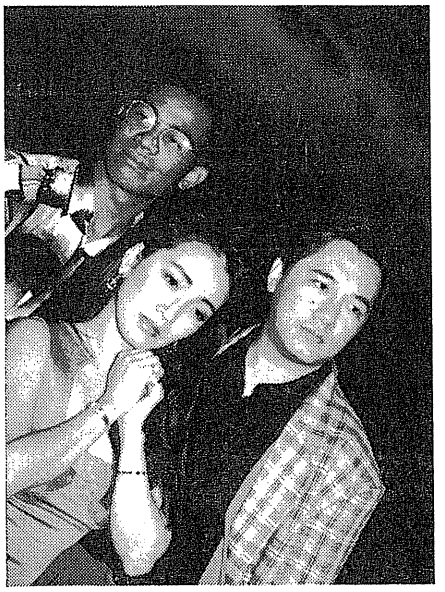

MỸ HUYỀN - CHUNG TỬ LƯU
RANDY 1

2 Băng Nhạc dễ thương và đặc biệt nhất của mùa hè 93

CHUNG TỬ LƯU - RANDY
MỸ HUYỀN 2

9842 Bolsa Ave., Ste. 103
Westminster, CA 92683
(714) 531-8119

THẾ KỶ 21

THỜI SỰ • KHOA HỌC • VĂN NGHỆ

P.O. BOX 2054-H39
Westminster, CA 92684
Đ.T: (714) 894-9021
Fax: (714) 894-2752

Chủ Nhiệm:
Lê Đình Điểu

Chủ Bút:
Vương Hữu Bột

Tổng Thư Ký
Nguyễn Xuân Hoàng

• *Giá báo dài hạn:* Bulk Rate trong nước Mỹ: 6 số US$ 15; 12 số US$ 28; 24 số US$ 54, First class trong nước Mỹ 6 số US$ 22; 12 số US$ 42; 24 số US$ 82. Canada: 6 số US$ 23; 12 số US$44; 24 số US$ 86. Các nơi khác: *Âu Châu;* 6 số US$ 32; 12 số US$ 62; 24 số US$ 122; *Á, Úc, Phi:* 6 số US$ 37; 12 số US$ 72; 24 số US$ 142. Gửi phiếu hoặc thư đặt mua báo về P.O.Box 2228-260, Westminster, CA 92683. Đ.T: (714) 894-9021 FAX (714) 894-2752. *Quảng cáo:* Liên lạc địa chỉ nêu trên. Cước phí bulk rate trong nước Mỹ trả tại Santa Ana, California. In tại nhà in riêng Los Angeles, California. *Bài vở:* Gửi cho *THẾ KỶ 21* xin viết trên một mặt giấy; các nhân danh/địa danh xin viết bằng chữ in hoa. Nếu gửi cho nhiều báo xin ghi chú trong bài, để tòa soạn tùy nghi giải quyết. Bài không đăng không trả lại bản thảo. Tòa soạn dành quyền cắt bỏ hay thay đổi một số chữ, nếu cần. *Tiền nhuận bút:* Tùy theo thỏa thuận giữa tòa báo và tác giả. Bài của cộng tác viên và thân hữu đăng trên *THẾ KỶ 21* không nhất thiết phản ảnh quan điểm của tờ báo. Trích đăng bài *THẾ KỶ 21* phải có sự đồng ý của tòa báo và đề rõ xuất xứ.

ISSN 1056-4640

THƯ TÒA SOẠN

Mùa hè đang tới. Trên đất Mỹ, nhất là ở California thời tiết không thay đổi rõ nét giữa các mùa trong năm, mùa hè tới lặng lẽ — không có tiếng ve kêu, không có phượng đỏ trên đường phố. Nhưng cũng rộn rã, vì những lễ ra trường, tuy không cùng một ngày, của các trường trung học và đại học. Rộn rã nhất là những lễ tốt nghiệp trung học, vì số lượng học sinh đông đảo, và những lễ lạc, tiệc tùng liên quan đến việc ra trường của lứa tuổi 17, 18, có nhiều nghi thức, nhiều phong thái, và không phải không tốn tiền!

Trong lúc đó, biến cố chính trị có tầm cỡ quốc tế đã diễn ra và còn đang được nói tới là cuộc bầu cử dân chủ ở Campuchia. Giải pháp để ổn định tình hình và đưa nước Campuchia vào một tương quan địa lý, chính trị, kinh tế thế giới mới, hẳn sẽ có ảnh hưởng vào việc đi tìm những đáp số cho bài toán Việt Nam. Trong nước, các vụ xử án những người tranh đấu cho dân chủ, tự do như Đoàn Viết Hoạt, Trần Mạnh Quỳnh và các tu sĩ Phật giáo, không làm cao trào dân chủ đi xuống. Nhưng ngoài nước, những người không cộng sản cũng còn đang "thảo luận" về phương thức — và có lẽ sẽ có hai chứ không phải một hướng chính: những người chống cộng cực đoan không chấp nhận đối thoại, hoặc ngay cả đối lập, với người cộng sản, nên chỉ có thể chống cộng từ xa và không có hiệu quả; những người chống cộng với cứu cánh là ấm no cho dân tộc thì cùng một lúc phải đương đầu với "ba mũi giáp công" — một là dân trí chưa được cao, hai là cộng sản còn độc tài toàn trị, và ba là bị những người cực đoan chụp cho cái mũ "thân cộng."

Đã hơn một lần tạp chí Thế Kỷ 21 xác định đường lối của mình là một phương tiện truyền thông độc lập: tranh đấu cho dân chủ tự do — đương nhiên không chấp nhận độc tài, dù đó là độc tài đỏ (cộng sản) hay độc tài trắng (quốc gia cực đoan); nâng cao dân trí bằng cách cung ứng những thông tin một cách khách quan, trung thực và đầy đủ.

Trong chiều hướng đáp ứng những nhu cầu về thông tin đa dạng của nhiều thành phần độc giả khác nhau của tờ báo, Thế Kỷ 21 sẽ có thêm nhiều mục mới, và sẽ có những "phụ bản" chuyên đề, bằng tiếng Việt hoặc bằng tiếng Anh, ra không định kỳ hoặc mỗi tam cá nguyệt. Mục "Tin Sách" sẽ có "phụ bản" đầu tiên vào tháng Mười 1993. "Phụ bản" bằng tiếng Anh, gồm những bài nghiên cứu, phân tích các vấn đề Việt Nam, và các sáng tác văn thơ của các tác giả Việt Nam, có thể cũng sẽ ra mắt vào tháng Mười hoặc sớm hơn.

Số này, toà soạn mở mục mới và kêu gọi quý độc giả, văn hữu cùng góp sức thực hiện: "Trò chuyện với nhau." Mỗi kỳ báo chúng ta sẽ "trò chuyện" với một người. Người đầu tiên được mời là Kiều Chinh, nữ tài tử điện ảnh vừa được Hollywood mời đóng vai chính trong phim "Hội Mà Chược" phỏng theo tiểu thuyết "Joy Luck Club" của nhà văn Amy Tan. Xin quý vị gửi câu hỏi về, và đề nghị người được mời "trò chuyện" cho các số tới.

Thân chào và chúc vui.

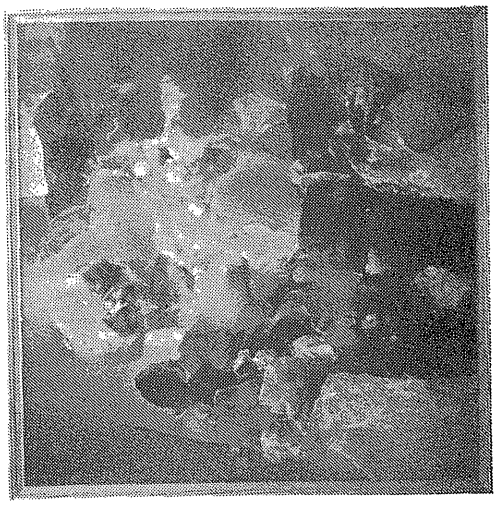

Bìa: *Tranh của Lâm Triết*
Trình bày bìa: *Nguyễn Đồng và Nguyễn Thị Hợp*
Hí họa: *Hiếu, Vẹt*
Minh họa: *Đinh Cường, Lâm Triết*
Ảnh: *Lý Kiến Trúc*
Kỹ thuật: *Thanh Diễm*

MỤC LỤC

Số 51 * Tháng Bẩy 1993

Phần Anh ngữ (English Section)

Voices: To lift or not to lift embargo over Vietnam? by **Thai Strom**, 45 * Books briefly noted, by NGUYEN KY PHONG, 47 * Letters, 48 * Vietnamese Lexicography, by NGUYỄN DINH HOA, 49 * Poetry: the Dragonfly's landing touch, by DUY LAM, 51.

Phần Việt ngữ

Thư Chủ nhiệm, LÊ ĐÌNH ĐIỂU, 2 * Bạn đọc viết, 4 * Tòa soạn và bạn đọc, 5 * Bất thành vô vật,..., TÔN THẤT THIỆN, 7 * Trò chuyện với nhau, 8 * Nhận định: Theo dõi văn kiện ký kết "nhà pháp luật Việt Pháp" tại Hà Nội, PHẠM TRỌNG CHÁNH, 9 * Tài liệu về việc ký kết..., 11 * Phỏng vấn: Hội nghị thế giới về nhân quyền tại Vienne, TRẦN THANH HIỆP, 12 * Thiên An Môn, Chuyện Bên Lề, ĐÔNG NHÂN, 14 * Chút cảm nghĩ về triết tây, triết ta, LƯU VĂN VỊNH, 19 * Âm nhạc: Tiếng chuông nhà thờ tiễn đưa Nguyễn Xuân Khoát về chốn thiên đường, PHẠM DUY, 21 * Tưởng nhớ anh Nguyễn Xuân Khoát, TRẦN VĂN KHÊ, 23 * Tiếng vọng: Cái chết thê thảm..., NGUYỄN VŨ, 25; Nghĩ gì? Viết gì? Làm gì?, NGUYỄN SƠN ĐAN, 26; Ba biến sốcủa một phương trình, HOÀNG ĐỐNG, 27 * Nghệ thuật tạo hình: Vươn lên từ thầm lặng, MARIA KUBAISKA, 28 * Chuyện phiếm: Chuyện đời, BÁC TÊ, 30 * Du lịch: Xứ sương mù, HÀ KỲ LAM, 33 * Khoa học: Tìm bạn trong vũ trụ, SƠN ĐIỀN NGUYỄN VIẾT KHÁNH, 36 * Chữ và nghĩa: Nàng hay làng?, TRẦN NINH HỒ, NGUYỄN HÀ TRUNG, 39 * Khoa học: Siêu vi điện toán, NGUYỄN XUÂN QUANG, 58 * Văn chương quốc tế: Rượu thơ và tình yêu, PHẠM TRỌNG LỆ, 62 * Vội vàng, VÕ PHIẾN & NGUYỄN XUÂN HOÀNG, 64 * Nhật ký của Mỵ Nương, NHUNG UYÊN, 67 * Cầu vồng bảy sắc, TRẦN MỘNG TÚ, 76 * Còn Xuân, hoa lại nở, LỘNG GIẢ, 78 * Buổi sáng mùa xuân nghe quạ kêu, THANH NGUYỄN, 80 * Khuyên bạn vừa bị vợ bỏ, MINH HÂN, 82 * Chiều qua Phú An Hòa, NGUYỄN TẤN HƯNG, 84 * Tiên say, HỒ ĐẮC VŨ, 86 * Biên khảo văn học của Võ Phiến, THẾ UYÊN, 90 * Đường đi San Jose, TRẦN HỒNG CHÂU, 91 * Chữ tôi trong hồi ký Hồ Dzếnh..., HOÀNG KHỞI PHONG, 93 * Những bước nghìn xưa, KIÊM THÊM, 93 - Sách báo trong tháng, NGUYỄN NAM ANH, 95.

BẠN ĐỌC VIẾT

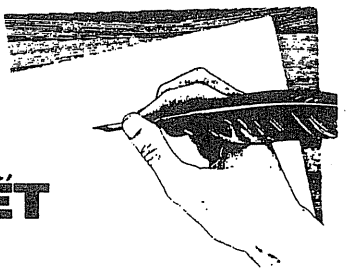

Mục lục chỉ dẫn

Lúc trước, thỉnh thoảng TK21 có làm bảng liệt kê các bài đã đăng, theo thứ tự ABC. Lâu không thấy xuất hiện. Nên tiếp tục, vì rất tiện ích, nhưng tôi đề nghị xếp bài theo đề mục (subjects), để độc giả cần tìm tài liệu, về Âm nhạc, hay Văn chương đối kháng, chẳng hạn, chắc nhanh và tiện hơn. (...)

Lư Hồng Phượng
Richmond, Úc

Cám ơn cô đã nhắc nhở, tòa soạn rất vui vì được độc giả góp ý, nhưng cũng rất...ngượng vì có những việc đáng lẽ phải làm mà không làm, hoặc chưa làm! Sẽ cố gắng. Việc mua sách cô nhờ cũng không có gì trở ngại. TK21 vẫn thường xuyên nhận mua dùm bạn đọc các nơi xa các văn hoá phẩm như sách, báo, băng nhạc, v.v... Có độc giả còn nhờ mua cả hồng ròn, rượu vang nữa! Mai mốt chắc tòa báo TK21 trở thành một "hợp tác xã tiêu thụ" có tầm hoạt động toàn cầu?! Chúc vui.

Thơ trên Thế Kỷ 21

Cũng như đa số các bạn khác, tôi rất vui mừng nhận thấy TK21 càng ngày càng khởi sắc. Là một người yêu thơ, tôi có thêm cái sung sướng thấy TK21 dành một vị trí trang trọng cho thơ. Tôi có nhiều điểm tâm đắc với K.B. trong phần bàn về thơ nơi mục Tiếng Vọng. Theo tôi, cảm quan về thơ mỗi người mỗi khác. Thời cuộc lại chưa thuận tiện để có những tranh luận về thơ. Do đó tôi đề nghị TK21 chọn đăng thơ thuộc nhiều khuynh hướng khác nhau thay vì theo sự quen biết. Nếu may mắn có độc giả góp ý về thơ này, thơ khác thì sẽ tạo thêm hào hứng cho việc thưởng thức thơ trên TK21.

Trương Toàn
San Diego, CA

TK21 thực sự đã giới thiệu được nhiều tiếng thơ mới. Nếu có những bài không làm một số độc giả hài lòng thì lại gợi hứng cho một số độc giả khác. Trên đường đi tìm cái mới, ta có thể gặp những trân châu giữa những hòn sỏi. Xin các bạn tiếp tục gửi thơ về TK21.

Lập "Văn đàn Nguyễn Du"

Chúng tôi muốn gợi ý quý ông đứng ra lập một tổ chức, tạm gọi là Văn đàn Nguyễn Du, hoặc Tao đàn Nguyễn Du, hoặc Câu lạc bộ, v.v... Tổ chức này có thể thu hút được rộng rãi các giới, già trẻ, nam nữ, không bàn chuyện chính trị, chỉ có mục đích bảo tồn tiếng Việt Nam, mở lớp dạy cho các thanh thiếu niên ra đời tại xứ người học, đọc, viết tiếng Việt Nam. (...) Dân tộc chúng ta đã hãnh diện có được một kiệt tác phẩm là Truyện Kiều do đại văn hào Nguyễn Du để lại. Chúng ta đặt tên cho tổ chức là Nguyễn Du để tỏ lòng tri ân. Từ xưa ở Hà Nội, dưới thời Pháp thuộc, Hội Khai Trí Tiến Đức vẫn tổ chức kỷ niệm Nguyễn Du vào ngày 10 tháng Tám âm lịch. Nay ta cũng chuẩn bị tổ chức một lễ kỷ niệm, rồi nhân đó, mở những cuộc thi (như Tập Kiều chẳng hạn). Sau đó, hình thành một ban Quản trị Văn đàn Nguyễn Du, cấp giải thưởng hoặc học bổng cho những người có những công trình nghiên cứu về văn hóa Việt Nam.

Tiến Minh
California

TK21 hoan nghênh ý kiến của cụ Tiến Minh, và mong các tổ chức đã và đang lo cho vấn đề văn hóa này nghiên cứu đề nghị của cụ. Đó là Hội Cựu Giáo Chức Việt Nam Hải Ngoại, các Trung Tâm Việt Ngữ, Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ, các trung tâm Văn Bút, v.v...

Độc giả mới mà...cũ

Tôi mới trở thành độc giả dài hạn của quý báo gần đây, nhưng đã "làm quen" với những người chủ trương tờ báo (như Nguyễn Xuân Hoàng, Vương Hữu Bột, Lê Đình Điểu) qua tờ *Người Việt* từ những ngày còn ở trên đảo (Pulao Bidong, 1989). Thời gian này nhà văn Nguyễn Bá Trạc là tham vấn của ban Quản trị trại. Ông nhận được báo *Người Việt* là đem dán lên Bulletin Board, đáp ứng nhu cầu cần đọc của 7,000 người trên đảo. Tôi còn nhớ, tờ báo Xuân *NV* 1988 đã làm tôi phải bỏ một ngày không đi lãnh thực phẩm để ngồi trong thư viện của đảo đọc cho xong còn chuyền cho người khác. Xin cho tôi gửi lời thăm tới quý vị trong báo *Người Việt* và *Thế Kỷ 21*. Chúc quý vị có nhiều sức khỏe để giữ cho tờ *TK21* được vững mạnh. Mong rằng có một ngày *TK21* và *Người Việt* sẽ được phục vụ độc giả quốc nội trong một chế độ dân chủ không cộng sản tại đất nước thân yêu chủa chúng ta.

Đàm Quang Trung
San Jose, CA

Cám ơn lời chúc của bạn. Xin cố gắng luôn luôn để không phụ lòng tin yêu của bạn đọc khắp nơi.

Nếu TK21 có 50,000 độc giả...

(...)Một suy nghĩ khác khi đọc thấy ước muốn của một độc giả: tờ báo là của 60 triệu đồng bào; đấy là ước muốn đúng đắn và cũng là kỳ vọng của hầu hết độc giả nhưng không nói ra. Vấn đề là làm sao để tờ báo trở thành tờ báo của 60 triệu đồng bào. Sẽ có rất nhiều trở ngại: trước tiên, dân ta quá nghèo, mải lo cơm áo; dân trí quá thấp sau mấy mươi năm bị

thực dân rồi cộng sản cai trị; khả năng có hạn của tòa soạn... (...)Nếu tờ TK21 có được 50,000 độc giả... thôi cứ tạm mong ước được 10,000, chắc quý báo sẽ làm được nhiều chuyện tốt đẹp cho dân tộc.

Đặng Thu
(Australia)

Bạn nói đúng. Cám ơn bạn đã có những ước mong lớn lao cho tờ báo của chúng ta. Hình như mọi việc lớn đều bắt nguồn từ các ước mơ lớn. Nêu ra các ước mơ như thế, chính bạn đã chắp cánh cho hoài bão của chúng tôi cũng như của nhiều bạn đọc thân mến khác. Điều bạn mong ước cho TK21 có lẽ không khó thực hiện nếu mỗi độc giả hiện nay của TK21 giúp cho một việc "nhỏ" là giới thiệu với năm người bạn của mình để năm người bạn này trở thành độc giả TK21!

Cắt... cái gì?

Cho tôi được góp ý với một chi tiết mà ông Nguyễn Hữu Chung có nêu lên trong bài Chủ Thuyết của ông (TK21 số tháng 6, trang 12.) Ông Chung viết rằng tại Phi châu, nhiều người tin rằng phải cắt âm hộ phụ nữ để những người này được lên thiên đàng.

Tôi nghĩ điều ông viết không đúng.

Không hề có chuyện "cắt âm hộ." Việc ông nói đến, tiếng Anh gọi là *female circumcision*. Âm hộ không thể cắt được.

Những trường hợp *circumcision* mà chúng ta thường nghe thấy phần nhiều là ở phái nam. Đó là việc cắt da bọc qui đầu của các em bé trai — thường được thực hiện ngay sau khi ra đời — mà nhiều người Mỹ bây giờ nghĩ là không cần thiết nữa (*the most unkindest cut.*) Đạo Do Thái cũng làm việc này, nhưng bây giờ chỉ tượng trưng bằng cách cầm một con dao, đặt nhẹ vào qui đầu đứa bé trong những nghi lễ tôn giáo.

Ở các bé gái tại một số nước Hồi giáo, trong đó, nhiều nhất vẫn là ở Phi châu, như ở Somalia, Nigeria... có tục cắt mòng đóc (*clitoris*) của các em vì theo những tập tục và tin tưởng xưa của những xã hội Hồi giáo này, người đàn bà không được cho phép có khoái cảm xác thịt. Theo những sự tin tưởng đó, khoái cảm xác thịt sẽ khiến cho người đàn bà bị cám dỗ và hư hỏng. Người phụ nữ chỉ có một nhiệm vụ duy nhất là truyền giống, đẻ con. Khoái cảm nhục dục bị cấm hẳn. Do đó, các em bé gái ở một tuổi nào đó, có thể là 2, có thể là 5 tuổi, các em bị đem đi cắt mòng đóc (*female circumcision*). Tục lệ này vẫn còn được ghi nhận ở các quốc gia kể trên. Tại một số các nước khác, mép âm hộ ở phía ngoài (*labia majora*) còn bị khâu lại và chỉ chừa một lỗ nhỏ để bài tiết.

Mới đây, ở Luân Đôn, Anh quốc, một người di dân gốc Nigeria đã bị bắt và truy tố ra tòa về tội *child abuse* vì cắt mòng đóc của con gái. Những người khác cẩn thận hơn, đưa con về tận nước để làm việc đó. Tại Phi châu, việc này thường được thực hiện với những phương tiện cổ xưa và thiếu văn minh nhất. Một con dao cùn, một lưỡi lam cũ, han rỉ, hay nhiều khi, chỉ là một mảnh vỏ chai thủy tinh. Rất nhiều nạn nhân bị nhiễm trùng uốn ván và chết.

Cắt xong mòng đóc (*clitoris*), âm hộ (*vulva*) vẫn còn nguyên, vì thế, nói "cắt âm hộ" là không đúng. Và lý do cắt mòng đóc để được lên thiên đàng cũng không đúng. □

Nguyễn Hà Trung
Woodbridge, Virgini

TÒA SOẠN VÀ BẠN ĐỌC

● Tòa báo đã nhận được phiếu đặt mua dài hạn hoặc phiếu gia hạn của quý vị và các bạn sau đây. Xin cám ơn rất nhiều, và mong được quý vị và các bạn cho tin tức, góp bài vở, ý kiến, giới thiệu thêm bạn đọc, v.v...:

Nguyễn Văn Vỹ (Richfield, MN), BS Lê Minh Châu (Arleta, CA), Trương Toàn (San Diego, CA), Lê Văn Hương (Los Angeles, CA), Trần Văn Khê (Vitry/Seine, Pháp), Lê Phương (Irving, TX), Hà Nhụ Tưởng (Elk Grove, CA), Hà Quốc Bảo (Richland, WA) (HNT tặng), Lưu Hữu Phúc (Pearland, TX), Hoàng Thanh Tâm (Saarbruecken, Đức), Trần Như (San Jose, CA), Nguyễn Văn Cường (Montréal, CND), Nguyễn Văn Can (Norcross, GA), Nguyễn Văn Khoa (Phoenix, AZ), Nguyễn Công Oanh (Hayward, CA), Uyên Jackson (Gardena, CA), Trịnh Hảo Tâm (Fontana, CA), Trần Văn Hương (Berkeley, CA, do LQA tặng), Trần Thanh (Orange, CA), Joseph Luan Nguyen (Garden Grove, CA), Vũ Văn Định (Westminster, CA), Vũ Xuân Rạng (Mont-Royal, CND), Tôn Thất Dũng (Alhambra, CA), Nguyễn Lan (Dale City, VA), Nguyễn Văn Hải (Oceanside, CA), Đỗ Kiến Thiết (Kladno, Czech), Bùi thị Hồng Phúc (Montreal, CND), Đặng Đông Mỹ (Saint Laurent, CND), Nguyễn Viết Thạnh (Monterey Park, CA), Đặng Thị Nhâm (Falls Church, VA), Nguyễn Minh Hương (Portland, OR).

● Nhắn tin chung về giá báo dài hạn: (1) giá mới áp dụng từ 1 tháng Bẩy 1993, nên các độc giả đặt mua hoặc gia hạn trước hoặc trong ngày 30 tháng Sáu vẫn hưởng giá cũ. Vị nào gửi tiền trả theo giá mới chúng tôi tự động tăng số báo lên cho đúng với số tiền. (2) Về giảm giá theo mức độ dài hạn (sáu tháng 15%, một năm 20%, hai năm 25%, v.v...) chúng tôi tính trên căn bản của giá báo, sau đó mới cộng thêm cước phí. (3) Tất cả giá biểu đều tính bằng USD (Mỹ kim), vì hối suất ngoại tệ thay đổi hàng ngày. Trân trọng.

● **Vũ Nam** (*Brooklyn, NY*): Đã nhận được. Sẽ có thư riêng. Cám ơn nhiều.

● **Phu Bui** (*Berkeley, CA*): Nhận được bài "Tự do tôn giáo..." hơi trễ nên có lẽ sẽ trích đăng phần tiếng Anh thôi. Nếu có bài khác thì tốt hơn. Thân ái.

● **Xuân Sương** *(Paris, Pháp)*: Chúng tôi an tâm khi biết thùng báo đã tới nơi. Vẫn để ý kiếm các số thiếu, khi nào tìm ra sẽ gửi ngay để đủ bộ. Cám ơn những thư "info," rất hữu ích và khích lệ. Thân chào.

● **Phạm Trọng Chánh** *(Paris, Pháp)*: Xin nhận lỗi về việc để sót nhiều chữ sai trong số báo vừa qua. Mặt khác cũng xin anh và các bạn gửi cho bản thảo viết rõ — đánh máy tốt hơn viết tay. Nếu các bạn dùng điện toán, xin gửi cho cái đĩa là tiện nhất. Có thể dùng đĩa 5.00 hoặc 3.50, VNI, VNL, VPS. Nếu các bạn có modem, xin cho code, tòa soạn sẽ lấy bài qua máy. Thân ái.

● **Lê Thành Ý** *(Australia)*: Ý của Ý thật là hết ý. Thực hiên ngay, mà không cần phải đưa lên mục "Bạn đọc viết"! Mong nhận được những sáng tác mới cũng như những sáng kiến khác. Chúc vui.

● **Nguyễn Tấn Hưng** *(Winston-Salem, NC)*: Cám ơn đã gửi cho sách của HTA. Có giới thiệu trong mục SBTT. Bài thơ sẽ đi khi thuận tiện. Cả truyện ngắn gửi trước cũng vậy. Mong bạn không sốt ruột! Thân ái.

● **Đoàn Văn Triêm** *(Stockton, CA)*: Thư và chi phiếu ký tên người khác, như vậy chắc là một thân hữu của ông tặng báo đấy. Mong ông hài lòng với tờ báo và giới thiệu với bạn bè. Kính.

● **Lê Dũng Dân** *(Los Angeles, CA)*: Biết anh rất bận với hai ba cơ sở mà vẫn quan tâm giúp đỡ, thành thật cám ơn. Chúc vui.

● **Triều Hoa Đại** *(Middleburg, FL)*: Cám ơn về lời cám ơn. Gợi ý của anh về việc phổ biến TK21 ở Florida rất hay. Sẽ bàn kỹ, và thế nào cũng xin anh giúp cho một tay nhé. Thân ái.

● **Phùng Quốc Tường** *(Maryland)*: Đã nhận được thư. Đã từng có cảm giác "lạc lõng" khi mới sang, nên phải gửi ngay báo cho bạn, để báo thay người cùng bạn tâm sự. Bình tĩnh nhé. Rồi sẽ ổn định như bao người khác thôi. Chúc vui.

● **Hạ Hồng** *(Tampa, FL)*: Cám ơn anh chị và anh chị Viên. Đề nghị của anh chị về những bài tiếng Anh, chúng tôi cũng rất quan tâm, và hy vọng có thể thực hiện được trong một ngày gần đây.

● **Martha Nguyen** *(Orlando, FL)*: Độc giả Nguyễn Hà trong số trước cũng có yêu cầu tương tự, nhưng tác giả DNN đã cho biết tập truyện tiếng Anh hiện do một nhà xuất bản Mỹ duyệt, chờ in, không được phổ biến trước. Chúng ta đành chờ vậy.

● **Nhung Uyên** *(Houston, TX)*: Truyện hơi dài, định đi hai kỳ, nhưng để xem số trang ra sao. Đã nhận được copy thư gửi NDH, có thêm "footnote" về việc in sách. Sẽ có thư riêng để bàn chi tiết, nhưng đại khái câu trả lời là "có chứ!"

● **Tăng Fước** *(Berlin, Đức)*: Đã nhận được thư "kết toán" tới số 47. Đồng ý về việc thanh toán qua đại diện ở Dortmund. Với số phát hành ở mức hiện nay, có lẽ chúng ta phải giảm bớt số báo gửi mỗi tháng để đỡ cước phí chăng? Mong tin.

● **Giang Kim Trường** *(Los Angeles, CA)*: Bài thơ "Thượng Đế" không đi được. Xin ông cho bài khác, nếu có. Cám ơn ông và chúc ông vui.

● **Phượng Hoàng** *(Windsor, CT)*: Được anh ĐQT giới thiệu nên mới gửi báo, nay lại được "yểm trợ" như thế thì còn gì quý bằng. Đa tạ. Mong nhận được những bài ngắn ngắn, vui vui. Thân chào.

● **Adams Thuong** *(Fayetteville, NC)*: Cám ơn những lời ngợi khen nồng nhiệt đó. Mong ngày ổn định chỗ ở mới sớm đến để báo lại tiếp tục về nhà. Kính chào.

● **Võ Đông Pha** *(Vancouver, CND)*: Cám ơn ông đã góp bài tiếng Anh. Sắp có "Phụ bản" tiếng Anh dầy 60 trang, mong có bài của ông trong đó. Chúc vui.

● **Trần Quang Hải** *(Limeil Brevannes, Pháp)*: Đã có thư riêng. Cám ơn anh gửi cho đĩa CD đàn tranh. Sẽ nhờ "chuyên viên" nghe và góp ý. Phụ trang tiếng Pháp chưa làm được vì số phát hành ở Pháp còn ít. Mong tin luôn. Thân chào.

● **Nguyễn Nguyên Thanh** *(Berlin, Đức)*: Đọc tin đó thấy nổi da gà! Mong nhận được thêm những sáng tác của bạn và các bạn Đông Âu. Thân ái.

● **Thái Tuấn** *(St Mesmin, Pháp)*: Đã nhận được ảnh chụp mấy bức tranh mới. Hình như anh chuyển từ xanh sang nâu rồi? Xin anh cố thu xếp để từ Canada có thể qua Cali chơi một chuyến nhé. Thăm và chúc vui.

● **Quan Dinh** *(Gambia)*: Bài trong đĩa bị mất đoạn đầu! Cho cái đĩa khác đi. Mong tin. Thân.

● **Lê Mạnh Hùng** *(Erith Kent, Anh)*: Nhận được đĩa rồi, sẽ đăng dần. Cám ơn anh và gửi lời thăm chị Hương. Có dịp qua đây xin mời tới chơi. Chúc vui luôn.

● **Đỗ Phan Hạnh** *(Montréal, CND)*: Đã nhận được gói báo CVA và đã bị "vồ" hết ngay rồi! Hè này gặp sẽ bàn tiếp chuyện bữa trước. Thân ái.

● **Nguyễn Văn Chức** *(Houston, TX)*: Cám ơn ông đã gửi cho bài diễn văn. Bài này đã đăng trên nhật báo Người Việt. Rất đồng ý với nhận định của ông: "Từ 50 năm nay, chưa bao giờ CSVN chia rẽ, lo sợ, hốt hoảng, suy yếu, hèn hạ và bị khinh bỉ như bây giờ." Nhưng chúng tôi lại không đồng ý với câu tiếp theo: "Và chưa bao giờ chúng ta mạnh như bây giờ." Và câu kết, có lẽ nên viết là "Dân tộc Việt Nam (chứ không phải chúng ta) sẽ thắng."

● **Gia Du** *(Cabramatta, Úc)*: Như đã nói trong thư gửi anh cách đây nửa năm, cước phí bưu điện quá cao, không thể gửi bằng máy bay được. Mà tầu thuỷ thì anh thấy đấy, báo đi mất một tháng, có khi hai tháng. Có cách gì không? Mong tin. □

The Company You Keep®

NEW YORK LIFE

Ngô Văn Trình

17330 Brookhurst Street, #330
Fountain Valley, CA 92708
Bus. 714-962-4440 Ext. 12
Fax: 714-964-0545
Pager: 714-291-239-9223
● BẢO HIỂM NHÂN THỌ
Đại diện chính thức cho New York Life
● BẢO HIỂM SỨC KHOẺ
Cá nhân, Gia đình và Nhóm
Đại diện nhiều hãng Bảo Hiểm uy tín

BẤT THÀNH VÔ VẬT DỤC TỐC BẤT ĐẠT

TÔN THẤT THIỆN

Trong thời gian gần đây chúng ta được nghe ông Nguyễn Văn Thiệu lên tiếng kêu gọi hòa giải dân tộc. Qua một tờ báo Hoa Kỳ ở San Jose, tiểu bang California, ông Thiệu tuyên bố sẵn sàng hội đàm vô điều kiện với những người cầm quyền cộng sản để bàn về vấn đề đó. Ông chỉ cần họ "thành khẩn" mời ông.

Thoạt tiên tôi cũng khá ngạc nhiên, và tự hỏi vì lý do nào mà ông Thiệu hành động như thế. Ông là người mà, sau 1963, được chính quyền Hoa Kỳ coi là xứng đáng hơn cả để lãnh đạo cuộc chiến tranh chống Hà Nội vì ông ấy là người quyết tâm chống cộng "đến cùng", và trong cuộc hội đàm Paris những năm 1968-1973 ông đã tỏ ra hết sức cứng rắn, nhất quyết không chấp nhận giải pháp hòa giải hòa hợp dân tộc. Ông cũng là người đã từng khuyên dân đừng tin những gì cộng sản nói, chỉ nên tin những gì cộng sản làm.

Tôi nghĩ rằng ông Thiệu hành động như thế chắc vì có những dữ kiện làm cho ông tin rằng hoặc là ông lại là người của thời cuộc, hoặc có những người Hoa Kỳ nào đó đã thuyết phục ông lúc này giải pháp hòa hợp dân tộc là giải pháp "nên đưa ra" vì bên kia, n.l. ban lãnh đạo sẵn sàng chấp nhận như thế.

Tôi hết ngạc nhiên khi những tin tức tôi nhận được sau đó xác nhận là những điều tôi đoán không hoàn toàn sai. Tuần vừa qua tôi nhận được một bài báo từ Singapore kể rằng khi được hỏi tại sao ông lại có hành vi như vậy, ông Thiệu trả lời rằng ông biết rằng có những người trong ban lãnh đạo cộng sản Hà Nội sẵn sàng chấp nhận giải pháp đó, và ông được biết như vậy "qua người trung gian."

Ông Thiệu không nói "trung gian" này là ai, nhưng tôi được biết có một số người Mỹ, vì "thương Việt Nam" (???) muốn thấy tình trạng bi thảm của dân Việt Nam chấm dứt, hay vì nhu cầu "làm ăn," muốn thấy sớm có một sự "ổn định" ở Việt Nam, vì có ổn định họ mới làm ăn được. Những người này làm cho những công ty Mỹ muốn "nhảo dô" Việt Nam gấp để chen chưn với công ty các nước khác — Tàu, Nhựt, Pháp, Úc v.v... — đã xé rào. Họ chạy đi chạy về Việt Nam nhiều lần, và khi về họ đi tìm chính khách Việt Nam, và "tiết lộ" rằng họ "đã gặp" ông lớn cộng sản này, ông lớn cộng sản nọ, và mấy ông lớn cộng sản đó nhờ họ nhắn lại với ông chính khách này, ông chính khách nọ phía quốc gia cho biết rằng họ sẵn sàng hòa giải và họ muốn biết mấy ông này muốn gì. Và mấy ông Hoa Kỳ đầy thiện chí này lại thúc: "Các ông hãy tập hợp lại thành một đoàn thể lớn để có tiếng nói mạnh mà điều đình với chính quyền cộng sản."

Trong khi đó thì chính mấy ông lãnh đạo chóp bu cộng sản cũng có lên tiếng về vấn đề hòa giải dân tộc. Ví dụ, tại hội nghị Việt kiều ở Hà Nội hồi tháng 2 năm nay những người Việt hải ngoại được mời tham dự đã được nghe các ông Võ Văn Kiệt và Đỗ Mười kêu gọi "xó bỏ hận thù," vượt trên các sự khác biệt "kể cả khác biệt về chính kiến" để thực hiện hòa giải hòa hợp dân tộc. Ngoài ra, nhóm lãnh đạo ĐCSVN cũng cho người đi thuyết phục người Việt hải ngoại là ở trong xứ "đã có những thay đổi rất lớn" và họ nên "về một chuyến xem cho biết," hoặc ở Việt Nam "nay hết cộng sản rồi" và "nên về góp phần xây dựng đất nước." Chính bản thân tôi cũng được tiếp cận và "mời" như vậy.

Trên đây là những điều cộng sản nói. Nhưng về phương diện làm thì sao? Chúng ta chỉ ghi nhận sự kiện.

Sự kiện 1 — Cương lĩnh hiện tại (Đại Hội VII), và Hiến Pháp hiện tại (tháng 12, 1992) của ĐCSVN hoàn toàn không thay đổi. ĐCSVN vẫn duy trì đường lối "tiến lên xã hội chủ nghĩa" Mác-Lê "trong sáng," n.l. kiểu bôn-sê-vích, chủ trương đấu tranh giai cấp, chuyên chế vô sản, ĐCS độc tài độc quyền và dùng bạo lực "cách mạng" thay vì dân chủ đa nguyên đa đảng làm phương pháp chính trị, vẫn từ chối quyền tư sản và thị trường tự do thực sự về kinh tế. Ai chủ trương ngược đường lối này, như các anh Đoàn Viết Hoạt và Phan Đăng Quế, thì sẽ bị kết án là "phản cách mạng" và lãnh án 20 năm tù.

Sự kiện 2 — Ông Lê Đức Anh, người nắm thực quyền Đảng và Chính phủ hiện nay không hề tuyên bố gì về hòa giải dân tộc, và lãnh đạo quân đội vẫn tiếp tục bám vào tư tưởng và ngôn ngữ của thời chiến tranh lạnh, tố giác mạnh dân chủ đa nguyên, quyết tâm thắng trong cuộc đấu tranh "ai thắng ai," và lên án "tụi phản động phản cách mạng ở ngoại quốc" liên kết với thế lực đế quốc muốn lợi dụng "diễn tiến hòa bình" để lật đổ chế độ chủ nghĩa xã hội.

Sự kiện 3 — Bà Hồ Thế Lan, phát ngôn viên chính thức của Bộ Ngoại Giao Hà Nội, n.l. đối với ngoại quốc cũng như Việt kiều

hải ngoại, đã tuyên bố là chính quyền Việt Nam không có gì để bàn với ông Thiệu cả vì ông ấy "không đại diện cho ai cả."

Những điều trên làm cho tôi hồi tưởng lại thời hòa đàm Paris, đặc biệt là những năm 1965-1968. Lúc đó rất nhiều chính khách quốc tế, trong đó có đại sứ, thủ tướng, ngay cả Tổng Thư Ký Liên Hiệp Quốc, tiếp cận và "tiết lộ" với chính phủ Hoa Kỳ rằng họ đã tiếp xúc với giới cầm quyền cao cấp Hà Nội và những giới này "cho biết" họ sẵn sàng hội nghị hòa bình với đại diện Tổng Thống Johnson. Nhưng đồng thời, ông Hồ chính thức tuyên bố là không có gì để điều đình với chính phủ Hoa Kỳ cả; chỉ cần Hoa Kỳ chấm dứt xâm lăng Việt Nam, rút hết quân khỏi Việt Nam, là hòa bình vãn hồi ngay và Miền Nam sẽ thành một quốc gia trung lập. Trong khi đó những người chống chiến tranh đều tin rằng chính quyền Hà Nội đầy thiện chí, muốn hòa bình, nhưng chính phủ Hoa Kỳ không chịu, và họ tăng cường áp lực đòi chính phủ Hoa Kỳ chấp nhận điều kiện của Hà Nội và rút quân khỏi Việt Nam vô điều kiện. Và có ngay cả một ứng cử viên Tổng Thống, như thượng nghị sĩ McGovern, đi xa đến mức công khai tuyên bố "sẵn sàng quỳ xuống" để xin Hà Nội ban cho Hoa Kỳ hòa bình!

Hiện nay, ban lãnh đạo ĐCSVN lại xử dụng "đỉnh cao" của "trí tuệ tập thể" và lại dở trò hòa bình hòa giải hòa hợp dân tộc, với mục đích lừa gạt những người nóng nảy, thiếu kiến thức chính trị, hay để cho tham vọng cá nhân làm cho mất sáng suốt.

Không ai chối cãi rằng quyền lợi và tương lai của xứ sở và dân tộc đòi hỏi hòa giải dân tộc để toàn dân có thể dồn hết tâm trí và sức lực vào công cuộc xây dựng lại và phát triển đất nước. Đó là một nhu cầu khẩn thiết và trọng đại của Việt Nam. Nhưng "hòa giải" không thành thực, kiểu thủ đoạn mánh lới của ban lãnh đạo ĐCSVN hiện nay chẳng đi đến đâu. **Bất thành vô vật!**

Đồng thời, trong một vấn đề lớn như vậy, phải biết người biết ta, cần hết sức dè dặt, thận trọng; nếu nóng nảy hấp tấp, mất bình tĩnh và mất sáng suốt, chấp nhận hòa giải và hòa hợp vô điều kiện với ĐCSVN, thì cũng chẳng đi đến đâu, chỉ là để cho cộng sản lừa gạt lợi dụng mình, và làm hại cho cuộc tranh đấu cho tự do, dân chủ, và phát triển kinh tế của dân tộc và xứ sở mà thôi. **Dục tốc bất đạt.**

Nhưng rủi thay, về phía cộng sản cũng như về phía quốc gia, nhiều người chủng nào vẫn tật ấy!■

Ottawa
10-6-93

TRÒ CHUYỆN VỚI NHAU

Bạn đọc thân mến,

Đọc xong một cuốn sách hay bài viết của một tác giả mà mình yêu thích, nghe xong một bài nhạc hay, đi xem một cuốn phim, một cuộc triển lãm tranh gây nhiều ấn tượng... có khi nào bạn bỗng thấy muốn biết:

- Tác giả ấy đã viết các tác phẩm của mình trong trường hợp nào, cảm hứng ra sao.
- Nghệ sĩ ấy đã diễn xuất trong tâm trạng nào.
- Họa sĩ ấy đã có rung động gì khi đưa nét cọ trên khung vải...

Tức là nói chung cái thế giới bí mật của sáng tạo nghệ thuật, mà đối với người thưởng ngoạn luôn luôn là một vùng xa lạ đầy quyến rũ.

Chúng ta thưởng ngoạn các tác phẩm nghệ thuật thường với thái độ thụ động. Văn thơ, phim ảnh, các bức tranh, các bài nhạc... đi vào ngõ đôi mắt và đôi tai, thấm vào tâm hồn ta, gây nên các rung động cảm ứng. Nếu thích thú, ta có thể xem lại, nghe lại để "thẩm thía" hơn. Nhớ lại khi còn ở ghế nhà trường, học giảng văn chúng ta được hướng dẫn tìm hiểu về tiểu sử tác giả, bối cảnh thời đại của tác giả v.v... với mục đích hiểu rõ hơn những gì tác giả ấy viết. Người soạn chương trình văn học hẳn biết rất rõ rằng học sinh phải đi vào tác phẩm một cách tích cực hơn. Ngoài việc đọc nó ra còn có nhiều con đường khác để tiếp cận, giúp hiểu tác phẩm thấu đáo hơn. Chúng ta bây giờ cũng vậy, tại sao không tìm hiểu các văn nghệ sĩ đương thời với chúng ta bằng cách... trò chuyện thẳng với họ? Nhưng làm sao mà "gặp gỡ" đây? Người tài thì đông mà ở bốn phương trời, dễ gì có dịp hàn huyên để thỏa bao nhiêu nỗi tò mò?

Tạp chí *Thế Kỷ 21* xin tự nguyện đứng tổ chức các "cuộc hẹn hò" đó cho độc giả, trên chính tờ báo của mình. Mỗi số chúng tôi sẽ báo trước cuộc gặp gỡ với một nhân vật -- nhạc sĩ, nhà văn, nhà thơ, tài tử, ca sĩ, họa sĩ, nhà nhiếp ảnh... -- cho số báo sau. Chúng tôi có trách nhiệm liên lạc xin sự thỏa thuận trước của nhân vật sẽ trò chuyện với độc giả. Khi thấy thông báo về một nhân vật nào, nếu độc giả muốn tham gia vào cuộc chuyện trò sẽ gửi thư về tòa báo, đặt câu hỏi về tất cả những khía cạnh nào mình muốn biết, như thân thế, sự nghiệp, quá trình sáng tác, đào luyện, sở thích, các kỷ niệm đáng ghi nhớ v.v..., tòa soạn sẽ chuyển lại để nhân vật ấy trả lời. Các câu hỏi có thể sẽ nhiều và trùng lặp nhau, tòa soạn sẽ phân loại và sắp xếp để sự trả lời dễ dàng và hợp lý. Các câu hỏi và thư trả lời sẽ xuất hiện trên *Thế Kỷ 21* số kế.

Vì là các câu hỏi đặt ra cho những người làm nghệ thuật, bản thân các câu hỏi có thể cũng có nhiều hơi hướng nghệ thuật. Mỗi tháng Tòa soạn sẽ xét chọn *câu hỏi hay nhất*, tác giả của nó sẽ nhận được một năm báo biếu để làm kỷ niệm.

Để mở đầu chương trình Trò Chuyện Với Nhau này, chúng tôi xin giới thiệu với các bạn độc giả: nghệ sĩ KIỀU CHINH.

Nghệ sĩ Kiều Chinh đang sẵn sàng trả lời thư của các bạn. Mời các bạn gửi ngay câu hỏi về Tòa Soạn chúng tôi, Kiều Chinh sẽ trả lời các bạn trên báo *Thế Kỷ 21* số 52. Chúng tôi tin rằng mục Trò Chuyện Với Nhau này đang có một mở đầu tốt, và sẽ kéo dài, ngày một thêm vui vẻ hào hứng và bổ ích.■

THEO DÕI VĂN KIỆN KÝ KẾT "NHÀ PHÁP LUẬT VIỆT-PHÁP" TẠI HÀ NỘI

PHẠM TRỌNG CHÁNH*

Những ký kết viện trợ Pháp Luật của chính phủ Pháp cho Việt Nam đang mở ra những triển vọng mới cho Việt Nam.

Từ một nước Luật Pháp được hành xử tùy tiện, bất thành văn, không pháp chế, không thư tịch lưu trữ, nay đang từng bước tiến đến một nền Pháp trị thành văn, có pháp chế văn khố, thư tịch, có hệ thống nhân sự cho một chế độ phân quyền tư pháp độc lập với hành pháp, lập pháp, với đảng phái chính trị, Việt Nam đang từng bước gia nhập vào cộng đồng nhân loại.

Được hỏi ý kiến về nhà Pháp Luật Việt-Pháp tại Việt Nam, Tiến Sĩ Cao Huy Thuần, Giáo Sư Chính Trị Học và Luật Khoa Đại Học Lille và Amiens, đã trả lời: "Từ một nước không có Pháp Luật nay trở thành nước có Pháp Luật là một điều đáng mừng cho dân tộc."

Luật Sư Nguyễn Gia Khánh, Tổng Thư Ký Hội Luật Gia Việt Nam tại hải ngoại, trong thư gửi Trưởng Đoàn Luật Sư tại Paris ngày 7-9-92, đã tán thành việc thành lập nhà Pháp Luật Việt-Pháp là một "ý tưởng tốt đẹp" và đặt Hội Luật Gia Việt Nam tại hải ngoại vào sự cộng tác tích cực trong việc hình thành nền tảng luật pháp Việt Nam.

Theo ông "người trách nhiệm của Nhà Pháp Luật phải là đại sứ của luật thành văn, có nhiệm vụ làm cho giới trẻ Việt Nam hiểu biết tầm quan trọng của luật thành văn."

Ông lưu ý, năm 1968 dưới chế độ VNCH, có một bộ Dân Luật là bản dịch bộ Dân Luật Napoléon với vài thay đổi thích nghi cho nhu cầu thời bấy giờ, có thể dùng để tham khảo cho việc hình thành các bộ luật hiện tại. (1)

Viện trợ Pháp Luật của Pháp cho Việt Nam đang đặt nền móng cho một nền tảng mới, từng bước hướng dẫn Việt Nam đến một nền dân chủ pháp trị, đó là then chốt vấn đề Việt Nam trong bước tiến gia nhập vào cộng đồng nhân loại và phát triển đất nước trước ngưỡng cửa thế kỷ 21.

Từ việc ký kết viện trợ Pháp Luật với nước Pháp, các tổ chức đối lập dân chủ Việt Nam cần ý thức rằng: Đó là một bước tiến quan trọng trong vấn đề hình thành dân chủ tại Việt Nam.

Dân chủ không hình thành bằng những cuộc biểu tình, nội loạn, bằng những lời tuyên bố, bằng một lãnh tụ, bằng lời hứa hẹn xuông mà là một cuộc đấu tranh thường trực liên tục:

- Đấu tranh cho một hệ thống phân quyền: hành pháp, lập pháp, tư pháp.
- Đấu tranh tách rời Đảng phái (đảng Cộng Sản) ra khỏi cơ cấu nhà nước (Hành pháp, lập pháp, tư pháp).
- Bỏ điều 4 Hiến Pháp, đặt đảng CS vào vòng Pháp Luật.
- Đấu tranh đặt quân đội, công an vào vòng kiểm soát Pháp Luật, đặt vào sự kiểm soát của Tổng Thống, dân cử hay Quốc Hội.

Không thể có dân chủ nếu không có đào tạo một hệ thống nhân viên ngành tư pháp, tòa án. Nếu không đấu tranh để đặt đảng CS vào khuôn phép của Luật Pháp dân chủ, thì dù đối lập Việt Nam có thắng được đảng CS, như lực lượng Hồi Giáo Cứu Thế ở Algérie thắng Mặt Trận Giải Phóng Algérie, đối lập vẫn có khả năng bị giải tán và bị đặt ngoài vòng Pháp Luật. Lòng dân và lá phiếu của toàn dân chưa hẳn có thể thắng được nếu Luật Rừng còn tồn tại. Trường hợp Algérie và Miến Điện là trường hợp cần suy nghĩ về một giải pháp chính trị cho Việt Nam tương lai.

Trong cuộc chiến tranh lạnh, những cuộc chạy đua vũ trang nguyên tử, chiến tranh tinh cầu chỉ đi đến bế tắc, hàng vạn tỉ đô la bỏ ra để sản xuất những vũ khí diệt chủng tiêu diệt toàn địa cầu 15 lần để rồi hủy bỏ một cách vô lý. Những cuộc chiến tranh Triều Tiên, Việt Nam hy sinh hàng triệu sinh linh chỉ để đi đến những khủng hoảng xã hội, suy kiệt tinh thần hàng chục năm vô ích.

Nhưng những đối thoại ngoại giao đã đi đến kết quả tốt đẹp. Những cuộc gặp gỡ giữa các Tổng Thống Mỹ, Tổng Bí Thư Liên Xô, của những sứ thần ngoại giao, những cuộc trao đổi các đoàn bóng bàn, đến trao đổi sinh viên du học, chuyên gia, đã đi đến những kết quả tốt đẹp.

Gorbachev, Boris Yeltsin, Đặng Tiểu Bình, Hồ Diệu Bang đã mở mắt từ những đối thoại gặp gỡ đó và chính họ đã thay đổi xã hội chứ không phải là một

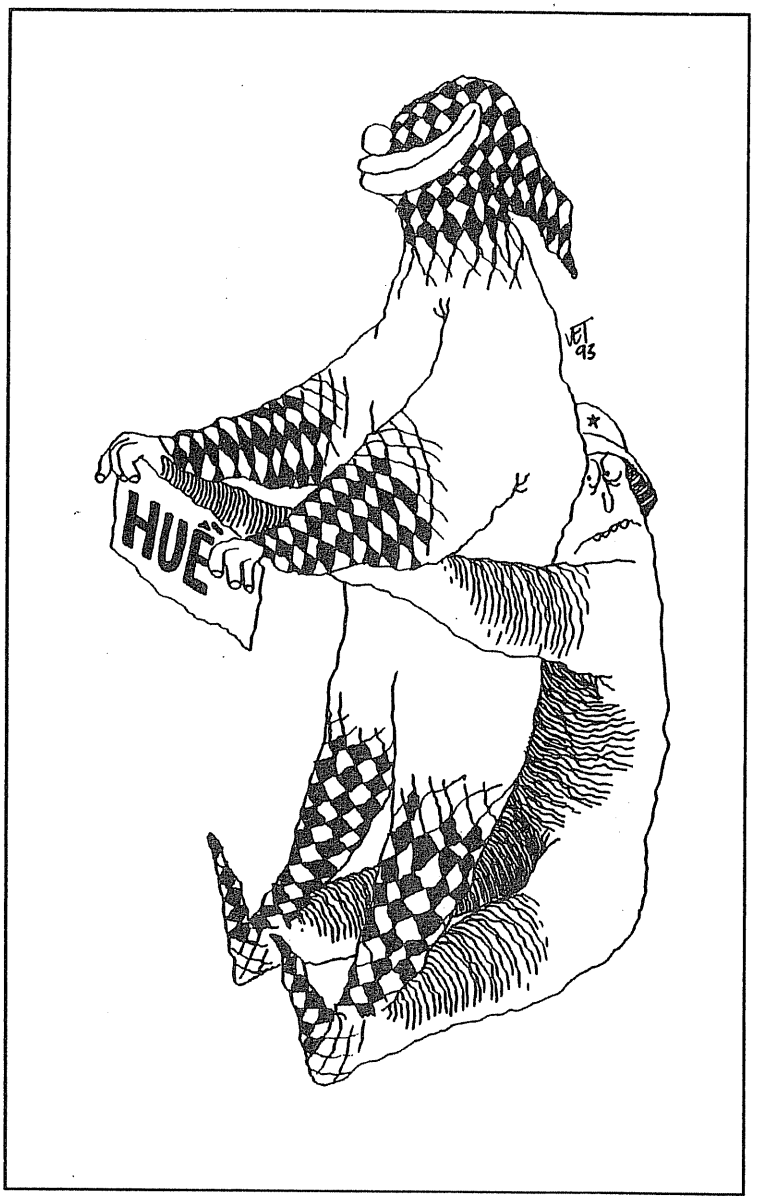

người Bạch Nga lưu vong, hay những người Trung Quốc lưu vong.

Trong tiến trình dân chủ Việt Nam, chúng ta cần phải nhanh chóng nhận thức những chuyên viên Luật Pháp, những sinh viên đang được gửi đi du học thực tập tại Pháp, những chuyên viên đang được nước Pháp hỗ trợ đào tạo tại Việt Nam, là những nhân tố tích cực sẽ thay đổi xã hội.

Phải hỗ trợ họ, giúp đỡ họ, đối thoại với họ. Họ là niềm hy vọng của dân chủ Việt Nam. Không nên có thái độ chống cộng mù quáng, chống cộng đến chiều đến tối, hay một thái độ "xét lý lịch" ngược chiều. Họ là người sẽ nâng cao đời sống Việt Nam và sẽ mở một triển vọng đi tản "chất xám" ngược chiều như Đài Loan, Nam Hàn, Thái Lan, Ấn Độ.

Tương lai Việt Nam không nằm ở đấu tranh bạo động cách mạng, mà bằng "cải cách dân chủ, nâng cao dân trí" — con đường của cụ Phan Chu Trinh đầu thế kỷ. Ngày trước, cụ Phan hô hào Chấn Hưng Phật Giáo làm nền tảng đạo lý dân tộc trước sự suy tàn của Nho Giáo, điều đó vẫn còn giá trị trước sự suy tàn của Mác xít tại Việt Nam. Sự phục hưng Phật Giáo miền Bắc, miền Nam, sự trở lại với gia tài văn hóa đạo đức dân tộc từ 2000 năm, trở lại những giá trị thiện ác, làm lành, không sát sanh, không trộm cắp, không nói dối, không lấy vợ, chồng người, không rượu chè, ma túy, ngũ giới của Phật Giáo là nền tảng hỗ trợ cho mọi đạo luật dân chủ dân tộc. Sẽ không có những trại học tập cho hàng triệu cán bộ đảng mà chỉ có sự trở lại tôn giáo cha ông của những người Cộng Sản. Một ý thức hệ lỗi thời sai lầm tự nó sẽ tan biến, như ngày xưa tổ tiên ta vất bỏ những ông thần Mưa, thần Sấm, thần Chớp để lập những ngôi chùa Pháp Vân, Pháp Vũ, Pháp Điện... Tinh thần bao dung của đạo Phật có thể mở ra những triển vọng mới cho dân tộc, giải quyết những mâu thuẫn dân tộc và tập hợp dân tộc đưa đất nước đến phát triển và hội nhập vào vùng Đông Nam Á mang nặng ảnh hưởng Phật Giáo.

Vụ án Đoàn Viết Hoạt, 20 năm tù, và được đem xử lại vào ngày 3-6, có vẻ như một phản ứng ngược chiều và lạc lõng của Đảng Cộng Sản. Hai khuynh hướng dân chủ và bảo thủ trong đảng còn đấu tranh quyết liệt. Vụ án vẫn còn được xét xử bởi một "thẩm phán" ít học, thi hành răm rắp theo chỉ thị giới bảo thủ.

Việt Nam cầu viện Pháp trợ giúp Pháp Luật. Tổng Thống Pháp vừa thăm viếng Việt Nam, Đoàn Viết Hoạt được nêu tên đầu tiên trong danh sách 20 người được TT Pháp can thiệp. Tổng Thống Pháp vừa quay lưng đi thì xử án ngay Đoàn Viết Hoạt 20 năm, chỉ vì những bản đánh máy chuyền tay "Diễn Đàn Tự Do" (đánh máy bảy bản), lại xét xử những can phạm chưa có hành động, chỉ có tư tưởng.

Đảng Cộng Sản Việt Nam đã làm trò cười cho thế giới, đồng thời cũng làm công việc tấn phong Đoàn Viết Hoạt trở thành lãnh tụ đối lập. Giữa phong trào Phật Giáo đang đi vào tụ điểm của dân tộc, của thời đại, Đoàn Viết Hoạt, một trí thức Phật tử, đã hội đủ các điều kiện để trở thành lãnh tụ và biểu tượng của dân chủ Việt Nam.■

(*) Tiến sĩ Kinh Tế Giáo Dục Đại Học Paris V Sorbonne.

(1) LS Nguyễn Gia Khánh, Lettre à Monsieur le Batonnier Ordre des Avocats de Paris, Le 7 Sept 1992.

TÀI LIỆU VỀ VIỆC KÝ KẾT VĂN KIỆN THÀNH LẬP 'NHÀ PHÁP LUẬT VIỆT PHÁP' TẠI HÀ NỘI

Trong chuyến viếng thăm Việt Nam của Tổng thống Pháp ngày 9-2-93 vừa qua, một số văn kiện đã được ký kết giữa Paris và Hà Nội, trong đó có văn kiện thành lập Nhà Pháp Luật Việt Pháp tại Hà Nội. Từ Paris, Tiến sĩ Phạm Trọng Chánh đã cung cấp cho Tòa soạn TK21 một số tài liệu về việc ký kết ấy:

Ngân sách của chính phủ Pháp viện trợ cho Bộ Tư Pháp Việt Nam là 100,000 đôla US (600,000 F).

Kể từ ngày 20 - 24/7/1992, chương trình hợp tác được điều hành bởi ông Pierre Bezard, Chủ tịch Phòng của Tòa Phá Án, và ông Georges Flecheux, Trưởng đoàn Luật sư Tòa Án Paris, với sự tham gia của L'Ecole Nationale de Magistrature, và L'Ecole Nationale des Greffes, cùng liên hệ với các Trường Đào Tào Luật khoa chuyên nghiệp.

Nhà Pháp Luật Việt Pháp được đặt tại Trường Đại học Pháp Lý Hà Nội, đại lộ Quang Trung gồm một thư viện, một phòng thính giảng và văn phòng nhân viên. Ngoài ra các phòng học khác của trường Luật hay Bộ Tư Pháp cũng sẽ được sử dụng khi cần đến. Nước Pháp phụ trách việc trang bị hệ thống tin học cho các phòng này.

Mục tiêu Nhà Luật Pháp nhắm đến: (Art. 4)

- Tập họp, với sự hỗ trợ của hệ thống tin học, tất cả các tài liệu thư tịch liên quan đến Luật nước Pháp và Việt Nam để tất cả Luật gia có thể đến nghiên cứu.

- Tập họp thư tịch, tin tức liên quan đến việc hợp tác Pháp luật Pháp Việt.

- Tổ chức các khóa thuyết giảng thảo luận trong lãnh vực Luật Pháp.

- Theo dõi, hướng dẫn và trợ giúp việc trao đổi du học các luật gia tại hai nước.

- Trợ giúp việc hợp tác đại học và phát triển nghiên cứu trong lãnh vực pháp luật.

Nhà Luật Pháp tiến hành các công việc sau: (Art. 5)

- Giảng dạy Luật Pháp nước Pháp theo một chương trình thỏa thuận của đôi bên.

Người theo học gồm những người đã tốt nghiệp đại học Luật hay có kinh nghiệm nghề nghiệp trên lãnh vực Luật Pháp.

Nhà Pháp Luật cũng mở cửa cho sinh viên năm cuối cùng Trường Đại học Pháp Lý Hà Nội, trường Bang Giao Quốc Tế, và cán bộ viên Quốc Gia Hành Chánh, Viện Luật Học và Nhà Nước.

- Việc giảng dạy danh từ Luật học tiếng Pháp được tiến hành thường xuyên vào tháng 7, 8.

- Chuẩn bị trình độ Pháp văn các sinh viên Việt Nam được gửi sang pháp du học tại Viện Quốc Tế Hành Chánh, Viện Quốc Tế Luật Phát Triển, các trường Quốc Gia Hành Chánh, trường Quốc Gia Thẩm Phán, các trung tâm đào tạo Luật sư, Chưởng Khế, các văn phòng thực tập Luật sư, Chưởng Khế, các trường Đại học, hay các Viện Hành Chánh.

- Tổ chức thường xuyên các buổi thuyết trình hội thảo theo chương trình sẽ được thảo luận. Nhà Pháp Luật còn ấn hành bằng hai sinh ngữ Pháp Việt các tài liệu cần thiết cho các khóa học, các phương tiện thính thị, và phương tiện dịch thuật.

Tổ chức nhà Luật Pháp Việt gồm một Hội đồng hướng dẫn, một Giám Đốc và Phó Giám Đốc.

Hội Đồng hướng dẫn phía Việt Nam gồm Bộ trưởng Bộ Tư Pháp hay đại diện, Chánh Án Tòa Thượng Thẩm Nhân Dân, Hiệu trưởng Trường Đại học Luật, Đại diện Bộ Ngoại Giao, Chính Phủ và Giáo sư Luật học...

Phía chính phủ Pháp gồm:

- Đại diện Bộ Trưởng Bộ Tư Pháp.

- Một Chánh thẩm Luật sư Đoàn.

- Đại diện Bộ Ngoại Giao.

- Cố vấn văn hóa và hợp tác khoa học kỹ thuật thuộc Đại sứ Quán Pháp tại Hà Nội.

- Luật Sư trưởng Đoàn Luật Sư Paris hay đại diện.

- Một Giáo sư luật.

Giai đoạn đầu tiên của việc hợp tác nhà pháp luật Pháp Việt sẽ chấm dứt ngày 31/12/1994, và sẽ được gia hạn mỗi hai năm.

Nhà Luật Pháp Việt là một trong hai dự án hợp tác pháp luật giữa Pháp và Việt Nam năm 1993. Các dự án khác là (1)

- Trợ giúp việc soạn thảo và sửa đổi các bộ luật Việt Nam,

- Trao đổi kinh nghiệm và hoạt động luật pháp,

- Đào tạo, nghiên cứu khoa học luật pháp và văn khố thư tịch tài liệu luật pháp. ■

(1) Convention entre le gouvernement de la R.F. et le gouvernement RSVN pour la création de la Maison de Droit Vietnamo - Francaise à Hà Nội.

Signé par Michel Vanzelle - Garde des Sceaux Ministre de la Justice - Catherine Tasca Secrétaire d'Etat à la Francophonie et aux Relations culturelles extérieures.

Dr Nguyễn Đình Lộc

Ministère de la Jutice du RSVN

Ministre de la Justice. Projet de coopération juridique et judiciaire entre le VietNam et la France pour 1993

HỘI NGHỊ THẾ GIỚI VỀ NHÂN QUYỀN TẠI VIENNE

GIAI ĐOẠN NGOẠI CHÍNH PHỦ NGO-FORUM (TỪ 10/06 ĐẾN 12/06/93)

TRẦN THANH HIỆP

LTS - Dưới đây là bài phỏng vấn bằng điện thoại LS Trần Thanh Hiệp, chủ tịch Trung Tâm Việt Nam về Nhân Quyền (CEVIDHO: Centre Vietnamien pour les Droits de l'Homme), đã có mặt tại Vienne để tham dự Hội Nghị Thế Giới về Nhân Quyền (World Conference on Human Rights).

TK21. Trong trường hợp nào ông đã tham dự Hội Nghị thế giới về Nhân Quyền?

TTH. Đáp lời mời của Viện nhân quyền Ludwig Boltzmann (BIM) một trong năm tổ chức nhân quyền được ủy thác việc chuẩn bị Diễn đàn các tổ chức ngoại-chính-phủ NGO-Forum và với tư cách đồng sáng lập viên và chủ tịch trong giai đoạn sáng lập Trung tâm Việt Nam về Nhân Quyền (CEVIDHO) tôi đã tới Vienne từ ngày 09/06/93 để tham dự giai đoạn đầu, giai đoạn ngoại-chính-phủ NGO, của Hội nghị thế giới về Nhân Quyền.

TK21. Có bao nhiêu tổ chức nhân quyền trên thế giới nói chung, và của Việt Nam nói riêng đã tham dự Diễn đàn các tổ chức ngoại-chính-phủ?

TTH. Theo chỗ tôi được biết, có chừng trên 1000 NGO trên thế giới tham dự, trong đó có ba tổ chức Việt Nam (tất cả đều là tổ chức ở ngoài nước). Đó là Giáo Hội Phật Giáo Thống Nhất Việt Nam ở Hải ngoại, Ủy ban Việt Nam về Nhân Quyền (tổ chức của ông Võ Văn Ái) và Trung tâm Việt Nam về Nhân Quyền (CEVIDHO: Centre Vienamien pour les Droits de l'Homme) mà tôi là một trong những sáng lập viên đồng thời là chủ tịch trong giai đoạn sáng lập à đăng ký tại Pháp.

TK21. Xin ông cho biết qua về Hội Nghị thế giới về Nhân Quyền.

TTH. Hội nghị này do Liên Hiệp Quốc triệu tập chiếu quyết nghị số 45/155 của Đại Hội Đồng Liên Hiệp Quốc, khóa họp năm 1990. Ngoài các thành viên của Liên Hiệp Quốc, Đại Hội Đồng còn quyết định mời các tổ chức ngoại chính phủ NGO đã từng tích cực hoạt động cho nhân quyền. Do đó danh xưng Hội nghị thế giới về Nhân Quyền phải hiểu là một sinh hoạt toàn bộ gồm ba bộ phận: 1/ Diễn đàn các Tổ chức ngoại chính phủ NGO-Forum; 2/ Hội nghị thế giới về Nhân Quyền (World Conference on Human Rights) dành cho các thành viên (chính phủ) của Liên Hiệp Quốc; 3/ Hội chợ của các Tổ chức ngoại chính phủ NGO-Fair.

Hội nghị Vienne là hội nghị thế giới lần thứ hai về nhân quyền. Lần thứ nhất được triệu tập năm 1968 tại Teheran, thủ đô Ba Tư. Hội nghị Vienne đã có và sẽ có nhiều ý nghĩa. Về mặt lịch sử, nó đánh dấu một giai đoạn mới trong sinh hoạt của nhân loại trên bước đường đi tới gần hơn nữa, một đời sống chung có tổ chức, có kỷ cương, một "thành quốc thế giới" (Cité du monde) nói theo thuật ngữ của luật học quốc tế! Về mặt nhân quyền, hội nghị này ra đời để các thành quả đã đạt được từ năm 1948, năm công bố Bản tuyên ngôn quốc tế về nhân quyền được duyệt xét và đánh giá một cách sâu rộng và khắp mặt, nhất là mặt các trở ngại. Đánh giá từ gốc đến ngọn, từ khái niệm đến cơ chế, định chế. Đánh giá để tìm biện pháp cải tiến và phát triển cụ thể việc thực hiện nhân quyền theo khẩu hiệu mới được đề ra "Tất cả mọi Nhân quyền cho Tất cả" (All Human Rights for All).

Diễn đàn NGO là để phản ánh nguyện vọng của dân chúng trên khắp thế giới. Vì dân chúng luôn luôn là nạn nhân của các chính phủ nên các yêu sách mở rộng nhân quyền của họ được đưa ra như những sức ép có tổ chức tiền hội nghị. Các chính phủ tham dự Hội nghị chính, danh nhóm họp từ 14/06 đến 25/06/93 sẽ phải ghi nhận và thảo luận các yêu sách ấy.

TK21. Trung tâm Việt Nam về nhân quyền đóng góp gì vào diễn đàn NGO?

TTH. Phái đoàn của TTVNVNQ có một bài tham luận bằng tiếng Pháp dài trên 20,000 chữ nhan đề Droits de l'Homme, Juridisme et Philosophie (Nhân quyền, chủ nghĩa duy pháp và Triết lý). Ngoài ra phái đoàn này còn tham gia Tổ A (Working Group A) được phân công đánh

giá tổng quát những tiến bộ của nhân quyền, sự thực hiệu (effectiveness) và các cơ chế của nhân quyền. Lập trường của Trung tâm Việt Nam về nhân quyền mà tôi đã phát biểu trong Tổ là Trung tâm chúng tôi quan niệm nhân quyền là phổ biến (universal) tương thuộc (interdependant) và bất khả phân (indivisible). Trung tâm chúng tôi chống việc đẳng cấp hóa nhân quyền để hạn chế nhân quyền như đã từng thấy và còn đang thấy dưới các chế độ chuyên chính toàn trị (totalism). Về mặt cụ thể, Trung tâm chúng tôi triệt để ủng hộ việc công cử một Cao Ủy về Nhân Quyền (Commissioner for Human Rights) và việc thành lập một Tòa Án Hình sự Quốc Tế có thẩm quyền toàn phán về vi phạm nhân quyền.

TK21. Về phía hai phái đoàn Việt Nam khác, có đóng góp gì?

TTH. Hai phái đoàn này hoạt động trong Tổ E mà một trong những vấn đề phải thảo luận là "đàn áp tôn giáo." Quý Thầy Thích Quảng Ba, Thích Viên Lý, ông Võ Văn Ái, hoạt động rất tích cực. Một cuộc mít tinh trong phòng để thảo luận về đàn áp Phật giáo ở Việt Nam đã được quý Thầy và ông Võ Văn Ái tổ chức vào ngày 13/06/93. Dịp này một hồ sơ bằng tiếng Anh gồm đầy đủ chi tiết về vụ đàn áp đó đã được phổ biến.

TK21. Kết quả của Diễn đàn NGO sau ba ngày họp ra sao?

TTH. Ý kiến năm Tổ và năm nhóm liên hệ đã được đúc kết thành hơn 100 khuyến cáo gửi Hội Nghị. Chỉ xin nhấn mạnh về hai khuyến cáo mà Trung tâm chúng tôi đã ủng hộ: Trên 1000 NGO đã khuyến cáo phải công cử một Cao Ủy về Nhân Quyền và thành lập một Tòa Án Hình Sự Quốc Tế để xét xử những vụ vi phạm nhân quyền trên thế giới.■

TIN CAMPUCHIA

Kết thúc cuộc bầu cử được coi là "thành công" tại Kampuchia

Kampuchia đã kết thúc các cuộc bầu cử do Liên Hiệp Quốc giúp tổ chức và giám sát, hôm 28 tháng Năm, đúng như kế hoạch được đưa ra, kéo dài từ ngày 23 đến ngày 28 tháng Năm.

Đảng FUNCINPEC, đảng đối lập với chính quyền Nam Vang do Cộng Sản Việt Nam dựng lên, được chính thức loan báo là đã giành được thắng lợi trong cuộc bầu cử vừa qua.

Đảng FUNCINPEC được 45.2 phần trăm tổng số phiếu, tức chiếm 58 ghế trong Quốc Hội Lập hiến mới, còn đảng cầm quyền CPP được 38.6 phần trăm tổng số phiếu, tức 51 ghế. Số ghế còn lại (11 ghế) được chia cho các đảng nhỏ.

Đảng FUNCINPEC hiện do Thái tử Norodom Ranariddh lãnh đạo. Ông là con trai thái tử Norodom Sihanouk, khuôn mặt chính trị lớn nhất của Kampuchia hiện nay, và cũng là người duy nhất có thể kết hợp được các phe phái đối nghịch tại Kampuchia.

Quốc trưởng Norodom Sihanouk thành lập chính phủ lâm thời

Các nhà lãnh đạo của hai đảng chính trị trọng yếu của Kampuchia, hôm 16 tháng Sáu, đã thỏa thuận cùng chia quyền hành và Quốc trưởng Norodom Sihanouk đã bổ nhậm hai kẻ thù cũ của nhau, để cùng làm đồng phó chủ tịch cho chính phủ lâm thời của ông.

Một thông cáo từ Hoàng Cung Kampuchia loan báo việc bổ nhậm thủ tướng mãn nhiệm Hun Sen của Nam Vang và con trai thái tử Norodom Sihanouk, là Norodom Ranariddh, lãnh tụ của đảng Hoàng Gia FUNCINPEC, vừa giành được thắng lợi trong cuộc bầu cử vừa qua, cùng làm phó chủ tịch trong chính phủ Quốc Gia Lâm Thời của Kampuchia.

Ba phe Kampuchia đồng ý hợp nhất quân đội

Các tư lệnh quân đội 3 phe tham gia bầu cử Kampuchia hôm thứ Năm đã gặp tư lệnh quân sự Liên Hiệp Quốc, Thiếu Tướng John Sanderson, và đồng ý hợp nhất quân đội của họ dưới quyền chỉ huy tối cao của chính quyền sẽ được thành lập.

Phát ngôn viên Liên Hiệp Quốc Eric Falt nói rằng ba tư lệnh đã cam kết ủng hộ tiến trình hòa bình và hy vọng cuối cùng Khmer Đỏ cũng sẽ tham gia. Ba phe đã thỏa hiệp là: chính quyền đương nhiệm, các đảng đối lập FUNCINPEC và Dân Chủ Tự Do Phật Giáo.■

VAALA

HỘI VĂN HỌC NGHỆ THUẬT VIỆT MỸ

CẦN TUYỂN

Người làm việc tình nguyện (volunteer) - chỉ có đền bù tiền xăng nhớt - để phục vụ cộng đồng, trong các dự án văn học, nghệ thuật.

Khung cảnh làm việc thoải mái. Tiếp xúc thường xuyên với các vấn đề và con người thuộc thế giới văn học, nghệ thuật.

Liên lạc: **(714) 894-5630**

(hỏi ông Lê Đình Điểu, hoặc ông Vũ Duy Tự)

THIÊN AN MÔN CHUYỆN BÊN LỀ

ĐÔNG NHÂN

Thấm thoát thế mà đã bốn năm kể từ khi việc bùng nổ Thiên An Môn tháng 6, 1989. Đối với nhiều người ngoại quốc có lẽ Thiên An Môn là biểu tượng của Trung Quốc, và quảng trường Thiên An Môn đã từng chứa cả triệu người với những cuộc mít ting, diễn binh rầm rộ. Xứ cộng sản thường có quảng trường ở thủ đô để tập họp dân chúng ca ngợi tung hô đảng. Quảng trường Đỏ ở Matxcơva, Ba Đình ở Hà Nội, Thiên An môn ở Bắc Kinh. Không những chỉ thủ đô, mà các tỉnh lỵ thị xã địa phương cũng thường có quảng trường. Chỗ tôi cư ngụ nào là quảng trường Trung Sơn, Giải Phóng, Stalin, Hữu Hảo... mỗi cái chứa được cả chục ngàn người tung hô cùng lúc. Đó cũng là nơi xảy ra các vụ thanh toán chính trị, đấu tố, tòa án nhân dân. Trung Quốc dùng Thiên An Môn làm huy hiệu quốc gia, biểu tượng cách mạng cộng sản Tàu. Nhiều lần dạy học tôi từng nói thẳng quan điểm cá nhân về việc này. Tôi không thích Thiên An Môn, và nước Tàu nên dùng cái gì khác biểu lộ được tinh thần truyền thống dân tộc hơn mà làm quốc huy. Chán hơn nữa là hình Mao Trạch Đông nằm chình ình ngay giữa trông chẳng ra gì cả. Thêm hai khẩu hiệu nằm kèm kêu gọi nhân dân thế giới đoàn kết nổi dậy và tung hô Trung Quốc vạn tuế làm mất thẩm mỹ chung quanh.

Ngồi ôn chuyện cũ viết ra đây một vài điều ghi nhận của tôi trong nhật ký. Độc giả Việt hải ngoại quan tâm vấn đề Trung Quốc hầu hết nhìn các hình ảnh, báo chí, TV vụ Thiên An Môn khá rõ rệt và nhiều vị rất am tường việc này. Ở đây tôi chỉ ghi lại những điều mắt thấy tai nghe, vài chuyện bên lề.

Khoảng trung tuần tháng 4 năm 89, một buổi tối ở nhà bạn ăn cơm coi tivi. Bỗng thấy có tin Hồ Diệu Bang mất vì bệnh tim. Bọn tôi xoay quanh đề tài chính trị về các nhân vật Đặng Tiểu Bình, Hoa Quốc Phong, Hồ Diệu Bang... Thực sự tôi chẳng biết gì nhiều mà nói. Kiến thức về Trung Quốc toàn qua sách báo hoặc nghe lóm người khác. Chỉ ngồi nhâm nhi ly rượu trắng "dựa cột mà nghe" mấy tay bạn đảng viên kể chuyện. Ở Trung Quốc, nghe bạn Tàu kể chuyện Bắc Kinh phong vân thì còn gì thú bằng. Anh bạn bỗng thở dài: "Coi chừng có chuyện: Xứ này mỗi lần lãnh tụ chết thường có chuyện!" Vợ bạn đưa lên thêm vài món nhắm. Dĩa cá khô cộng mấy chén dưa muối nhỏ. "Này, đưa cay mấy món xã hội chủ nghĩa của bọn tôi cho biết mùi. Nhà nghèo, dạy học lương bổng chẳng nhiều. Không thể đãi thịt cá tươi được. Thông cảm nhé! Hữu bằng tự viễn phương lai, bất diệc lạc hồ? (1)" Nhậu say đến nửa đêm, tôi về. Trời tối, chỉ chút ánh trăng đỉnh đầu. Gió biển thổi về lành lạnh.

Mấy ngày sau hình như có chuyện gì đang âm thầm xảy ra ở đại học. Tôi dò hỏi. Nghe nói có vài sinh viên từ Bắc Kinh đến gặp đại biểu sinh viên trường, xin hô hào ủng hộ cho vài quan điểm dân chủ. Giới chức trong trường cũng biết tin nhưng chẳng để ý vì mấy tháng nay TV, radio, báo chí thường đề cập đến vấn đề dân chủ. Vài cuộc họp nho nhỏ, một ít truyền đơn viết tay chuyền nhau trong trường. Ốc tò mò nổi lên, tôi liền dò hỏi thêm. Họ cho biết ở Bắc Kinh dám sẽ có chuyện lớn. Nghe qua rồi cũng chẳng để ý nhiều. Tuần sau đó, sinh viên vào lớp cứ vắng dần đi. Họ đi Bắc Kinh nghe ngóng, xem xét. Về lại trường tụ tập nhóm này nhóm nọ báo cáo. Bỗng nhiên toàn trường được lệnh cấm sinh viên rời trường, hình như sợ biểu tình gì đó. Đùng một cái, sinh viên Bắc Kinh xuống đường kéo nhau về Thiên An Môn. Đại học Bắc Kinh, Đại học Sư Phạm Bắc Kinh là hai nơi chủ xướng đầu tiên. Cũng mấy trường này năm 1966 ủng hộ Mao phát động Cách mạng Văn hóa. Sinh viên trường bãi khóa. Tôi không việc làm, nhàn nhã trốn đi xem náo sự ở Thiên An Môn!

Đại học ở các thành phố Trung Quốc đều nổi dậy, kể cả nhiều trường trung học. Tháng Năm, 1989, tình hình càng lúc càng loạn. Quân đội âm thầm điều động về Bắc Kinh. Lúc này, đảng Cộng Sản lo nhất là làm sao đừng để Thượng Hải lọt vào tình trạng như Bắc Kinh, mặc dù sinh viên Thượng Hải cũng đã rục rịch. Thời điểm đó, Giang Trạch Dân đang làm bí thư đảng Thượng Hải và Chu Dung Cơ làm thị trưởng. Có lẽ vì giữ Thượng Hải được tương đối yên nên sau Giang Trạch Dân về Bắc Kinh làm tổng bí thư đảng và giờ là chủ tịch nhà nước. Còn Chu Dung Cơ cũng điều về thủ đô nắm chức phó thủ tướng. Khoảng ngày 20, Triệu Tử Dương bị hạ bệ. Phe bảo thủ nắm quân đội và chính quyền. Tình trạng trở nên tồi tệ.

Mẹ tôi bên Mỹ đánh điện sang kêu về Mỹ ngay. TV Mỹ kêu gọi Mỹ kiều ở Tàu nên tìm đường lánh nạn. Nơi tôi ở có chừng hơn 100 người Mỹ. Họ nhốn nháo cả lên. Một bạn tôi, James, làm giáo sư Anh ngữ 10 giờ đêm đạp xe đến chỗ tôi, nét mặt hoảng hốt. "Đài VOA thông tin rồi. Mình cần phải dzọt lẹ ra khỏi đây gấp. Bạn tính sao?" Tôi nghĩ có gì đâu mà gấp gấp: "Chuyện ngàn năm một thuở. Lịch sử là đây ta đang chứng kiến. Ở lại xem cho đã. Đi uổng mất cơ hội. Về Mỹ làm chi bạn ơi." James trố mắt nhìn: "You're crazy, man! I'm going to pack everything up tonight." Có tiếng gõ cửa. Một vài khuôn mặt lạ xuất hiện. Một nhân vật trẻ tuổi lên tiếng:

"Chúng tôi biết quí nhị vị từ Mỹ đến, không phải người Trung Quốc. Muốn mời hai vị diễn thuyết về nền dân chủ ở Mỹ. Xin đừng chối từ."

Bọn họ xông vào nhà và ra sức mời chúng tôi đi. Đi đâu gần nửa đêm như vậy? James nổi hứng muốn đi, nhìn tôi dò ý. Phải thuyết phục bọn Tàu cộng sản này về ý thức dân chủ. Cho họ thấy cái hay cái đẹp của American Democracy. Thôi đi cha! Có biết họ là ai mà nổi hứng ẩu. Tôi lắc đầu xin lỗi mệt quá, muốn đi ngủ. Từ chối thẳng. Bọn họ đưa James đi. Tôi theo ra ngoài tiễn vài bước. Trời đen trong, sao muôn ngàn lấp lánh. Gió biển thổi nhẹ mùi mặn. James hăng hái nói bô bô trong đêm trường. Tiếng quan thoại của hắn thật đáng nể. Tuy giọng vẫn nặng khẩu âm Mỹ. James giựt được Master Hán ngữ ở Havard trước khi sang Tàu dạy Anh văn. Rất thích hát nhạc cách mạng Tàu. Mỗi khi sinh viên trường tổ chức văn nghệ, tôi mang đàn ghita đệm cho James hát bài "Anh đào nương, em tát nước," tiếp sau là bài "Hoa mướp đắng." Tôi cũng không thoát nợ, phải hát bài "Hồng quân qua làng ta đêm nay." Âm điệu rất hay, nổi tiếng thời thập niên 50. Bọn tôi như trò hề văn nghệ. Sinh viên Tàu chẳng ai hát nhạc cách mạng cả, toàn ngâm nga mấy bài ướt át của Hồng Kông, Đài Loan. Chỉ có hai đứa tôi có "tinh thần cách mạng!"

Trưa hôm sau, tôi điện thoại qua nhà James hỏi thăm xem sao. Không có trả lời. Đạp xe quanh trường tìm. Campus vắng tanh, hiu quạnh quá. Sinh viên bỏ về nhà nghỉ dài hạn hoặc đi Bắc Kinh biểu tình hết rồi. Bốn giờ chiều tôi gặp James và mấy giáo sư Trung Quốc ngoài cổng trường. Mặt hắn tái mét: "Bọn đêm qua là công an. Mình ngu quá. Bạn không đi là may đấy." Công an vào ngày trước đã chú ý James ở quảng trường Giải Phóng khi dân Tàu bu quanh anh ta hỏi thăm chuyện ở Mỹ. Toàn thị xã đâu đâu cũng có diễn thuyết tự do dân chủ. Tôi cũng theo giúp, nhưng phần giống người Tàu, phần nói tiếng quan thoại nghe nặng khẩu âm miền nam nên qua mặt được công an. Họ đưa James về trụ sở với lý do để "bảo vệ an toàn cá nhân cho ngoại kiều," đồng thời yêu cầu đừng xía vào chuyện Trung Quốc. Vì như vậy là "can thiệp nội chính" của Tàu. Xong công an báo cho nhà trường đến lãnh về. Tôi cũng hú hồn, suýt nữa thì tiêu.

Nghe phong phanh quân đội sẽ ra tay đàn áp. Không khí nặng nề. Tòa lãnh sự Mỹ ở Thẩm Dương gọi điện thoại đến trường yêu cầu tôi và James thu xếp hành lý gấp, chuẩn bị đi Hồng Kông lánh nạn. Tôi trả lời không đi. Ngày hôm sau, một nhân viên lãnh sự đích thân đến trường tìm. Khi biết rõ ý định ở lại làm khách bàng quan, người lãnh sự chúc tôi bình yên và có cần nhắn gì gia đình không. Tôi chỉ yêu cầu tòa lãnh sự báo tin mẹ tôi ở Mỹ rằng không sao cả, cứ yên tâm. Tối hôm đó, một chiếc phi cơ đặc biệt từ Nhật qua do Mỹ bao thầu nằm đợi ở phi trường thị xã. Bất cứ công dân Mỹ, Canada, chỉ cần trình passport là có chỗ ngồi trên chuyến bay. 8:30pm, một cú điện thoại chót về nhà riêng của tôi, nhân viên lãnh sự Mỹ hỏi có thay đổi ý kiến thì ra ngay phi trường, phi cơ sẽ đợi tới 10:00pm cất cánh đi Hồng Kông. Tôi cương quyết ở lại. "We wish you the best luck!" Người lãnh sự cúp máy. Sau này, vào tháng 10 cùng năm, nhân lễ Quốc Khánh Trung Quốc kỷ niệm 40 năm lập quốc, tôi có dịp gặp ông Tổng lãnh sự Mỹ ở Thẩm Dương. Ông nói cho biết gia đình anh em bố mẹ tôi ở Mỹ cứ yêu cầu tòa lãnh sự bắt tôi phải về. Mà tôi không chịu. Lộn xộn quá!

"You were the only case in north China." Phòng ngoại sự đại học cũng cho hay trong suốt thời gian bạo động, tôi là người ngoại quốc duy nhất tại thành phố. Ai nấy đều chạy hết. Viết mấy dòng này mà tôi nhớ hoài tháng ngày đó. Ăn không ngồi rồi, rảnh rỗi nhận lương suốt từ tháng 4 đến tháng 9. Nhẩn nha bên lề cuộc đời xem thiên hạ đại loạn. Lại còn được nhà trường khen, quí mến hơn, vì đã ở lại với trường không bỏ đi. Nhắc lại vụ di tản, tôi nhớ đến một tháng trước The Gulf War giữa Mỹ và Iraq. Tòa lãnh sự cũng điện thoại nhắc nhở chúng tôi vấn đề an ninh vì sợ bọn Á Rập trả thù công dân Mỹ hải ngoại. Thật khó tìm được nước nào biết quí trọng công dân mình như Hoa kỳ. Có ở ngoại quốc khi loạn lạc mới rõ.

Đổ máu đã xảy ra vào đầu tháng 6, 1989. Trước đó một tuần, TV trung ương thông cáo mọi người nên báo công an những ai hồ nghi gián điệp. Một số sinh viên từ Bắc Kinh chạy về tìm tôi. Lưu huyết, lưu huyết thầy ơi! Tôi âm thầm thu xếp ít quần áo, đêm đó ra trạm hỏa xa mua vé đi Bắc Kinh. Công an ra lệnh cấm bán vé những ai muốn đi Bắc Kinh. Trở ngược về hải cảng mua được vé tàu thủy đi Thiên Tân sáng sớm hôm sau. Thiên Tân chỉ cách Bắc Kinh độ hai tiếng xe đò. Có cách đến Bắc Kinh dòm ngó. Về trường chạy đi báo vài người bạn, ngày mai tôi đi Sơn Đông thăm huyện Bồng Lai coi cảnh "Bát Tiên Quá Hải." Phải dương đông kích tây. Nếu không thì sẽ rắc rối. Tới cảng Đường Cô ở Thiên Tân, tìm xe đò Bắc Kinh. Không dễ. Công an khắp nơi. Sinh viên học sinh bị cấm hoàn toàn. Mọi người phải xuất trình giấy giới thiệu của đơn vị mới được phép đi Bắc Kinh. Tôi đứng năn nỉ mấy chú công an, cho tôi đi Bắc Kinh thăm bạn bị bịnh ở nhà thương. Cuối cùng cũng được. Đến châu thành Bắc Kinh còn bị khám giấy tờ đi đường thêm một lần nữa. Bổn cũ soạn lại. Tôi lọt vòng cản. Công an, bộ đội khắp nơi xét giấy tứ tung. Nhọc nhằn hết sức tôi mới về tới khu Đông Tam Hoàn Nam Lộ, đông nam thủ đô. Không có xe vào trung tâm thành phố. Mọi phương tiện giao thông hầu như ngưng trệ. Giới xe lôi được dịp kiếm tiền. Tôi đánh xe lôi đi Trung Quan Thôn ở phía tây bắc thành phố đến tìm nhà người bạn làm giáo sư Nhật ngữ ở đại học Thanh Hoa. Đến nhà bạn gõ cửa. Bạn mừng rỡ lẫn ngạc nhiên xổ nho:

"Ô! Hữu bằng tự viễn phương lai, bất diệc lạc hồ! Bắc Kinh đang lộn xộn, đổ máu. Về đây làm gì? Vào nhà, vào nhà. Hành lý đâu? Ăn cơm chưa?"

Bắt tay bạn tôi chỉ cái túi nhựa đựng vài bộ đồ và cái máy chụp hình. Y chang một người Tàu. Tôi có tật quen đi đâu hay mang ba lô (backpack) như khi ở Mỹ. Nhưng lúc này thì không dám, vì người Tàu không ai mang ba lô, chỉ đeo cái sắc vải quân đội hay cái túi nhựa. Đeo backpack chỉ làm mồi cho công an hỏi giấy. Nhìn nghĩ ngay là ngoại quốc. Xã giao vài câu. Tôi vào thẳng chuyện xin ở nhờ một hai tuần, để xem Bắc Kinh ra sao. Được ngay. Bạn hỏi tôi biết gì nhiều về vụ đổ máu Thiên An Môn vài ngày trước chưa. Tôi kể một vài hình ảnh mới nhất coi trên đài CNN ở Holidays Inn. Ở Tàu coi tin tức Tàu qua đài TV Mỹ! (CNN có khắp các hotel hạng sang ở Trung Quốc vì họ có satellite disks, dân thường không được coi. Hotel hạng sang 4 sao, 5 sao thành phố lớn ở Trung Quốc đều có. Tiêu chuẩn tiện nghi như Mỹ. Dĩ nhiên giá tiền đô, người Mỹ trung bình cũng không dám trả). Bạn bảo tôi nghỉ ngơi. Dò la tin tức những khu bạo động, tôi chuẩn bị cho cuộc tham quan.

Mượn xe đạp tôi làm một vòng qua khu đại học Bắc Kinh và Thanh Hoa. Hai đại học này nằm gần nhau khu tây bắc. Khu vực bị cô lập. Bộ đội gác vòng ngoài, tình trạng y như thời chiến ở Việt Nam. Xuất nhập phải có giấy phép. Công an bộ đội chặn tôi ngay ở cổng chính đại học Bắc Kinh. Họ khuyến cáo tôi nên rời khỏi khu vực lập tức vì là người ngoại quốc và xét cái túi xem có máy chụp hình không. Cũng may người bạn đã khuyên không nên chụp hình. Rẽ qua khu chợ mặt tiền Bắc Đại (đại học Bắc Kinh), vào khu gia cư đại học tìm bạn làm việc ở thư viện. Lính gác mỗi chung cư. Theo bạn bè cho biết, để chuẩn bị đàn áp nhà nước đưa quân đội vào đều mang khí giới nhưng không mang đạn. Đám bộ đội này bị dân đánh tơi bời nên phải rút quân. Như thế là có chứng cớ động loạn, đảng bèn đưa toán lính kế tiếp vào, lần này súng đạn hẳn hoi. Toán bộ đội này đa số là thiểu số sắc tộc, không phải người Hán cũng chẳng phải dân Bắc Kinh nên họ nhận lệnh ra tay đàn áp thẳng thừng. Máu đổ mạng rơi. Khí thế dân chúng, sinh viên chùng hẳn lại. Dân chủ tuy cao thượng, nhưng ai không sợ chết? Độc giả nào ở Mỹ xem CNN hay các đài TV khác đều nhận thấy, dân chúng đốt xe quân đội cháy rất lớp lang thứ tự. Dàn cảnh. Nhiều xe tăng, thiết giáp cũng bị cháy. Câu hỏi đặt ra là vài chai xăng cocktail làm sao đốt cháy tăng được. Tay không với xăng dầu, que diêm gậy gộc sao có thể thiêu hủy, đập gẫy xích thiết giáp? Cuộc dàn cảnh tinh vi, hy sinh một số quân xa và bộ đội để lấy cớ thanh toán đám biểu tình Thiên An Môn. Không ai thoát. Ký giả, báo chí ngoại quốc bị đuổi khỏi Thiên An Môn cả tuần trước vụ lưu huyết ngày 4 tháng 6, 89. Hình ảnh ta thấy được trên đài TV Âu Mỹ đều do ký giả của Trung Quốc, đặc biệt là Tân Hoa Xã lén bán. Họ làm việc cho nhà nước không bao nhiêu tiền. Chụp được tấm hình đặc biệt hay quay được khúc tài liệu nẩy lửa, copy liền tại chỗ, chạy vội đến đám nhà báo tây phương ở mấy khách sạn lớn bán ngay tiền mặt 100, 200 đôla xong liền. Sự thật từ Trung Quốc tháng 5 đến trung tuần tháng 6, công an hoạt động gắt gao hạn chế sự có mặt của nhà báo ngoại quốc ở Bắc Kinh. Trừ ký giả Nhật hoặc Hồng Kông còn len lỏi được, chứ da trắng tóc vàng thì khó thấy gì được, trừ phi công an cho phép. Đa số ký giả Mỹ nằm yên khách sạn bỏ tiền mua tin.

Ở đây tôi xin ghi lại một tin đồn lớn ở Bắc Kinh vào hồi tháng 7, 8 năm 89. Độc giả ở Mỹ chắc đều để ý bức hình một anh chàng sinh viên hừng hờ đứng chặn một đoàn thiết vận xa, đơn độc như một "lone ranger." Việc ấy do

công an "dàn cảnh" cho Tây phương ghi nhận để chứng tỏ nhà nước rất trọng sinh mệnh nhân dân và nhân quyền. Ngay cả một người còn không dám giết thì làm sao nhà nước dám thanh toán cả ngàn người. "Chàng sinh viên anh hùng" ấy chặn xe tăng mà chẳng ai động đậy gì. Lấy tâm lý nhà binh mà nói, giá tôi là viên chỉ huy đoàn xe tăng ấy mà bị một "anh hùng dân chủ" chặn đường thì xuống tát cho bợp tai, hoặc cho vài người lính khiêng hắn để qua một bên rồi tiếp tục đi. Sao lại sợ như vậy. Nhất là người cộng sản, việc ấy giải quyết quá dễ. Ký giả Tây phương nhiều lúc quá ngây thơ làm cả triệu người ở Mỹ cứ tin là thật. Chẳng trách miền Nam mất, một phần cũng vì "đám nhà báo Tây phương thơ ngây."

Trong số các ký giả báo chí Tàu có rất nhiều công an. Họ làm công việc theo dõi, chụp hình, quay phim và nhờ đó, công an tìm được những người họ muốn bắt. Công trạng của công an rất lớn trong vụ dẹp yên biến động Thiên An Môn nên sau này Kiều Thạch làm chủ tịch quốc hội. Những bức hình tình nghi đều được đăng báo và tung tin trên TV cho dân chúng chỉ điểm. Một vụ đáng thương tâm ở thành phố tôi ở. Một nhân viên quản lý kế toán thương nghiệp ngày 3 tháng 6 đến Bắc Kinh. Chứng kiến các vụ đổ máu ngày 4. Ông ta hoảng hốt chạy về khách sạn. Gần đến nơi, hớt ha hớt hải nói với một ký giả Tây phương: "Lính bắn dân. Chết nhiều lắm!" Đoạn phim thật ngắn bị CNN đưa lên TV. Nhà nước ra lệnh bắt nhưng không sao tìm ra tung tích ông ta. Đài khuyến cáo mọi người nếu biết nên chỉ điểm. Cuối cùng ông bị bắt do chính người em gái trong nhà báo cảnh sát. Lãnh 10 năm tù chỉ vì một câu nói. CNN đã "giúp" công an bắt được nhiều người dân hiền lành vì họ chỉ nói lên sự thật, khi ký giả CNN phỏng vấn họ lề đường.

Lẩn quẩn quanh Bắc Kinh tới trung tuần tháng Sáu, mọi sự đã bắt đầu êm dịu. Nhà nước hoàn toàn khống chế cuộc nổi dậy. Một chương trình tuyên truyền được tung ra. Chính phủ cách chức bộ trưởng văn hóa, đặt lại trọng tâm của bộ tuyên truyền trung ương. Tôi đạp xe dọc con đường Tường An, đại lộ chính thủ đô. Đại lộ này chạy suốt từ đông sang Tây Bắc Kinh. Từ phía cực đông, gọi đường Kiến Quốc, tàn tích xô xát đó đây cho đến Đông Trường An. Quân xa cháy nát vẫn còn nằm yên, chưa thu dọn. Mục đích để tuyên truyền. Công nhân tiên tiến từ các thành phố khác được đảng cho về thủ đô tham quan vết tích của "phản cách mạng bạo động". Khu Thiên An Môn bị hoàn toàn cô lập. Công an thường phục nhan nhản. Tôi định chụp hình thì vài công an thường phục đến xét giấy. Đuổi ra tận góc đường gần Kentucky Fried Chicken (2). Từ đây tôi leo bệ cột đèn đứng chụp. Chẳng rõ ràng. Có còn hơn không. Đói bụng, tôi vào định ăn một hộp cánh gà chiên "original recipe", món tôi ưa nhất, ở Kentucky Fried Chicken. Đóng cửa, quản lý Mỹ về xứ rồi. Tiếc quá, nhưng cũng mừng thầm tiết kiệm được ít tiền. Một hộp cánh gà chỉ có vài cái thơm phức phải tốn vài ba chục đồng Tàu. Lương nghèo, tiền mang không nhiều. Thôi, ăn một tô "la miến" vậy (mì), chỉ tốn 60 xu. Chỉ có mì và nước xúp, ít hành ngò, không thịt. Vừa ăn vừa tưởng tượng là phở ở Bolsa. Mấy năm nay ở Trung Quốc, cơn thèm một hộp cánh gà *original recipe* vẫn chưa thực hiện được. Ngược về Tây Trường An, một vài quân xa cháy ngổn ngang. Đạp miết về phía tây là đường Phục Hưng, cảnh vẫn vậy, dân chúng e dè, vội vã. Hôm nay ngắm thế cũng đủ. Trời xế chiều, còng lưng đạp xe về Trung Quan Thôn. Mồ hôi ra như tắm.

Gần cuối tháng Sáu, tôi về lại thị xã, về lại ngôi nhà nghèo nàn thân yêu lẩn khuất sau hàng cây cao chẳng biết tên gì. Khuôn viên trường lặng lẽ, êm đềm. Không khí mát dịu, khác hẳn cái nồng nực bụi bặm của Bắc Kinh ngàn năm văn vật. Tôi về chẳng ai hay. Thế càng tốt. Ngày mai đi nghe ngóng động tĩnh.

Bộ giáo dục đã có thông cáo các biện pháp xử lý sinh viên toàn quốc. Trừ các thành phần lãnh tụ bị trừng phạt nặng nhẹ tùy theo trường hợp. Nhưng phải công nhận biện pháp tương đối nhẹ nhàng, vì áp lực nhân quyền quốc tế. Các giáo sư đảng viên họp lại

đưa ra lá thư cảnh cáo sinh viên bãi khóa, gửi về gia đình cho phụ huynh, ra lệnh sinh viên trở lại trường vào trung tuần tháng Bảy. Nếu không sẽ đuổi và phạt tiền. Từ tháng Tám đến tháng Mười, liên tiếp học tập chính trị và kiểm thảo hằng tuần. Người Tàu sau mấy mươi năm sống trong cộng sản đã lờn với hình thức này. Đây là dịp vui chơi, lơ là sự học. Tôi không việc làm, suốt ngày nhởn nhơ. Kiểm thảo thì đọc trăm tờ như một, y như có công thức ra sẵn cứ thế mà điền. Chẳng phải suy nghĩ. Giáo sư, cán bộ, đảng viên đều học tập mỗi ngày hai tiếng, ba tháng liền. Đa số học các nghị quyết trung ương và kiến giải của đảng về các biến động chính trị. Riêng các phần tử tham gia vụ Thiên An Môn, học tập kiểm thảo khá nặng nề. Nhiều chuyện cười ra nước mắt. Anh chàng lãnh tụ sinh viên trường tôi viết đại tự báo, hô hào kêu gọi dân chúng tham gia ủng hộ Thiên An Môn, cầm cờ xung phong đi đầu, trước tháng 6 khí thế hùng dũng như mãnh sư. Bị công an bắt ngày 4, giam hai tháng, trả về cho trường tự xử lý. Ông hiệu trưởng (viện trưởng ở Tàu chỉ gọi là hiệu trưởng) mặt ngoài ra lệnh phạt cấm cung 24/24 học tập kiểm thảo. Anh ta khóc rất thành khẩn, xưng toàn tội tày trời, mọi người cười ồ. Càng cười, anh càng khóc to. Cuộc kiểm thảo công khai hôm đó tôi cũng tham dự. Về sau có vài sinh viên cho tôi biết riêng về vụ này. Anh sinh viên đứng lòm khòm trên sân khấu như mèo bị nước. Mỗi lần khán giả ồn ào, hay cười rồ, anh đưa tay túi quần rút khăn bên trong có sẵn ít dầu gió đưa lên giụi mắt. Nước mắt ra dầm dề, vô cùng thành khẩn. Những màn bi hài kịch như vậy diễn được vài lần thì thư ký đảng ủy nhà trường ra lệnh ngưng. Ai cũng biết là trò giả tạo.

Một giáo sư chính trị trường tôi cũng tham gia Thiên An Môn. Sau kiểm thảo, nhà trường cho dạy học lại. Lần này ông dạy ngược những điều đã từng hô hào. Sinh viên cười nhạo hoài, chịu không được, bỏ nghề. Sau tôi được biết ông làm công nhân cho một hãng điện tử Nhật. Ông anh cả vợ tôi làm ký giả nhà nước cho tờ nhật báo địa phương, chuyên viết các đề tài xã hội, luật pháp. Khi sinh viên toàn quốc rục rịch và nhân viên, ký giả các báo Nhân Dân, Quanh Minh... xuống đường Bắc Kinh đòi tự do dân chủ, tự do báo chí, ông anh rể cũng tự mình chủ xướng kéo toàn bộ ban biên tập xuống đường. "*Miệng ống loa bô bô dân chủ, tay khẩu hiệu mấy chữ tự do.*" Kéo nhau ngang sạp vải vợ tôi ngoài chợ, nàng hoảng hốt chạy ra kéo ông anh vô: "Trời ơi! Anh dẹp mấy cái dân chủ này đi. Coi chừng tù tội thì khổ cả nhà." Rồi nàng chạy về nhà báo ông bố. Ông cụ đảng viên, từng được bầu anh hùng lao động một thời xa xưa. Cụ ra khuyên: "Con ơi, dại quá đừng biểu tình mà hại đến thân. Xứ cộng sản mà con ơi!" Ông anh rể trừng mắt nhìn: "Các người biết gì. Dân chủ tự do là chuyện đáng làm. Đây là vì quốc gia dân tộc. Đừng cản trở." Sau tháng Sáu, ông bị kiểm thảo nặng nề và đuổi việc. Giờ thì theo vợ tôi ngày ngày ra sạp vải, bán quần áo hay vá mấy chiếc áo da rách. Có lần cùng ông ngồi nhậu, ông cười cười "giờ bán vải mà sống, tâm hồn thoải mái hơn làm báo. Không được viết theo ý riêng mình, tức lắm chú ạ!" Chỉ có vợ tôi, học hành ít mà thỉnh thoảng phê bình ông anh cả "Ổng lớn đầu mà ngu lắm."

Ở thủ đô, sinh viên Bắc Đại và các trường khác đều bị đưa đi huấn luyện quân sự một năm trước khi cho đi học lại. Khuôn viên trường đầy bộ đội gác. Hè 1990, tôi về thăm đại học Bắc Kinh, bộ đội và công an vẫn còn gác quanh. Nhà nước đâm e ngại sinh viên nổi loạn, nên cuộc thi nhập học đại học toàn quốc năm 89 giảm số sinh viên trúng tuyển. Lấy ví dụ riêng ngành Linguistics ở trường tôi, mỗi năm thu nhận năm nghiên cứu sinh. Năm 89, chỉ nhận hai người. Mọi ngành khác trên toàn quốc đều như vậy. Cuộc thi đại học năm đó, điểm chính trị quan trọng hơn điểm chuyên môn.

Tháng 10, năm 1989, một bạn tôi là anh Nguyễn Đừng trước viết cho tờ Việt Chiến ở D.C. cùng cô bạn gái Mỹ dắt nhau sang Tàu. Đến Bắc Kinh trọ ở khách sạn Hữu Nghị gọi điện thoại cho tôi. Tôi về Bắc Kinh và dẫn nhau đi thăm Thiên An Môn. Vẫn còn phong tỏa, chỉ có các công nhân tiên tiến, anh hùng lao động mới được phép vào thăm quảng trường. Anh Đừng nhờ tôi tìm cách vào trong vòng rào. Tôi đánh bạo đến xuất trình thông hành cả ba và đưa thẻ giáo sư Trung Quốc xin được vào. May mắn, mấy anh bộ đội hàng rào cho phép. Vết xích xe tăng vẫn còn lộ rõ ở trên mặt quảng trường. Anh Đừng chụp hình liên tay. Cũng kể từ tháng 10 năm 89, Trung Quốc bỏ tục diễn binh và mít-ting quốc khánh 1 tháng 10 hàng năm.

Thiên An Môn gắn liền với vận mệnh của Tân Trung Quốc, với nhiều cuộc biến động chính trị của đảng cộng sản Trung Quốc. Chẳng trách gì nhà nước Tàu dùng nó làm quốc huy, và bài học vỡ lòng đầu tiên của các trẻ em Trung Quốc bắt đầu bằng ba câu:

- Ngã ái Trung Quốc Cộng Sản Đảng (Em yêu đảng Cộng Sản Trung Quốc)
- Ngã ái Mao Chủ Tịch (Em yêu Mao chủ tịch)
- Ngã ái Thiên An Môn (Em yêu Thiên An Môn)■

Chú thích

(1) Chương đầu tiên của "Luận Ngữ" là "Học Nhi" chỉ vỏn vẹn ba câu:

"Tử viết: Học nhi thời tập chi, bất diệc duyệt hồ? Hữu bằng tự viễn phương lai, bất diệt lạc hồ? Nhân bất tri nhi bất uẩn, bất diệc quân tử hồ?"

Tạm dịch: "Khổng Tử nói: Học mà thường ôn luyện thực hành những điều mình học, bộ không thích thú sao? Có bạn đồng chí hướng từ xa đến thăm, bộ không vui sao? Người không biết tài ta mà ta không oán hờn, bộ không phải là người quân tử sao?"

Riêng hai câu đầu thì hầu như người Tàu nào học qua trung học cũng thuộc lòng, và thường: "Hữu bằng tự viễn phương lai..." khi gặp bạn xa cách lâu.

(2) Trung Quốc ngày nay có Kentucky Fried Chicken và Mc Donald Burgerking nghe nói cũng chuẩn bị sang. Rất mắc, dân sang mới có tiền ăn. Khách sạn có Holidays Inn, Hilton...

THAY LỜI VIẾNG TRIẾT GIA TRẦN ĐỨC THẢO

CHÚT CẢM NGHĨ VỀ TRIẾT TÂY, TRIẾT TA

Hạ Long LƯU VĂN VỊNH

BỤT CHÙA NHÀ KHÔNG THIÊNG

Theo gót chân viễn chinh của người Âu Châu, triết học Tây phương đến với Việt Nam vào đầu thế kỷ 20, lúc ấy lớp người sót lại của nền Đạo học Đông phương, còn đủ khả năng và tự tin để đưa ra những giá trị của văn hóa truyền thống, như Phạm Quỳnh viết về Đạo Phật, Trần Trọng Kim viết về Lão và Khổng, Nguyễn Văn Ngọc sưu tầm tục ngữ ca dao v.v... Lớp sau đó hoàn toàn được đào tạo theo học trình Pháp, triết học Tây phương chiếm chỗ độc tôn ở Trung học, cho mãi tới trước 1975, nền Đạo học truyền thống vẫn không được chính thức giảng dạy ở ban Tú Tài Việt Nam!

Ở cấp Đại Học, Đại Học Văn Khoa và ban Việt Hán Đại học Sư Phạm là những cố gắng khởi đầu từ 1950 để giành lại phần nào công cuộc gìn giữ và phát huy Đạo học Đông phương và tinh thần dân tộc. Tới giữa thập niên 1960, Phật học bắt đầu được tổ chức qui mô sau cả thế kỷ nằm yên trong giấc ngủ thiền! Người có công đóng góp và đứng mũi chịu sào trong công cuộc phục hưng tư tưởng Đông phương là Giáo sư Nguyễn Đăng Thục, nguyên Khoa Trưởng Đại học Văn Khoa, Hà Nội và Saigon, cụ đã có lần phải than "mình cố gắng xây dựng văn hóa dân tộc bao nhiêu, thì họ phá bấy nhiêu...". Thời cuối 1950 đầu 1960 những người nặng lòng với văn hóa cổ truyền như Giáo Sư Nguyễn Đăng Thục có thể đã phải đương đầu với những ông Bộ Trưởng Giáo Dục nói tiếng Pháp rành hơn tiếng Việt, với nhóm giáo sư trẻ tốt nghiệp từ các đại học bên Tây, nhất là từ đại học Louvain, hoặc giả có thể từ phía Mác Xít, v.v...

Nói chung, gần 50 năm, từ 1920-1970, giới trí thức khoa bảng Việt Nam có thái độ "Bụt chùa nhà không thiêng" nên chỉ nhìn sang trời Tây, lấy tháp Eiffel làm đỉnh cao trí tuệ, các huyền thoại về trường Sư Phạm (Ecole Normale Supérieure), trường Bách Khoa, trường Cầu Cống... ám ảnh các học sinh sinh viên Việt Nam mãi tới thời 1970 khi tiếp xúc với Mỹ, Anh... mới thấy thêm các thần tượng Harvard, M.I.T., Yale v.v...

Trong lúc Nhật Bản tự tin giữ vững Thần đạo, Zen và các thuần phong mỹ tục để chuyển mình đổi mới, thì Tàu và Việt lại phá bỏ cái nền cũ để mang về các ông tượng mới, nào Mác, nào Lê, nào Hegel, nào Nietzsche, nào Heidegger, nào Sartre v.v... Khi Paris nói về phi lý, về lưu đày, thì ở Saigon cũng bàn về hiện sinh, về hiện tượng luận, Tây bỏ Tú Tài I ta cũng bỏ Tú Tài I, Tây bỏ PCB ta cũng bỏ PCB, Tây lập Tiến Sĩ đệ tam cấp, ta cũng lập đệ tam cấp... nhất nhất như thời còn Pháp thuộc!

CƠN CUỒNG TƯ LOẠN Ý TÂY PHƯƠNG

Sự lệ thuộc vào hệ thống duy vật biện chứng của bên kia lẫn sự trói buộc vào tư tưởng duy lý của bên này, cả hai đều đưa tới ngõ cụt, mà chính các triết gia Tây phương cũng nhìn nhận từ lâu là tư tưởng Tây phương đang bế tắc. Từ 1935 Husserl đã viết, trong "Triết lý và cơn khủng hoảng của con người Âu Tây"(1), là Âu Châu đang mất niềm tin vào chân lý vì tinh thần bị bẻ vụn trong những bộ môn khoa học riêng rẽ thiếu nhân bản. Trước Husserl cả trăm năm, Nietzche đã tuyên bố "Thượng đế chết rồi," Marx và phe duy vật lăng mạ tôn giáo là thuốc phiện... đời sống tâm linh của người trí thức Âu Châu bị lay động nghiêng ngả giữa những ý thức hệ, những lý niệm trừu tượng, nào là sự tận cùng của lịch sử (la fin de l'histoire) khởi từ biện chứng lịch sử duy tâm Hegel và duy vật Mác Xít, nào là lý trí khủng hoảng (crise de raison) khi Heidegger phân tích "nét gập đôi," cặp hữu và vô, tâm và vật, đề và phản đề... duy lý đưa tới cái chết của con người hiện sinh, phi lý, giới hạn, mỏng manh cát bụi... Giữa cơn cuồng tư loạn ý Tây phương này, có thể tạm nhìn thấy hai chiều hướng chính của giới triết học Tây phương:

1- Hướng triết học xoay quanh *ý thức*, tìm hiểu phân tích phương pháp vận hành của tri thức, của bản thể và đối tượng, của tri giác và sự vật chung quanh... Descartes cũng như Husserl, đều là những toán học gia, cả hai đều muốn xây một cái nền chắc nịch cho triết lý, rõ và chắc như toán pháp. Descartes (1637) tập trung vào ý thức (Je pense, donc je suis), và *Cogito*, Husserl (1859-1938) tập trung vào gạch nối ý thức *về* đối tượng, về một cái gì, đối tượng ở đây được hiểu là *yếu tính*

(essence) mà *trực giác tri thức* (intuition intellectuelle) có thể bắt được. Sự vật xuất hiện trần truồng như là những hiện tượng trước trực giác nội tâm, xuất hiện ra sao, như thế nào... hiện tượng luận có tham vọng dùng phương pháp luận lý riêng (*science eidétique*) để tìm tòi, để diễn tả một cách khoa học(2) như một khoa học nghiêm túc, một khoa học bao trùm các khoa học khác.

Ngoài những tác phẩm đã in, Husserl còn để lại tới 300,000 trang bản thảo ở Louvain, Bỉ Quốc, và cao đồ của ông, triết gia Martin Heidegger, dưới áp lực của Đức Quốc Xã, đã có thời phải chối bỏ tư tưởng của Husserl vì Husserl có gốc Do Thái như K. Marx.

2- Chiều hướng triết học xoay quanh *Ý Thức và Hành Động*

Tri thuần túy chỉ là một đam mê tri thức, nên nhiều triết gia muốn vừa tri vừa hành, vừa biết vừa đưa cái biết vào nhân sinh (savoir — pouvoir). M. Heidegger (1889-1976) nhận ra hiện sinh là hiện sinh trong thế gian và con người là con người đang biến đổi, đang thành hình trong thời gian trước mặt. Ý niệm về con người trong thời gian, trong dòng lịch sử đã có từ biện chứng Hegel với sử tính của ý thức. J.P. Sartre lấy nguyên lập luận của M. Heidegger trong Hiện hữu và Thời gian (Sein und Zeit — 1927) vào tập Hiện hữu và Hư vô (L'Etre et le Néant — 1943). Nhưng Hiện sinh muốn nhập thế cuộc thì nhập cách nào cho đúng cách nhân bản? Tới đây kẻ cuồng loạn phi lý, kẻ bám vào Mác Xít vì Mác Xít đang trên đà chiếm nửa thế giới. Thay thế sử tính của ý thức bằng sử tính của giai cấp, Mác và duy vật biện chứng đã có lúc kéo được J.P. Sartre về phe mình mặc dù sau này Sartre cho cá nhân không phải chỉ hiện hữu trong lịch sử, nó còn có khía cạnh cá thể sáng tạo tự do, có thể đứng trong bóng tối lịch sử hoặc bên lề lịch sử.

Khi Sartre đi thăm Nga thì Trần Đức Thảo đã về Việt Nam và cũng đã say sưa với Duy Vật Biện Chứng. Ông cố nối kết hai triết thuyết thời danh"Hiện tượng luận" của Husserl với Duy Vật Biện Chứng của Marx trong tác phẩm "Phénoménologie et matérialisme dialectique" (1951). Những sáng tác sau có vẻ đã xa rời Mác Xít và nghiêng nhiều về triết học Hegel, về Hiện tượng luận, cuốn "Recherches sur l'origine du language et de la Conscience" (1973) không biết có liên quan gì tới khuynh hướng Triết lý Ngôn Ngữ (Linguistic Philosophy) của David Hume và Wittgenstein không?

SO SÁNH HOA TRÁI TRIẾT TÂY TRIẾT TA: MẪU NGƯỜI LÝ TƯỞNG

Triết lý theo đúng nghĩa là tìm tòi học hỏi điều khôn. Triết gia Hy Lạp và Đạo học Đông phương từ hơn 2000 năm nay đều bàn về những vấn đề nhân bản đạo đức bổ ích cho đời sống. Về sau triết học Tây phương trở thành một khoa học chuyên môn bàn chuyện siêu hình, bản thể, thể tính, phương pháp vận hành tri thức, tri giác... sợi tóc chẻ ra làm tư, tâm trí cắt ra phân tích tối cực tiểu. Dần dà triết học như trò chơi trí thức không tưởng và nhiều khi là trò chơi gây tai vạ cho dân chúng chẳng biết ngôn từ tâm, vật, biện chứng, eidos, noumen, giai cấp tính là gì...

Nếu muốn đo lường giá trị của các triết thuyết, xem túi khôn của ai khôn hơn ai, thì có thể xem cái kết quả của triết lý ấy đã tạo ra những tông đồ nào, những mẫu người nào.

Đặt ra một bên các tôn giáo độc thần đã và đang sát phạt khốc liệt, triết lý Tây phương, như Nietsche đã tạo ra người hùng Hitler với thuyết ưu chủng, Mác Xít đã tạo ra thế giới Cộng Sản 70 năm bá nghiệp, Hiện Sinh đã sản ra hippies và nếp sống phi lý loạn cuồng... Ngay cả các triết gia khả kính Hy Lạp cũng có những ý tưởng rất lạ: Platon đòi đuổi thi sĩ ra khỏi đô thị, cho giới thượng lưu lối sống cộng sản, Aristote chủ trương nô lệ và phân biệt giống nòi chủng tộc... Triết lý Tây phương không thấy tạo dựng được một mẫu người nào làm lý tưởng cho bàn dân thiên hạ. Mẫu người "gentleman" của Anh Quốc không xuất phát từ một triết thuyết và văn hóa Anh Mỹ lại không có triết gia như Pháp, Đức...

Trong khi đó, Đạo học Đông phương có thể tự hào đã ươm hoa kết trái thành mẫu người đạo sĩ cao cả của Phật, Lão, mẫu người Quân Tử Trượng Phu của Khổng Mạnh, mẫu người võ sĩ danh dự của Nhật Bản, mẫu người Hiền của Tam giáo Việt Nam v.v...

Thế nên, nếu Đông phương có thể học hỏi được óc phân tích khoa học của Tây phương, óc thực dụng *không* khinh thường vật chất của Anh Mỹ, thì vẫn phải tự tin giữ vững Đạo học thánh hiền làm cứ điểm xuất phát cho mọi cuộc cải cách tư tưởng và xã hội. Cũng như miếng ăn miếng uống, nếu ta không bỏ được "ngày hai bữa vỗ bụng rau bình bịch" (Nguyễn Công Trứ) thì tưởng món ăn tinh thần của Hegel, của Marx, của Husserl, của Sartre... cũng rất khó tiêu hóa.

TRO BỤI BÁT NHÃ

Điều đáng phục ở Trần Đức Thảo là ông không những đã thấu triệt triết Tây mà còn sáng tạo được những tác phẩm ngay trên mảnh đất phát tích của nền triết học ấy.

Tiếc thay cho triết gia Trần Đức Thảo:

1- Giá năm 1952 ông đừng về Việt Nam, thì sở học và sở tài của ông đã có môi trường để phát triển vô hạn và Việt Nam đã có một triết gia dư khả năng trên đấu trường triết học Tây phương.

2- Giá ông đi vào Đạo học Đông phương, với óc triết lý uyên bác, ông đã có thể để lại cho hậu thế những món quà tinh thần trường cửu vô giá, đồng thời tránh được cái mê hồn trận tư tưởng mà Tây phương đã và đang vây bủa nhân loại.

Nhưng nay thì ông đã thành tro bụi, người yêu thích triết học phải chọn cho ông những lời viếng xứng đáng. Xin chọn lời Kinh Kim Cương Bát Nhã, siêu ý niệm, vô ngã vô pháp, phi biện chứng:

"CÁI BỤT GỌI LÀ BỤI NHỎ, VỐN KHÔNG PHẢI LÀ BỤI NHỎ, NÊN MỚI GỌI LÀ BỤI NHỎ..."

để tiễn người đi. ■

6-1993

TIẾNG CHUÔNG NHÀ THỜ TIỄN ĐƯA ANH VỀ XỨ THIÊN ĐÀNG

PHẠM DUY

LTS: Nguyễn Xuân Khoát là một trong những nhạc sĩ hàng đầu của nền tân nhạc Việt Nam. Ông là người có công lớn trong việc đưa ra những nhạc phẩm với một phong cách rất Việt Nam trong mọi lĩnh vực, giai điệu tiết điệu, cấu phong. Ông dùng hoàn toàn ngũ cung Việt Nam để phổ nhạc các bài thơ Mầu Thời Gian (Đoàn Phú Tứ), Hồn Xuân Chờ Đợi Bình Minh (Thế Lữ)... Nguyễn Xuân Khoát vừa qua đời tại Hà Nội Việt Nam hồi đầu tháng Năm 1993.

Nhạc sĩ Phạm Duy nói sở dĩ ông "được vinh dự là người nhạc sĩ tương đối thành công như ngày hôm nay có lẽ người tôi mang ơn nhiều nhất là Nguyễn Xuân Khoát."

Bài viết dưới đây của nhạc sĩ Phạm Duy là lời cám ơn đó.

Nhạc sĩ Nguyễn Xuân Khoát vừa qua đời vào một trong những ngày đầu tháng 5 này. Trước đó vài ngày, trong cuộc điện đàm lần đầu tiên sau 40 năm xa cách với người anh họ của Thái Hằng (và là bạn đồng ngũ của tôi hồi ở Liên Khu Tư) là Phạm Văn Đôn, người họa sĩ gần 80 tuổi này bảo tôi: Này cậu mà không về ngay thì có những người cậu muốn gặp sẽ không còn nữa. Hỏi thăm về anh Khoát, Đôn nói anh ấy đang trên đường về Ngã Tư Sở (dù xa Hà Nội quá lâu nhưng tôi cũng đoán được chỗ đó là Nghĩa Địa Đô Thành). Thế rồi trong lá thư Đôn vừa gửi cho tôi đề ngày 10-5-93, Đôn viết: Ngày mai đưa đám anh Khoát... Hôm nay, tại Thị Trấn Giữa Đàng, tôi thấy sự cần thiết phải viết ngay bài báo này.

Được vinh dự thành người nhạc sĩ tương đối thành công như ngày hôm nay, có lẽ người tôi mang ơn nhiều nhất là Nguyễn Xuân Khoát. Vào lúc tôi chưa biết gì về âm nhạc thì anh Khoát đã cùng với Nguyễn Văn Giệp, Nguyễn Văn Hiếu, Phạm Văn Nhường... học nhạc tại Conservatoire Francais d'Extrême Orient do người Pháp thành lập tại Hà Nội vào khoảng năm 1930, rồi cùng với mấy bạn đồng học kể trên đánh đàn tại nhà hàng Taverne Royale nằm đối diện Hồ Hoàn Kiếm. Tôi thường mặc áo dài đứng rất lâu trên hè đường để vừa nghe vừa nhìn họ với đôi tai trâu bò và đôi mắt thèm khát.

Trong mấy nhạc sĩ tiền phong này tôi rất chú ý tới Nguyễn Xuân Khoát. Tôi thấy rằng dù được nuôi dưỡng và sinh sống bằng nền nhạc cổ điển Tây phương nhưng anh Khoát lại viết bài nghiên cứu về cái đàn bầu đăng trên báo *Tinh Hoa* hoặc về Hát Á Đào đăng trên báo *Thanh Nghị*. Rồi anh còn ghi âm các bài hát Chèo và cho in thành bản nhạc rời. (Tôi còn giữ được bản *Trần Thủ Lưu Đồn* mà anh cho in trên giấy bản trắng cho tới ngày 30-4-75). Thái độ quay về nhạc dân tộc cổ truyền của anh Khoát vào giữa thập niên 30 đã khiến cho tôi phải suy nghĩ. Cho tới khi tôi bước vào nghề nhạc thì tôi đi ngay vào con đường anh đã phác họa.

Vào lúc chưa có Tân Nhạc, tuổi trẻ yêu nhạc rất thán phục nhạc cổ điển Tây phương hoặc say mê hát các bài *chanson à la mode* của Mỹ hay của Pháp. Rồi cho tới khi có *nhạc cải cách* thì những người tiền phong như Nguyễn Văn Tuyên hay các nhạc sĩ trẻ khác tung ra những bản nhạc pha trộn ngũ cung Việt Nam với thất cung Tây phương và lồng Tân Nhạc vào các thể nhạc khiêu vũ như *tango, valse, pasodoble* vân vân... Anh Khoát không làm như vậy. Anh đưa ra những nhạc phẩm — theo tôi, vào lúc đó — với một phong cách rất Việt Nam trong mọi lĩnh vực giai điệu, tiết điệu, cấu phong như *Hồn Xuân, Chờ Đợi Bình Minh* (thơ của Thế Lữ) hai bài này đăng trên báo *Ngày Nay* vào cuối năm 1938 và **Mầu Thời Gian** (thơ của Đoàn Phú Tứ) đăng trong *Xuân Thu Nhã Tập* vào năm 1942.

Tôi đã nhìn thấy ngay việc anh Khoát dùng hoàn toàn ngũ cung Việt Nam để phổ nhạc những bài thơ đó. Tiết điệu của bản nhạc là vận tiết (prosodie) của thơ nhưng không bị gò bó trong nhịp hai chữ (rất thông thường) của thơ lục bát. Nghe như một lối **hát thơ** mới mẻ, có tiến trình giai điệu (marche mélodique) rất đẹp chứ không còn là lối ngâm thơ cổ điển trói chặt bài thơ trong một công thức **bồng mạc** hay **sa mạc** nào đó. Chẳng hạn bài thơ phổ nhạc **Hồn Xuân** nhờ có anh Khoát mà toát ra một không khí mùa Xuân êm đẹp với lòng người man mác

một mối xuân tình. Bài **Chờ Đợi Bình Minh** là một hành khúc nhưng không phải là thứ hành khúc lính tẩy như ta sẽ thấy trong giai đoạn sau của Tân Nhạc. Đây là hành trình của một chàng trai trẻ, trong buổi bình minh, đi trên quê hương gấm vóc của mình và mở lòng ra với thiên nhiên, vũ trụ. Đó là nhạc tình cảm, nhưng không phải là thứ tình cảm rên xiết. Bài **Mầu Thời Gian** thì rất đồ sộ với nhạc điệu lung linh và mang mầu siêu thực của bài thơ (Tôi cũng đã phổ nhạc bài thơ này, kém xa lối phổ nhạc của anh Khoát). Trong "nghề" phổ nhạc của tôi, đôi khi có vài ba người bạn quý thường hỏi tôi về bí quyết phổ thơ. Xin được thưa rằng tôi học lóm ở lối phổ thơ của Nguyễn Xuân Khoát từ khi tôi chưa tới tuổi 20 đấy ạ!

Vào hai năm 45-46, sau khi được làm quen với anh Khoát và có lần được xách cặp cho anh ở bãi Phúc Xá, tôi lại được anh cho một bài học về sự phát triển dân nhạc Việt Nam. Vào lúc ngọn lửa Cách Mạng còn đang bừng bừng ở trong nước, nhất là ở Hà Nội trong khi mọi người xả thân vào loại nhạc "trâu đánh" — à quên tranh đấu — thì anh Khoát làm công việc đùa nghịch với *đồng dao*. Ông anh trời sinh có một nét mặt vô cùng buồn rầu, một dáng người vô cùng mệt mỏi... lại là một người rất tinh ranh. Nhạc cổ điển rất trịnh trọng (không có gì làm tôi tức cười hơn là khi thấy mấy ông nhạc sĩ rau muống làm dáng Beethoven hay Mozart) mà anh học được chỉ giúp anh làm vui hơn lên những câu đồng dao rất trong sáng, rất đậm đà, rất thú vị của chúng ta, phát sinh từ khi có tiếng nói Việt Nam rồi tới cuối thế kỷ 19 thì bị mai một đi khi văn minh Âu Tây khởi sự theo chân thực dân tới nước ta.

Những câu đồng dao rất ngắn ngủi tưởng như vô nghĩa lại mang rất nhiều ý nghĩa khi được anh Khoát phục hồi. Ngoài ra, nhờ ở tài nghệ của anh mà những câu đồng dao theo thể *bốn chữ* hay *lục bát* trở thành những **bài hát có điệu bộ** đầu tiên của Tân nhạc. Chẳng hạn câu đồng dao **Con Voi:**

Con vỏi con voi
Cái vòi đi trước
Chân trước đi trước
Chân sau đi sau
Cái đuôi sau rốt.

Anh Khoát phổ với nét nhạc ngũ cung nhưng cách diễn tả thì rất thần tình. Anh mở đầu với giai điệu cong cong như cái vòi voi:

Con vói í i ì con voi
Cái vòi í i ì đi trước

... vào đoạn giữa với tiết điệu nặng nề như bước voi đi:

Hai chân trước ì đi ì trước
Hai chân sau ì đi ì sau...

và nét nhạc ở cuối bài thì được tung lên như cái đuôi voi:

Còn cái đuôi... thì đi sau rốt!

Bài **ca ra bộ** này có thể hát liên tục với câu

Tôi xin kể nốt cái chuyện
Con vói í i ì con voi v.v...

Ngộ nghĩnh hơn nữa là với bài hát nhi đồng cỏn con này, anh Khoát dạy chúng ta một bài học về trật tự khi anh hát rằng:

Con vói ì i ì con voi
Cái vòi đi trước
Hai chân trước ì đi ì... sau
Hai chân sau ì đi ì... trước
Còn cái đuôi... không biết đi đường nào!!!

Những câu đồng dao khác cũng được anh Khoát phổ nhạc một cách rất đặc sắc. Ta thấy có tiếng cười lanh lảnh của **Thằng Bờm Có Cái Quạt Mo,** thấy sự sợ hãi của con chuột đến độ nói lắp trong bài **Con Mèo Mà Trèo Cây Cau...** Hơn 30 năm sau — vào đầu thập niên 70 — khi tôi phục hồi đồng dao với những bài **bé ca,** đó chẳng qua chỉ là tôi muốn đi tiếp trên con đường của người đi trước là nhạc sĩ Nguyễn Xuân Khoát.

Trong kháng chiến, tôi gặp anh Khoát vài ba lần. Được nghe hai bài nhạc bất hủ của anh là bài **Gọi Nghé** và **Tiếng Chuông Nhà Thờ.**

Bài **Gọi Nghé** chan chứa tình cảm thiên nhiên của một chiều Việt Bắc, với núi rừng vừa hùng tráng vừa êm đềm, có làn khói lam không muốn tan đi, có tiếng suối róc rách chảy, có tiếng gọi nghé: *a be nghé ơi!* Chao ôi, sao mà thấy trong lòng dâng lên mối tình quê hương mặn mà đến thế! Bài này cho tôi nhiều cảm hứng để soạn bài **Nương Chiều.**

Bài **Tiếng Chuông Nhà Thờ** là một bản nhạc vĩ đại, một thứ *poème symphonique* theo đúng tiêu chuẩn của nó:

Thánh đường tôn nghiêm
Giặc xàm tới chiếm
Tháp cao tòa thánh
Đặt súng thay chuông
Hung ác bạo cường
Tàn sát dân lành
Giê Su Ma, Lạy Chúa Tôi!

Bài này diễn tả cảnh nhà thờ Việt Nam với ngày ngày những hồi chuông rung lên để cầu Chúa ban phước ơn lành cho nhân loại, để nối duyên đôi lứa, để rửa tội tổ tông cho trẻ sơ sinh, để tiễn đưa linh hồn người chết về xứ Thiên Đàng... Thế mà giờ đây giặc Pháp tới làm ô uế chốn thánh đường. Vậy thì, toàn dân phải đánh cho tan giặc để kháng chiến thành công và được nghe lại tiếng chuông nhà thờ.

Gặp anh hai lần ở Bắc Kạn (1947) rồi ở Yên Giã (1950), anh Khoát và tôi có dịp hàn huyên về âm nhạc, tôi lại được nghe anh giảng dạy về nhạc thuật. Không gì sung sướng cho bằng được ngồi quanh bếp lửa trên nhà sàn, nghe gió rừng lùa qua vách nứa, lòng nung nấu bởi mối tình yêu nước ngây thơ và chân thành.

Thế rồi, cuộc đời chia rẽ chúng tôi. Một ngày mùa Thu năm 50, giã từ anh Khoát ở rừng Yên Giã, tôi mang trong lòng hình ảnh người nhạc sĩ đàn anh gầy gò ốm yếu về Thanh Hóa, rồi đem vào Sài Gòn, rồi đem đi Hoa Kỳ... thấm thoát đã hơn 40 năm rồi! Trong gần 20 năm ở ngoại quốc, thỉnh thoảng tôi cũng có dịp biết về anh, chẳng hạn được coi hình ảnh của anh qua cuốn video của Nguyễn Tú A và nhất là khi gặp Nguyễn Đình Thi ở Paris vào năm 90 thì tôi được dịp may mắn gửi về anh một chút tình nho nhỏ. Bây giờ anh Nguyễn Xuân Khoát vừa nằm xuống. Biết anh là người Công Giáo, tôi xin phép được tiễn đưa anh về xứ Thiên Đàng bằng bài báo ngắn ngủi này.

Cái chết của anh Nguyễn Xuân Khoát và lời nói của Phạm Văn Đôn làm tôi rất mủi lòng. Nếu tôi chậm về quê hương thì còn có nhiều người bạn tôi muốn gặp, tôi sẽ không còn gặp được nữa. Biết làm sao bây giờ? Hỡ Trời? Hỡ Đất? Hỡ Người Việt Nam???■

TƯỞNG NHỚ ANH NGUYỄN XUÂN KHOÁT

TRẦN VĂN KHÊ

Trong một bức thư Anh Nguyễn Hữu Ba viết cho tôi cách đây 30 năm có câu: "Bao giờ ba anh em mình được gặp nhau, ngồi cạnh nhau để trao đổi kinh nghiệm trong công việc sưu tầm, nghiên cứu âm nhạc truyền thống Việt Nam? Ngoài Bắc có Anh Nguyễn Xuân Khoát hiểu thấu hát chèo và ca trù, miền Trung có tôi nắm vững nhạc Cung đình và ca nhạc Huế, miền Nam có anh rành nhạc tài tử, cải lương." Tôi cũng cùng chung một ước mơ ấy. Nhưng ước mơ của chúng tôi chưa được thực hiện, và kể từ nay sẽ không thể nào thực hiện được nữa. Anh Nguyễn Xuân Khoát vừa vĩnh viễn ra đi.

Tôi không nhắc lại tiểu sử của người nhạc sĩ lão thành mà tôi chỉ nghe tên từ lâu, đã ngạc nhiên và thầm mến phục tài nghệ qua bài "Màu thời gian" của Đoàn Phú Tứ mà anh đã phổ nhạc một cách rất độc đáo, và đậm màu dân tộc. Trong nước sẽ có người nghĩ đến việc ấy và biết rõ anh Khoát hơn tôi, sẽ viết đầy đủ hơn về anh. Tôi chỉ ghi lại kỷ niệm mấy lần tôi được gặp Anh.

Năm 1976, chiến tranh vừa giứt, thống nhứt Bắc Nam. Trung tâm nghiên cứu khoa học Pháp, Viện nghiên cứu đối chiếu Tây Bá Linh, định gởi tôi về nước ghi âm nhạc truyền thống miền Bắc để thực hiện dĩa hát dưới nhãn hiệu Unesco. Cùng một lúc, anh Đỗ Nhuận, Tổng Thư Ký Hội Nhạc sĩ Việt Nam có thư mời tôi về nước gặp gỡ các bạn nhạc sĩ trong Hội. Năm đó lần đầu tiên, tôi được diện kiến với anh Khoát, Chủ tịch Hội Nhạc sĩ Việt Nam.

Tuổi anh dạo ấy khoảng 60, nhưng tóc anh đã bạc, người cao mà gầy, má hơi hóp, vài nếp nhăn trên mặt, nhưng đôi mắt rất sáng, nụ cười rất tươi, và cái siết tay rất nồng hậu. Gặp tôi, anh nói chuyện rất cởi mở, như đã biết nhau từ lâu. Anh cho tôi biết hát chèo thì được phát triển mạnh, nhưng ca trù từ lâu rồi không có dịp được nghe nữa. Mấy hôm tôi nói chuyện về âm nhạc dân tộc Việt Nam tại trụ sở Hội Nhạc sĩ, trên đài phát thanh, anh đều có đi nghe và rất tâm đắc với tôi ở điểm, phải học hỏi nghiêm túc vốn cổ, để trên cơ sở vững chắc đó mình sáng tạo cái mới, không mất gốc mà phù hợp với cuộc sống hiện tại. Anh rất vui khi nghe tôi định ghi âm để thực hiện dĩa hát về chèo, ca trù và quan họ. Anh và tôi cũng đồng ý là truyền thống Việt Nam có những bộ gõ rất tinh vi. Mới gặp nhau sao mà thấy quá gần nhau trong thái độ đối với nhạc truyền thống như vậy?

Đến hôm, tôi được phép ghi âm ca trù để thực hiện dĩa hát, thì hai anh em chọn lựa những bài phải ghi: Bắc phản, Mưu, Hát nói, Tỳ bà hành v.v... anh hết sức vui mừng. Vui hơn nữa khi anh được phép nói chuyện trên đài phát thanh về nghệ thuật ca trù. Vào tháng Tư năm 1976, sau gần 30 năm nghệ thuật ca trù bị im hơi vắng tiếng. Rồi đến mấy hôm họp mặt tại trụ sở Hội Nhạc sĩ để chuẩn bị buổi ghi âm, Bà Quách Thị Hồ, Bà Nguyễn Thị Phúc hát, Anh Đinh Khắc Ban đàn đáy, Cụ Trúc Hiền nhịp trống. Tôi ghi âm, hai anh Đỗ Nhuận, và Nguyễn Xuân Khoát nghe và góp ý kiến. Hôm đó (16/3/76), Cụ Trúc Hiền có mấy câu thơ ghi lại

Ngày xuân gặp bạn Trần Khê
Ban đàn, Hồ hát hả hê, tình tình
Trúc Hiền điểm trống xinh xinh
Ru lời bạn Phúc ra hình nhớ lâu
Nào nhả ngọc, nào phun châu
Lâm, Khê, Ban, Khoát nghiêng bầu tỉnh say
Trúc Hiền tặng mấy vần này.

Rồi đến ngày 21 tháng 4 năm 1976, tôi ghi âm ca trù tại Phòng cách âm của Đài tiếng nói Việt Nam để làm dĩa hát cho Unesco. Anh ngồi nghe, góp ý kiến và vô cùng thích thú. Ngày 26 tháng 4, trong buổi tiệc chia tay với tôi, anh Khoát viết mấy dòng trong tập lưu niệm du ký của tôi như sau:

Để kỷ niệm buổi gặp cuối cùng thời gian vừa qua,
anh Trần Văn Khê về nước.
Cám ơn anh!
Sự kiện anh về nước động viên tôi rất nhiều!
Nguyễn Xuân Khoát.

Hai anh em chúng tôi trong mấy hôm chuyện trò tâm tình, thấy có nhiều điểm rất tâm đắc:

1- Tuy được đào tạo theo phương pháp của Pháp, của Tây Âu, mà không vọng ngoại, lại dùng kiến thức thu thập từ bên ngoài, cộng với khả năng của mình để tìm tòi, học hỏi, sưu tầm vốn cổ Cha Ông để lại. Anh được học chính qui tại Nhạc Viện Pháp tại Viễn Đông (Conservatoire francais d'Extrême Orient) do người Pháp tổ chức tại Hà Nội. Anh chuyên đàn contrebasse, loại

vĩ cầm to nhứt trong dàn nhạc giao hưởng và thường đánh nhạc khiêu vũ tại nhà hàng Taverne royale ở Hà Nội. Trong những sáng tác đầu tay của anh, bài "Bình Minh" (1938) hay bài "Con cò đi ăn đêm" (1939), ta đã nhận thấy chỗ anh dựng thang âm ngũ cung, loại thang âm ta thường gặp trong dân ca Việt Nam. Anh đã phổ nhạc những bài ca dao quen thuộc như "Con voi" (1939), "Thằng Bờm" (1940), thằng Bờm có cái quạt mo... Lúc ấy anh đã bắt đầu tìm hiểu dân ca đồng bằng Bắc bộ, học hát chèo, tìm hiểu ca trù, học đánh phách, nên anh đã phổ nhạc ca dao chớ chưa nghĩ đến việc sáng tác nhạc mới. Có lẽ vì thế mà trong thời gian tôi học Y tại Hà Nội, đang say sưa với Lưu Hữu Phước trong việc phổ biến những bản Bạch đằng giang, Chi Lăng, mà không có dịp gặp gỡ hay tiếp xúc với anh. Nhưng sau này, tuy học phương pháp nghiên cứu âm nhạc tại Đại học Sorbonne, tôi dùng kỹ thuật sưu tầm nghiên cứu âm nhạc dân gian để ghi chú, tìm hiểu các điệu hò, lý, dân ca cổ nhạc miền Nam. Anh thường bảo rằng tôi may mắn hơn anh ở chỗ tôi xuất thân trong một gia đình bốn đời nhạc sĩ, còn anh lớn lên mới tìm đến dân ca đồng bằng Bắc bộ, hát chèo hay ca trù. Có điểm khác nhau là tôi đi vào nghiên cứu; còn anh đi vào lĩnh vực sáng tác. Anh đi sát với kháng chiến, tôi lưu lạc nơi xứ người. Trong mấy ngày đầu của cuộc kháng chiến thứ nhứt, anh đã sáng tác: Tiếng chuông nhà thờ, (1946), Mừng bộ đội chiến thắng (1948), và những bài phỏng theo dân ca miền Bắc như Hò kiến thiết (1958).

2- Anh và tôi đều say mê nhạc dân tộc, tìm hiểu, hấp thụ, tiêu hóa nhạc dân tộc, học nhạc cổ, không phải vì nệ cổ, mà tạo cho mình có một cơ sở vững vàng để dựa trên truyền thống mà sáng tác cái gì mới hơn. Lúc anh viết nhạc nền cho ca kịch "Những bức thư tình" vào thời kỳ tiền chiến, anh chưa mạnh dạn dùng những nhạc cụ hay yếu tố ngôn ngữ nhạc dân tộc như trong khi anh viết nhạc cho phim hoạt họa "Ông Gióng" "Sơn Tinh, Thủy Tinh". Trong phim Ông Gióng anh cho đàn bầu và đàn xen-lô (violoncelle) thay phiên nhau mà phụ họa những lời hát ru của Mẹ Gióng. Có đoạn anh dùng toàn bộ gõ. Trong phim Sơn Tinh Thủy Tinh, cạnh bên nhạc khí phương Tây như vĩ cầm (violon), trung vĩ cầm (violoncelle) kèn fagotto, anh dùng đàn bầu và toàn bộ gõ Việt Nam như trống đế của chèo, trống con, trống cái, sênh tiền, thanh la... Anh còn soạn một bản nhạc hòa tấu cho dàn nhạc dân tộc tựa là "Dưới bầu trời thủ đô", để theo ý anh, xem nhạc khí truyền thống có khả năng diễn tả hay thể hiện một đề tài hiện đại hay không.

3- Anh và tôi đều cho rằng bộ gõ và quan điểm Việt Nam về tiết tấu là một ưu điểm trong âm nhạc Việt Nam. Đồng thời với nguyên tắc biểu diễn "chân, phương, hoa, lá," chúng ta có một phương châm biến khúc và phát triển tiết tấu rất độc đáo. Và anh chẳng những đã xử dụng bộ gõ một cách thần tình và đầy sáng tạo khi viết nhạc cho phim hoạt họa, mà anh còn sáng tác những bài đặc biệt cho bộ gõ như "Suýt lỡ hẹn" tiểu phẩm cho tấm nhạc cụ gõ truyền thống, "Tiếng pháo giao thừa" soạn đặc biệt cho ban nhạc gõ Phù đổng.

Từ năm 1976 đến nay, mỗi lần tôi về nước làm việc, có dịp đến Hà Nội, là tôi đều có đến thăm anh tại tư gia của anh. Năm 1982, khi tôi mang máy video của Trung tâm nghiên cứu khoa học Pháp về nước quay tài liệu nhạc học, anh Lưu Hữu Phước cùng đi với tôi đến nhà anh Khoát và ghi lại hình anh vui cười nói chuyện với chúng tôi, giới thiệu cháu ngoại của anh.

Hỏi thăm anh về sáng tác cũ của anh như "Tiếng chuông nhà thờ" hay bài anh phổ nhạc bài thơ "Màu thời gian" của Đoàn Phú Tứ, anh từ tốn nói lại những suy tư của anh khi sáng tác những nhạc phẩm ấy. Khi nói tới vốn cổ dân tộc, lúc nào anh cũng say mê và khen ông cha ta có nhiều sáng tạo thần tình trong thời đại của các cụ. Bàn đến tương lai, thì nhiều lúc anh nói say sưa, đôi mắt mở to, tiếng anh vang lên sang sảng, nhiệt huyết như bừng sôi. Lúc ấy, anh trẻ lạ thường. Và tôi cũng vậy. Hai anh em khi bàn đến những điều muốn mà chưa thực hiện được, thì cả hai đều sôi nổi, hào hứng như sẽ hoặc đã thực hiện rồi. Thấy tương lai như nhìn nhiện tại hay quá khứ. Anh khuyên tôi nên cố gắng tiếp tục nghiên cứu và nghĩ đến việc sáng tác. Tôi có nói với anh là tôi chỉ là người gom góp vật liệu đã có từ xưa để cho các nhạc sĩ sáng tác như anh Khoát và nhiều bạn khác dùng vật liệu xưa mà sáng tác cho thế hệ mai sau, mỗi người trong một lĩnh vực, nhưng hai anh em chúng tôi, cùng đi trên một đoạn đường, cùng nhìn về một hướng, dầu xa nhau trong cuộc sống, nhưng rất gần trong hoài bão, nguyện vọng liên quan đến sự phát triển của âm nhạc truyền thống dân tộc Việt Nam.

Anh đã vĩnh viễn ra đi theo qui luật thiên nhiên của tạo hóa, có sinh thì có tử, có thành thì có hoại. Thương tiếc cho mấy cũng không làm cho anh tìm lại được sự sống. Nhưng với tôi, sự nghiệp nghiên cứu và sáng tác của anh sẽ tồn tại, bất tử và anh đã trọn vẹn bổn phận làm dân lúc nước nhà gặp cơn biến, của người nghệ sĩ, nhận của xã hội đã hết lòng cho lại xã hội, tằm nhả tơ dệt lụa dệt gấm cho đời để trả nợ dâu, cuộc đời của anh, kinh nghiệm nghiên cứu và sáng tác của anh sẽ là tấm gương sáng cho thế hệ mai sau.

Có cần chăng chúc anh tiêu diêu nơi cõi thọ? Chắc chắn rằng anh sẽ tiêu diêu nơi cõi thọ. Chỉ có mấy dòng thành thật và thiết tha chia buồn cùng tang quyến và nhắn nhủ các bạn trẻ Việt Nam học nhạc, cố làm sao đi tiếp tục con đường anh Khoát đã đi, để mai sau không những có một Nguyễn Xuân Khoát mà có nhiều Nguyễn Xuân Khoát, để giá trị nghệ thuật, giá trị khoa học của truyền thống Việt Nam được sáng tỏ, để cho sự tiến triển của truyền thống Việt Nam có một nền tảng dân tộc vững chắc, một bản sắc dân tộc rõ rệt, không bị rơi vào con đường nhỏ hẹp, vào mảnh đất hoang của âm nhạc mất gốc, ngoại lai. Như vậy, dưới suối vàng hay ở chốn Niết bàn, hương hồn anh Khoát sẽ được hài lòng.■

CÁI CHẾT THÊ THẢM CỦA MỘT TÊN TƯỚNG CƯỚP HAY CÁNH TAY TỘI ÁC NỐI DÀI CỦA "QUÊ HƯƠNG NGÀN DẶM"?

NGUYỄN VŨ

(Berlin, Đức)

Trước khi trở thành một tướng cướp tàn bạo ở Đông Berlin (Đức), Nam - con một cựu Bí thư Tỉnh ủy Hải Hưng (ĐCS) -- là công nhân xuất khẩu ở CHDC Đức. Sau khi một loạt các nước XHCN Đông Âu bị tan rã, giống như bao "lao nô" khác, N. cũng bị đẩy ra đường. Bí lối, N. câu kết với các chú sứ quán Berlin mua hộ chiếu giả qui tụ đồng bọn từ Tiệp chạy sang sống bất hợp pháp tại Đức, (N. còn đưa cả một số đàn em từ Việt Nam sang) trở thành đội quân Mafia chuyên cướp của giết người. Cứ mỗi lần cướp được món tiền kha khá N. lại ôm cả gói về Việt Nam để cất giấu. Lần cuối cùng N. còn quyết định đem theo cả vợ con. Nhưng ngôi sao chiếu mệnh của N. đã vụt tắt vào sáng ngày 15-5-1993 tại G. (một trong ba khu chung cư lớn nhất của người Việt Đông Berlin) rất thê thảm: thân thể bị đâm chém nhừ nát và sắp bị cắt đầu đóng cọc nếu không bị Polizei Đức phát hiện.

Cái chết của N. đã vượt ra khỏi qui luật thông thường: "chết" chưa phải "là hết": con trai y phải đưa vào trại mồ côi của Đức, vợ còn kẹt lại bên Nga; rồi cả khu nhà E bị bao vây bởi đội quân cảnh sát dã chiến, đồng bào của N. bị lục soát và thu giữ hàng xe thuốc lá lậu thuế; nhiều đêm liền có những bóng đen lì lợm đến thắp hương tại nơi xảy ra án mạng, miệng lầm rầm những lời hứa trả thù trước vong linh kẻ xấu số. Và sau cùng là hình ảnh người Việt Nam càng thêm méo mó dưới con mắt của dân Đức đang bài ngoại nặng nề...

Hầu hết trong mọi cộng đồng ngoại kiều đều có lũ người tội phạm, nhưng các băng đảng Mafia của người Việt tại Đông Berlin lại vượt lên trên mức tàn bạo thông thường (chúng giết người bằng kiếm Samurai của Nhật, bằng rìu, lưỡi lê, súng ngắn, AK của Tiệp hay Nga) *và đặc biệt là có liên hệ mật thiết với chế độ độc tài, tham nhũng ở quê nhà thông qua sứ quán Việt Nam tại Đức.* Không phải ngẫu nhiên mà N. luôn có trong tay danh sách tất cả những công nhân lao động Việt Nam giàu có sắp trở về nước để tới cướp bóc. Nhưng kẻ nào đã giết Nam?

Từ những năm 80 hàng loạt con em cán bộ công nhân viên, bộ đội xuất ngũ đã được nhà nước Việt Nam ưu tiên cho đi lao động làm thuê trả nợ chiến tranh và gom góp ngoại tệ cho chế độ dưới danh xưng đẹp đẽ: "Hợp tác lao động". Đời sống kinh tế quá nghèo khổ ở quê hương đã biến lớp cu ly này thành một loại người hưởng đặc ân của chế độ (mặc dù họ bị các xí nghiệp chủ nhà đối xử bất công, hệ thống "quan lại" xôi thịt như đội trưởng, sứ vùng, Ban quản lý lao động vốn là con em các cán bộ cao cấp của đảng và nhà nước, những đảng viên cộng sản trung thành với chế độ, đi theo đè đầu cưỡi cổ) tại các nước XHCN Đông Âu cũ. Tình hình khó khăn, hỗn loạn của các nước này sau cách mạng dân chủ đã trút tai họa xuống đầu họ: bị đánh chết ở Bungari, Tiệp cũng như bị kỳ thị nặng nề ở Đức. Lớp sơn giả tạo của tình hữu nghị quốc tế vô sản rơi rụng, lý tưởng cách mạng cao cả cũng chẳng còn, nhìn lên, Đảng Bác làm ngơ, nhìn xuống thấy mình chỉ là những đứa con hoang phải tìm mọi cách ních chặt hầu bao để nhỡ có phải trở về còn có chút vốn mà sinh nhai... (Trừ một phần lớn đã nhận mấy ngàn DM tiền bồi thường do bị kết thúc hợp đồng trước thời hạn rồi chạy sang Tây Đức xin tỵ nạn hay trở về nước). Hầu hết họ không có đạo, "thần thánh" duy nhất là Đảng Bác giờ cũng hết thiêng thì những kẻ vốn là đầu trộm đuôi cướp trước kia ở trong nước (N. là một kẻ như vậy), nay chỉ có lý tưởng kim tiền là hấp dẫn họ hơn cả. Thừa gió bẻ măng, bọn này không từ bỏ mọi phương tiện tàn bạo nhất để có được tiền. Cộng đồng người lao động tại Đông Đức đã trở thành miếng đất màu mỡ cho tội ác: dân lao động Việt Nam đổ ra đường buôn bán thuốc lá trốn thuế, dân tỵ nạn có gốc lao động hay du lịch cũng đổ xô về Đông Berlin để hành nghề tương tự... Các siêu ông chủ thuốc lá cấu kết chặt chẽ với bọn trùm buôn lậu Ba Lan, bỗng giàu có đột ngột nhờ đội quân bán thuê đông đảo ấy. Thế là các chú "bộ đội" (tên lóng gọi Mafia Việt Nam) nhảy ra đòi ăn chia lại. Chúng ngang nhiên đặt ra những thứ thuế "bảo hiểm an toàn" mà các siêu ông chủ và dân bán chui ở gầm cầu xó chợ phải có nghĩa vụ bắt buộc nộp đầy đủ nếu không muốn trả bằng máu. Chúng còn có

phương thức bán chỗ cho những ai chịu nộp thuế khoảng 2000 DM một tháng ở một địa điểm nào đó (số tiền này có thể thay đổi tùy chỗ đó có bán chạy hay không). Ngày đầu tiên chúng tìm đến những người đang bán ra điều kiện, nếu không đồng ý mà hôm sau còn tiếp tục đứng bán sẽ bị chúng rút dao đâm ngay tại chỗ. Tất nhiên, thông thường thì nạn nhân phải "biến ngay" nếu không đồng ý, để chúng đưa người chịu nộp thuế đến thế chỗ.

Nhưng băng đảng của N. đã gặp phải một đối thủ đáng gờm là băng đồng hương Nghệ Tĩnh.

Khi một thanh niên bị đàn áp là lập tức cả đội tìm mọi cách báo thù, sẵn sàng sống chết vì nhau. Nhưng đối với người ngoài, băng đảng này lại tìm mọi cách cướp đoạt chỗ buôn bán. Do tranh chấp quyền lợi băng đảng (vi phạm luật lãnh thổ?), nên N. đã bị họ kết án tử hình trước khi bị hành quyết man rợ.

Bao giờ mới hết cảnh người Việt chém giết nhau vì tiền? Sứ quán Việt Nam, tệ bán thuốc lá chui... phải được dẹp bỏ? Nhưng rồi khi đó các chú "bộ đội" biết ăn chia với ai để sống nếu không phải là tăng "thuế bảo hiểm" của các siêu ông chủ bán quần áo, kể cả những người Việt Nam làm ăn lương thiện, hiền lành khác?

Các băng đảng tội ác này sẽ tiếp tục tồn tại bất chấp sự truy đuổi của cảnh sát Đức trước sự im lặng đồng lõa đầy sợ hãi của nạn nhân. Phải chăng đằng sau chúng là cả một hậu phương rộng lớn: CHXHCNVN với một xã hội tư bản rừng rú mà chân lý thuộc về kẻ có quyền thế, tiền bạc và sẵn sàng dùng bạo lực để chiếm đoạt mà băng đảng Mafia đầu sỏ là ĐCSVN? Trước Nam, Tuân - một tướng cướp người Hà Nội cũng bị băng đảng Nghệ Tĩnh bắn chết — hai hung thủ ngay lập tức được tổ chức đưa về nước (mỗi tên được nhận khoảng 40,000 DM do đồng hương quyên góp), giờ đây đang sống đàng hoàng ở làng quê hay một thành phố nào đó tại Việt Nam. Và hai tên hung thủ đâm chém N. cũng thế. Cảnh sát Đức đang truy nã một cách vô vọng. Có lẽ họ phải nhờ sứ quán Việt Nam ở Berlin, may ra? Chỉ vì chúng chính là cánh tay tội ác nối dài của "quê hương ngàn dặm"!■

Berlin 5/1993

NGHĨ GÌ? VIẾT GÌ? LÀM GÌ?

NGUYỄN SƠN ĐAN

Rời khỏi nước Mỹ khá lâu, sau hơn 16 năm sống ở đó, tôi có được cái cơ hội đứng ngoài những sự tranh chấp không biên giới giữa những người Việt trong giới truyền thông với nhau. Ngày trước, lúc còn ở Mỹ, tin tức về Việt Nam rất là hạn hẹp. Những bài viết trên các báo đa số đều trích từ các báo ngoại quốc rồi thêm thắt, phê bình để tìm những điểm mấu chốt thích hợp với đề tài khai thác mà tác giả cần đến. Cá nhân tôi cũng đã đọc những bài báo xuyên tạc như vậy và đã bị nhận định của tác giả ảnh hưởng đến nhận xét trung thực của mình.

Bây giờ ở Á Châu, tôi cũng vẫn theo dõi thường xuyên các hoạt động báo chí bên Hoa Kỳ và đã thấy những tai hại hoặc do ích kỷ, hoặc do một chủ ý nào đó của những người viết đã gây ra và làm tổn thương tình đồng bào, tình thân hữu giữa những người Việt với nhau.

Báo chí ở hải ngoại bị lẫn lộn giữa chức năng của người làm việc thông tin, hướng dẫn dư luận quần chúng và dùng báo chí làm diễn đàn chính trị. Nhiều nhà báo tự cho mình độc quyền trong việc hướng dẫn dư luận quần chúng bằng cách chỉ cho đăng những bài viết theo đúng chủ trương của mình. Nếu tờ báo đó là tiếng nói của một đảng, một đoàn, một tổ chức chính trị nào thì đó là quyền của họ. Trong khi có những tờ báo chỉ làm việc thông tin không thôi, không lạm dụng chức năng phổ biến tin tức một cách trung thực đến quần chúng, mà cũng tự cho mình cái quyền hướng dẫn dư luận. Hơn nữa họ còn lên án những bài báo nào viết lên những sự thật về Việt Nam mà theo họ không được làm, vì làm như vậy là quảng cáo cho chế độ Hà Nội.

Sống trong một xứ tự do, ra đi vượt biển, liều chết cũng vì tự do mà không áp dụng đúng hai chữ tự do. Họ chủ trương đa nguyên, đa đảng, nhưng đa nguyên có nghĩa là cùng đi theo đường của họ và đa đảng là phải có cảm tình với đảng của họ thì mới mong không bị xem là kẻ thù. Cái trò chơi xếp hàng,

Đón Đọc

THƠ BÙI GIÁNG

Tuyển Tập Mới Nhất

Một thời gian dài sau năm 1975 chểnh mảng với Nàng Thơ, từ năm 1992 qua nửa đầu năm 1993 nhà thơ Bùi Giáng bỗng bắt lại nhịp sáng tác dồi dào.

Hàng trăm bài thơ trong một cơn *bùng nổ sáng tạo* đầy yêu thương, đau khổ, siêu thoát...

Làm thơ hay nhất đất trời
Cái điên cũng đến tuyệt vời cuồng điên
Cái khùng cũng vậy tuy nhiên
Cái tài hoa cũng muộn phiền lắm thay...

Bùi Giáng
Saigon Tháng Năm — 1993

Tột đỉnh của Tài Hoa là sự xuất thần (cái khùng, cái điên) đã mang lại cho đời những vần thơ hay nhất...

Hãy đón đọc:

Tuyển Tập Mới Nhất

THƠ BÙI GIÁNG

do Nhà Xuất bản và Phát Hành Thế Kỷ ấn hành.

chia phe thù nghịch đó đã diễn ra trên đất nước Việt hơn nửa thế kỷ và cũng còn tiếp tục theo chân người Việt đi đến tận cùng thế giới. Miệng thì họ nói hòa giải, đoàn kết nhưng đoàn kết dưới sự lãnh đạo của họ mà thôi.

Chế độ Cộng sản dãy chết cũng chỉ vì bưng bít, tuyên truyền một chiều và không có chỗ cho đối lập dân chủ. Một số người tự nhận là lãnh tụ chính trị của người Việt ở hải ngoại, chưa lật đổ được cộng sản Hà Nội mà đã ra điều độc tài, độc quyền và độc đoán. Nếu họ chỉ có chừng đó là những sở trường thì họ có hơn gì chế độ Hà Nội hiện tại. ■

BA BIẾN SỐ CỦA MỘT PHƯƠNG TRÌNH

HOÀNG ĐỐNG

Họa trung hữu phúc, trong cái rủi có cái may như Tái Ông mất ngựa vậy. Biến cố 75 gây chia ly, tang tóc và sụp đổ, nhưng trên một phương diện khác nó có một lợi ích đáng kể. Nghĩ kỹ mà xem, chưa có một khối người nào trên thế giới được ưu đãi như người tỵ nạn Việt Nam. Tôi muốn nói đến con em tỵ nạn Việt Nam. Ở nước ta, ngày trước và ngay cả bây giờ, việc du học là một đặc ân chỉ dành riêng cho con nhà giàu và "con ông cháu cha". Hậu quả của tệ trạng này trên khía cạnh phát triển dân chủ và tài nguyên nhân sự rất là tai hại.

Ngày nay con em tỵ nạn Việt Nam được cơ hội du học trên khắp thế giới, được nuôi dưỡng trong môi trường kỹ thuật hiện đại, được hấp thụ tinh thần dân chủ Tây phương. Có người cho rằng đa số khối người này mất gốc. Mới nghe qua cho là đúng, nhưng xét kỹ thì tự tâm tư, lá rụng vẫn về cội. Trở về "root" là một hiện tượng tâm lý được dấu kín trong đáy lòng mỗi con em Việt Nam ở hải ngoại. Cho dù không nói được tiếng Việt hay nói được tiếng Việt một cách khó khăn và khó nghe, các em vẫn có một niềm tự hào ẩn tàng trong lòng. Như con gái tôi chẳng hạn, tôi rất lấy làm sung sướng khi khám phá ra là cô ta có một ý thức rất rõ rệt về nguồn gốc của mình. Tôi rất ngạc nhiên nhận chân được điều này khi đọc bài tiểu luận của cô ta kèm theo đơn xin học bổng đại học. Rất đơn giản và chân thành, nghĩ sao nói vậy, con gái tôi đã làm cho tôi cảm động khi bộc lộ liên tưởng về cuộc di tản đầy gian truân của cha mẹ mình trong lúc ngắm nhìn những chiếc tàu chạy dọc ngang trên biển từ cao điểm của tượng nữ thần Tự Do nhân cơ hội họp mặt DECA ở Nữu Ước.

Cũng như những vi thể từ tính vô tổ chức trong một đĩa từ tính của máy điện toán, khối to lớn con em tỵ nạn Việt Nam rải rác trên thế giới, sẽ không trở nên hữu dụng cho việc phát triển Việt Nam tương lai nếu không có một "chương trình định dạng thức" để sắp đặt các vi thể ấy thành những vòng để tồn trữ dữ kiện. Tôi dùng cái analogy của "chương trình định dạng thức dĩa từ tính" để đề cập đến vấn đề lãnh đạo.

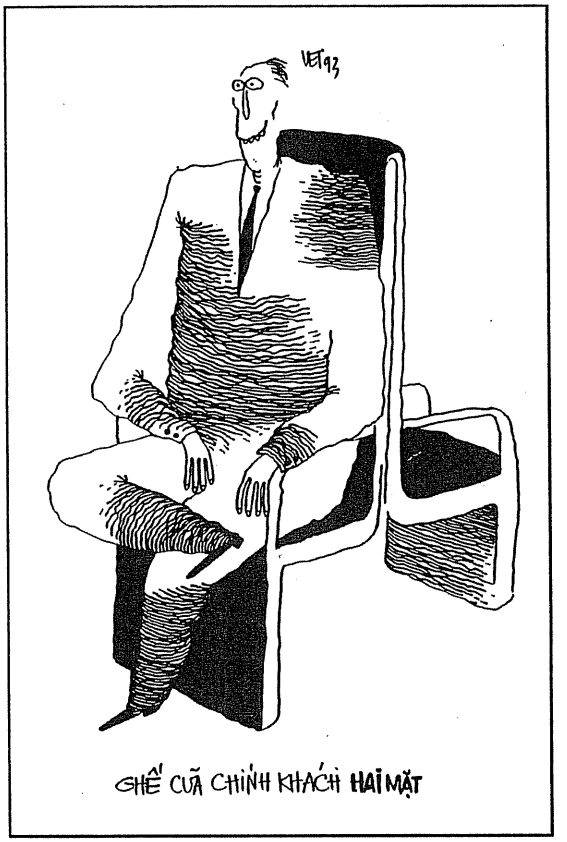

Các giáo sư đại học, các chuyên gia, các nhà kinh doanh, các chính trị gia Việt Nam ở hải ngoại phải tập hợp thành tổ chức để tiêu hướng nguồn nhân lực phong phú này vào việc phát triển Việt Nam. Đạo quân này có thể rất mạnh nhưng cũng có thể rất yếu, tất cả tùy thuộc vào vấn đề lãnh đạo.

Cộng đồng Việt Nam ở hải ngoại chưa có những nhà kỹ nghệ, những nhà đại kinh doanh, những khoa học gia cỡ lớn đóng vai mạnh thường quân, nhưng chúng ta có một đoàn chuyên viên trẻ được huấn luyện chu đáo đủ mọi ngành. Vốn tài chánh thiếu nhưng vốn nhân lực có thừa nếu biết kết tụ và tổ chức. Vốn tài chánh có thể được huy động một khi có lãnh đạo, nhân lực và kế hoạch.

Khối người tỵ nạn Việt Nam có bằng đại học hay chuyên nghiệp rất đông đảo bao trùm mọi lãnh vực chi phối guồng máy quốc gia. Nhiệm vụ của các tổ chức chuyên môn trước hết là thống kê để từ đó bổ khuyết bằng cách khuyến khích con em tham gia vào những địa hạt sinh hoạt còn thiếu người.

Các tổ chức chuyên môn sẽ đóng vai trò vật xúc tác để kết tụ đoàn chuyên viên trẻ này sinh hoạt trong môi trường thực tế Việt Nam; hướng dẫn những con người tràn đầy lý tưởng phụng sự xã hội ấy vào việc xây dựng lại quê hương.

Phương trình phát triển có thể có đáp số nếu ba biến số cộng đồng, tổ chức chuyên môn và đoàn chuyên viên trẻ sinh hoạt trong quyết tâm mang lại độc lập, tự do, hạnh phúc cho toàn dân. ■

Valentine 93

VƯƠN LÊN TỪ THẦM LẶNG

Dr. MARIA KUBAISKA

LTS — Họa sĩ Lâm Triết, một thành viên của Hội Họa Sĩ Trẻ Việt Nam (ở Saigon, từ 1967), di tản tới Hoa Kỳ năm 1975, tiếp tục sáng tác một thời gian. Ông ngưng vẽ tranh, chỉ minh họa cho một số báo và vẽ bìa sách. Năm 1990, ông về Việt Nam, và dường như được "hồi sinh nghệ thuật", ông lại vẽ say mê. Tranh ông phần lớn thuộc loại ấn tượng và siêu thực.

Để tìm hiểu về nghệ thuật và tâm tình của người họa sĩ, chúng tôi đăng dưới đây bản dịch bài phỏng vấn Lâm Triết, do Maria Kubaiska, tiến sĩ văn chương người Nam Tư, thực hiện năm 1992.

Đứng về mặt nghệ thuật, họa sĩ là những thi sĩ và nhạc sĩ. Sứ mạng của họ là một người tiền phong, một người có cái nhìn của một nhà tiên tri và mạo hiểm trong thời gian.

Khi họa sĩ Lâm Triết trở lại Việt Nam vào năm 1990, anh cảm thấy như là một người khai phá trong sự trở về với niềm tin nơi giá trị nhân bản vĩnh cửu của dân tộc anh. Thời gian không làm trái tim yêu thương quê hương anh ngừng đập, nó chỉ làm cho sự yêu thương đó lan rộng ra tất cả mọi nơi, trong bối cảnh đầy tương phản và thử thách của lối sống Hoa Kỳ. Anh đã trở lại thăm quê hương anh sau 15 năm, khám phá văn hóa của thế giới Hoa Kỳ mà anh đã để lại đằng sau anh, và khởi sự một cuộc hành trình tái khám phá nơi quê hương anh, trải ra trước mắt anh. Anh cũng không cảm thấy mình là một người khách lạ đối với Hoa Kỳ và anh cũng không cảm thấy mình xa lạ đối với Việt Nam. Tại cả hai nơi này, anh đã trải qua những biến đổi trong tâm thức anh và những ảnh hưởng của cuộc sống và óc sáng tạo. Để đáp ứng với sự thích ứng và tái thích ứng mới, anh đã không ngừng tìm kiếm, khai phóng và phát triển những ngôn ngữ mới của sự diễn đạt nghệ thuật.

Vào năm 1990, Lâm Triết cảm thấy anh sẵn sàng đưa vào nghệ thuật của anh ngôn ngữ mới của mầu sắc và nội dung của cái nhìn mới khác. Hình như đối với anh, áp lực của xã hội Tây phương đầy văn minh đã làm anh thay đổi yếu tố xây dựng nền tảng của nghệ thuật của anh. Chẳng khác nào như kim cương cần thời gian để tạo hình, nghệ thuật của anh cũng vậy, cũng cần thời gian và khoảng cách không gian để có thể kiến tạo được những lớp hình trong suốt tuyệt diệu. Những tác phẩm của anh sáng tác trong khoảng thời gian từ 1990 đến 1991 đã cho những người yêu nghệ thuật một cái cảm giác ấm cúng của những giấc mơ sâu thẳm trong khi đó cũng tạo nên những hình ảnh băng giá chói sáng. Những giấc mơ và hình ảnh này hiện lên từ những cái đẹp thầm lặng dưới những lớp sơn, tựa hồ như những bó hoa đầy hình ảnh nở ra từ trường phái nghệ thuật của anh, nó thoát khỏi cái cứng nhắc của kỹ thuật và gò bó dưới cái nhìn được cô đọng.

HỎI: Vào lúc anh 52 tuổi, anh đã trưởng thành trong sáng tạo. Anh sáng tác tác phẩm đầu của anh hồi nào?

ĐÁP: Hồi tôi mới 10 tuổi. Chân dung của những nhân vật nổi tiếng thời đó là những trắc nghiệm về tài năng khác thường của tôi. Tôi đã thấy những nhân vật này trên mặt báo, trong những trang sách, tôi vẽ lại chân dung họ. Những bức chân dung này rất thực tế đối với thế giới của một đứa trẻ.

HỎI: Sau đó anh vào trường Cao Đẳng Mỹ thuật Huế. Anh cho biết ảnh hưởng nghệ thuật nào mạnh nhất trong việc hình thành nghệ thuật của anh?

ĐÁP: Nghệ thuật ngoại quốc là ảnh hưởng ban đầu và mạnh nhất. Đặc biệt là Mare Chagall. Lối vẽ của ông giống như một trò đùa, một luận án, và tất nhiên nó chuyển đạt một cái ý nghĩa vô cùng sâu xa. Ông chối bỏ kỹ thuật cũ và dùng nhiều trí óc của ông hơn. Nối chân ông, tôi bắt đầu phá vỡ cái kỹ thuật chắc nịch và cổ truyền của tôi, nhằm mục đích đơn giản hóa nó.

HỎI: Theo anh, anh có thành công trong việc đạt mục tiêu đó không?

ĐÁP: Bây giờ tôi đang ở thời kỳ đầy tự tin.

HỎI: Lối diễn tả đường nét của người phụ nữ đã nói lên cái cá tính của anh để vinh danh cái trong trắng và sự soi sáng tâm lý và thể chất. Cái nhục cảm của người mẫu không đưa tới sự đam mê nhục dục. Anh cho biết những động cơ sáng tác xuất phát từ kinh nghiệm thầm kín hay từ cuộc sống thác loạn bề ngoài?

TRẢ LỜI: Ý tưởng và đối tượng của tôi xuất phát từ cuộc sống con người, từ cái đẹp của cuộc sống và cái giá trị con người. Tuy nhiên, tôi thích thú vẽ những đối tượng này mỗi ngày không ngừng và không qua một động lực chuyển tiếp nào.

HỎI: Qua những tác phẩm mới nhất của anh, người ta không thấy một sự lẫn lộn hay giận dữ nào cả, không giống như những tác phẩm của những người tỵ nạn khác hay những họa sĩ mới trở về nhìn lại quê hương là những nghệ sĩ vẫn

Lâm Triết

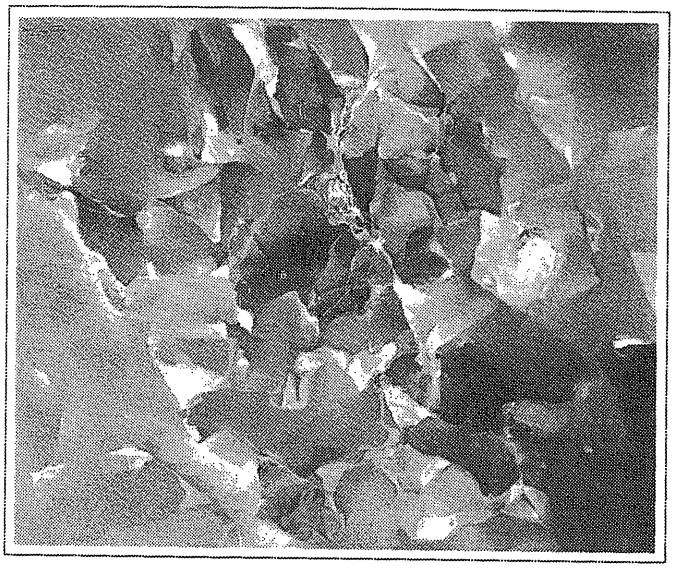

"Sau Cơn Giông," sơn dầu

còn vật lộn với cả một gánh nặng quá khứ gần nhất? Anh tìm thấy sự yêu sống từ đâu?

ĐÁP: Qua sự cảm tạ thượng đế cho tôi còn sống và chia sẻ những giá trị muôn màu của nhiều nơi trên thế giới, cũng như qua vợ tôi nữa. Bà ta là một người học trò cũ trong lớp họa của tôi trước đây. Bây giờ bà ta giúp cho tôi tìm thấy sự êm ái và sự sùng bái nghệ thuật vô bờ bến. Cái cường độ của tình yêu là một sức mạnh gia tăng cho việc vĩ đại hóa cái đẹp của đại dương, của khung trời sống và ngoại cảnh quanh chúng tôi.

HỎI: Tại Hoa Kỳ, những nhà môi sinh học quá quan tâm đến thiên nhiên, đôi khi họ đi quá xa để trở thành những người cuồng tín. Vai trò nghệ thuật của anh đối với thiên nhiên ra sao? Mặc dù bối cảnh tranh của anh là trừu tượng. Có môn phái triết học nào hay tôn giáo nào đã có một tác dụng đối với việc ca tụng thiên nhiên của anh không?

ĐÁP: Tôi nghĩ rằng tôi không thuộc vào bất cứ một phong trào nào cả? Những gì tôi cảm thấy trong lòng thể hiện sự quan tâm của cá nhân tôi đối với thiên nhiên. Tình yêu và vẻ đẹp của thế giới chúng ta không thể diễn tả bằng những lịch trình có sẵn. Tôi là một tư tưởng gia riêng rẽ, một họa sĩ, một con người, quan tâm tới thiên nhiên qua sự ngưỡng mộ thực sự và sự thúc đẩy chân chính để bảo vệ sức mạnh và tính chất trong trắng của nó.

HỎI: Anh dùng mầu sắc thật phong phú, tuy nhiên người ta cũng thấy anh có một sự chọn màu rõ rệt. Anh có thể cho biết về điểm này được không?

ĐÁP: Mỗi họa sĩ có những "mầu riêng cá nhân họ". Nhưng những tác phẩm của tôi có thể nhận thấy được qua sự hiện diện của nhiều mầu sắc. Bà nói rất đúng, không thể loại bỏ một màu nào cả, và tuy nhiên, nếu phân tích một phần của họa phẩm, màu xanh và xám nổi bật nhất.

HỎI: Anh giải thích cho biết lý do đã dùng hai mầu này?

ĐÁP: Mầu xanh biểu tượng cho hy vọng của tương lai, màu xám biểu tượng cho tuyệt vọng của quá khứ. Hai màu này pha trộn với nhau để tránh sự lấn lộn. Sự hiện diện của màu hồng, từng đốm nhỏ, mang lại cái nhậy cảm của cuộc sống.

HỎI: Sau khi được xem những tác phẩm nghệ thuật mới nhất của anh diễn tả sự trong sáng sâu thẳm của tâm hồn, người ta không hiểu nổi ngoại trừ phải hỏi anh về thời kỳ "đình trệ nghệ thuật" tại Hoa Kỳ. Trong suốt thời gian ở Hoa Kỳ anh đã tỏ ra rất hữu hiệu qua những chân dung tuyệt diệu cho nhà xuất bản. Cái gì đã làm anh đình trệ sáng tác nghệ thuật tại Hoa Kỳ - một sự va chạm các nền văn hóa, hay một sự khủng hoảng cá nhân..."

ĐÁP: Một lý do là đời sống thực tế, làm công việc hàng ngày để mưu sinh và tồn tại, theo đuổi một "giấc mơ Hoa Kỳ"...

HỎI: Như vậy anh đã theo đuổi nghệ thuật sống để thay thế cho nghệ thuật hội họa phải không, chờ đợi một ngày nào đó có thay đổi và phong phú hóa nghệ thuật?

ĐÁP: Tôi đã không hy sinh nghệ thuật, ngay cả lúc tôi không vẽ. Thời gian đó là thời gian học hỏi để có kết quả ngày hôm nay, chỉ trong một thời gian rất ngắn. Đây là một cuộc trở về với nghệ thuật đầy ý nghĩa nhất đối với tôi. Cái giá vẽ này đã để lại California từ năm 1976 khi tôi chỉ vẽ có năm bức tranh để trưng bày chung với các họa sĩ khác ở "Mill House", 1987. Tôi mất hết niềm tin để phải xa rời với chân nghệ thuật cho tới năm 1990, đáng lý ra tôi phải biểu lộ một trách nhiệm để bước vào ngưỡng cửa của nền văn hóa này. Đó là trách nhiệm tinh thần của tôi phải biết đầy đủ và đương đầu với thực tại của nền văn minh mới.

HỎI: Khi trở về Việt Nam anh cảm thấy gì?

ĐÁP: Quê hương tôi đã làm tôi sống lại ngay lập tức. Chỉ trong vòng một năm mà tôi đã thực hiện được những gì tôi không thể làm được trong 15 năm qua. ■

CHUYỆN ĐỜI

BÁC TỀ

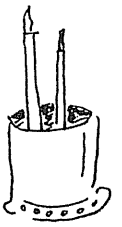

LỜI MỞ ĐẦU:

Chuyện đời là những sự việc đã, đang, và sẽ xảy ra đối với tất cả mọi người. Từ những câu chuyện lặt vặt như tin... xe cán chó cho đến cuộc đời những bậc siêu nhân. Trong những lúc mạn đàm ai mà không hay "bàn đề" một vài chuyện xảy ra chung quanh mình để đả kích cho vui miệng hay đứng đắn thảo luận những đề nghị tốt đẹp.

Từ thuở nhỏ tính tôi hay đọc đủ mọi tin tức lặt vặt trên báo chí, tôi lại hay để ý đến mọi chuyện xảy ra hàng ngày cho dù quan trọng hay không. Những câu chuyện ấy tôi thường hay đề cập trong bữa cơm gia đình để phổ biến và bàn cãi. Tôi cho rằng như thế là điều hay vì vừa có câu chuyện cho vui bữa ăn lại lại vừa có dịp biết được những ý kiến khác nhau về một vấn đề. Vì cái tính lẩm lẫn như vậy tôi bị một tên bạn thân gọi là ông thầy bàn và đặt cho cái tên là ... Bác Tề. Mặc dù tính hay để ý chuyện đời tôi không bao giờ "đâm bị thóc, thọc bị gạo", và cũng không bao giờ gây hiềm thù với ai vì lời nhận xét của mình. Cái bàn đề của tôi chỉ cốt mang lại một vài niềm vui chốc lát hoặc mong mang lại điều hay, lẽ phải, và cao cả hơn nữa là mang lại... chân lý. Trong cái quan niệm ấy tôi xin mời bạn đọc tuần tự theo dõi từng câu chuyện sau đây và... bàn đề cùng tôi.

ĐỜI TẠM DUNG

Cuộc đời có những sự việc mà mình không ngờ và cũng không mong muốn nó xảy ra. Cái không ngờ, cái không mong muốn đó là phải rời bỏ nơi quê cha đất tổ để kéo nhau đi tha phương khắp bốn phương trời. Vì hoàn cảnh đất nước như vậy mà hiện nay hầu hết mọi nơi trên thế giới đều có người Việt sinh sống. Có người bảo tôi không nhờ có thằng Cộng sản thì ngày nay mình làm gì có xe hơi, nhà lầu, làm gì có chuyện con cái đi học trường Tây, trường Mỹ, có xe nhà trường đưa rước như những gia đình giàu có ở Việt Nam trước đây. Tôi chỉ cười mà không biết... bàn đề làm sao. Thật ra tôi đã nhiều đêm trằn trọc suy nghĩ về cuộc đời của mình, từ lúc sinh ra trong một mảnh đất nghèo nàn và thiếu may mắn, cho đến lúc lớn lên chứng kiến hết chiến tranh này đến chiến tranh kia. Tôi đã thấy cảnh tàn phá của chiến tranh thời Pháp cuộc, đến bom đạn điêu tàn thời Quốc Cộng vừa qua. Năm 1974 khi còn ở Mỹ tu nghiệp tôi đã thấy cái khác biệt giữa một quốc gia giàu có trong thời bình và một quốc gia nghèo nàn trong thời chiến. Trong cái tương phản ấy tôi vẫn mong trở về quê nhà cho dù lúc bấy giờ đã có một số quân nhân, công chức đi tu nghiệp đã trốn ở lại Mỹ hoặc qua Canada. Tôi trở về nước vào cuối năm 1974 để chứng kiến những ngày cuối cùng của vận nước. Năm 1975 tôi lại theo đoàn người di tản qua Mỹ để đón nhận và chứng kiến biết bao bể dâu, với biết bao những điều trông thấy mà đau đớn lòng.

Cuộc sống khác biệt Đông Tây đã va chạm và mang lại biết bao điều hay, điều dở. Cuộc sống mới mang nhiều nỗi vui, nhiều niềm hạnh phúc và đồng thời cũng mang lại nhiều nỗi buồn và sự đổ vỡ. Trong suốt mấy năm đầu dân tị nạn ra sức kiếm sống để cố hội nhập vào đời sống mới. Dân bản xứ có người giúp đỡ tị nạn với lòng khoan dung, có người kỳ thị với những tị hiềm, đố kỵ. Dân tị nạn có người trước kia giàu sang, quyền cao chức trọng bỗng chốc trắng tay và trở thành... thứ dân. Lại có những người trước đây từ giai cấp cùng đinh trong xã hội bây giờ đã vươn lên cực kỳ giàu có trong xã hội mới. Sự thay đổi ấy có phải là do luật nhân quả của đạo Phật hay nói trên phương diện kinh tế là sự... tái phân phối lợi tức "tối đa"?

Sau gần hai thập niên gia nhập vào xã hội mới người tị nạn hình như đã bị trộn vào cái "melting pot" cho dù hàng năm vẫn còn có dân tị nạn mới đến như"boat people", đoàn tụ gia đình hay diện HO. Hầu hết đã an cư lạc nghiệp, con cái đã thành tài và có nghề nghiệp tương đối vững vàng. Lối sống đã có nhiều thay đổi cho hợp với dân bản xứ, cho hợp với một xã hội văn minh hơn xã hội cũ ở quê nhà. Biểu hiệu cho sự thay đổi ấy là một số đông dân Việt Nam đã có tên Tây, tên Mỹ để dễ "communicate" với người bản xứ hoặc để chứng tỏ sự thay đổi là điều hãnh diện ngang hàng với "Jo", với "Elvis". Một sự thay đổi nữa là sự khó khăn trong việc phát

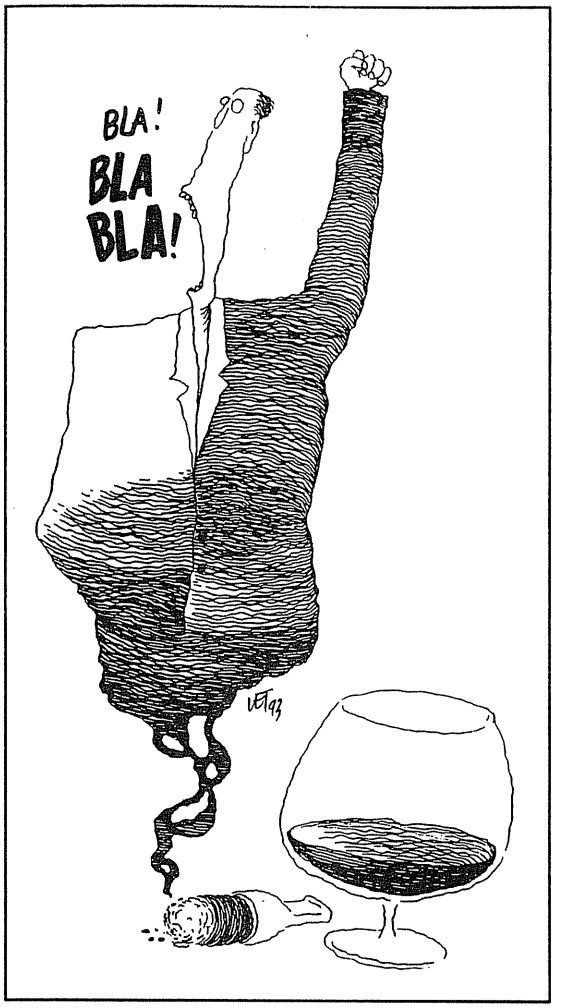

ngôn... tiếng Việt.

Năm 1975 khi bỏ xứ ra đi người dân tị nạn ai cũng nghĩ làm gì có ngày về đối với chế độ Cộng Sản. Ai mà nghĩ đến sự tan vỡ của Cộng Sản như đã xảy ra khoảng bốn năm gần đây. Ai mà nghĩ rằng Cộng Sản Việt Nam lại dễ quên thù dân tị nạn để trở nên "mến yêu" Việt Kiều như hiện nay? Cuộc đời dân tị nạn như thế tưởng đã không còn cần bàn đến vì bây giờ họ đâu còn là người Việt. Nhưng suy nghĩ cho kỹ chúng ta vẫn thấy mình sống ngoài lề xã hội mới. Bằng chứng là các hội đoàn, các nhóm thân hữu mọc lên như nấm ở khắp mọi nơi để thỏa mãn... nhu cầu đồng hương. Có ai mà thoải mái khi tham dự một bữa tiệc đầy bạn bè Tây, Mỹ? Cho đến lớp trẻ sinh ra hoặc lớn lên ở Tây, ở Mỹ cũng tụ họp đông đảo trong những buổi dạ vũ do người Việt tổ chức.

Cách đây ít lâu tôi có đọc một bài viết của một thanh niên Mỹ gốc Tàu đăng trên *The San Francisco Chronicle*. Thanh niên này tên là David Wong. David Wong sinh ra và lớn lên ở San Francisco. Gia đình David đã trải qua ba thế hệ ở Mỹ. Theo chàng thanh niên Mỹ gốc Tàu này thì từ thuở nhỏ cho đến học hết bậc trung học chàng ta không thấy một sự khác biệt giữa mình và người dân Mỹ bản xứ vì bạn bè của chàng ta đều là người Mỹ và ngay cả cô bạn gái thân nhất cũng là người Mỹ. Nhưng khi tốt nghiệp đại học và bắt đầu cuộc sống thực tại của một người trưởng thành David Wong mới cảm thấy mình vẫn ở bên ngoài lề của cái xã hội mà mình đã sinh ra và lớn lên. Từ lúc bắt đầu đi "interview" việc làm cho đến lúc bắt đầu làm việc, David Wong đã bị cái xã hội này đẩy mình trở về cái cộng đồng của người Tàu mà mình đã không để ý đến từ khi còn nhỏ.

Câu chuyện thứ hai được đăng trên báo *The Houston Post* trong một loạt bài về những người di dân sống trên đất Mỹ. Trong một bài viết có đề cập đến một thương gia người gốc Iran. Ông thương gia này rất thành công về thương mại ở Houston. Ông đã tuyên bố rằng nếu tình thế cho phép ông sẽ trở về sống ở Iran vì dù sống ở Mỹ đã lâu, vì dù thành công, ông cũng không thể nào hội nhập vào được với đời sống Mỹ.

Qua hai câu chuyện trên chúng ta thấy rằng cho dù thời gian sống ở Mỹ đã quá lâu như chàng David Wong, cho dù thành công trong cuộc sống như ông gốc xứ "ngàn lẻ một đêm", cũng vẫn thấy cuộc sống ở Mỹ là cuộc sống tạm dung. Không biết một mai đất nước mình có một nền dân chủ thực sự, một mai cái chế độ Cộng Sản phi nhân biến đi liệu có một làn sóng người quy cố hương để giã từ cuộc sống tạm dung?

NHỮNG NGHỀ MỚI Ở VIỆT NAM TRONG TƯƠNG LAI

Ước vọng của hầu hết các bậc phụ huynh đối với con cái khi lớn lên là mong sao cho con mình học hành sớm thành tài để có một đời sống đầy đủ về vật chất, một niềm hãnh diện về tinh thần. Sự thành công của con cái là mục đích mong muốn của cha mẹ vì nó chứng tỏ cái công lao khó nhọc đã cố hy sinh, đã cố vun bồi cho con. Trong mười gia đình Việt Nam thì có đến cả mười đều mong cho con mình trở thành bác sĩ, kỹ sư. Hai danh từ ấy là biểu tượng cho sự thành công, niềm tự hào đối với bất cứ một ai khi đạt được mục đích. Trên thực tế không phải chỉ có hai ngành trên là nhất vì còn biết bao ngành học khác đã tạo nên những người giàu sang, phú quý vinh hiển một đời. Hơn nữa kể từ khi chúng ta gia nhập vào một xã hội tư bản mà sự thành công được tính bằng đồng đôla thì phải kể bất cứ ngành nào mang lại nhiều "tờ giấy xanh xanh" là được trọng vọng, được coi là... nhất.

Từ năm 1975, để lánh nạn Cộng Sản, hơn hai triệu người Việt đã ra đi sống rải rác khắp năm châu. Để tự lực cánh sinh hầu hết đã giã từ nghề nghiệp cũ để bắt đầu từ con số không. Tôi cũng như phần đông những người tốt nghiệp ở Việt Nam đã cắp sách trở lại trường để cố kiếm lấy mảnh bằng "Made in USA" hầu có thể kiếm được một việc làm trong xã hội mới. Theo bản năng sinh tồn, theo những nghiên cứu về thị trường cung cầu nghề

nghiệp hầu hết dân tị nạn đổ xô vào học những ngành dễ kiếm việc làm như điện tử, kế toán v.v... Cũng may là chương trình giáo dục cấp trung học ở Việt Nam có một điều hay là tạo cho học sinh khi xong bậc trung học, dù có Tú tài hay không, đều có một căn bản toán học vững vàng. Cái vốn toán học ấy giúp cho sinh viên Việt được dễ dàng ở bậc đại học ở Mỹ về các ngành đòi hỏi một căn bản toán học như kỹ sư, điện toán... Viết đến đây tôi nhớ lại một câu chuyện cũ vào năm đầu tiên định cư tại Mỹ. Khoảng giữa năm 1976 có một em cựu Hướng đạo sinh đến thăm tôi nhân dịp em nghỉ hè. Năm ấy em học lớp 12 bậc trung học của Mỹ. Em kể lại rằng các bạn bè Mỹ trong lớp đã cười nhạo khi thấy em lấy căn số mà không sử dụng máy tính. Bạn bè bảo chắc ở xứ mày không ai biết dùng máy tính. Em đã trả lời: "Máy tính là do số ít người giỏi làm cho số đông người dốt dùng. Xứ tao rất ít người cần đến máy tính, ở đây tao thấy tụi bay đứa nào cũng cần đến máy tính".

Về nghề nghiệp, ngoài những nghề chúng ta thường thấy ở quê nhà lại có những nghề mà trước đây chúng ta chưa bao giờ nghe nói tới như nghề dán giấy tường (wall paper), janitor, landscaping, v.v... đã mang lại một lợi tức khả quan cho một số dân tị nạn. Trong một quốc gia giàu có, nhu cầu vật chất của con người bao giờ cũng nhiều hơn là những xứ nghèo nàn như Việt Nam ta. Nhu cầu nhiều lại có khả năng tiêu thụ nên nền kinh tế Mỹ đã tạo nên đủ mọi nghề nghiệp để đáp ứng những nhu cầu ấy.

Theo như những biến chuyển chính trị, kinh tế thế giới và cũng theo... sấm truyền, ngày đất nước thanh bình thật sự, ngày xụp đổ của chế độ độc tài đảng trị của Cộng Sản không còn bao xa. Lúc ấy chắc thể nào Việt Nam cũng cần nhiều tài lực và nhân lực để kiến thiết đất nước. Tư bản và chuyên viên các ngành đã sẵn có do chúng ta... "invest" từ mười mấy năm qua, nhưng sự xử dụng các nguồn tài nguyên ấy ở tương lai như thế nào thì chưa thấy ai bàn đến một cách rõ ràng và khoa học. Phải hiểu rằng đồng tiền ở Mỹ, ở Tây hay ở Phi Châu đều... bình đẳng về giá trị, nhưng về kiến thức thâu thập của sinh viên Việt ở mỗi nước lại có thể có những dị đồng và đôi khi gây ra những đụng chạm vì lòng kiêu hãnh có tính cách địa phương. Lúc ấy trên quê hương sẽ có trăm hoa đua nở... vô định hướng vì những lòng kiêu hãnh ấy. Hơn nữa liệu quê nhà có cần đến các "chuyên viên" về "wall paper", "landscaping"...?

Để dự phóng cho sự xử dụng các nguồn nhân lực cho tương lai đất nước, ta có thể phân loại số trí thức, chuyên viên được đào tạo ở hải ngoại ra làm ba nhóm hay ba thế hệ sau đây:

1- Nhóm một: Thế hệ "muối tiêu": Đã từng tốt nghiệp hay làm việc ở Việt Nam. Nhóm này có thể là những cố vấn xuất sắc vì đã pha trộn kinh nghiệm làm việc của cả hai thế hệ làm việc khác nhau. Tuy nhiên chỉ ngại đến khi có cơ hội trở về phục vụ thì đã đến tuổi... về hưu.

2- Nhóm hai: Thế hệ tráng niên: Đã học qua một số năm ở bậc tiểu và trung học ở Việt Nam: Nhóm này rất chín chắn, học được đầy đủ cái hay ở ngoại quốc và hiểu được phần nào văn hóa và truyền thống Việt, dễ hòa đồng với các đồng nghiệp trong nước.

3- Nhóm ba: Thế hệ thiếu niên: Nhóm này hoàn toàn do... lò ngoại quốc đào tạo. Tiếng Việt là... ngoại ngữ của họ. Nhóm này học được hoàn toàn kỹ thuật tân tiến Âu Mỹ và ở lứa tuổi hoạt động mạnh nhất.

Dựa trên một giả thuyết chúng ta sẽ trở về quê hương một ngày gần đây để xây dựng lại đất nước như người Do Thái trở về nước họ trong niềm hãnh diện và lòng hy sinh vô bờ bến, dựa trên những nhận định về nhu cầu nghề nghiệp cho sự tái thiết, cần rất nhiều chuyên viên các ngành vì sự phá sản của chế độ Cộng Sản để lại, ba nhóm nhân lực vừa kể trên sẽ đóng các vai trò khác nhau trong sinh hoạt kiến thiết và phát triển quốc gia. Riêng tôi vì thuộc nhóm "muối tiêu" nên chẳng có hy vọng gì có thể tích cực phục vụ cho đất nước. Suy nghĩ mãi cho mình một nghề tương lai ở Việt Nam tôi đã khám phá ra một nghề chắc chắn và cần thiết, đó là nghề... thông dịch viên cho nhóm thiếu niên Việt Nam nếu họ có ý định trở về làm việc ở quê nhà. Lúc ấy tôi sẽ làm thông ngôn cho các người Mỹ... gốc Việt.■

HỘI THẢO

TÁI THIẾT VIỆT NAM SAU GIAI ĐOẠN CỘNG SẢN

Hội Văn Hóa Khoa Học Việt Nam tổ chức một cuộc Hội thảo với các đề tài và diễn giả sau đây:

— Văn hóa dân tộc sau giai đoạn Cộng sản (Vương Hữu Bột).

— Những bài học phát triển về kinh tế qua kinh nghiệm của các quốc gia Đông Á (Vũ Toản).

— Chiều hướng kinh tế Việt Nam trong thập niên 90 (Phạm Văn Thuyết).

— Bảo vệ môi sinh: một trở ngại trong việc phát triển kinh tế tại Việt Nam? (Trương Trí Vũ).

— Tổng quát về giao thông vận tải tại Việt Nam (Đào Xuân Khôi).

— Tiềm năng dầu hỏa và các dịch vụ kinh tế liên hệ tại Việt Nam (Nguyễn Ngọc Chương).

Thời gian: Từ 9:30 đến 16:30 Chủ Nhật 4 tháng Bẩy 1993.

Địa điểm: Phòng hội khách sạn Hilton Southwest

6780 Southwest Freeway (gần đường Hillcroft), Houston, TX 77074

ĐT (713) 568-3663. Fax (713) 568-3727.

XỨ SƯƠNG MÙ

HÀ KỲ LAM

Nói đến sương mù hẳn độc giả sẽ nghĩ ngay đến Luân Đôn. Tôi cũng thế. Từ những ngày học trò, sự kiện một hiện tượng thời tiết trở thành một ý niệm bất khả phân ly về một thành phố đã khơi dậy trong tôi một ước ao "khám phá" bâng quơ. Tôi đã đọc về sương mù Luân Đôn, và tôi nhớ cũng đã đọc câu đàm thoại bằng Việt Ngữ sau đây trong một cuốn sách dạy tiếng Pháp thực hành của Đỗ Văn (chắc không phải Đỗ Văn của đài BBC hiện nay?) hồi còn bé tại quê nhà: "Anh đi Luân Đôn mùa nầy để ăn súp sương mùa à?" Và những ngày Giáng Sinh vừa rồi tôi đã đi Anh để "ăn súp sương mù" thật. Nếu nói rằng lý do khiến tôi lặn lội sang Ăng-Lê giữa ngày đông tháng giá là để "khám phá" sương mù thì quả dở hơi quá, nhưng có lẽ cũng đúng một phần nhỏ nào đó, vì tôi vẫn còn "hậm hực" với chuyến đi Anh mấy năm trước vào mùa hè trời quang đãng. Lý do chính vẫn là "ham vui." Số là một cặp vợ chồng bạn thấy tôi có vẻ cũng rảnh rỗi nên đã rủ cùng tháp tùng với họ trong dịp họ đi công chuyện một tuần bên đó. Thấy cuộc du lịch bỏ túi đó có lẽ là ý kiến hay nên tôi đã nổi hứng đi theo họ.

Và tôi đã thấy sương mù huyền thoại, và thấy thêm những điều khác nữa để bổ túc những ấn tượng trong chuyến đi lần trước về một đất nước có lẽ vẫn còn xa xăm trong tâm tưởng nhiều người Việt chúng ta, những thế hệ lớn

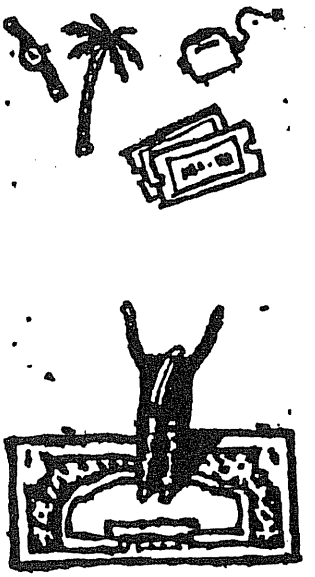

lên trong nền văn hóa còn mang nhiều ảnh hưởng và "thần tượng" Pháp. (Tôi chỉ muốn đối chọi hai cái âm hưởng Luân Đôn và Ba Lê trong lòng người Việt của các thế hệ nói trên: Luân Đôn nghe dửng dưng, xa lạ, và Ba Lê gợi cảm, thân tình, như Nguyễn Xuân Hoàng đã gọi, "*Paris xa xôi một cách gần gũi...*" *). Bảo rằng tôi đã có những khám phá về "xứ sương mù" thì hiển nhiên không đúng, vì kiến thức của tôi — do đã đọc hay do những chuyến đi đem lại — thật quá nghèo nàn, thô thiển. Tôi đang viết những cảm nhận về xứ sương mù đó thì đúng hơn.

Sáu tiếng đồng hồ bay một mạch từ Philadelphia, chiếc Boeing 747 của hãng British Airways đã đưa chúng tôi đến phi trường Heathrow ngoại ô Luân Đôn (chặng đường về, Luân Đôn — Philadelphia, cũng với máy bay đại bàng Boeing 747 và phi trình bay suốt phải mất 7 giờ 30 phút vì bay cùng chiều với trục quay của trái đất). Và đúng là danh bất hư truyền, bước chân xuống phi trường lúc 9 giờ sáng chúng tôi đã thấy sương mù "lãng đãng như gần như xa."

Một tuần lễ bên Anh, chúng tôi đã ở Luân Đôn, vùng Bristol và vùng Swansea thuộc Tây Nam; và điều đáng nói là chúng tôi sống với sương mù hết bốn ngày! Dĩ nhiên không thể lấy tỷ số ngẫu nhiên kia để "đo" sương mù bên Anh nhưng chắc chúng ta cũng có được một chút gì để nghĩ về độ sương mù. Tôi có cảm tưởng cả nước Anh được ôm kín trong một màn sương mù khổng lồ, vì hôm đầu tiên đến, chúng tôi đã đi bằng xe hơi từ Luân Đôn đến Swansea, tức bờ Tây của Anh Quốc, một đoạn đường dài 196 miles, trong sương mù phần lớn dày đặc, thỉnh thoảng gặp một đoạn sương mù mỏng hơn, rồi lại sương mù trắng xóa tiếp tục "ôm kín non sông." Những ngày sau đó thì các lộ trình khác của chúng tôi chỉ bị sương mù từng phần. Nhưng dù có toàn phần hay bán phần thì thực chất vẫn là sương mù. Người ta sống với sương mù, người ta sống trong sương mù. Không biết người ta có sống vì sương mù không!

Tôi nhớ nhà văn tiền chiến Lan Khai trong một tác phẩm về đường rừng đã mô tả cảnh mùa đông vùng thượng du Bắc Việt, "...cuộc đời ở đây luôn luôn dấu

kín trong khoảng mây mờ khói tỏa..." Đem câu văn trên mà áp dụng vào mùa đông xứ Anh Cát Lợi thì khá khít khao. Và tôi bỗng cảm được cái tính chất huyền bí của xứ sở nầy: có thể vì cảnh vật cứ mờ mờ ảo ảo, hư hư thực thực, nên đất nước nầy nổi tiếng có nhiều ma!

Tuy vậy, cuộc du lịch bỏ túi cũng có vài ngày quang đãng, để tôi có thể thấy được ít nhiều về đồng quê bên Anh, thấy được ít nhiều về cảnh trí nên thơ của miền Nam xứ Wales. Đó là phần tôi thích nhất và đó cũng là phần tôi muốn nói đến nhiều hơn, còn sương mù chỉ cho ta cảm tưởng ngột ngạt, âm u, buồn bã, đôi khi thê lương, ảm đạm nữa.

Có lẽ mỗi người chúng ta đều giữ một hình ảnh do trí tưởng tượng mình vẽ về một đất nước mà thời trẻ dại đã được nghe nói đến, hoặc đã được học trong chương trình lịch sử, địa dư nhà trường. Chẳng hạn, nói đến Tây Ban Nha ta nghĩ ngay đến những đấu trường và những chàng đấu bò, nói đến Pháp thì có quá nhiều điều để liên tưởng; có thể là vùng Provence êm đềm của Alphonse Daudet, hay sông Seine, tháp Eiffel, v.v... Riêng đối với nước Anh, như tôi đã nói lúc đầu, có lẽ không ai trong chúng ta có thể loại bỏ ý tưởng "sương mù Luân Đôn." Nhưng với tôi, tên gọi đất nước đó còn kèm theo một điều nữa mà khi sắp viết ra đây tôi chợt ý thức được cái vô nghĩa của nó, vì quá cá nhân, quá riêng tư. Đó là đồng quê nước Anh. Chi tiết đó nghe vô lý thật, vì đồng quê nào cũng chẳng là cái gì nếu không là bờ tre, đồng ruộng, nương khoai, nơi ta chào đời và lớn lên. Nhưng đồng quê nước Anh có một lịch sử với tôi: *Wuthering Heights* của Emily Bronte (*Đỉnh Gió Hú* theo Nhất Linh, *Trên Cao Gió Lộng* theo Hoàng Chu Ngạc, và tôi thích cái tựa của Nhất Linh hơn) đã gieo cái ý niệm hoang dã của miền Bắc nước Anh và mối tình man rợ, quái dản nhất thế giới vào tâm hồn lãng mạn của tôi từ những ngày trung học.

Không biết có nên coi là điều may mắn nếu qui mô nông nghiệp của một nước không thay đổi mấy theo thời gian, nhưng tôi bỗng mừng vì có cảm tưởng đồng quê Anh mà tôi thấy bây giờ không khác xưa bao nhiêu — xưa, của trí tưởng — khi tôi nhìn những chòm cây làm bờ rào ngăn chia những thửa đất với nhau. Với tôi, tầm nhìn bao giờ cũng thú vị hơn khi xuyên qua cành lá xum xuê của một bờ cõi ta thoáng thấy mở rộng một khoảng trống của một giang sơn khác, và cứ thế mà đi, đồng quê hiện ra hữu tình, mời gọi. Không có gì hư vô bằng thôn trang bên Mỹ. Những cánh đồng xám xịt (về mùa đông) hoặc nâu thẫm hoặc xanh mướt một màu (về mùa hè) phẳng lì và xa tắp không bến bờ, trong đó nhô lên một tòa nhà trắng như một ốc đảo, gợi cảm giác buốt giá, đìu hiu, biền biệt... Thốt nhiên tôi thấy mỉa mai: diện tích nông nghiệp của nước Mỹ không tăng hay giảm bao nhiêu nhưng con số nông gia tụt xuống đáng kể: điều đó có nghĩa là những người còn ở lại với nông trang phải mở rộng bờ cõi cá nhân, xóa bỏ giang sơn người khác, và đồng quê chuyển mình, trút bỏ lớp xiêm y cổ xưa hữu tình, duyên dáng để khoác áo thời trang, tiến lên đón nhận cái mênh mông của trời đất.

Với cái cảm tưởng nông thôn nước Anh vẫn còn như xưa, như thời chị em nhà Bronte còn sống ở vùng Yorkshire trên miền Bắc — mặc dù tôi đang ở miền Nam nước Anh và miền Nam xứ Wales — tôi nhìn thật kỹ từng cánh đồng, từng ngôi nhà nằm chơ vơ trên các sườn đồi thoai thoải. Nóc nhà nào của các nông trang hai bên đường cũng cho tôi hình ảnh *Đỉnh Gió Hú*. Cánh đồng nho nhỏ dưới chân tòa nhà rêu phong kia, nơi đàn bò đang ung dung gặm cỏ có lẽ giống cánh đồng mà Heathcliff, cậu thiếu niên nhà quê với da sạm nắng hay nô đùa với cô thiếu nữ ngổ ngáo mà kiều diễm Catherine. Con đường mòn dẫn xuống sườn đồi, có chiếc cổng gỗ chắn ngang kia có vẻ giống lối đi mà chàng Heathcliff đã bước những bước nhẹ nhàng mà quyết liệt để từ giã gia trang nhà Earnshaw trong buổi chiều mùa hè định mệnh đó khi tình cờ nghe lén được nỗi lòng của Catherine đang say duyên mới. Và chị vú Nelly cũng thật cắc cớ: Catherine tâm sự rằng mình yêu Edgar vì chàng đẹp trai và giàu, thôi đủ rồi. Đằng này chị ta còn hỏi tình yêu ấy ra sao! "Tôi yêu khoảng không gian trên đầu anh ấy, khoảnh đất anh ấy đặt chân lên, những gì anh ấy sờ đến, những lời anh ấy nói." Chị Nelly ơi, sao chị ngốc thế! Dù cho Catherine có mô tả bội phần hay hơn thế cũng không làm sao truyền cho chị những gì cô ấy cảm thấy trong lòng. Người ta có đặt cho tình cảm đó hàng nghìn tên đẹp đẽ, có sức gợi cảm cách mấy, cũng không ai hiểu những gì không có trong lòng mình. Người ta đặt tên cho tình yêu, nhưng đó không phải là tình yêu, mà chỉ là tên gọi. Người ta gọi anh ta là Edgar, nhưng tên Edgar không phải là con người mang tên Edgar. Tất cả chỉ ở trong sương mù, không trông thấy, không gọi tên, mà phải dò dẫm, thử nghiệm, tức phải cảm được, chứ không bằng tên gọi, không bằng ảo ảnh! Và lại nữa, không có hai tình yêu giống nhau, hay cân bằng nhau, nhưng cũng không có hai tình yêu để chọn một. Edgar và Heatchliff chiếm hai vị trí khác nhau trong một Catherine; sự kết hợp này tuy hợp lẽ nhưng không thể chiếm chỗ của sự tìm đến với nhau kia. "Tình yêu của tôi đối với Edgar như tàng lá của cây rừng mà thời gian sẽ làm đổi thay... Tình yêu của tôi với Heatcliff như thạch đá vĩnh cửu dưới gốc cây, một nguồn khoái cảm âm thầm mà cần thiết." Quả thật chị khờ khạo, hay chị chỉ giả vờ không hiểu để Catherine phải đặt tay lên trán và lên quả tim: "Đây và đây, chỗ nào có tim óc đều bảo tôi biết là tôi đã sai."

Cảnh đồng quê bên Anh là thế đối với tôi. Nhưng có một điều làm hư cảnh vật trong trí tưởng đó: những trang trại với kiến trúc cổ có nhiều ống khói hình khối trên nóc lại dung nạp một đội ngũ máy móc, và những chiếc xe hơi thời trang. Ước gì tôi đã tìm thấy ở đó những cỗ xe ngựa, và những chiếc cày do lừa kéo, và những con đường đất, thay vì những đường làng tráng nhựa ngày nay. Tôi tự nhủ, dẫu sao thì cũng "còn chút gì để nhớ để quên," hơn là

cảnh trống trơn, hay khô khan như nông thôn Mỹ.

Nói đến Đại Anh Quốc (Great Britain) còn có xứ Wales nữa, mà địa danh gắn liền với tước vị của các hoàng tử Anh. Đương kim hoàng tử Charles, người sẽ kế vị ngai vàng nước Anh, được gọi là Hoàng Tử xứ Wales (Prince of Wales). Tôi chẳng rành về các chức tước của hoàng tộc và quí tộc Anh, chỉ biết rằng con trai đầu lòng của nhà vua hay của nữ hoàng nước Anh thì được được tấn phong là Hoàng Tử xứ Wales, một truyền thống được vua Edward Đệ Nhất tạo ra hồi đầu thế kỷ 14, và trong buổi lễ tấn phong tước vị này năm 1969 tại lâu đài Caernarfon ở miền Bắc Wales, Nữ Hoàng Elizabeth Đệ Nhị đã trình diện Hoàng Tử Charles trước dân chúng xứ Wales là vị hoàng tử của họ. Wales tuy chẳng đánh thức mơ ý tưởng xưa cũ nào trong ta, ít nhất riêng tôi, nhưng tôi thấy cái tên mang một quyến rũ khá mạnh đối với óc hiếu kỳ trung bình của mình.

Từ Luân Đôn, chúng tôi theo xa lộ M4 (những xa lộ có tên bắt đầu bằng chữ "M" tương đương với xa lộ liên bang của Mỹ) trực chỉ hướng tây để đến Swansea (miền Nam Wales) thăm một người quen. Vừa tới con sông Severn thì một tấm bảng lớn bên đường trưng hàng chữ lớn, "Welcome to Wales." Qua khỏi cầu tôi ngoái cổ nhìn lại sau thì lại thấy "Welcome to England." Đây là cây cầu biên giới phân chia nước Anh và Wales, lấy con sông Severn làm lằn mức. Người dân vùng này đã kể với chúng tôi rằng hai bờ sông thời quá khứ xa xưa xương cốt đã từng chất cao như núi, một điều làm chạnh nhớ đến câu "nhất tướng công thành vạn cốt khô," hay nhớ đến "hờn sông Gianh" của lịch sử cha ông mình bên nhà. Duy có điều khác biệt: ở đây là dấu vết cuộc Tây Tiến của các Anh hoàng chứ không cùng chung cảnh ngộ nội chiến, nồi da xáo thịt thời Nam Bắc phân tranh của Trịnh Nguyễn.

Không biết người dân xứ Wales ngày nay có còn hờn vong quốc của người Cham ở vùng Khánh Hòa Bình Thuận xưa kia không, chứ nhìn những bảng chỉ đường viết bằng hai ngôn ngữ dọc xa lộ trên phần đất Wales, tôi nghĩ rằng người Anh đã không thành công - hay không cố gắng làm thế - trong việc xóa bỏ tiếng nói xứ Wales, mặc dù ở thế kỷ 16 Henry VIII đã từng dẹp bỏ ngôn ngữ đó. Tôi có cảm tưởng không có ngôn ngữ nào đa âm bằng ngôn ngữ Welsh, vì trên các tấm bảng chỉ đường, ngay bên dưới mỗi hàng Anh ngữ ngắn, là cả một chữ viết dài dằng dặc (Ví dụ: bên dưới chữ *services* là chữ *Gwasanaethau*; bên dưới chữ *work* là chữ *Gwaith*; bên dưới chữ *Docks* là *Dociau*; *Cardiff*, thủ đô xứ Wales, có tên nguyên ngữ của nó bên dưới là *Caerdydd*).

Không biết đó có phải là một nhận xét "hàm hồ" chăng? Dĩ nhiên người Welsh nào cũng nói tiếng Anh, và tiếng Anh là ngôn ngữ giảng dạy ở học đường, là ngôn ngữ dùng trong mọi văn thư hành chánh và giao dịch, là ngôn ngữ "quốc gia," vì từ lâu rồi họ là thần dân của Vương Quốc Thống Nhất Anh. Nhưng tài liệu hướng dẫn du lịch cho biết: mặc dù ngày nay chỉ có khoảng 1/5 dân số xứ Wales còn nói tiếng Welsh, ngôn ngữ đó vẫn là một sinh ngữ. Tôi được biết phong tục, tập quán xứ Wales vẫn được cố gắng giữ gìn. Điều đó không gây ngạc nhiên lắm với tôi vì những người của gia đình Việt Nam mà tôi đến thăm đã cẩn thận dặn tôi đừng "phạm lỗi lầm đồng hóa dân bản xứ với dân Anh," vì đó sẽ là một điều "không mấy ngoại giao!" Người Welsh luôn luôn cố duy trì tính chất riêng của họ, đối chọi với tính chất "phớt tỉnh Ăng-Lê" của mẫu quốc họ.

Phong cảnh xứ Wales khá đẹp, có lẽ đẹp hơn miền Nam nước Anh mà chúng tôi đã "lướt qua." Thật ra, khó mà đưa ra một kết luận đúng đắn là vùng nào đẹp hơn vùng nào vì mình chỉ "du lịch tuyến" và không "du lịch diện." Nhưng có một điều có thể quan sát được là miền Nam nước Anh tương đối bằng phẳng, còn miền Nam nước Wales nhiều đồi núi hơn. Có lẽ vì vậy mà phong cảnh vùng này trông thơ mộng hơn. Vùng Swansea với những con đường uốn khúc theo những đồi núi cao, vách đá thẳng đứng hay cây cối rậm rạp hai bên, gợi một phần khung cảnh đèo Hải Vân hay đèo Rù Rì của Việt Nam. Một đặc điểm rõ nét của xứ Wales là những đàn cừu. Đâu đâu cũng thấy cừu. Cừu trên những đồng cỏ bằng phẳng, cừu trên những đỉnh đồi, và cừu ở lưng chừng đồi. Sự kiện này đã giải thích vì sao Wales là vựa len của Anh. Trong quá khứ, nghề đan áo là một tiêu chuẩn trong "công dung ngôn hạnh" của phụ nữ Welsh, và nghiệp canh cửi đã gắn liền với nông nghiệp xứ này, cho đến thế kỷ thứ 19, khi cuộc cách mạng kỹ nghệ Anh lan đến để thay thế tất cả truyền thống đó bằng những giá trị mới.

Wales cũng là một xứ có những di tích lịch sử lâu đời nhất Âu Châu. Nhiều công trình xưa thu hút du khách khắp thế giới. Đáng kể là những tu viện cổ xưa bây giờ đã hoang phế. Tôi vốn không mấy bị quyến rũ bởi những gì xưa cũ của xứ người (còn của Việt Nam thì khác!) nhưng vì hiếu kỳ cũng đã ghé xem qua một lâu đài loại đó, và tôi bỗng khám phá ra cái hấp dẫn của sự hoang phế: đó là một sự hoang tàn đổ nát có tổ chức. Người ta cứ "dọn dẹp" để cho một khung cửa, một khoảng tường sụp đổ, miễn là nó đừng tạo hiểm nghèo, miễn là nó tăng thêm phần lãng mạn cho khung cảnh, và miễn là nó làm cho du khách - một du khách trừu tượng, không biên cương quốc gia - phải thốt lên:

Lối xưa xe ngựa hồn thu thảo
Nền cũ lâu đài bóng tịch dương.
(Bà Huyện Thanh Quan)

Xứ sương mù chưa chấm dứt tại Wales, mà còn chạy lên miền Bắc Anh, miền Tô Cách Lan, và đảo Ái Nhĩ Lan (khác với Cộng Hòa Ái Nhĩ Lan, không thuộc Anh), và tôi nghĩ, có dùng phần đời còn lại của mình đi du lịch thì may ra mới thỏa ước mơ. Với những con số thống kê du lịch cho thấy: trong tổng số du khách Mỹ đi du lịch Anh Quốc hằng năm, chỉ có gần 5% viếng thăm xứ Wales, và phần lớn trong số còn lại hướng về vùng bến phà Ái Nhĩ Lan, tôi cho rằng miền Bắc Vương Quốc Anh hẳn phải "đáng đồng tiền bát gạo."■

TÌM BẠN TRONG VŨ TRỤ

SƠN ĐIỀN NGUYỄN VIẾT KHÁNH

"Đáy bể mò kim" câu nói của dân Việt chúng ta chỉ có ý nghĩa giản dị là tìm... khó lắm đấy.

Vậy mà các nhà khoa học thời nay đang "đáy bể mò kim". Họ tìm cái gì vậy? Họ tìm sự sống thông minh trong vũ trụ. Nguyên lý để họ đi tìm là một nhận định cổ xưa như Trái Đất: Lẽ đâu trong vũ trụ bao la này, loài người chúng ta chỉ có một mình, lẻ loi, cô độc.

Đó là chưa kể đến những sự thôi thúc khác. Khi thì có những bằng chứng tuy mơ hồ, chưa hoàn toàn kiểm chứng được, nhưng đã nhiều lần thúc đẩy trí tưởng tượng của con người, như vấn đề UFO (vật lạ bay trên trời như đĩa bay) tạo thành truyền thuyết người Hỏa tinh, xanh và lùn v.v... Khi thì do kết quả những suy luận căn cứ trên triết lý hay những dữ kiện khoa học rất thực tế đưa đến những lập luận rất vững chắc, không thể phủ nhận.

Vấn đề "đĩa bay" hay UFO tuy là đề tài hấp dẫn trên mặt báo chí thế giới từ mấy chục năm nay, nhưng rút cuộc vẫn chưa có bằng chứng cụ thể để "trình làng", nhiều khi chỉ là hoang tưởng, hoặc nhầm lẫn, hoặc bịa đặt ra cho vui. Thí dụ nếu có một loài E.T. (loài người ngoài Địa Cầu) đến thăm hành tinh của chúng ta từ mấy chục năm nay thì chắc chắn không thể có ai, dù là siêu cường quốc như Mỹ và Nga cũng không thể dấu nhẹm được lâu.

Chúng ta hãy tạm gác bỏ vấn đề UFO (Unidentified Flying Objects) sang một bên chờ đến khi có thêm bằng chứng mới, để bước sang lãnh vực suy luận triết lý và khoa học, rồi từ đó nhìn vào công việc mà các nhà bác học trên thế giới đang làm việc "mò kim" của năm 1993 này.

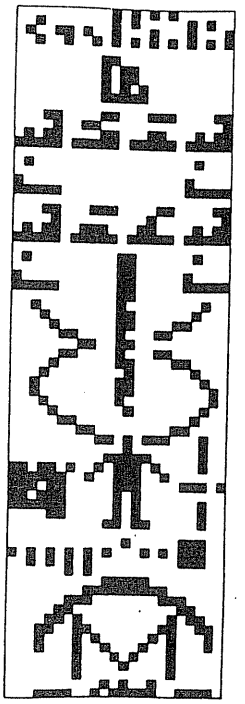

Mẫu hình mã số "thơ tìm bạn bốn phương" của chúng ta trong vũ trụ.

Chúng ta đã biết vũ trụ rộng lớn đến độ không thể tưởng tượng nổi. Cho đến nay khoảng vũ trụ mà con người có những máy móc hiện đại nhất "nhìn" được hay "nghe" được, đã có đến hàng tỉ galaxy, và trong mỗi galaxy như giải Ngân Hà mà chúng ta đang ở lại có hàng tỉ ngôi sao như Mặt Trời và lẽ tất nhiên mỗi Mặt Trời đó lại có những hành tinh quay xung quanh. Có lý nào trong hàng tỉ tỉ Trái Đất khác như vậy chỉ có Trái Đất chúng ta là có người.

Thí dụ có một con kiến thông minh bò trên một cái lá ở một khu rừng rậm nào đó ở Phi Châu chưa có ai đặt chân đến. Con kiến có thể biết thế giới của nó gồm nhiều cây cối cành lá um tùm và dự đoán rằng khu rừng còn rộng lớn hơn nữa. Nhưng nó có ngờ đâu ngoài khu rừng bao la mà nó không thể đi hết lại còn những sông, núi trùng trùng điệp điệp. Và nếu có ai bảo nó rằng cách xa cái lá của nó hàng ngàn cây số, còn có những thành phố chắc nó phải lắc đầu, không thể tưởng tượng nổi. Rồi một nhà bác học nào đó bảo nó rằng dù có đi cho hết, tất cả cũng chỉ là một quả địa cầu, một hạt bụi... chắc nó muốn hóa khùng luôn.

Chúng ta cũng chỉ như con kiến có óc suy luận đó thôi. Và tự nhiên con kiến tự nhủ: Rộng lớn như vậy, có lý nào chỉ có một mình ta.

Về phía tín ngưỡng, bất luận theo tôn giáo nào hay dù không có tôn giáo, hầu hết chúng ta đều tin là có Trời, có đấng Tối Cao, có Thượng Đế, có Tạo Hóa. Chính đấng Thiêng liêng đó đã sinh ra tất cả. Nhưng câu hỏi kế tiếp là: Ngài tạo ra vũ trụ huyền diệu như vậy, bao la như vậy, lẽ nào Ngài chỉ "hóa phép" sinh ra loài người chúng ta duy nhất để chiêm ngưỡng công trình vĩ đại của Ngài, để tôn thờ Ngài?

Các nhà bác học thường nghĩ rằng sự hiện diện của loài người có trí óc như chúng ta trong trời đất này chỉ là một sự ngẫu nhiên,

do những định luật của vật lý học tình cờ phối hợp với nhau rồi thành, từ những sinh vật nhỏ bé nhất rồi biến hóa thành người. Nhưng cũng có những nhà bác học khác lừng danh không muốn tin ở thuyết ngẫu nhiên như vậy. Nhà bác học vĩ đại Albert Einstein đã từng có một câu nói bất hủ "Thượng đế không chơi trò súc sắc," nghĩa là đấng Tạo Hóa không chơi trò may rủi, không phải tình cờ mà có con người, mà thật ra có một sự mầu nhiệm cố ý nào đó đã làm ra con người.

Ngẫu nhiên hay cố ý, rút cuộc vẫn là câu hỏi: Lẽ nào ngẫu nhiên chỉ có một lần với sự rộng lớn như vậy? Lẽ nào cố ý chỉ có một lần mà thôi?

Bây giờ chúng ta hãy trở lại vấn đề thực tế nhất: các nhà bác học đang làm gì để trả lời những câu hỏi hợp lý nói trên. Chương trình SETI ra đời.

SETI là chữ viết tắt của mấy từ Anh ngữ Search for Extraterrestrial Intelligence (Tìm kiếm sự thông minh ngoài Trái Đất). Thật ra chương trình SETI đã có từ thập niên 60 nhưng cách đây 30 năm dụng cụ khoa học còn thô sơ, nên tìm không được. Năm 1993 cố nhiên tình hình khoa học kỹ thuật đã khác nhiều.

Trước hết, các nhà khoa học tin chắc rằng trong vũ trụ phải có nhiều loài thông minh như loài người chúng ta. Và họ chung góp tài trí, dụng cụ, phương tiện của cả thế giới, trong một chương trình tốn kém cả trăm triệu đô la để đi tìm. Nhưng tìm cách nào?

Họ... nghe. Không phải nghe tiếng nói, mà những ăng ten khổng lồ nghe bắt những bức xạ của khắp nơi trong vũ trụ dồn dập chạm vào Địa Cầu hàng ngày liên tục. Vấn đề không phải là dễ, vì tất cả mọi vật trong vũ trụ, các vì sao, các galaxy, các lỗ bát quái "lỗ đen" đều bức xạ hết, không phải chỉ bức xạ photon là ánh sáng, mà nhiều nhất là bức xạ các tia gamma, các tia hồng ngoại và tử ngoại. Đó là những hạt và đồng thời cũng là những sóng như sóng điện từ radio. Chưa kể đến những bức xạ "hóa thạch" (Fossils) của thời kỳ vũ trụ bùng nổ khoảng 15 tỷ năm trước.

Trong hàng muôn muôn tỉ tỉ những bức xạ mỗi ngày đêm ập vào Trái Đất như vậy, các nhà bác học phải lựa ra "một vài" bức xạ... nhân tạo nghĩa là do "loài người vũ trụ" ở một hành tinh nào đó phát ra. Chính "loài người Địa Cầu" chúng ta hàng ngày cũng đang phát ra cơ man nào là bức xạ như sóng truyền thanh, truyền hình...

Đi tìm bức xạ thông minh trong đám hỗn tạp bức xạ thiên nhiên đó chính là công cuộc "đáy bể mò kim" vậy. Từ 30 năm nay, tại sao không "mò" thấy? Lý do là chỉ có máy móc tối tân mới gạn lọc được đống rơm khổng lồ để tìm... hạt kim cương nhỏ xíu trong đó. Thời xưa, máy điện toán "computer" chưa tinh vi. Ngày nay khác.

Các nhà khoa học của Trung Tâm Sưu Tầm Ames thuộc NASA ở Mountain View (Bắc Cali), những người điều khiển chương trình SETI, đã có những máy móc hiện đại nhất thế giới, nhờ đó họ có thể tự hào rằng chỉ trong ba ngày, họ có thể phân tách xong khối dữ kiện khổng lồ hơn cả 60 cuộc tìm kiếm trong suốt 30 năm qua.

Máy móc đó là những computer siêu đẳng có thể làm... 50 tỷ phép tính trong một giây đồng hồ, nghĩa là mười lần nhanh hơn các loại siêu computer lớn nhất đa hiệu đang được sử dụng hiện nay.

Tuy có máy móc tối tân như vậy, công cuộc dò tìm cũng phải có tổ chức cặn kẽ, có chương trình tuần tự, nghĩa là phải có hệ thống mạch lạc. Và phải nhìn nhận ngay rằng máy móc đó cũng chưa thấm vào đâu trước một việc quá khổng lồ như vậy.

Bởi thế không thể tìm kiếm loạn xạ, bất buộc phải hạn chế khu vực dò tìm, phải khoanh vùng như thể khoanh vùng như đi tìm giếng dầu.

Thí dụ, đừng mơ tưởng đến dò tìm ở hàng tỷ galaxy khác trong vũ trụ, mà thử tìm ngay trong galaxy "Giải Ngân Hà" của chúng ta xem sao. Chúng ta đã biết giải ngân hà như thế nào (xem bài vũ trụ bùng nổ và kế tiếp), gồm có 400 tỉ ngôi sao.

Bây giờ nói đến "mò kim" trong các khối sao mà chúng ta ở, có nghĩa như thế này: Bạn hãy tưởng tượng một sân banh foot-ball rồi đổ cát vào đó cho nó vuông vắn thẳng tắp cao đến một tòa nhà mười tầng lầu. Xong rồi mỗi bạn bới đống cát lớn như một ngọn đồi đó mà tìm... vài chục, cho là vài trăm đi, hạt cát vàng lẫn trong đó. Công cuộc đáy bể mò kim "giới hạn" hay khoanh vùng là như vậy đó.

Tuyển chọn mô hình cho Đài Kỷ Niệm Việt Nam ở Ottawa

Mô hình của điêu khắc gia Phạm Thế Trung đã được chọn để xây dựng Đài Kỷ Niệm Việt Nam tại Ottawa, thủ đô Canada. Tòa Đô chánh Ottawa đã chấp thuận dự án xây cất Đài này tại góc đường Preston và Somerset, từ cuối năm 1991. Chi phí dự trù cho dự án này là $50,000.00 (năm chục ngàn) Gia kim. Ủy Ban Xây Dựng Đài Kỷ Niệm Việt Nam kêu gọi đồng bào ở khắp nơi ủng hộ để công trình sớm được hoàn tất.

Mọi đóng góp xin gửi về:
VIETNAMESE COMMEMORATIVE
MONUMENT COMMITTEE
249 Rochester St., Ottawa
Ontario, K1R 7M9 CANADA
ĐT (613) 230-8282

Nhà thiên văn học Jill C. Tarter, bị mù từ bẩm sinh, chuyên về "nghe" bức xạ của trường Đại học Berkeley ở Bắc Cali nói: "Nếu cứ một triệu hạt cát lại có một hạt cát vàng, chắc chắn chúng ta sẽ tìm thấy."

Tuy nhiên kiểu tìm kiếm trong giải ngân hà như vậy vẫn là kiểu tìm quá rộng, loạn xà ngầu. Bởi vì giải ngân hà đường kính rộng 100,000 năm ánh sáng, các bức xạ đến chúng ta quá yếu. Chúng ta phải khoanh vùng thâu hẹp hơn nữa.

Các nhà bác học khiêm tốn, giai đoạn đầu chỉ dám tìm ở xung quanh chúng ta có 80 năm ánh sáng thôi, tức là khoảng cách mà ánh áng đi trong 80 năm, với tốc độ 300,000 cây số một giây và một năm đi được khảng 6 ngàn tỷ dặm.

Nhưng dò tìm tất cả thì cũng không đủ lực, lại phải chọn ở trong khoảng này lối 1,000 ngôi sao được coi như gần Mặt Trời của chúng ta, nghĩa là có thể có những hành tinh quay xung quanh và hy vọng trên đó có người.

Như vậy giai đoạn đầu là lần lượt chĩa "ống nghe" ăng ten khổng lồ lên từng ngôi sao đó một rồi bắt lấy các bức xạ, gạn lọc nó, tìm ra những bức xạ do "người" phát ra. Công cuộc này được khánh thành trong một buổi lễ hồi tháng 10 năm 1992, trùng hợp với ngày kỷ niệm của toàn thể nước Mỹ là ngày 500 năm Christopher Columbus tìm ra được châu Mỹ.

Tìm như thế độ bao lâu thì có kết quả? Giai đoạn đầu chỉ là thí nghiệm dụng cụ, mất vài tháng. Kế đó thử lấy một số dữ kiện làm mẫu, nghĩa là "nghe" và thâu một số bức xạ hạn chế, xem phương pháp tìm kiếm có hiệu quả hay không. Rồi đến năm 1994 - 1996 mới thực sự bắt đầu cuộc dò tìm có hệ thống và có thể mất từ năm đến bảy năm mới làm xong khu vực nhỏ này.

Cũng không nên quên rằng trong lịch sử thiên văn cận đại không thiếu gì những vụ... nghe lộn.

Thí dụ như trong khoảng thập niên 60, các nhà thiên văn Anh đã "nghe" được những tín hiệu radio (bức xạ sóng điện từ) rất đều đặn, khác hẳn các bức xạ thiên nhiên loạn xà ngầu. Họ mừng quá la lớn với thế giới rằng họ đã tìm thấy LGM (Little Green Men: người xanh nhỏ) mấy chữ thông dụng để chỉ người Hỏa tinh, nghĩa là "người" ở ngoài Trái Đất. Các nhà bác học Liên Sô lúc đó, năm 1965, đã triệu tập một cuộc họp báo ở Moscow để loan báo rằng họ đã tìm thấy ETI (thông minh ở ngoài Trái Đất).

Nhưng bé cái lầm. Chỉ ít lâu sau người ta biết rằng đó chỉ là những galaxy ở xa tít nhưng bức xạ radio đều đều, và nay gọi là sao mạch động (pulsar), cứ đều đều mỗi giây vài lần tùy theo cỡ sao đang xoay tròn.

Trong khi chờ đợi "nhận" được tín hiệu thông minh của người vũ trụ, các nhà bác học còn nghĩ: Tại sao chỉ chờ mà nhận? Tại sao mình không gửi tín hiệu đi?

Tín hiệu radio, TV v.v... của chúng ta hàng ngày rất nhiều, nhưng nó bị tỏa rộng đi. Tại sao không hướng ăng ten chĩa thẳng vào một nơi "tình nghi" nào đó, rồi đánh ra tín hiệu: "Có chúng tôi ở đây nè!"

Người ta đã làm việc tìm bạn bốn phương đó từ lâu rồi. Điển hình là năm 1974, qua vô tuyến viễn vọng Arecibo, các nhà bác học đã gửi đi về phía chòm sao Hercules một bản tín hiệu "có tôi đây."

Nhưng gửi đi bằng tiếng nước nào? Bằng một thứ mà mọi loài sinh vật đều có thể hiểu: Hình ảnh. Đó là một loại hình ảnh "điện tử hóa", hay nói cho đúng hơn, "computer hóa", mà bất cứ giống người nào có khoa học kỹ thuật ngang bằng với loài người chúng ta, nghĩa là đã đến "tuổi dậy thì" đi tìm bạn, tất nhiên phải có máy móc đón nhận và phân giải.

Dưới đây là hình ảnh "computer hóa" của chúng ta gửi đi, gồm các tín hiệu theo mã số nhị nguyên, tính theo thứ tự trên xuống dưới:

Số từ 1 đến 10 theo mã số nhị nguyên.

Nguyên tử số của các nguyên tố thông thường trên Trái Đất.

Phương trình hóa học của DNA với mẫu hình hai cánh xoắn song song.

Hình ảnh con người chúng ta.

Sơ đồ Mặt Trời và chín hành tinh trong Thái dương hệ của chúng ta.

Và mẫu hình một vô tuyến viễn vọng.

Các nhà bác học thuộc chương trình SETI cũng dự định gửi lại bức thư tìm bạn này.■

Phật giáo trong nước lại tiếp tục bị đàn áp

Tin tức từ các đài phát thanh quốc tế cho biết Cộng Sản Hà Nội sau một thời gian ra tay đàn áp Phật giáo tại Việt Nam, chiều ngày thứ Bảy 5 tháng sáu 1993, công an đã bắt giam thêm hai vị tăng ni là Đại Đức Trí Tựu, giám tự chùa Linh Mụ Huế và Đại Đức Hải Tạng, giám tự chùa Long An, Quảng Trị, hai thành viên của Văn Phòng Viện Hóa Đạo Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất, và trước đó thì công an Việt Cộng đã bắt giam Đại Đức Thích Hải Tịnh.

Ngoài ra nguồn tin từ trong nước cũng cho biết Phật tử tự thiêu tại Chùa Linh Mụ hôm 21-5-1993 tên thật Đào Quang Hộ, quê ở Long Xuyên.■

NÀNG HAY LÀNG

LTS: "Vụ án" Nàng Tô Thị, chúng tôi nghĩ là đã đến lúc kết thúc hồ sơ, thì lại nhận thêm hai ý kiến đáng chú ý. Một từ một nơi khá xa, từ Hà Nội, của ông Trần Ninh Hồ, Phó Ban biên tập Báo Văn Nghệ (Hội nhà văn Việt Nam), và một của ông Nguyễn Hà Trung, Woodbridge, Virginia. Xin mời bạn đọc theo dõi các ý kiến ấy, như là đoạn cuối cuộc thảo luận của chúng ta.

"Nàng Tô Thị" hay "Làng Tô Thị"

Gần như tuyệt đại đa số các văn bản từ đầu thế kỷ XX này cho đến nay, người ta đã thống nhất ghi lại bài ca dao nổi tiếng của xứ Lạng như sau:

Đồng Đăng có phố Kỳ Lừa
Có **nàng** Tô Thị, có chùa Tam Thanh
Ai lên xứ Lạng cùng anh
Bõ công bác mẹ sinh thành ra em
Tay cầm bầu rượu, nắm nem
Mảng vui quên hết lời em dặn dò...

"Nàng Tô Thị" chứ không thể có "Làng Tô Thị" vì mấy lẽ:

1. Dù là ghi lại bằng quốc ngữ theo mẫu tự la tin, câu ca vẫn được ghi lại bằng những từ rất cổ như "bác mẹ" chứ không phải "bố mẹ". Gọi "bác mẹ" nó đỡ thô và từ "bác mẹ" thường được dùng gần như đồng thời (trong dân gian nôm na) với những "nhà huyên", "nghiêm đường" ở thơ Hán từ thời xưa để chỉ bố mẹ.

"Mảng vui" chữ cổ cùng nghĩa với "Mải vui" hiện nay.

Điều đó chứng tỏ bài ca đã có từ thời mà đơn vị hành chính "làng", "thôn" chưa xuất hiện ở xứ Lạng, mà chỉ có "bản".

2. Có người nghi vấn hình như ở Đồng Đăng xưa có "làng" mang tên Tô Thị là một nghi vấn vô căn cứ. Thật ra từ Lạng Sơn qua cầu Kỳ Cùng sang phố Kỳ Lừa là 1.5km; nhưng từ Kỳ Lừa lên Đồng Đăng là 15km. Người xưa nói: "Đồng Đăng có phố Kỳ Lừa" (cách xa 15km) thì cũng có thể nói "Có nàng Tô Thị, có chùa Tam Thanh" (cách Đồng Đăng 17km), Nàng Tô Thị bằng đá tự nhiên giáp động Tam Thanh. Đây là biểu tượng tuyệt vời về lòng chung thủy của người đàn bà Việt qua hàng ngàn năm nối nhau, chờ đợi tiễn biệt trong lịch sử một đất nước nhiều chiến tranh cách trở... Hiểu "Làng Tô Thị" vừa vô nghĩa, vừa giảm đi rất nhiều ý nghĩa trữ tình của câu ca.

Hơn nữa từ thời xưa, đi lại còn khó khăn các cụ ta đã biết kéo gần lại (hàng 15km) những địa điểm du lịch Kỳ Lừa, Tam Thanh, nàng Tô Thị... để tạo ra một cụm liên hoàn, du lịch, sự hấp dẫn của thắng cảnh đất nước.

3. Lẫn giữa "Nàng" và "Làng" có lẽ do sự nói ngọng còn tồn tại ở những vùng giữa "L" và "N" chăng?

Trần Ninh Hồ
Phó Ban biên tập Báo Văn Nghệ
(Hội nhà văn Việt Nam)

Làng hay Nàng?

Theo tôi nghĩ, câu hỏi "làng" hay "nàng" Tô Thị không cần phải được đặt ra.

Chỉ đặt ra câu hỏi đó nếu đoạn ca dao được đọc lên như thế này:

Đồng Đăng có phố Kỳ Nừa
Có Nàng Tô Thị, có chùa Tam Thanh
Ai nên xứ Nạng cùng anh
Tiếc công bác mẹ sinh thành ra em
Tay cầm bầu rượu nắm nem
Mảng vui quên hết nời em dặn dò
Gánh vàng đi đổ sông Ngô
Đêm nằm tơ tưởng đi mò sông Thương.

hay như thế này:

Đồng Đăng có phố Kỳ Lừa
Có làng Tô Thị, có chùa Tam Thanh
Ai lên xứ Lạng cùng anh
Tiếc công bác mẹ sinh thành ra em
Tay cầm bầu rượu lắm lem
Mảng vui quên hết lời em dặn dò
Gánh vàng đi đổ sông Ngô
Đêm lằm tơ tưởng đi mò sông Thương.

Nhưng câu hát ru này nhiều người vẫn được nghe như sau:

Đồng Đăng có phố Kỳ Lừa
Có nàng Tô Thị, có chùa Tam Thanh
Ai lên xứ Lạng cùng anh
Tiếc công bác mẹ sinh thành ra em
Tay cầm bầu rượu nắm nem
Mảng vui quên hết lời em dặn dò
Gánh vàng đi đổ sông Ngô
Đêm nằm tơ tưởng đi mò sông Thương

Theo lối đọc ở trên, "L" và "N" đều xuất hiện, do đó, không có chuyện lẫn lộn "làng" thành "nàng" hay ngược lại.

Trái với lối suy nghĩ của những người bạn Nam kỳ của tôi, những người thường nghĩ — sai lầm — rằng bọn Bắc kỳ nhà quê chúng tôi luôn luôn nói sai, hễ "L" thì nói thành "N" và hễ "N" thì phải nói sai thành "L".

Thưa các ông, bà bạn Nam kỳ yêu quí của tôi, ở một vài vùng miền Bắc, nếu nói sai "L" thành "N" thì từ đầu đến cuối đều thành "N" hết, và ngược lại. Thí dụ:

Cái nọ nục bình nó năn nông nốc.

Nếu không thì phải là:

Chuyện lước Lào biết thế lào mà lói.

Do đó, tôi tin rằng phải là "nàng Tô Thị" mới đúng. Câu này — với "nàng Tô Thị" — là câu tôi đã được nằm nghe ru, đã thấy người khác ru con và đến lượt một người dưng khác họ ở một nơi xa xôi đến với tôi cũng ru như thế.■

Nguyễn Hà Trung
Woodbridge, Virginia

State of California LICENCED SMOG CHECK INSPECTION & REPAIR STATION

FRANK'S Computerized AUTO CENTER

AS CERTIFIED — AUTOMOTIVE SERVICE EXCELLENCE

FRANK'S AUTO #1

REPAIR & SERVICE DEPT.

4525 W. FIRST ST. #A, SANTA ANA, CA 92703

TUẤN LÝ (MANAGER) (714) 531-7908

TOYOTA | HONDA | DATSUN | MAZDA | ACURA | BMW

Summer SALE

PASS OR DON'T PAY

SMOG CHECK $19.00 + $7 CERT.

VAN + $5 EXTRA

CHUYÊN MÔN:

- ☆ Chuẩn bệnh và sửa chữa COMPUTER SYSTEM on all cars.
- ☆ TUNE UP, SMOG CHECK, ELECTRICAL SYSTEM, CARBURATOR, OVERHAUL CV JOINTS, CV BOOT, AXLE SHAFT, RACK & PINION.
- ☆ AIR CONDITIONING, HEATING, RADIATOR.
- ☆ OVERHEAT REPAIR, WATER PUMP, HOSES.
- ☆ OIL LEAK REPAIR, RESEAL.
- ☆ CLUTCH JOB, TIMING BELTS, VALVE JOB
- ☆ Bảo trì theo FACTORY SCHEDULES: 15,000Miles - 30,000Miles - 60,000Miles.

COMPUTER ALIGNMENT 4 WHEEL $35 — AMERICAN CAR $5 EXTRA
2 WHEEL $25 — MOST CARS
1 YEAR OR 10,000 MILES GUARANTEED

COMPUTER ALIGNMENT by HUNTER COMPUTER SYSTEM D-111 CHUYÊN TRỊ:
Vỏ xe mòn không đều - Xe đâm về một phía - Xe bị rần hay bị run - Tay lái bị cứng và khó điều khiển

☆ Trung tâm sửa xe dành cho Quý Vị chưa tìm được nơi nào đáng tin cậy.

☆ Garage cũng dành cho Quý Vị nào muốn bảo trì và sửa chữa xe cộ mình an toàn, đúng mức, đúng tiêu chẩn dealers.

Design by VAN Arts 714/ 891-0052

CHUYÊN MÔN:

- Làm đồng và sơn tất cả loại xe Japanese, German & Domestic Car, theo tiêu chuẩn Factory.
- Trang bị giàn kéo, máy đo theo tiêu chấn hiện đại. Life Time Waranteed cho Paint Job.
- Khi có tai nạn xin quý vị liên lạc với FRANK'S AUTO BODY để được hướng dẫn đi Bác Sĩ, Luật Sư.
- Nhận tất cả các loại bảo hiểm, có giá đặc biệt cho trả tiền mặt.
- FREE ESTIMATE.

FRANK'S COLLISION & PAINT DEPT.

14901 CHESTNUT ST., WESTMINSTER, CA 92683

TRUNG TÂM SỬA XE LỚN NHẤT

DAVID NGUYỄN (BODY SHOP MANAGER)
(714) 373-3344
Beeper: 262-8098

AIR CONDITIONING SPECIALIST

ĐƯỢC SỰ ỦNG HỘ VÀ TÍN NHIỆM Ở CÁC ĐẶC ĐIỂM

- HIGH QUALITY WORKS
- FACTORY PARTS
- EXPERIENCE TECHNICIANS
- COMPUTERIZED EQUIPMENT
- NO AFTER MARKET OR TAIWAN PARTS ON BODY WORK
- EXPERT INSURANCE CLAIM

AUTO BODY & PAINT

FRANK'S AUTO #1 — VAN Arts

AIR CONDITIONING RECHARGE $40.00 EVACUATE EXTRA

THANH BUI (GENERAL MANAGER) Kính Mời

- Có thợ chuyên môn về sửa chữa Air Conditioning System
- Máy lạnh thổi không ra hơi
- Hơi thổi ra không đúng chỗ
- Hệ thống lạnh bị xì
- Xe bị nóng khi xài máy lạnh
- Sửa chữa toàn diện đường ống dẫn gas và bộ phận liên hệ

Design by VAN Arts 714/ 891-0052

HOME LOANS

CẦN VAY TIỀN

14351 EUCLID ST. # 1T
Garden Grove, CA 92643
(714) 265-1127

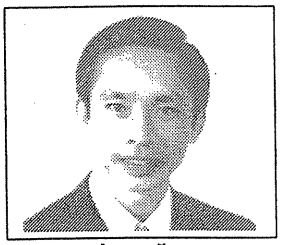

GIÀU ĐẶNG
President
Pager: **(714) 565-9809**

MUA NHÀ | **APARTMENT**
CONDO | **COMMERCIAL**

JEANNIE YẾN NGUYỄN LOAN OFFICER PAGER: (714) 648-8254	JAN TRANG LÊ LOAN OFFICER PAGER: (714) 239-9374
TIẾN "TIM" NGUYỄN LOAN OFFICER PAGER: (714) 568-4098	MINH T. TRAN LOAN OFFICER PAGER: (714) 291-0543
THANH PHẠM VĂN LOAN CONSULTANT TEL: (714) 531-7258	JENNIFER LE LOAN OFFICER PAGER: (714) 565-9500

TIỀN LỜI THẤP CHO: **REFINANCE**

8.00% (30 years) ⟵ FIXED ⟶ **7.50%** (15 years)

(RATES SUBJECT TO CHANGE WITHOUT NOTICE)

GIỜ LÀM VIỆC:
7 ngày một tuần:
9 AM - 6 PM

ĐẶC BIỆT:

BAD CREDIT - BANKCRUPTCY - FORECLOSURE VẪN ĐƯỢC VAY TIỀN

* REFINANCE TRẢ NỢ CŨ
* TU SỬA NHÀ VAY: $17,500
* EQUITY LOANS (CASH OUT) ĐẾN 100%
* FOURPLEX TRỞ LÊN VAY; $43,750

Có nhiều chuyên viên kinh nghiệm đến tận nơi làm thủ tục vay mượn choquý khách
Công việc làm nhanh chóng - Uy tín

PHÒNG MẠCH BÁC SĨ

VƯƠNG ĐỨC HẬU M.D., F.A.C.O.G., INC.

DIPLOMATE AMERICAN BOARD OF OB & GYN

* *Bác Sĩ Chuyên Môn Sản Phụ Khoa Việt Nam Board Certified và hành nghề đầu tiên tại California*
* *Giáo sư Đại Học U.C. Irvine, OB-GYN Department*
* *Assistant Clinical Professor tại U.C.I. Medical Center, Khu Sản Phụ Khoa*

14536 BROOKHURST ST., PHÒNG 101 (GÓC HAZARD) WESTMINSTER, CA 92683

CHUYÊN MÔN CHỮA TRỊ:

PHỤ KHOA

* Bệnh Đàn Bà - Huyết trắng - Khám bệnh tổng quát phụ nữ
* Kế hoạch hóa gia đình, cột hoặc đổi ống dẫn trứng
* Sexual Dysfunction. Nhiễm trùng đường tiểu, đau khi có kinh nguyệt
* Kinh nguyệt bất thường, Chảy máu bất thường.
* Bệnh hiếm muộn và giải phẫu bằng tia Laser tối tân
* Giải phẫu bướu tử cung; Sa tử cung; Tử cung và buồng trứng
* Truy tầm ung thư vú
* Giải phẫu sửa nhỏ âm đạo theo ý muốn

SẢN KHOA

* Đỡ đẻ và giải phẫu sanh đẻ
* Giải phẫu cột ống dẫn trứng sau khi sanh
* Văn phòng có trang bị máy Fetal Monitor Ultrasound tối tân để theo dõi thai nhi.

Điện thoại:
(714) 531-5505
XIN VUI LÒNG LẤY HẸN

Bộ Chữ Việt Nam

Do VNLabs, nơi đầu tiên chế tạo Bộ Chữ Việt Nam và Bộ Chữ Quốc Tế

Giám Đốc: Nguyễn Nam Việt
Cố Vấn Nga : Vladimir Ouzdin

Hệ Thống Computer Ngoại Ngữ tối tân nhất thị trường

Bộ Chữ duy nhất có khả năng dùng tiếng Việt trong nhiều Software sẵn có trên thị trường(DOS $ WINDOWS), kể cả PageMaker, Ventura Publisher, CorelDraw, WordPerfect, Ami Pro, Windows Word, Excel, Dbase, spreadsheets, vv..

Bộ Chữ Việt Nam do VNLabs hiện đang được sử dụng tại nhiều cơ quan Quốc Tế và hiện là Bộ Chữ căn bản dùng tại đa số các nhà in tại Hải Ngoại, cùng các cơ quan tình báo và quân sự Hoa Kỳ.

Bộ Chữ Liên Sô do VNLabs hiện là software thông dụng nhất tại Nga Sô.

VNLabs là nơi sản xuất trên 30 Software Ngoại Ngữ từ 1984.

Các kiểu chữ tiếng Việt trong Bộ VN Windows (PostScript & TrueType)

Dùng trong Windows (V3.0 & V3.1), các fonts PostScript và TrueType này có thể in trên bất cứ loại printer nào được Windows support (dot matrix, Bubblejet, Inkjet, Deskjet, Laserjet, Paintjet, PostScript printers, vv..).

VN Aristote Bộ Chữ Việt Nam
VN Avant Garde Bộ Chữ Việt Nam
VN Bodoni Bộ Chữ Việt Nam
VN Brush Bộ Chữ Việt Nam
VN Century Bộ Chữ Việt Nam
VN Chancery Bộ Chữ Việt Nam
VN Cooper Bộ Chữ Việt Nam
VN FreeStyle Bộ Chữ Việt Nam
VN Friz Bộ Chữ Việt Nam
VN Goth Bộ Chữ Việt Nam
VN Helvetica Bộ Chữ Việt Nam
VN Helvetica Insera Bộ Chữ Việt Nam
VN Hobo Bộ Chữ Việt Nam
VN Merlin Bộ Chữ Việt Nam
VN Palatino Bộ Chữ Việt Nam
VN Park Avenue Bộ Chữ Việt Nam
VN Present Bộ Chữ Việt Nam
VN Revue Bộ Chữ Việt Nam
VN Teknika Bộ Chữ Việt Nam
VN Tiffany Bộ Chữ Việt Nam
VN Times Bộ Chữ Việt Nam
VN University Bộ Chữ Việt Nam
VN Vogue Bộ Chữ Việt Nam

ДИПЛОМАТ

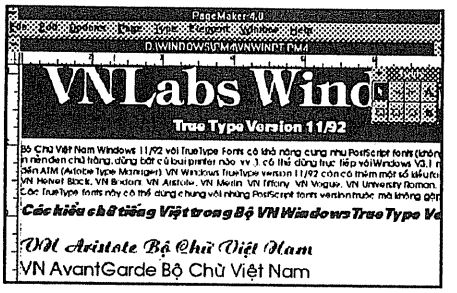

Bộ Chữ Việt Nam trên PageMaker V4

Bộ Chữ Việt Nam trên CorelDraw V3

INTERNATIONAL DESKTOP

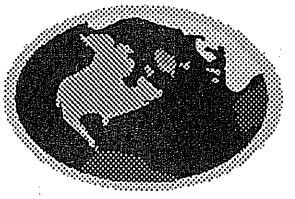

VNLabs
3700 Campus Dr., Suite 202
Newport Beach, CA 92660
Phone (714) 474-6968
FAX (714) 250-8117

1984 - 1992

THÔNG BÁO

ĐỔI HỘP THƯ

Từ 1 tháng Năm 1993
mọi thư từ
xin gửi về:

THẾ KỶ 21
P.O. Box 2054-H39
WESTMINSTER,
CA 92684

TỬ VI THIÊN CƠ
ÔNG PHẠM ĐÌNH MAI

8742 Westminster Ave.,
Westminster, CA 92683
Tel: (714) 891-3429
Fax: (714) 891-4584

1. Giải đoán Tử Vi trọn đời có thu băng cassette.
2. Xem địa lý, phương hướng nơi cư trú và cơ sở thương mại.

* Ở xa, gởi năm, tháng, ngày, giờ sinh. Nói rõ âm hoặc dương lịch, nam hay nữ - kèm Money Order 32 Mỹ kim; Làm thật gấp là 40 Mỹ kim - Sẽ nhận được Lá Số Tử Vi chấm bằng computer kèm tape thu lời giải dùng trọn đời.

THẾ KỶ 21

P.O. BOX 2228-260, Westminster, CA 92683, USA. Tel: (714) 894-9021; Fax: (714) 894-2752

PHIẾU MUA BÁO DÀI HẠN
SUBSCRIPTION FORM

Họ tên / Full name: . . . . . .

Địa chỉ / Address: . . . . . .

. . . . . .

Điện thoại / Telephone: . . . . . .

Tôi đặt mua Thế Kỷ 21 / I would like The Ky 21 delivered to me:

☐ 06 số / issues ☐ 12 số / issues ☐ 24 số / issues

Bắt đầu từ số / Starting from issue:. . . . . .

Kèm theo đây là chi phiếu/lệnh phiếu mang số tiền / Enclosed is check/money order of:
(NB: From other countries, please send only USD International Money Order).

Viễn đông
RESTAURANT

Do LÂM QUANG điều hành
Được nổi tiếng trong cộng đồng người Việt
khắp năm châu với các món ăn thuần túy miền Bắc:

1. Bún chả "Chợ Đồng Xuân"
2. Chả cá Thăng Long
3. Bún vịt xáo măng
4. Bánh Tôm "Cổ Ngư"
5. Bún bung
6. Bún riêu
7. Bún giả cầy
8. Bún thang
9. Bún mộc
10. Bánh cuốn "Thanh Trì"
11. Bún ốc
12. Bánh đúc đậu rán
13. Đu đủ bò khô "Viễn Đông"
14. Miến gà
15. Miến lươn
16. Chả giò

ĐẶC BIỆT:
CHẢ CÁ THĂNG LONG,
BÚN CHẢ ĐỒNG XUÂN
BÁNH TÔM CỔ NGƯ

VIỄN ĐÔNG I
9684 Westminster, Garden Grove, CA 92644
(714) 539-4614
8:30 AM - 8:30 PM

VIỄN ĐÔNG II
1911 E. Garvey # C-D, Rosemead, CA 91770
(818) 571-6807
9:00 AM - 9:00 PM

NHẬN ĐẶT TIỆC TRÀ - Nghỉ ngày thứ Ba

Bác Sĩ
Đoàn Đức Ban, M.D.

TRUNG TÂM CHUYÊN KHOA BỆNH PHỤ NỮ
WOMEN'S HEALTH CENTER
15663 BROOKHURST STREET
WESTMINSTER, CA 92683
Đ.T. (714) 839-4988

Tốt nghiệp Y Khoa tại Louisiana State University
School of Medicine
Tốt nghiệp Chuyên Khoa **Sản Phụ Khoa và Hiếm Muộn** tại
Charity Hospital, New Orleans, LSU Medical Center
Hội Viên Y Sĩ Đoàn Hoa Kỳ (A.M.A.)
Hội Viên Hội Chuyên Khoa Sản Phụ Khoa Hoa Kỳ (A.C.O.G)
Hội Viên Hội Sản Phụ Khoa Orange County
(OC Society of OB-Gyn)

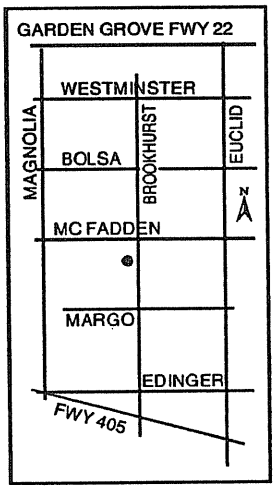

Xin khám bệnh
theo hẹn
Điện thoại:
(714) 839-4988
Thứ Hai tới thứ Sáu:
9:30AM - 6:00PM
Thứ Bảy:
9:30AM - 2:30PM

NHẬN MEDICAL VÀ BẢO HIỂM

HƯỚNG DẪN:
* Phòng ngừa và truy tầm các bệnh ung thư của phụ nữ
* Các phương pháp ngừa thai
* Dinh dưỡng

CHUYÊN TRỊ:
* Các bệnh phụ nữ, sinh lý, Premenstrual Syndrome (PMS), Hiếm muộn
* Săn sóc Thai kỳ, Đỡ đẻ, Giải phẫu sanh sản (Obstetrical Surgery)
* Chuyên giải phẫu các bệnh Phụ Nữ và Hiếm Muộn (Gynecological Surgery)

THẾ KỶ 21
The 21st Century

NEWS • TECHNOLOGY
• ARTS & LETTERS
A source for
Vietnamese studies

PUBLISHER,
ENGLISH SECTION
EDITOR
Le Dinh Dieu

EDITOR
Vuong Huu Bot
(Do Quy Toan)

MANAGING EDITOR
Nguyen Xuan Hoang

OFFICE MANAGER
(Administration, Circulation & Advertising)
Vu Duy Tu

ADVISORS &
CONTRIBUTORS
Bui Bao Truc • Dam Trung Phap • Do Ngoc Yen • Hoang Ngoc Tue • Luu Van Vinh • Nguyen Dinh Hoa • Nguyen Duc Quang • Nguyen Manh Hung • Nguyen Thien Co • Phan Huy Dat • Phan Ly • Ruth Talovich.

THE KY 21 (The 21st Century) is published monthly in Westminster, California, USA, and distributed worldwide. Subscription rates: inside the US $28.00 a year (bulk rate), $43.00 a year (first class); outside the US: see subscription form printed inside. Send check/money order, inquiries and all mail to:
THE KY 21, PO BOX 2054-H39, WESTMINSTER, CA 92684. Tel (714) 894-9021; Fax (714) 894-2752. All rights reserved.

ISSN 1056-4640

TO LIFT OR NOT TO LIFT U.S. EMBARGO OVER VIETNAM

By THAI STROM

I went to a presentation on Vietnam at the state capital, sponsored by the World Affairs Council of Sacramento. The lecturer was a television reporter from a Sacramento station who had successfully convinced his boss to let him spend one week in Saigon to do a story on Vietnam and the emigration of thousands of Vietnamese to the United States through a U.S. program called Orderly Departure Program, or ODP.

ODP is a program initiated in 1982 that aims at deterring some Vietnamese who might otherwise attempt to flee the totalitarian communist regime, more often than not in unseaworthy boats. According to a report in the early 1980s by the United Nations High Commissioner for Refugees, since the collapse of South Vietnam into communist hands, tens of thousands of Vietnamese boat people had reportedly been drowned at sea, or been robbed then massacred by pirates. A few hundred young women were allegedly kidnapped and sold into prostitution in the region, according to the report, based on interviews with surviving refugees.

The ODP only applies to relatives of Vietnamese Americans, leaving many others continuing to flee Vietnam in unseaworthy boats. The ODP process usually takes five to 10 or more years to be completed, meaning five to 10 or more years without being able to work for a living for those who have applied for the ODP in Vietnam, forbidden by the communist government. On top of that, ODP prospects also have to come up with money to pay corrupt officials at almost every step through the process. Many ODP applicants, including my widowed sister-in-law and her seven daughters whom I sought to sponsor, have given up on ODP by withdrawing their applications, because they could not do without working and because they did not have money or bribery.

The reporter's story had been televised. At the capital gathering, he only gave a brief presentation based mainly on his opinions on whether the United States should lift the embargo on Vietnam and why. He favors lifting the embargo, giving two reasons.

According to him, Washington needs to normalize relations with Hanoi so that American business can have a piece of the pie in Vietnam before the whole pie is gone. This is, in fact, what some American businessmen have been trying to convince the U.S. government of.

Many companies from Canada and countries in Asia and Western Europe have established businesses in Vietnam, where labor costs are still quite cheap and where there is a large and far from being satisfied market of more than 60 million people, leaving American firms standing helplessly and anxiously at the roadside. So far, since late last year when the President Bush allowed a partial lifting of the embargo, Americans can only set up offices or secure contracts, but cannot operate until the embargo is lifted completely.

The reporter pointed to the diminishing ODP arrivals in the United States as an example of the fact that life in Vietnam has improved economically since Hanoi's so-called Doi Moi (modernization) policy to stimulate an economy that was constantly in crisis. As a result, he said, he concludes that fewer Vietnamese want to leave the country and the embargo should be lifted.

He did not mention the tens of thousands of boat people still waiting desperately in refugee camps in Hong Kong and other Southeast Asian countries where living conditons are virtually impossible.

People in Vietnam, the reporter said, have expressed their wish to see the embargo

lifted, including a worker at a luxurious hotel where the reporter stayed during his few days in Saigon, now called Ho Chi Minh City. The hotel worker, the reporter said, used to work for the Americans before 1975.

A Vietnamese American in the audience passionately but politely argued, however, against the reporter's proposal, giving the reason why the United States should not lift the embargo. The dark-faced young man said the U.S. government should demand, as one of the conditions, that human rights in Vietnam be respected before lifting the embargo. The United States imposed the embargo on North Vietnam in 1955 and extended it to include South Vietnam in 1975 after the communist takeover. The Vietnamese people need freedom, the Vietnamese American concluded.

Due to the embargo and the heavy influence of the U.S., Vietnam has not been able to get loans or receive aid from international organizations to improve the country's deterioration infrastructure. Without improved infrastructure, the economy cannot be developed. Vietnam, where there are many intelligent and hard working people in a land rich in natural resources, has become (even before the collapse of the Soviet Union in late 1991 resulting in Hanoi's loss of a major source of aid) one of the world's poorest nations. The country has been frozen in time, at a few decades back, as the whole world approaches a new century.

Not acknowledging that the communist system that deprives people of any incentive to do anything better is the culprit, Hanoi continues blaming the United States for blocking the country's economic development, as if lifting the embargo would make Vietnam one of the economic tigers in Southeast Asia. As long as the embargo is in place, Hanoi still has a good excuse for its economic failure, despite some so-called improvements, as reflected by the abundance of foreign goods, because the country does not have the ability to manufacture anything worthwhile.

That is one of the reasons I favor lifting the U.S. embargo, so that Hanoi will no longer be able to defend the country's economic failures by pointing the finger at the embargo.

For a time, I like the young Vietnamese American above, also argued against lifting the embargo, asking for the same thing - human rights, freedom and democracy for these poor people. As the years went by, I have become more and more Americanized and never had a day gone by without so much food, lots of clothes and a solid roof over my head, allowing my mind to worry about abstract ideas.

Could I continue demanding democracy and freedom when what my former countrymen need is food and some social security that the Vietnamese communist system has failed to provide? There is a Vietnamese saying that goes, "One can only fight for a cause on a full stomach" - Có thực mới vực được đạo. Besides, I have been away from Vietnam, my native land, nearly two decades. Could I still dare to say I represent the Vietnamese back home to speak their mind? I don't think so.

Some people might ask, "What about the Americans who are still missing in action and probably still imprisoned? If we lift the embargo now, Hanoi may lose incentive in helping to find these men." I agree. However, "If one does not venture into a lair, how could one catch a tiger's cubs?" (không vào trong hang sao bắt được cọp con?) As another Vietnamese saying goes, meaning the best way to achieve anything is to be there. Only by being officially in Vietnam do Americans have a better opportunity to search for their MIAs, and maybe for POWs as well.

Maybe with the lifting of the U.S. embargo, Hanoi will prove that it cannot develop the economy with the outdated communist system still in the way, allowing other forces to take over. A non-communist government would better assist the American search for MIAs-POWs. These things have happened in the former Soviet Union, haven't they?

There is another reason that lifting the U.S. embargo over Vietnam needs to be done as soon as possible. Nearly 20 years of communist rule in South Vietnam and 40 years of such a regime in the north should be different from 70 years of communist rule in Russia. Vietnam's human resource is still salvageable and communist institutions cannot have taken as deep a root as in the case of Russia where a majority of Russians seem at a loss when facing freedom, not knowing what to do in a free market and society.

Furthermore, China has been expanding in the Southeast Asian region, slowly but surely, now that Beijing no longer has to worry about a Soviet threat from across the northern border and from the south at Cam Ranh Bay in central Vietnam where Moscow used to maintain a naval base because of its strategic location, as did Washington before 1975.

Last fall Chinese troops took over the Spratley Islands in South China Sea to the south of Vietnam. The prospect of oil in the area is as important as the strategic location of these islands. China is also drilling for oil in the Gulf of Tonkin, and the work, undertaken by an American oil company, has been guarded by armed Chinese troops, threatening to block at any moment the traffic route to the harbors of Haiphong and Quang Ninh in North Vietnam.

Hanoi has no friends, thus its cry for help from China's encroachment has fallen on deaf ears.

Not only has China been on a shopping spree for sophisticated weapons from a collapsed Soviet Union searching for hard cash, it has also estabilished a naval base with the Burmese military ruler's consent, overlooking the Bay of Bengal, making neighboring India quite nervous.

Vietnam needs friends and help to lift itselft out of the economic mess so that it can defend itself before China moves its fleet into Cam Ranh Bay. China, according to a report, is doing just that by changing the border posts farther into Vietnamese soil in the north, about which Hanoi has protested in vain.■

Thai Strom is a staff writer for the *Mountain Democrat*. She contributes from time to time to *The Ky 21*, bylined Trung Duong Nguyen Thi Thai.

BOOKS BRIEFLY NOTED

As a service to cultural organizations or libraries which may interest in acquiring Vietnamese literary materials for its collections, we compiled and briefly reviewed recently published books. Vienamese titles are translated into English where possible. All books are in Vietnamese unless otherwise noted.

BUI VA RAC

By Nguyen Xuan Hoang

(Thanh Van; 262 pp., $13)

Bui Va Rac ("Dirt And Trash") is a second installment of what promised to be a three-part novel (the first being *Nguoi Di Tren May* — The One Who Walks On Cloud). In this sequel, life must go on for those who remained in South Vietnam after the nation was conquered by the communist North. However, the communist ruling class rejected and treated them as if they were dirt and trash of the capitalist society (hence, the title Dirt and Trash). The novel was written somewhat based on the author's own experience, having lived under the communist rule for almost ten years. Mr. Nguyen Xuan Hoang, a better known avant-garde novelist in what was then The Republic of Vietnam. Since arriving in the U.S. in 1984 Mr. Hoang has published three literary works. He now lives in California and is the managing editor of Nguoi Viet Daily Newspaper and The Ky 21 Magazine. Dirt and Trash is his tenth publication since 1967.

THE DAWN OF FREE VIETNAM: A biographical sketch of Doctor Phan Quang Dan.

By Ray Fontaine

(Pan American Business Services: 207 pp., no listed price)

The 75 year old Dr. Phan Quang Dan was no stranger to South Vietnamese politic dating back to the early 40's. He was offered cabinet posts by every president of the two Vietnams. Ho Chi Minh once asked him to head the Ministry of Labor. He declined the offer due to the ideological differences between the two. Emperor Bao Dai offered Dr. Dan no less than five ministerial posts. He also declined a position offered by the president Ngo Dinh Diem, telling Diem that his imperial manner was no longer fit to rule his subjects in the modern time. Dr. Dan was later jailed and tortured by Diem's brother, Ngo Dinh Nhu, for being a suspect in the 1960 aborted coup d'etat. During the president Thieu's administration, Dr. Dan was made deputy prime minister and head of the Land Development and Hamlet Building Project. Admired and respected by everyone who knew him, Dr. Dan was known as "Mr. Clean" in society where corruption was a way of life. Although not exhaustive, this biographical sketch is a welcoming contribution to the life of a true Vietnamese patriot. In English.

QUYEN TRUYEN KHONG TEN

By Ho Dzenh

(Thanh Van; 103 pp., $7)

"A Storybook Without A Name" is the unfinished memoirs by the late poet. The draft was reportedly sent to one of his friends in Paris for publication. The unfinished memoirs is a short, but extremely moving narrative. It's so touching that on certain pages it could invoke a strong emotional response from a reader. The setting of the memoirs was during the French-Vietnamese war. A period when unbearable burdens were felt by many. That's when human tragedies occurred; the poet Ho Dzenh lost his wife and the oldest child from hardship and inadequate nutrition. Ho Dzenh writes prose that can bleed a reader's heart.

CHUYEN MOT NGUOI DI CU NHUC DAU VUA PHAI

By Nguyen Ba Trac

(Van Nghe; 210 pp., $10)

The readers of "Story of an Immigrant With a Mild Headache" might very well have a mild headache after having finished this book! The author, a jovial, carefree, don't-give-a-damn, purposeless globe-trotter, is well-liked among Vietnamese literati (then again, any assessment of his personality is debatable!). The author's headache is no ordinary one; it's an existential headache. The kind of headache you get when you question too much about the ontological purpose of your being here in this world. The book is a collection of poems, essays and short stories. Beware, the author's mild headache is contagious!

CAT BUI CHAN AI

By To Hoai

(Thanh Van; 336 pp., $12)

"Fleeting Reminiscences" is the memoirs of To Hoai (nee Nguyen Sen), a widely known short story writer since 1940's. Born and raised in rural areas of North Vietnam, Mr. To Hoai was keen in describing deplorable conditions and lives of poor farmers and workers. He has also authored several excellent books about animal lives, which metalphorically mirror those of human's. Many generations of school students have read and enjoyed his books. The memoirs covers the period from 1940 to 1990. In first person, To Hoai narrates his experiences,

among other things, about the French-Vietnamese war, the time he spent in the jungle running the armed propaganda team, and the 1956-1958 self-correcting movement initiated by Vietnamese Communist Party to weed out the "rightists". He gives accounts of how his friends were unjustly ostracized and removed from communist party nomenclature. The book was written in a plain literary style, with no pedantry or pompous phrase, yet it elicits emotions from the readers page after page. "Fleeting Reminiscences" is worth reading because it relates to the readers how, and under what condition, the North Vietnamese artists, writers, intellectuals, and common people lived under the tight control of the communist regime. The memoirs is also a tribute to the late Nguyen Tuan, another famous Vietnamese writer and a friend of the author for more than fifty years. After more than seven decades of living, To Hoai survives to tell us his wonderfully evocative reminiscences. Reminiscences that he could only indulge in a short moment before it faded away. "Fleeting Reminiscences," he called it.■

Books Briefly Noted is compiled and written by Nguyen K. Phong.

LETTERS

Forgetting means inviting

The article "Annual breastbeating" (The-Ky 21, #49, May/93, English section, page 4) raises quite a few questions about the facts surrounding My-Lai massacre 25 years ago, the nature of U.S. involvement in V.N. as well as the view on V.N. war itself. I prefer to leave them to the experts. I just want to point out the unusually high degree of immunity from sufferings of others, it has shown.

I agree that throughout history, we, as human beings, more than often have solved our problems by deaths, still is and will be, no doubt about that. However, to rationalize, to trivialize human sufferings in wars, massacres, killings, and any other forms of violence is in fact the sure sign of moral bankcruptcy. It should be reminded that that is exactly one of the main reasons that makes this world imperfect in the first place. Not the other way around.

I fully understand that in this evermore imperfect world there ought to be some who are getting lost, being confused, thus unable to appreciate human moral values and civilized code of conduct that most of us dearly and always cherish. My sympathy to them, and may their better parts somehow will prevail triumphantly.

To the victims of My-Lai: May your ancestors find for you all eternal resting places.

To their families and friends: I share your horrendous losses.

To the perpetrators: May you find your peace of minds.

And finally, to those who do the "Annual breastbeating": I am grateful. With your shining human qualities, I am confident that the light of civilization will overcome the darkness of animality, creating a better world for each and everyone of us.

Personally, I forgive but I shall never forgat.

Vodong, Pha
Vancouver

The Mayor has received the copy of "The Ky 21" that you have sent. He finds the publication very helpful in understanding the issues concerning Vietnamese-Americans today.

The Mayors Office for Asian Affairs, is responsible for addressing any concerns from the Asian Pacific American community, including the Vietnamese community. I would also like to thank you for sending your magazine and for your concern. We have also reviewed it and have filed it for future use.

Virgo Y. Lee
The City of New York
Office of the Mayor

I want to take this opportunity to thank you for the Vietnamese-American magazine, *The Ky 21* you sent to me and for the support and encouragement that you have offered with it.

As you know, we are facing many challenges in the coming years. By joining together in a new season of American renewal, we can face the difficult tasks before us. Your participation is essential for the success of our efforts.

Again, thank you for your thoughtfulness. I look forward to working with you for a better future for our country.

Al Gore
The Vice President
Washington

"English Only" is wrong policy for education kids

Since 1980, funding for bilingual education has decreased by 46 percent when adjusted for inflation. But the number of children who speak a language other than English has grown by 41 percent.

Today in America, when nearly one in seven children nationwide speaks a language other than English at home, we must find a way to expand funding for Title VII to bring quality programs to all eligible children. There is a desperate shortage of bilingual teachers at all levels of education

In fact, less than 7 percent of all teachers have received training to teach limited-English-proficient students.

What the "English only" proponents don't realize is that while "playground English" can be absorbed in a few hours, full proficiency requires three to seven years of intense instruction. ■

Xavier Becerra
Member of Congress

VIETNAMESE LEXICOGRAPHY

NGUYỄN ĐÌNH-HOÀ

(continued)

3. THE WAR YEARS. Throughout the French -Vietnamese hostilities, started in December 1946 and terminated only by the Geneva Armistice Agreements of 1954, there slowly developed a crying need for the elaboration and grooming of the national language: as it was prepared -- by the French-educated intelligentsia -- to replace French as the medium of instruction at the primary, secondary and tertiary levels of education, a scientific and technical terminology had to be invented by teachers engaged in the translation and adaptation of textbook materials. It was in this wartime context at home that Minh Tan, a publishing house in Paris, had the initiative of reprinting the two seminal works by Dao Duy Anh, his French-Vietnamese dictionary and his dictionary of Sino-Vietnamese words and expressions. The 1950 reprint edition of the latter work reproduced a handwritten "open letter" dated 1949 and addressed to the author by Nguyen Ngoc Bich, the person in charge of the Paris publishing concern. The letter was meant to inform Đào Duy Anh, then living in the *maquis* deep in the mountains of Tonkin, about the need to have the book reprinted for the common good and at the same time to assure the respected sinologist that his copyright would be fully protected.

4- THE PARTITION PERIOD.

(A) *The dictionaries of Nôm characters*. On the other hand the primers (mentioned in Section 1) that present both the Chinese graphs and the Vietnamese (*nôm*) characters that represent the vernacular glosses, had thus served as pratical textbooks for generations. Analytic articles in journals and reviews often discussed the novel script which was still used under the French administration. However, real repertories of those "southern" or demotic characters started appearing only in the 1960s as a result of academic courses offered at the University of Saigon Faculty of Letters: first the mimeographed list by Trần Đức Rật (1961?) and that compiled by Vũ Văn Kính and Nguyễn Văn Khánh (1970) as classroom materials, then a more systematic *Collection of Chữ Nôm Scripts* gathered by Chingho Chen, then a visiting professor at the universities of Saigon and Hue, and published at Keio University in Japan in 1970. These useful compilations served scholars well until two printed dictionaries successively appeared in the 1970s, one in Saigon and the other in Hanoi.

The former volume, *Tự-điển chữ Nôm* (1971) by Nguyễn Quang Xỹ and Vũ Văn Kính, was called "the first dictionary of *nôm* characters, which could mark a meaningful step forward by modern-minded young Vietnamese intellectuals in the task of studying the national culture," according to Professor Bửu Cầm, an authority on the *nôm* script, who contributed the Preface (p. vi). The first part, which runs for 102 pages, contains about 10,000 characters written with one to thirty-two strokes and is followed by cross-references from *quốc ngữ* spellings to the characters. It is worth noting that the 100-page body of this dictionary, published by the Textbook Service in Saigon, has been reproduced in the back matter of the Vietnamese- German dictionary by Professor Otto Karow (*Từ điển Việt-Đức, Vietnamesisch-Deutsches Worterbuch*), published in Wiesbaden in 1972. The other dictionary, compiled under the auspices of the Institute of Linguistics and published in Hanoi in 1976, bears a modest title: *Bảng tra chữ nôm* (1976) gives 8,187 *nôm* characters "which are used to transcribe 12,000 syllables commonly occuring either as words or as word constituents in the language" (Introduction, p. 6). This "finder list" of characters has been culled from fifteen literary works by a team of linguists in consultation with traditionally trained senior scholars. The first part of the book is designed to help find the readings of characters arranged by the number of strokes, and with the help of the sencond part, which is an index of romanized spellings, users can look up the shape of individual characters. Although neither volume gives a complete inventory of *nôm* characters used in various literary compositions, including popular narratives in verse, they both are effective research and actually complement each other.

(B) THE MONOLINGUAL DICTIONARIES. The earliest monolingual dictionary of modern times is *Việt Nam tự điển*, compiled by the Committee on Literature of Hội Khai Trí Tiến Đức, the society devoted to "the intellectual and moral advancement of the people"

(1931). But actually some decades before, Huình Tịnh (Paulus) Của, a French-educated scholar, had already produced a monumental work: *Đại Nam quốc âm tự vị, Dictionnaire de la langue nationale du Đại Nam* (1895-1896). Huình Tịnh had meant at first to compile a Vietnamese-French dictionary, but after his would-be collabarators had left Cochinchina for the north, the works was to be simply a monolingual dictionary designed to reflect the southern dialect with a large number of Cambodian and Fukien or Chiuchow loanworks. This early corpus is extremely useful to scholars of classical literature since each entry is accompanied by either a *nôm*, i.e. demotic, character or a Chinese character used in the transcription of pertinent literary sources, and today this precious two-volume work remains a reliable research tool.

As for the cooperative efforts of the scholars in the Khai Trí Tiến Đức Society, they resulted in a dictionary that gives clear and succinct definitions of both Sino-Vietnamese and Vietnamese lexemes—the former accompanied by corresponding Chinese characters—and also systematically provides citations either in the form of idiomatic collocations or as used in popular works of prose or poetry. As it first appeared in fascicles beginning in 1931 it was favorably reviewed for its scholarly nature, but native scholars also pointed out omissions as well as vague definitions.

Later works in the monolingual mode include dictionaries by Đào Văn Tập (1951) and by Thanh Nghị (1952). These two authors judiciously tried to record the daily common parlance instead of giving words and expressions that are either deadwood or found only in works of classcial literature, and therefore unfamiliar to the average user. Both have been in due time surpassed by more recent works: *Việt Nam từ điển* by Lê Văn Đức, published in Saigon in 1970, and *Từ điển tiếng Việt* by Văn Tân and others, published in Hanoi in 1959 and revised in 1977. There is a more ambitious work undertaken under the auspices of the Vietnam Social Sciences Commission (Ủy ban Khoa học Xã Hội Việt Nam) in Hanoi, but thus far only the first volume of *Từ điển tiếng Việt phổ thông* (1975) covering the letters A to C has been published.

(C) THE BILINGUAL DICTIONARIES. A work that deserves particular mention is another Vietnamese -Chinese -French dictionary. A *Magnum opus* by Reverend Eugène Gouin: his *Dictionaire Vietnamien-Chinois-Francais* (1957) had first been constructed during his nearly six years of "forced leisure" spent in a Vietminh prison camp from 1946 to 1952. Actually pursuing a labor of love for almost ten years, first to occupy his monotonous days in jail and "as a defense against dispair and neurasthenia," the French priest worked from Gustave Huế's corrected and revised personal copy of the latter's own dictionary to produce a rather complete corpus followed by Chinese and French equivalents. An excellent print job, this large format dictionary will long remain a model of multilingual lexicography involving at least two Asian languages and a Western language.

Bilingual dictionaries using another language than French as source language or target language are fairly late comers. To begin with, all those dictionaries that list Chinese loanwords and thus serve as etymological sources, should be distinguished from truly bilingual dictionaries going from Chinese to Vietnamese or vice versa. One of those modern Vietnamese-Chinese volumes is *Việt-Hán tự điển tối tân* (Saigon 1961) by Hoàng Minh Xuân and others. It contains over seventy thousand Vietnamese entries, including monomorphemic words, compounds and phrases, all accompanied by Chinese equivalents. This 947-page "most modern" bilingual volume supplies some ecyclopedic back matter consisting of an Appendix which lists names of provinces and cities in South Vietnam, abbreviations in English-Chinese-Vietnamese, measures, and names of currency of various countries. Five years later, a 1,371-page similar work entitled *Từ điển Việt-Hán* by Hà Thành and others was published in Beijing. This Chinese-produced work has six appendices, including a Chinese-Vietnamese index, a list of international place names, a list of names of provinces and districts in Vietnam, a chronology of Vietnamese and Chinese dynasties, a list of chemical elements, a list of measures, and a description of Vietnamese tones. Since these two dictionaries are identical in terms of macro- and microstructure, it is difficult to tell which of the two groups of editors had plagiarized the other. At any rate, the corpus of the one published in Beijing was found good enough for Joint Publications Research Service, a U.S. government agency, to translate the Chinese glosses into English, resulting in a two-volume *Vietnamese-English Dictionary* (JPRS 1966), in which the 65,000 terms represent "more modern usage than those in currently available dictionaries, particularly terms used in North Vietnamese publichations" (page a).

Although English has been taught at the secondary level as a second foreign language—next to Vietnamese in French-medium lycées of the colonial period, and then next to French since 1945—dictionaries involving English did not appear until after World War II. The earliest volume was an *Annamese-English Dictionary* with an English-Annamese index, compiled for the Vietnamese language course organized by Professor Murray B. Emeneau under the Army Specialized Training Program. The co-author of this small dittoed dictionary was Diether von den Steinen, and the Index was based on work by John Sherry. This pocket-size book of 279 pages was very useful to the GIs who were taking the

course in the 1940's at the universities of Wisconsin and California, according to Professor Emeneau himself, Mr. Lý Đức Lâm, his informant, and several members of the wartime language class.

Several works published since cultural contacts with British and Americans advisers and teachers were developed in the Southern half of the country in the 1950's are Dr. and Mrs. Lê Văn Hùng 1955 (in Paris), Lê Bá Kông 1955, Nguyễn Văn Khôn 1955, Nguyễn Đình Hoà 1959, 1967, for Vietnamese-English, and for English-Vietnamese several reprints of Lê Bá Kông and Nguyễn Văn Khôn (some in pirate editions overseas since the spring of 1975), Nguyễn Đình Hoà 1980, 1983 (in the U.S.), etc. In North Vietnam we have to mention Bùi Phụng's Vietnamese-English dictionary (1978) and Đặng Chấn Liêu & Bùi Ý's English-Vietnamese dictionary (1976) as well as a 65,000-entry volume sponsored by the Viện Ngôn Ngữ Học (Institute of Linguistics) in 1975. This important English to Vietnamese work, a rigorous 1959-page compilation with a consistent format, was meant to serve a wider audience than the high school and college population. Its coverage is extensive, and usage is primarily British although a number of Americanisms is noted. While derivatives are fairly completely listed, there are easily noticeable omissions: *backpack, bagel, berserk, bikini, blackjack, black lung, bloodmobile, blue jeans, boll wevil, bologna, charisma, citizenry, claustrophobia, copilot, decaffeinated, decal, defrost, defuse, dehumidify, extrasensory, extrovert, hairpiece, hallucinogen, hang-up, headcheese, homesite, hometown, headroom, heist, helipad, heterosexual, hubcap*, etc. One does not find either *expressway, freeway,* or *tollway*, but only *speedway* and *turnpike*, the latter translated as "big road." The dictionary user cannot help feeling that these omissions, as well as mistaken glosses (for such

DUY LAM

THE DRAGONFLY'S LANDING TOUCH

Is there any hate as light
As a leaf falling?
Is there any remorse as bitter
The leaf's still oscillating
In its fall?
And then silently touching
The surface of the pond:
A dragonfly's landing touch
Projecting its slender pale green shadow:
A sigh!
While darkness furtively comes
And nature already deep in sleep.
Truly there can't be
Hate without suffering
Remorse without bitterness:
A cloudless sky?
There's only an empty soul
When with the passing of time
One finds only some numb moments
'Cause one's love has left
'Cause one've been abandonned
By all mankind
And one's eyes tingled.
Everything seems to sway
In one's cave like sockets:
Two burning spots
One's lashes lengthen...
And one's skin bubbles
And one's body ached
And one's place warmed
One's still there--where
One has just left!
Only at those moments
When one's soul has emptied
Sadness and sorrow came furtive
Even the leaf' shadow sighs
The dragonfly's wings flap
In regret
Of one's waste of bygone days.

Duy Lam (Nguyen Kim Tuan), novelist, poet and short story writer in his sixties, who was imprisoned in a re-education camp from 1975 to 1988. He was well-known as a writer in South Vietnam before his arrest and was also a colonel in the Vietnamese army. A former member of the Vietnamese PEN Club, he now lives in the USA. He has a wife and three children. While he was in prison, his feet were crushed through being placed in stocks and he is now on a disability allowance.

simple items as *apple cart, bathing trunks, bachelor of arts, driveway, elementary school, measles, fennel,* etc.), are due to the compilers' unfamiliarity with American and British foodstuffs, articles of clothing, gadgets, institutions, etc. Furthermore not enough attention is given to grammatical information or to various collocations of English lexemes.

It is interesting to note that the new illustrated dictionary of Vietnamese, *Việt Nam Tân từ điển minh họa* by Thanh Nghị, though basically a monolingual dictionary incorporating many newly accepted words of politics, economics, philosophy and sciences, also gives French or English equivalents and even nearby 2,000 Buddhist terms with equivalents in Sanskrit.

Other languages involved are German, Russian, Norwegian, Esperanto, Japanese, Pali, Khmer, Thai, Tày, Nùng, with the Summer Institute of Linguistics contributing a large number of words lists and glossaries for minority languages of the highlands, including a "tentative" edition of a Mường-Vietnamese -English dictionary by Milton and Muriel Barker (1975), which presents valuable materials on Mường, the archaic sister language of Vietnamese.

(D) THE SCIENTIFIC AND TECHNICAL DICTIONARIES. Technical glossaries started appearing early in the 1940's, initially through efforts of individual science teachers and journalist—even when the medium of instruction was still the French language—then later through concerted efforts of educational leaders working around colleges and universities and institutionalized bodies charged with this aspect of language planning and language treatment [Nguyen Dinh Hoa 1977]. As an increasingly wealthy jargon in each branch of the social and natural sciences is elaborated, the innovative processes by Vietnamese intellectuals regardless of their political leanings have helped the collective production of a large number of glossaries and dictionaries. Ever since Professor Hoàng Xuân Hãn, a French-trained mathematician-historian-philologist, published his *Danh từ khoa học, Vocabulaire Scientifique*, a "collection of terms denoting scientific ideas [in math, physics, chemistry, mechanics and astronomy] and based on French" (Hoang 1948: vii), his colleagues and students have continued a highly productive terminological task thrust on them when Vietnamese was called upon in 1945 to serve as the medium of instruction at all three levels of national education. During the partition, 1954-75, teachers in both halves of the country patiently competed in the compilation of a large number of technical dictionaries in the natural and social sciences, using native words as well as translations and transliterations (Nguyen Dinh Hoa 1981 and 1985), thus contributing to the standardization and stabilization of scientific and technical jargon in every discipline.

5. CONCLUSION. In 1984, a new institute within the Social Sciences Commission started to publish *Tri thức Bách khoa*, a finely edited journal contains technical discussions as well as draft entries for two planned works: a "small-size" encyclopedic dictionary of Vietnamese and an encyclopedia of Vietnam. Sample articles are Rice, Acupuncture, Energy, Yoga, History of Encyclopedias, Structure of an Encyclopedia, etc. Unfortunately this publication has not been continued.

As linguists, scientists, scholars, writers and journalists both at home and abroad are endeavoring to enhance the purity and clarity of their mother tongue, lexicographic work in Vietnamese as evidenced in this historical sketch promises to be both rigorous and comprehensive and to constantly improve quantitatively as well as qualitatively.■

* Professor Nguyễn Đình Hoà taught linguistics and Foreign Languages & Literatures at Southern Illinois University at Carbondale from 1969 to 1990, date of his retirement. Beside several textbooks, phrase books and numerous journal articles, he authored three bilingual dictionaries. While in Carbondale, he introduced a new course in lexicography, which he himself taught each academic year. *Thế Kỷ 21* asked Dr. Nguyễn, Professor Emeritus at SIU-C, to give this overview of Vietnamese lexicography.

VIETNAMESE LITERATURE IN ENCYCLOPEDIA OF WORLD LITERATURE

Volume V, Supplement and Index to the *ENCYCLOPEDIA OF WORLD LITERATURE IN THE 20TH CENTURY* [New York: Continuum Publishing Co., 1993] was published on June 4, 1993. This volume contains a short, updated survey article on Vietnamese Literature, and three short articles on three famous writers, **Khái Hưng** (1896-1947), foremost novelist and short story writer, **Nguyễn Tuân** (1910-1990), Vietnam's most renowned essayist, and **Vũ Hoàng Chương** (1916-1976), Vietnam's Li Po.

All four entries are contributions from Nguyễn Đình Hoà, Professor Emeritus of Linguistics and Foreign Languages & Literatures, Southern Illinois University at Carbondale. Volume III of the *ENCYCLOPEDIA,* published in 1983, contains articles on **Nhất Linh** (1906-1963), and **Nguyễn Công Hoan** (1903-1977) in addition to the survey article **Vietnamese Literature**, all three written by Dr. Nguyễn Đình Hoà.■

The Company You Keep®

Lise Dieutrang Vo
Agent

New York Life Insurance Company
17330 Brookhurst Street, #330
Fountain Valley, CA 92708
Bus. 714-962-4440 # 13
Fax: 714-964-0545
Pager: 714-291-4222

HOÀNG OANH
MUSIC CENTER

Sản xuất và phát hành băng nhạc compact disc và video:

- **Băng nhạc quê hương**
- **Ngâm thơ**
- **Thánh ca**

P.O. Box 10553, Santa Ana, CA 92711
(714) 964-7591

Nữ Bác Sĩ Nha Khoa
NGUYỄN THỊ NGỌC SƯƠNG

14265 Brookhurst Street
Garden Grove, CA 92643

Tel: (714) 531-2773

GENERAL DENTISTRY

DR. TO NGOC BUI

Tel. 408-286-8103
640 E. Santa Clara St.
San Jose, CA 95112

BÁC SĨ TRƯƠNG NGỌC TÍCH

Tốt Nghiệp Y Khoa Tổng Quát và Chuyên Khoa Phục Hồi

- **Y KHOA TỔNG QUÁT**
- **CHUYÊN TRỊ PHỤC HỒI**
  - ** Bịnh kinh niên bô lão*
  - ** Bịnh đau cấp tính và kinh niên*
  - ** Tai nạn xe cộ và tai nạn nghề nghiệp*
  - ** Bịnh trẻ em tàn tật*
  - ** Y Khoa gia đình*
- **CHÂM CỨU**
  Với sự cộng tác của Bác sĩ Nguyễn Duy, tốt nghiệp Y Khoa gia đình tại Đại Học Galveston, Texas

NHẬN MEDICARE – MEDICAID – BẢO HIỂM

PHÒNG MẠCH:
5101 Ross Ave., Dallas, TX 75206
(cạnh Dallas Memorial Hospital)
(214) 824-1230

GIỜ LÀM VIỆC:
Thứ Hai - Thứ Tư - Thứ Sáu:
Từ 9 giờ sáng đến 6 giờ chiều
Thứ Ba: từ 10 giờ sáng đến 6 giờ chiều
Thứ Năm: từ 9 giờ sáng đến 1 giờ trưa
Thứ Bảy: từ 9 giờ sáng đến 2 giờ chiều

PHÒNG MẠCH:
3602 W. Walnut, Garland, TX 75042
(214) 272-0186

Bắt đầu 1 tháng 2 năm 1993

GIỜ LÀM VIỆC:
Thứ Hai - Thứ Ba:
Từ 10 giờ sáng đến 4 giờ chiều
Thứ Tư: 10 giờ sáng đến 8 giờ chiều
Thứ Sáu: 10 giờ sáng đến 4 giờ chiều
Chủ Nhật: 10 giờ sáng đến 12 giờ

NHÀ XUẤT BẢN NGƯỜI VIỆT - THƯ MỤC

14891 MORAN ST. WESTMINSTER, CA 92683
TEL. (714) 892-9316 • FAX: (714) 894-1381

TỰA	TÁC GIẢ	GIÁ	GHI CHÚ
Vườn Dâu Xanh (tuyển tập ca khúc)	Trần Đình Quân	$10.00	Sách mới
Màu tím (Truyện dịch)	Nguyên Thi	$10.00	Sách mới
Sử Xanh Lưu Truyền	Ngô Thị Quý Linh	$19.00	Sách mới
Thông Đưa Tiếng Kệ	Túy Hồng	$12.00	Sách mới
Kiều Chinh			
Hà Nội - Saigon - Hollywood	Kiều Chinh	$30.00	Sách mới
Bạn Gái Nhỏ To	Bùi Bích Hà	$14.00	Sách mới
Văn Nghệ Sĩ Miền Bắc Như Tôi Biết	Xuân Vũ	$11.00	Sách mới
Buổi Sáng Một Mình	Bùi Bích Hà	$12.00	Bớt 50%
Chu Văn An 90 (Tập San)		$3.00	Bớt 50%
Chu Văn An (Paris) (Tập San)		$3.00	Bớt 50%
Cõi Mộng Du (Tập truyện)	Phạm Quốc Bảo	$7.00	Bớt 50%
Đại Học Huế (Tập San)	Hội Thân Hữu Huế	$5.00	
Dân Chủ Đa Nguyên (Tham luận)	Thông Luận	$18.00	Sách mới
Dâu Bể (Tập truyện ngắn)	Phạm Quốc Bảo	$8.00	Bớt 50%
Giác Quần Thư	Phan Bội Châu	$5.00	
Gọi Bình Minh	Phạm Quốc Bảo	$12.00	Bớt 50%
Hành Trình Về Phương Đông	Nguyên Phong	$10.00	
Hoa Phượng Đừng Đỏ Nữa	Nhã Ca	$14.00	
Hồi Ký Nhã Ca	Nhã Ca	$24.00	Sách mới
Ký Giả Chuyên Nghiệp	John Hohen Berg	$19.50	Bớt 50%
Kỹ Thuật Săn Tin/Viết Tin	Trần Văn Ngô	$12.00	Bớt 50%
Mùa Hè Năm 1999	Tuyển tập	$6.50	Bớt 50%
Người Đi Trên Mây	Nguyễn Xuân Hoàng	$10.00	Bớt 50%
SGN Cười Một Mình	Nhã Ca	$12.00	
Tặng Phẩm Tình Yêu (Thơ)	Vi Khuê	$10.00	
Thiên Đàng Treo (Tập truyện)	Xuân Vũ	$14.00	Bớt 50%
Thơ Đỗ Khiêm (Thơ)	Đỗ Khiêm	$7.00	
Thơ Giập Mật (Thơ)	Lưu Đình Vong	$9.00	Bớt 50%
Thơ Trần Mộng Tú (Thơ)	Trần Mộng Tú	$9.00	
Thương Nàng Bấy Nhiêu	Kiệt Tấn	$12.00	Bớt 50%
TT Thi Viết Văn Hè 88 (Tuyển tập)	Người Việt	$8.00	Bớt 50%
Từ Một Giấc Mơ (Tuyển tập)	Tuyển tập Thơ Văn	$12.00	Bớt 50%
Thơ Tuổi Thơ (Thơ)	Nguyễn Hữu Bào	$8.00	Bớt 50%
Writers & Artists In VN Gulag	Trần Dạ Từ	$14.00	Bớt 50%
Cánh đồng cho em (tập truyện)	Hoàng Mai Đạt	$12.00	Sách mới
Mùa Áo Anh	Đỗ Thúc Vịnh	$14.00	Sách mới
Bút Thép	Đặng Chí Bình	$20.00	Hồi Ký
Cơn Hồng Thủy Biển Đông	Cao Thế Dung	$12.00	Biên khảo
Mưa Phố Núi	Đỗ Văn Trọn & Lê Thao Chuyên	$12.00	Tập truyện
Giọt Nước Mắt Thủy Tinh	Lê Thao Chuyên	$12.00	
Mùa gặt giữa hư vô	Dương Kiền	$7.00	Thơ
Sương như búa bổ	Hồ Văn Đồng	$12.00	Sách mới
Tuyển tập 23 người viết sau75	Văn Nghệ	$12.00	
	Tổng cộng:		

Mỗi cuốn thêm $1 cước phí

Tên người mua: .....

Địa chỉ: .....

Thành phố ..... Tiểu bang: ..... Zip Code .....

Chi phiếu xin đề:

NGƯỜI VIỆT
14891 MORAN ST.,
WESTMINSTER, CA 92683TE
TEL. (714) 892-9316 FAX: (714) 894-1381

Bác Sĩ Y Khoa

TRẦN QUỐC TOẢN, M.D.

- DIPLOMATE AMERICAN BOARD OF INTERNAL MEDICINE
- VĂN BẰNG CHUYÊN MÔN NỘI KHOA TỔNG QUÁT HOA KỲ
- NGUYÊN GIẢNG VIÊN ĐẠI HỌC Y KHOA SAIGON
- NGUYÊN GIÁO SƯ MÔN NỘI KHOA ĐẠI HỌC Y KHOA OKLAHOMA
- NGUYÊN PHÓ GIÁM ĐỐC OKLAHOMA CITY V.A. MEDICAL CENTER

NHẬN MEDICAL, MEDICARE, BẢO HIỂM

Chuyên Trị:

BỆNH NỘI KHOA & BỆNH NGOÀI DA:

- **BỆNH DỊ ỨNG:**
  Sổ mũi, nổi mề đai, phong ngứa
- **BỆNH NGOÀI DA:**
  Mụn trứng cá, tàng nhan, mụn cóc, lang ben
- **BỆNH PHONG THẤP:**
  Đau khớp xương, đau nhức kinh niên
- **BỆNH THẦN KINH:**
  Mất ngủ, nhức đầu, chóng mặt, động kinh
- **BỆNH DINH DƯỠNG và BỆNH TUYẾN NỘI TIẾT:**
  Áp huyết cao, tiểu đường, mỡ cao trong máu, mập phì, bướu cổ
- **BỆNH TIÊU HÓA:**
  Loét bao tử, chai gan, sạn túi mật, trĩ, táo bón, tiêu chảy, đi tiêu ra máu
- **BỆNH TIM:**
  Tức ngực, hồi hộp, đau tim, tim đập sai nhịp
- **BỆNH PHỔI:**
  Ho kinh niên, khó thở, suyễn, sưng phổi
- **BỆNH THẬN & ĐƯỜNG TIỂU:**
  Nhiễm trùng, tiểu ra máu, sạn thận và đường tiểu thận suy

BỆNH LIÊN QUAN ĐẾN TUỔI GIÀ:

- Bệnh suy yếu, run rẩy
- Bệnh cứng động mạch, đứt gân máu não
- Bệnh tê liệt, bại xuội

Y KHOA PHÒNG NGỪA:

- Khám tổng quát định kỳ
- Chích ngừa cảm cúm, sưng phổi
- Chích ngừa nhập học, thi đua thể thao
- Truy tầm ung thư, máu, vú, phổi, ruột, tử cung
- Khám bệnh thử máu trước khi lập gia đình

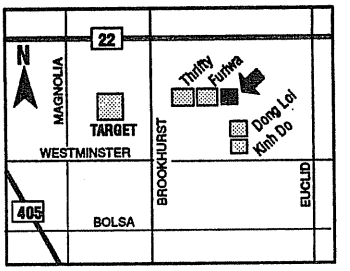

13832 BROOKHURST ST.
GARDEN GROVE, CA 92643
(Góc Brookhurst &Westminster trong khu chợ Kinh Đô cạnh Furiwa Restaurant)

(714) 636-3595

GIỜ LÀM VIỆC:
Thứ Ba - Thứ Sáu
1:30PM - 7:30PM
Thứ Bãy
9:30AM - 6PM
Thứ Hai THEO HẸN

Chủ Nhật: nghỉ

Xin Gọi Trước Để Lấy Hẹn

THẾ KỶ 21 HÂN HẠNH GIỚI THIỆU

KIỀU CHINH
Hanoi Saigon Hollywood

Một cuốn sách xứng đáng có trong mọi tủ sách: công trình chung của 46 nghệ sĩ Việt Nam và Hoa Kỳ, câu chuyện cuộc đời và sự nghiệp của người nữ diễn viên trong dông bão lịch sử dân tộc, được viết lại bởi NHÃ CA, ALISON LESLIE GOLD, LÊ VĂN.

Bằng kỹ thuật điện ảnh, kết hợp với nghệ thuật sân khấu, nhiếp ảnh, âm nhạc..., sách đã được thực hiện thành video, với sự góp mặt của bằng hữu khắp nơi, các tài tử điện ảnh, văn nghệ sĩ Việt Nam và quốc tế.

VIDEO KIEU CHINH VIETNAM HOLLYWOOD

Đặt mua trực tiếp bằng bưu điện. Chi phiếu hoặc money order đề cho THÂN HỮU:

4233 FARMDALE Ave., STUDIO CITY, CA 91604

Giá sách: $30.00; Video: $14.00, kể cả bưu phí. Mua cả sách và video: $40.00

Orange County, California, USA

Thuhà Beauty Institute

BOLSA MARKETPLACE

9600 Bolsa Ave., Suite E,
Westminster CA 92683

Tel. (714) 531-1220
Beeper: (714) 346-3260

Do Cô Bạch Thuhà chăm sóc và điều khiển

ĐẶC BIỆT: BỚT 25% CHO NỮ NGHỆ SĨ ĐẾN LÀM FACIAL.

VT CONSTRUCTION CONSULTANTS

BONDED - INSURED STATE LIC. 590997

Chúng tôi gồm những nhân viên có nhiều khả năng và kinh nghiệm trong mọi lãnh vực xây cất. Sẵn sàng phục vụ và hướng dẫn quý vị để thực hiện các dịch vụ:

DESIGN & DEVELOPMENT

- Nhận vẽ họa đồ, xin giấy phép, structural, Tittle, Soils Reports etc...

CONSTRUCTION SERVICE

- Chọn tay nghề phù hợp với công việc (Quality Workmanship)
- Thực hiện thời khóa biểu (Construction Schedule)
- Theo dõi Công Trình Xây Cất (Construction Management)
- Báo cáo hằng tuần (Weekly report)
- Đại diện cho quý vị khi liên lạc với các cơ quan liên hệ như: Building Department, Architect and Engineer's Office Lenders etc...

BUILDING INSPECTION SERVICE

Thực hiện dịch vụ kiểm tra cho các cơ sở thương mại và gia cư để phục vụ cho nhân viên địa ốc, ngân hàng và quý vị trước khi mua hay bán bất động sản

CONTRACTORS Nếu quý vị cần hợp tác với công ty để được giới thiệu với khách hàng, xin vui lòng liên lạc chúng tôi để biết thêm chi tiết

Liên lạc: **VINH TRAN**

(714) 379-0057 * Pager (714) 663-3770

SIÊU VI ĐIỆN TOÁN

(Computer viruses)

NGUYỄN XUÂN QUANG

Một buổi sáng Chủ Nhật đẹp trời nào đó, chúng ta mở máy điện toán (computer) lên làm việc. Trên màn ảnh máy hiện lên hàng chữ: "Today is Sunday! Why do you work so hard? All work and no play make you a dull boy! Come on! Let's go out and have some fun!" (Hôm nay là ngày Chủ Nhật! Tại sao lại làm việc cực khổ thế? Chỉ làm mà không chơi sẽ biến ngươi thành một tên đần độn! Vừa thôi! Hãy đi ra ngoài vui chơi đi!")

Chúng ta ngạc nhiên như có ma nào đã viết vào computer của mình. Tắt máy đi. Rồi bật lại. Cũng vẫn mấy dòng chữ của kẻ vô hình nào viết trên màn ảnh máy. Suốt ngày Chủ Nhật, bật máy lên, cũng vẫn hàng chữ đó. Máy tê liệt. Cuối cùng cũng đành tuân theo lời máy ra lệnh, tắt máy, đi ra ngoài "have some fun."

Ngày hôm sau, và những ngày khác trong tuần, mở máy làm việc, máy vẫn chạy đều, chạy tốt. Rồi đến Chủ Nhật sau và nhiều Chủ Nhật sau nữa, mở máy lên, những dòng chữ kia lại xuất hiện. Thôi cũng đành dành ngày Chủ Nhật đi ra ngoài "have some fun."

Chủ Nhật đi vui chơi cũng đỡ mụ người. Nhưng rồi có một ngày sang thu, lá ngoài đường rụng nhiều, "Thu Quyến Rũ" nhưng chúng ta đang cần phải làm cho xong việc đã định. Mở máy điện toán lên làm việc.

Lá thu vàng ngoài trời rơi đầy theo gió thu và bao nhiêu chữ trên màn ảnh máy điện toán cũng rơi lả tả, bay tan tác theo "Mùa thu Lá Bay." Mở qua trang khác. Cũng vậy. Chữ trên màn ảnh rơi rụng thành đống như lá thu vàng dưới chân màn ảnh. Mở hồ sơ nào cũng chỉ còn là đống chữ rơi chất đống dưới chân màn ảnh. Thu ở ngoài trời và thu ở trong lòng... máy điện toán.

Và chữ rơi hết một mùa thu lá vàng rơi. Sang đông, chữ hết rơi. Máy điện toán trở lại làm việc bình thường.

Chuyện gì đã xẩy ra? Xin thưa, máy điện toán đã bị bệnh rồi. Máy đã bị nhiễm siêu vi điện toán (SVĐT).

SIÊU VI ĐIỆN TOÁN

Lịch sử siêu vi điện toán

Danh từ siêu vi điện toán do Adelman đặt ra đầu tiên năm 1983 dựa trên thí nghiệm của Cohen.

Trong một đại hội về an ninh điện toán, Cohen và Adelman đã tích giữ được một con siêu vi điện toán chính thống đầu tiên. Đó là hệ thống VAX 22/750 chạy Unix.

Sự nhiễm trùng khởi sự từ một thảo chương (program) trưng bầy cơ cấu bằng họa đồ trên bảng báo cáo. Trong vài trường hợp chỉ cần năm phút siêu vi "gây bệnh" cho những hồ sơ (files) lành mạnh (clean) và khi bị tiêm nhiễm, người sử dụng hồ sơ cũng không hay biết một tí gì về thảo chương của mình bị nhiễm siêu trùng.

Cohen cho rằng siêu vi có thể tấn công trong một thời gian ngắn, xâm nhập vào hầu hết các loại điện toán và không cần phải có một kiến thức tinh vi về điện toán mới tạo ra được siêu vi.

Siêu vi là gì?

Trong vi sinh học, siêu vi (cực vi) là tiếng gọi tắt chữ siêu vi trùng, cực vi trùng, cực vi khuẩn, dịch từ chữ virus (1).

Siêu vi là một cái túi cực nhỏ không thể thấy bằng kính hiển vi dùng ánh sáng thường, phải dùng kính hiển vi điện tử. Siêu vi có một cái lõi thường được cấu tạo bởi DNA (DeoxyriboNucleic Acid), một thứ acid hạch nhân, bao bọc bởi một lớp áo protein, không có cơ chế biến dưỡng, sống một mình dưới hình thức trơ, "vô sinh." Siêu vi chỉ hoạt động khi nào đã lọt vào trong một tế bào khác. Tế bào ký chủ (host) đó có thể là một tế bào động vật, thực vật hay ngay cả là tế bào của một vi trùng nào đó (siêu vi là vi trùng của vi trùng). Siêu vi sẽ mượn dụng cụ, nhiên liệu của tế bào chủ để hoạt động, phát triển và tăng trưởng nẩy nở. Kết quả là siêu vi càng ngày càng nhiều. Ngược lại tế bào chủ sẽ bị đưa đẩy đến hai định mệnh:

a. Một là vì cạn hết sinh khí, tàn lụi dần rồi chết đi. Ví dụ trường hợp siêu vi HIV(2) (Human Immunodeficiency Virus) gây AIDS làm cho tế bào bạch huyết T4 hay CD4 nó sống nhờ ở đậu hao mòn dần sinh lực, kiệt quệ rồi chết. CD4 là tế bào phòng thủ nhiễm độc chính yếu của con người trong hệ thống miễn dịch. Người bị nhiễm HIV, tế bào CD4 sẽ bị hủy diệt dần dần không còn đương đầu nổi với sự

nhiễm độc nữa. Đó là lý do gọi là Suy Miễn Thụ Đắc (LTS: có người gọi là Liệt Kháng), Acquired Immune Deficiency Syndrome, AIDS.

b. Hai là bị siêu vi kềm chế, biến đổi, bị "program" hóa cuộc đời riêng tư của mình cứ tiếp tục tăng trưởng sinh sôi nẩy nở bừa bãi, vô trật tự, kết quả là tạo ra một thứ ung thư.

Trong địa hạt điện toán danh từ siêu vi đã được sử dụng vì SVĐT cũng có những tính chất của siêu vi sinh học.

Theo Cohen, cha đẻ siêu vi điện toán, thì siêu vi điện toán " là một thảo chương (program) có thể làm nhiễm hại các thảo chương khác bằng cách biến đổi chúng thành một bản sao (copy) của chính nó. Với tính chất gây nhiễm độc, siêu vi điện toán có thể lan truyền qua những máy hay hệ thống điện toán sử dụng thảo chương nhiễm siêu vi. Mỗi thảo chương bị nhiễm trùng có thể hành động như một siêu vi và sự tiêm nhiễm, lan tràn trở thành lớn mạnh" (3).

Siêu vi điện toán, cũng giống siêu vi vi sinh học, cần phải có ký chủ (host) (ký chủ ở đây có thể là một hồ sơ, hoặc một chỗ trên đĩa mềm hay đĩa cứng) để có thể cắm dùi phát triển, nẩy nở và truyền bệnh. Siêu vi phải chiếm và kiểm soát bộ phận đầu não trung ương của máy điện toán nghĩa là đơn vị điều hành trung ương (central processing unit, CPU) cũng giống hệt trường hợp siêu vi vi sinh học chiếm và điều khiển tế bào ký chủ. Siêu vi điện toán cũng có thể dựa vào ký chủ mà "sinh con đẻ cái." Nó có thể gây ra dịch bệnh điện toán. Siêu vi điện toán cũng như siêu vi thường cũng có thể đột biến (mutation), biến chủng thành những loại khác.

Highland tường trình hơn 350 loại siêu vi và biến chủng SVĐT (4). Đầu năm 1991, McAfee cho rằng có khoảng 279 SVĐT với 714 biến chủng. Con số hiện nay đã lên quá 1000 loại (5).

Skulason phỏng định rằng SVĐT tiếp tục "gia tăng sinh sản với một tỉ suất báo động, cứ 10 tháng lại tăng gấp đôi hoặc gần như vậy" (6).

Phân loại siêu vi điện toán

Cũng như siêu vi ở động vật và thực vật, SVĐT được phân chia ra nhiều loại cho dễ định bệnh và chữa trị, các chuyên gia xếp loại theo nhiều cách khác nhau:

.Spafford và những chuyên gia khác chia SVĐT ra làm ba loại tùy theo phương cách mà SVĐT dùng để xâm nhập vào ký chủ, ví dụ như shell, thêm vào (add-on) và qui luật thẩm nhập (intrusive code)(7).

.Stubbs và Hoffman chia loại SVĐT theo quá trình nhiễm bệnh như là: viết chồng lên (overwriting), thay thế (replacement) và không-viết chồng lên (non-overwriting).

.McAfee đề nghị chia làm ba loại gồm: siêu vi bổ trợ, khơi động "mở máy" (boot), siêu vi toàn hệ (system) và siêu vi ứng dụng chủng loại (generic application).

Dựa vào những phân loại trên, Seborg đề nghị một hệ thống chia loại thực tế nhất. Cách định loại của ông dựa trên:

- Sự gây bệnh: siêu vi gây ra những tác hại nào?
- Sào huyệt của nó ở đâu: siêu vi trú ngụ ở đâu trong hệ thống điện toán? Nó ở tại óc, tim gan, phèo phổi của máy điện toán?
- Và nó có khả năng trốn chạy, rút về chỗ ẩn náu ở đâu? mật khu hay bưng biền, sào huyệt của nó ở đâu?

Sự phân loại do đó gồm có:

- Viết chồng lên hoặc không-viết chồng lên (siêu vi tác hại lên hồ sơ).
- Siêu vi ở bộ phận khơi động chạy máy (boot, bộ phận trên đĩa chứa thảo chương làm chạy máy, khởi sự mở máy chạy) hoặc siêu vi thảo chương (tác hại vào một hồ sơ chuyên biệt).
- "Nằm vùng" hay không nằm vùng ("stealth" or "non-stealth"), siêu vi hoạt động lén lút, nó nằm ấp trong trí nhớ hay trong những chùm (clusters) mà nó đã cấy "sinh tử phù" trở thành "độc hại" (bad).
- Và bất cứ kết hợp nào của những phân loại trên.

Một vài loại siêu vi điện toán thông thường

Sau đây là một vài SVĐT thường gặp:

1. Siêu vi Não (Brain virus); còn có tên là Pakistani, Pakistani Brain.

Siêu vi được khám phá lần đầu tiên tại trung tâm điện toán học viện của Đại Học Delaware năm 1987. Siêu vi có gốc từ Lahore, Pakistan. Siêu vi này kéo dài thời gian khơi động mở máy (boot time) và thay đổi thể tích tên hiệu (label)(8).

Những đĩa mềm bị nhiễm siêu vi Não có ba khu hình quạt nhiễm độc (bad sector) tiếp cận nhau. Những chỗ nhiễm độc này là ổ siêu vi và thường thường không biết. Đây thực sự là loại SVĐT tiêu biểu cho loại nằm ấp, nằm vùng bởi vì nếu không có những bộ thảo chương, những "vật liệu mềm" (software. LTS: còn gọi nhu liệu, phần mềm) thích hợp, chúng ta không tài nào khám phá ra được sào huyệt của siêu vi.

Siêu vi nguyên thủy chỉ cắm dùi ở đĩa mềm, tuy nhiên đã có nhiều tường trình cho biết những biến chủng của nó đã nhiễm độc đĩa cứng điện toán.

Siêu vi này không có khả năng phá hủy nên tương đối lành và không đưa tới những dư chứng đáng kể. Tuy nhiên một vài chuyên gia đã cho rằng sự sụp đổ (crash) của hệ thống điện toán hoặc viết chồng lên dữ kiện cũng có thể xẩy ra.

2. Siêu vi Chủ Nhật (Sunday virus), sinh đẻ tại tiểu bang Washington vào tháng Mười Một, 1989. Nó nhiễm độc các hồ sơ *.com, *.exe... Siêu vi xuất hiện trên máy điện toán bị tiêm nhiễm vào mỗi ngày Chủ Nhật trong năm và viết trên màn ảnh hàng chữ đã đề cập ở đoạn đầu: "Today is Sunday! Why do you work so hard? All work and no play make you a dull boy! Come on! Let's go out and have some fun!"

Đã có những tường trình cho biết siêu vi này có thể làm tổn hại bảng thư mục vị trí hồ sơ (file allocation table, FAT), đó là chỗ trên đĩa tồn giữ vị trí của mỗi hồ sơ.

3. Siêu Vi Ghềnh Thác (Cascade virus), còn có biệt danh là: Thác, Rơi, Chết, Mùa Thu (Fall), Chữ Rơi, Thác Ngữ, Thác Nước Chữ, Chữ Chết (Falling

Letters), 11701, 1703.

Siêu vi Ghềnh Thác chánh quán tại Đức và được khám phá vào tháng Mười năm 1987. Đây là một loại siêu vi khác thường, sự hoạt động của nó dựa vào qui tắc nấc thang ngẫu nhiên hóa (randomization algorithm)(9), tùy theo loại máy, loại monitor, có hay không có thẻ đồng hồ (clock card), ngày tháng hay mùa trong năm. Siêu vi hoạt động trong bất cứ loại máy nào có bộ phận thích ứng ký họa màu (color graphic adapter) hoặc video graphics array monitor, trong khoảng từ tháng Chín đến tháng Chạp, nghĩa là mùa thu. Đây cũng là một nghĩa của chữa Fall, và vì thế siêu vi còn được gọi là Fall virus.

Siêu vi này chỉ mới thấy vào năm 1980 và 1988, (như vậy, cứ cách tám năm lại xẩy ra một trận dịch Ghềnh Thác? Một trận dịch "Mùa Thu Chết"? Một trận dịch Chữ Rơi như thác đổ? Trận dịch tới sẽ xẩy ra vào năm 1996?)

Tác hại chính của siêu vi Ghềnh Thác, Thác Ngữ, Mùa Thu, là làm cho tất cả các chữ trên màn ảnh rơi lả tả thành một đống "chữ chết" ở đáy màn ảnh vào mỗi mùa thu lá vàng rơi.

4. Siêu Vi Jerusalem (Jerusalem virus), còn có tên là Thứ Sáu 13, PLO, Israeli. Như tên gọi, siêu vi này ra đời tại Đại Học Do Thái (Hebrew University), Jerusalem, và được phát hiện vào tháng Chạp năm 1987. Siêu vi này nhiễm độc cả hai hồ sơ *.com và *.exe và làm tăng gia chiều dài các hồ sơ này khoảng 1.800 "bai" (bytes).

Đây là một siêu vi nằm ấp trong phần trí nhớ của điện toán (một siêu vi nằm vùng trong trí nhớ sẽ xuất đầu lộ diện ra trên đĩa cứng hay đĩa mềm một khi hồ sơ được khơi dậy hoạt động) và sẽ tiếp tục gây nhiễm độc các hồ sơ đã bị bệnh do nó gây ra từ trước bằng cách cứ gia tăng mãi chiều dài các hồ sơ này cho tới khi chúng quá lớn không còn chỗ để thi hành phận sự nữa.

Vào bất cứ ngày thứ Sáu 13 nào, siêu vi sẽ điều khiển máy loại bỏ bất cứ thảo chương nào được thể hiện chạy trong ngày đặc biệt đó.

5. Siêu Vi "Phi", Siêu Vi Đi Mây Về Gió (Stoned Virus), còn có tên là Cần Sa, Tân Tây Lan (New Zealand), Hạ Uy Di (Hawaii), quê quán ở New Zealand, được khám phá ra năm 1988.

Sào huyệt của nó ở vùng khơi động chạy máy (boot sector) và chỉ gây nhiễm bệnh các đĩa mềm cỡ 5 1/4, bề ngoài có vẻ không làm tổn hại gì máy. Tuy nhiên những biến chủng của nó có thể nhiễm độc phần khơi động chạy máy của đĩa cứng.

Cứ mỗi khi mở máy lần thứ tám, màn ảnh điện toán sẽ hiện ra hàng chữ "Your computer is now stoned. Legalize marijuana" (Máy điện toán của người đang phi, đang đi mây về gió. Hãy hợp pháp hóa cần sa).

6. Siêu Vi Michael Angelo, xuất hiện vào sinh nhật của nhà danh họa Ý Michael Angelo thời kỳ Phục Hưng.

Thứ Bẩy ngày 6 tháng Ba năm 1993 vừa qua là sinh nhật lần thứ 518 của Michael Angelo, một số computer tại Orange County bị siêu vi này phá hủy. Siêu vi này phá hủy hết những dữ kiện trong đĩa cứng.

Sáng ngày hôm đó được một người bạn báo tin, tác giả mở máy ra xem, may mắn máy không bị nhiễm siêu trùng, tuy nhiên tác giả cũng phải đóng máy đi chơi, ăn mừng sinh nhật Michael Angelo và ngày hôm sau có hứng ngồi xuống khởi sự viết bài này.

Triệu chứng nhiễm bệnh

Một máy điện toán bị nhiễm siêu vi có thể có những triệu chứng liệt giường liệt chiếu, hay chết thẳng cẳng. Nhưng phần nhiều chỉ có những dấu chứng nhẹ, không hiện rõ, một người sử dụng điện toán tài tử khó có thể nhận biết. Nhưng những tay thiện nghệ chỉ liếc mắt qua có thể định ra bệnh.

Nói theo y học, dĩ nhiên có loại chỉ làm máy hắt hơi sổ mũi khiến các chữ bắn văng tung tóe, làm các hàng chữ xô lệch ngả nghiêng; có loại làm máy lé mắt, nhìn gà hóa cuốc, đánh chữ tác ra chữ tộ, đánh số 6 ra số 9; có loại làm máy đi tiêu chảy, chữ nghĩa chẩy ròng ròng... nguy hiểm nhất là những loại làm óc điện toán điên loạn, vô luân... làm máy viết nhầm nhí, tục tĩu, chửi bậy bạ, vô học... có loại làm sưng màng óc, sưng óc điện toán, làm mọc bướu, ung thư não điện toán, làm máy mê sảng, mất trí nhớ, bất tỉnh, hôn mê và chết...

Trong thực tế thường thấy nhất là:

- Máy điện toán có thể mệt mỏi lừ đừ: hồ sơ *.exe phải cần một thời gian lâu dài hơn để chạy.
- Máy điện toán mất định hướng về thời gian: quên cả ngày tháng, nhớ lộn ngày tháng hay giờ giấc trên hồ sơ bị nhiễm bệnh.
- Máy bị phù thũng,"lên kí," quá khổ (size) : hồ sơ bị nhiễm siêu trùng gia tăng cỡ, càng ngày càng phình trướng.
- Máy mất sinh khí, hứng khởi làm việc: vùng khơi động chạy máy (boot sector) biến dạng, không còn như cũ.
- Tật bệnh xuất hiện rõ trên thân máy: Có ba khu nhiễm độc kế cận trên đĩa.
- Đầu óc máy lệch lạc: Thảo chương chạy sai lạc bất thường.
- Đầu óc máy điện toán lú lẫn: giảm trí nhớ.
- Máy hết khả năng: Những đĩa lúc trước có thể khơi động chạy máy được (bootable) bây giờ què cụt hết chạy .

Chữa trị

Bất kể loại siêu vi nào (loại nhiễm phần khơi động chạy máy hay loại nhiễm các thảo chương) một khi sự nghi ngờ gần như chắc chắn hoặc đã nhận diện ra được siêu vi, nên làm theo những điều sau đây:

- Tắt máy.
- Khởi sự khơi động chạy máy lại (reboot) với hệ thống đĩa mềm lành mạnh và đã được bảo vệ không thể viết chồng lên.
- Truy tìm (scan) siêu vi trong đĩa với các thảo chương truy tìm siêu vi thích hợp (có bán trên thị trường).
- Làm sạch hoặc trừ khử tất cả các hồ sơ bị nhiễm trùng với thảo chương sát trùng (virus cleaning program) hoặc loại bỏ hết các hồ sơ hay các dữ kiện dự trữ phòng hờ.

Nếu siêu vi làm độc phần khơi động chạy máy, tìm xem hồ sơ nào bị nhiễm độc và thay thế phần khơi động chạy máy, toàn phần, một ngăn hay một ổ.

Nếu siêu vi nhiễm thảo chương, xoá tẩy hết tất cả những thảo chương và thay thế tất cả hồ sơ *.exe và *.com từ nguyên bản.

Có những thảo chương làm sạch, diệt trùng cho cả đĩa mềm và đĩa cứng.

Tham khảo các chuyên gia điện toán nếu gặp trở ngại.

Tuy nhiên nên nhớ khó có thể tận diệt được nạn SVĐT. Nếu các chuyên gia tìm ra một phương pháp để nhận diện và trừ khử một siêu vi đã biết, một tay "điện toán tặc" (hacker) lại khai sinh ra một con siêu vi điện toán khác. Các tay "hacker" này sẽ biến chủng siêu vi đó đi hay cho ra đời một con SVĐT mới nhiều khi cốt chỉ để tỏ ra là ta không chịu thua.

Có người đã đề nghị lập ra một "Trung Tâm Kiểm Dịch" để đương đầu với nạn do SVĐT gây ra và nhiều người đang cố đẩy mạnh luật pháp để trừng trị những tên đạo tặc điện toán, những tên phá hoại (vandalist) tài sản của kẻ khác. Phá hoại máy điện toán cũng chẳng khác gì phá hoại nhà cửa, xe cộ của người khác nhiều khi còn hơn thế nữa.

Phương pháp tốt nhất để tránh bị đạo tặc điện toán phá hoại là phòng ngừa bệnh cho máy điện toán.

Phòng ngừa nhiễm siêu vi điện toán

- Học về SVĐT, bảo vệ viết chồng lên tất cả các đĩa mềm nguyên bản.
- Mua một thảo chương bảo vệ siêu vi và cho vào máy dùng như một phần của những tiến trình điều hành.
- Làm ít nhất hai copy phòng hờ và ngừa viết chồng lên.
- Phải thanh lọc, kiểm tra tất cả vật liệu mềm và phải biết rõ xuất xứ.
- Tách biệt dữ kiện và các thảo chương điều hành riêng biệt ra.
- Không nên sao lại vật liệu mềm (software).

Phòng bệnh là điều cốt yếu. Như trên đã biết SVĐT tiếp tục gia tăng sinh sản với một tỉ suất báo động, cứ 10 tháng lại tăng gấp đôi hoặc gần như vậy. Không cần phải có một kiến thức điện toán siêu việt mới khai sinh ra được siêu vi, bất cứ ai với một kiến thức điện toán vừa phải cũng có thể trở thành một đạo tặc điện toán. Không một máy nào có thể có miễn nhiễm với SVĐT mỗi ngày mỗi đột biến, biến chủng, mỗi ngày có một con siêu vi mới ra đời. Không thể nào chế "thuốc chủng ngừa" cho máy điện toán được. Một ngày nào đó dịch bệnh do SVĐT sẽ bộc phát khắp nơi.

Câu nói "phòng bệnh hơn chữa bệnh" cũng vẫn là câu châm ngôn áp dụng được cho SVĐT.■

GHI CHÚ, TÀI LIỆU THAM KHẢO VÀ ĐỀ NGHỊ ĐỌC THÊM

(1) VIRUS: Siêu vi trùng, cực vi trùng, siêu vi, cực vi khuẩn; siêu vi, cực vi. Có nguồn gốc từ chữ Phạn (Sanskrit) Vishan: độc chất. Thoạt khởi đầu có tĩnh từ là virulent có nghĩa là độc chất, nọc độc, có tính độc, độc tính. Với nghĩa này đã thấy dùng ở Anh từ năm 1500. Năm 1889 Beijernick đã đề nghị dùng chữ virus để chỉ những vi sinh có độc tính gây ra bệnh khảm (mosaic disease) ở thảo mộc như ở cây thuốc lá. Sau đó Loffler chứng minh rằng bệnh chân-miệng (foot-mouth disease) gây ra bởi một loại siêu vi có thể đi qua màng lọc (filtrable virus).

(2) Nguyễn Xuân Quang, HIV, Ngươi Là Ai?, Y Tế Phổ Thông, Bộ I, số 2, tháng 2, 1993, tr.3-4.)

(3) Cohen F., Computer viruses theory and experiments. Computers & Security 1987; 6:22-25.

(4) Highland HJ, bits and bytes, Computers & Security 1991; 10(1):4-15.

(5) McAfee J., Virus characteristic list V80.4423, Cheeney St., Santa Clara, Calif. 95051, Aug. 19, 1990.

(6) Skulason F., Special feature. Virus Bull. March 1990:10.

(7) Spafford EH, Heahpy KA, Ferbrache DJ, What is acommputer virus? In Rogues Programs: Viruses, Worms and Trojan Horses. Hoffman L.,ed New York: van Nostrand Reinhold, 1990.

(8) label là danh tánh hay tên được dùng trong thảo chương điện toán để nhận diện hay diễn đạt một chỉ thị, một văn kiện, một tín hiệu, một dữ kiện, một tài liệu sổ sách, một đề mục hay một hồ sơ. Giống như danh từ name trong điện toán.

(9) Algorithm: một nhóm qui tắc đã định rõ để giải quyết một vấn đề tuân theo một số giai đoạn tuần tự cấp bậc như nấc thang có hạn định. Vì theo những qui luật tuần tự như cấp bậc nấc thang, giống như nước chảy xuống ghềnh (cascade) nên đây là một lý do siêu vi này được đặt là siêu vi Ghềnh Thác Cascade).

(10) Thom Dumsha, Computer viruses: a valid threat for the health care professional? JADA, vol.123, Sept. 1992, 72-78.

RƯỢU, THƠ VÀ TÌNH YÊU

TẬP THƠ BA TƯ: THE RUBÁIYÁT OF OMAR KHAYYÁM (Vần thơ tứ tuyệt của người làm lều Omar)

PHẠM TRỌNG LỆ

Tác giả tập thơ, **Omar Khayyám**, có lẽ sinh vào năm 1048, và mất năm 1122, là một nhà toán học, thiên văn học, và triết gia Ba Tư. Khi ông còn sinh tiền, người đời không biết ông còn là một thi sĩ của những vần thơ bốn câu tứ tuyệt gọi là "rubáiyát", diễn tả những lời thơ bi quan, thiên về xu hướng hưởng thụ, tả cái ngắn ngủi của cuộc đời, về huyền bí của Thượng đế, và con người chỉ có thể thấy niềm hoan lạc trong thực tại hiện có.

Năm 1859, một văn sĩ người Anh tên Edward FitzGerald (1809 - 1883) — người sống cùng thời với Thackeray (tác giả cuốn tiểu thuyết **Vanity Fair**) và Tennyson thi sĩ Anh — dịch tập thơ này sang tiếng Anh, nhưng dấu tên mình nên tập thơ dịch có dịch giả vô danh. Tập thơ dịch được in lần đầu năm 1859, và được tái bản và viết thêm cả thấy năm lần. Tập thơ dịch rất phóng túng của ông ngày nay là một trong những bản dịch nổi tiếng nhất của thơ Omar Khayyám.

Nhan đề của tập thơ lấy từ chữ Ả Rập "rubái" (đọc là ru-bây-ai; số nhiều là "rubáiyát" đọc là ru-bây-i-ết) nghĩa là "thơ tứ tuyệt"; câu thứ nhất, thứ hai và thứ tư vần với nhau, là một thể thơ có từ thế kỷ thứ 11, rất được giới trí thức Ba Tư ưa chuộng vì có nhạc điệu và dễ đọc dễ nhớ như ca dao của ta vậy.

Chủ đề của tập thơ là: vì con người không biết rõ kiếp sau ra sao, nhưng cảnh loạn lạc của giặc Thổ Nhĩ Kỳ và rợ Mông Cổ tàn phá Ba Tư và vùng tiểu Á, theo thi sĩ, ta hãy để cho cảm giác đưa mình tận hưởng tất cả những gì cuộc đời hiện tại ban cho. Ý thơ đẹp, lời thơ tình tứ, nhẹ nhàng, gây ảnh hưởng đến thơ của cuối thế kỷ mười chín tại Anh. Mãi sau khi FitzGerald chết, D.G. Rossetti, một nhà thơ lãng mạn thời Victoria, so với bản thảo mới nhận ra Fitz-Gerald là dịch giả và mới giới thiệu FitzGerald cho dân chúng, và dân Anh thích đến nỗi bản dịch của FitzGerald còn được hâm mộ hơn bản chính.

Ấn bản lần đầu gồm 75 đoạn thơ, ấn bản lần thứ năm gồm 101 đoạn, có lẽ đã được thêm thắt vào, và ấn bản của Avery cho thấy gồm 235 đoạn thơ.

Xem thêm: Edward FitzGeral, the **Rubáiyát of Omar Khayyám** (Dover Thrift Editions, in tại Mineola, New York, 1990, giá $1.00.)

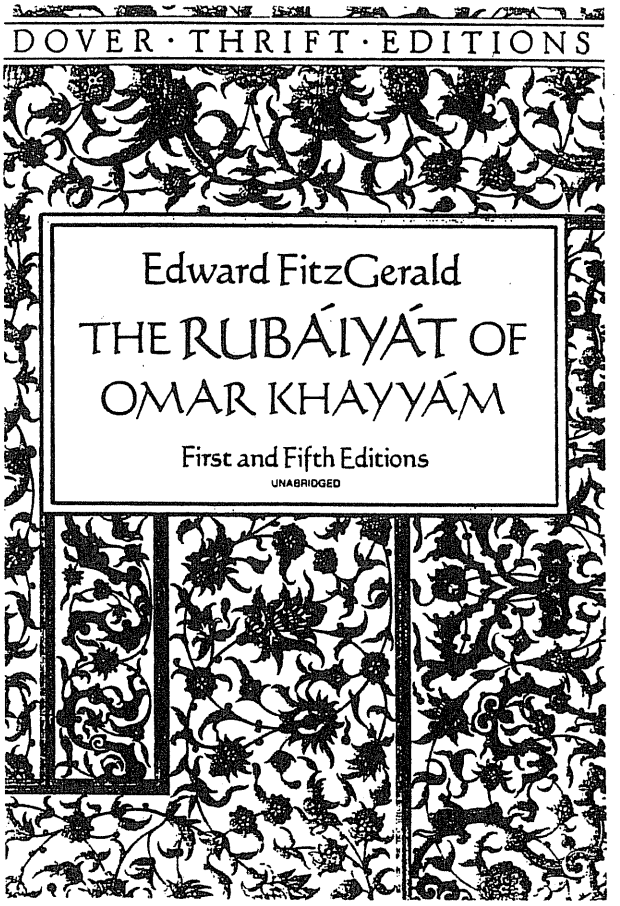

Bìa tập thơ in tại New York

Bản dịch của Peter Avery & John Heath Stubbs, do Penguin Books xuất bản tại Luân Đôn năm 1979, giá $10.00, có bài tựa giới thiệu và chú thích và cả những đoạn thơ nghi là không phải do Omar Khayyám làm, thêm nhiều hình màu về các bức họa Ba Tư thời phục hưng. Trong tập thơ có một đoạn bất hủ mà mọi sinh viên văn chương Anh đều biết vì thường được hỏi trong các kỳ thi khảo luận kiến

thức tổng quát. Tuy không có nguyên bản, nhưng ta có thể so sánh bản dịch sát nghĩa của Avery với bản dịch bay bướm của FitzGerald dưới đây:

1.- Nguyên văn đoạn thơ trong ấn bản của Avery:

I need a jug of wine and a book of poetry,
Half a loaf for a bite to eat,
Then you and I, seated in a deserted spot,
Will have more wealth than a Sultan's realm.

(Đoạn số 99, theo bản dịch nguyên văn của Avery & Heath Stubbs)

Ta cần một bình rượu và một cuốn thơ,
Nửa chiếc bánh mì ăn đỡ đói lòng,
Rồi em và ta, ngồi trong nơi vắng vẻ
Sẽ có nhiều của cải hơn cả vương quốc của vua.

2.- Cũng đoạn thơ trên do Fitzgerald dịch, ấn bản thứ nhất

(1859) dùng thể thơ iambic pentameter (thơ năm âm tiết, nhấn vào nhịp nhì):

Here with a Loaf of Bread beneath the Bough,
A Flask of Wine, a Book of Verse — and Thou
Beside me singing in the Wilderness —
And Wilderness is Paradise enow.

Ấn bản thứ năm (1889) có sửa lại đôi chữ:

A Book of Verses underneath the Bough,
A Jug of Wine, a Loaf of Bread — and Thou
Beside me singing in the Wilderness —
Oh, Wilderness were Paradise enow!

(Bản dịch của FitzGerald, ấn bản thứ năm, đoạn số 12)

Một cuốn thơ dưới lùm cây
Một bình rượu, một ổ bánh mì — và em
Cạnh ta ca trong nơi hoang dã
Ôi, nơi hoang dã đủ thành thiên đường!

Xin đổi "bánh mì" thành "cơm khô" và "rượu vang" thành "rượu tăm" cho có vẻ Á Đông, và tạm dịch như sau:

Dưới tàn cây một túi thơ
Cơm khô một nắm, thêm vò rượu tăm.
Bên ta, em cất tiếng trầm
Ôi, hoang vu ấy mà gần thiên thai!

Đời người ngắn ngủi

Trong thi văn, tha thường thấy thi sĩ hay nhạc sĩ tả cảnh đời ngắn ngủi, "như thoi đưa như bóng sổ như gang tay" (Cao Bá Quát), theo chủ đề "carpe diem" — tiếng La Tinh nguyên văn là "hãy nắm lấy ngày hôm nay". Như thi sĩ Robert Herrick người Anh (thế kỷ mười bảy) trong bài "To the Virgin" ("Gửi người trinh nữ") như sau:

Gather ye rosebuds while ye may,
Old Time is still a flying;
And this same flower that smiles today,
Tomorrow will be dying.

Tạm dịch:

Em hãy ngắt những nụ hồng vừa nở,
Vì thời gian đang thầm thoát bay qua;
Bông hồng nay đang tươi tắn nét hoa,
Mà mai tới xác xơ vài cánh úa.

Tại Pháp, nhà thơ Ronsard của thế kỷ 16 (1524 - 1585), cũng có một bài thơ say nhan đề "Fay refraischir mon vin de sorte" mà chúng tôi xin phỏng dịch như sau:

Fay refraischir mon vin de sorte
Qu'il passe en froideur un glacon;
Fay venir Janne, qu'elle apporte
Son luth pour dire une chanson:
Nous ballerons tous trois au son;
Et dy à Barbe qu'elle vienne,
Les cheveux tors à la facon
D'une follastre Italienne.

Ne vois-tu que le jour se passe?
Je ne vy point au lendemain.
Page, reverse dans ma tasse,
Que ce grand verre soit tout plain.
Maudit soit qui languit en vain,
Ces vieux Medecins je n'appreuve:
Mon cerveau n'est jamais bien sain,
Si beaucoup de vin ne l'abreuve.

"Hãy ngâm rượu lạnh cho ta"

Hãy ngâm rượu lạnh cho ta,
Ngâm cho thật lạnh hơn là nhũ băng.
Để Lan gẩy khúc hành vân,
Ba ta cùng múa theo vần cung thương.
Đừng quên nàng Bạch nõn nường,
Tóc mây uốn rối sầu vương ngập trời.
Quân bất kiến Hoàng hà chi thủy thiên thượng lai
Bôn lưu đáo hải bất phục hồi. (1)
Để cho ngày tháng dần trôi?
Ngày mai? Thây kệ cho đời lo xa!
Hầu bàn! rót rượu cho ta!
Mặc cha kẻ khác rên la. Ích gì!
Mấy tên thầy thuốc cuồng si
Tai trâu đàn gẩy, ta thì cứ tu,
Óc ta dù nghĩ lu bù,
Mà không ngập rượu vẫn ngu như bò!

Nhà thơ của núi Tản sông Đà cũng có câu:

Công danh sự nghiệp mặc đời
Bên thời chai rượu, bên thời bài thơ.
(Tản Đà Xuân Sắc, 1935)

Thi, nhạc sĩ cũng thường tả cảnh mơ ước như "căn nhà bên suối" của đôi uyên ương, hay cảnh dùng rượu để tiêu "vạn cổ sầu" như Lý Bạch (thế kỷ thứ 8) trong bài Tương tiến tửu. Những ý thơ đó vẫn làm ta nhớ đến thơ Omar Khayyám, tuy viết cách đây hơn chín trăm năm, nhưng âm hưởng dường như vẫn phảng phất trong những lời thơ Á Đông vậy.■

Virginia 12/5/92

(1) Mượn hai câu đầu trong bài "Tương tiến tửu" của Lý Bạch

ĐÀM THOẠI VỀ MỘT HOÀN CẢNH MỚI CHO SÁNG TÁC VĂN NGHỆ

VỘI VÀNG

VÕ PHIẾN và NGUYỄN XUÂN HOÀNG

NGUYỄN XUÂN HOÀNG - Lần trước chúng ta nói thời nay có quá nhiều tác giả và các tác giả viết quá nhanh...

VÕ PHIẾN - NLần này xin đề nghị nói chuyện thời nay chúng ta ăn quá nhanh. Ông nghĩ sao?

N.X.H - Cái đó cũng liên hệ đến sáng tác văn nghệ sao? Và ông nghe ai vu cáo về chuyện chúng ta ăn nhanh?

V.P. - Không những ăn nhanh, mà uống cũng nhanh hơn tiền nhân.

N.X.H. - Ai bảo thế?

V.P. - Chính ông. Ngay buổi thảo luận đầu tiên, ông đã nói đến cà-phê *espresso*. Ăn *fast food*, uống *espresso*, đều là sự vội vã của thời đại. Một chiếc đinh cũng mang theo nó cả quan niệm sống của Tây phương; cái *sandwich*, cái *hamburger* bự hơn chiếc đinh nhiều, và sẵn sàng mang theo nó lắm sự mới mẻ. Ý nghĩa tiêu biểu của chúng nó lồ lộ, ông ơi.

Vào thời hoàng đế Nã-phá-luân, nhu cầu hành quân cấp tốc chắc chắn cũng đặt ưu tiên cao cho sự nhanh chóng của bữa ăn binh sĩ chứ. Thế nhưng nhịp sống thời bấy giờ chưa chịu đáp ứng một nhu cầu như thế. *Fast food* là tiếng mới xuất hiện; món ăn món uống ấy là những phát minh mới toanh của loài người. Mới hơn địa bàn, hơn thuốc súng, hơn phi cơ v.v...

Nói thì khó tin, nhưng sự thực trí tưởng tượng của người xưa khó hình dung nổi cách ăn vội vã. Ăn, việc gì mà phải vội chứ hả? Ăn, trên đời còn có gì quan trọng hơn? ai có quyền giục giã kẻ đang ăn? Thậm chí Trời đánh còn phải tránh bữa ăn nữa là. Cho nên đã ăn, nhất là ăn tiệc thì tha hồ kéo dài từ ngày này sang ngày khác cũng không hề gì. Chắc ông còn nhớ bữa tiệc của Lưu Bị ở Tương dương. Hôm ấy Thái Mạo bày mưu giết Lưu Bị; giữa bữa tiệc Y Tịch ra mật hiệu, Lưu Bị giả vờ đứng lên vào nhà trong thay áo rồi chuồn thẳng, thoát chết. Tiệc mà không dài đến nỗi quan khách ăn mệt nghỉ, phải đi thay áo ba bốn lần, thì Lưu Bị chết rồi, còn đâu để... làm vua?

Sau Lưu Bị rất lâu, Từ Hi thái hậu đãi ngoại giao đoàn cũng rề rà tại bàn tiệc suốt ngày đêm! Rồi sau bà thái hậu, đến thời ông Tản Đà, một bữa ăn trưa của ông kéo dài bất tận đến nỗi một văn hữu trẻ tuổi phải ngồi chờ ở phòng khách tới mỏi mê, và đã than thở não nuột trên tạp chí *Tao Đàn* độ nọ.

Như vậy cái bữa ăn nó vẫn đủng đỉnh từ mấy nghìn năm; đến đây, chỉ trong vòng mấy chục năm, nó lồng lên phóng nước đại: Thức ăn nhanh, ăn nhanh nữa, rồi... ăn liền! Các bậc tao nhân thuở nào bất chợt bắt gặp cái món gọi là "mì ăn liền" tất phải đỏ mặt. Nghe chướng thấy mồ.

Chưa hết. Món ăn có món ăn liền, kiểu ăn lại có kiểu ăn chạy. Không sao? Đó gần thành cái mốt ở nam Cali rồi còn gì nữa. Thiếu gì những tao nhân mặc khách, giàu có sang trọng, vẫn cầu nhàu về các loại xe Âu châu: "Xe gì bốn năm chục nghìn đồng mà không có chỗ đặt cốc cà-phê với miếng *pizza* bên cạnh, để vừa chạy vừa xơi cho đỡ tốn thì giờ." Hợp thời nhất là các tay sản xuất xe Mỹ và Nhật: Đặt nguyên một cái *pizza* lên vành tròn tay lái, gỡ từng miếng ăn dần thật tiện. Trước mặt người lái chiếc GMC Suburban đời 1992 tha hồ bày biện cốc nọ cốc kia. Chiếc xe *van* hiệu Toyota đời 1987 đặt máy phía trong, hơi ấm toả ra, rất thích hợp cho những món ăn nóng. Trên chiếc Buick Estate, Navajo, Humvee v.v... khối chỗ để bày bàn...

N.X.H. - Dù sao cái ăn trên bốn bánh xe đang quay tít vẫn phải đơn sơ hơn ăn tại nhà hàng. Cái uống gần đây lại chuyển theo một chiều hướng ngược hẳn đấy. Từ ngày xảy ra cuộc cách mạng cà-phê, cái uống trở nên đặc biệt cầu kỳ. "Cóp-phi tiên sinh" tự dưng đâm lối thời: trong vòng mười năm Tiên sinh già thêm trăm tuổi. Những anh Mẽo xuề xoà dễ dãi bỗng lên mặt chê cái *pour-and-go coffee*. Toàn đòi hỏi món trời ơi đất hỡi: *specialty coffee, gourmet coffee, designer coffee, fancy coffee* v.v... ối! Giữa thời buổi kinh tế khủng hoảng, thất nghiệp tràn lan, ai nấy lại sẵn sàng chịu chi gấp đôi gấp ba cho mấy hớp nước thơm...

V.P. - Ông quan tâm đến hiện tượng này dữ!

N.X.H. - Cách mạng cà-phê cũng là cách mạng văn hoá chứ ông. Nó thay đổi hẳn phong cách của người Mỹ, không chừng đến quan niệm sinh sống của họ chăng? Từ bản tính thực tế họ chuyển thành một khối người trưởng giả, kênh kiệu. Ông nghĩ sao?

V.P. - Tôi chú ý đến chữ "khối người" của ông. Cái phong trào cầu kỳ trưởng giả này không phải của một lớp quý tộc, lớp giàu sang, mà là phong trào của quần chúng. Dân Mỹ thuộc mọi thành phần đều nhất trí. Cái đám người xếp hàng chờ chực ở các quán cà-phê thơm nó phức tạp cho tới nỗi có những kẻ chưa kịp phát âm được rành rẽ cái tên của món cà-phê mình muốn uống. Hãng Starbucks đã phải in phát cho khách hàng một tập sách con dạy cách gọi cà-phê cho đúng tên. Chẳng hạn muốn có một tách *coffé mocha* thì phải hô là: *Caf-ay mo-kah* (Sợ lỡ đọc mô-sa hay mo-cha chăng?) Khổ quá: trăm hoa nó rộ nở tưng bừng, mà khách chơi hoa thì chưa sành sỏi mấy đâu.

Nhưng kén chọn thì có kén chọn cầu kỳ, chuyện ấy cũng không trái với chiều hướng chuyển biến chung đâu ông. Chiều hướng là từ chậm sang nhanh, chứ không phải từ ngon chuyển xuống tồi. Thời nào con người cũng muốn ăn ngon uống ngon: ông Lưu Bị ở Tương dương ngày xưa và ông Bush khi vào tiệm ăn Tàu ở Hoa-thịnh-đốn ngày nay, mũi bắt mùi thịt thơm, nước dãi trong mồm cũng tức khắc hưởng ứng như nhau thôi. Cái khác là ông Bush không có thì giờ thay áo mấy lượt trong bữa

ăn. Và về điều kiện tối yếu này thì bao nhiêu thứ cà-phê rắc rối của Starbucks đều cúi đầu tuân phục: đại khái thứ nào thứ ấy đều là *espresso* cả. *Ristretto* thì một phọt (*shot*) *espresso*. *Espresso doppio* thì bắn vào hai phọt *espresso*. *Nimitz*, ba phọt. *Quad jammer*, bốn phọt. *Macchiato*, chụp lên cốc *espresso* một lớp bọt sữa. *Caffé latte*, cho sữa nóng vào *espresso*. *Mocha brive*, nửa *espresso* nửa *chocolat* v.v... Tức là pha chế nhanh chóng không thua thứ cà-phê của Cóp-phi tiên sinh chút nào. Pha nhanh mà uống cũng nhanh thôi: Nước đậm đặc, cốc nhỏ, ngửa cổ tợp một cái là xong chứ mấy. Muốn kênh kiệu tha hồ kênh kiệu, miễn nắm vững tôn chỉ hoả tốc, khẩn trương.

N.X.H. - Điệu này Mỹ mặc sức làm cách mạng, cà-phê ở dây còn lâu mới theo kịp cà-phê Quán Trúc, Quán Tre, còn lâu mới xoá được hình ảnh mến yêu của cái nồi ngồi trên cái cốc ở vỉa hè Cái Chùa.

V.P. - Cái nồi ngồi trên cái cốc, có lẽ nó còn ngồi nán thêm một thời gian nữa để chủ toạ cuộc suy sụm kinh tế ở quê ta. Nhưng tại quê hương nó, tại Pháp, cái cà-phê đã lâm nguy quá lắm rồi. Hồi 1960 trên nước Pháp có chừng hai trăm nghìn tiệm cà-phê. Năm ngoái, chỉ còn độ sáu chục nghìn tiệm. Mất đi 70 phần trăm. Đã từ hai ba thế kỷ, bao nhiêu lớp văn nghệ sĩ tài danh Pháp quốc lần lượt đến rề rà tại các tiệm cà-phê. Lắm người đã nghĩ những tiệm cà-phê-ngồi-lì ấy là một định chế xã hội và văn hoá của Pháp, là linh hồn của cuộc sống văn nghệ ở Pháp. Thoắt cái, nó đổ cái ào: không ai cứu nổi sự rề rà. Có nơi, trong chủ trương cương quyết cứu vãn truyền thống, người ta đã trích ngân sách thành phố ra cố gắng nuôi sống một vài quán cà-phê ngồi-lì. Nhưng tạm thôi, chầy ngày ngân sách nào chịu thấu?

Cái cà-phê rề rà, bây giờ ở Pháp nó trốn vào các khu di dân Á-rập, ở Mỹ châu nó cố thủ ở phía nam: tại Argentine chẳng hạn, ẩm giả hãy còn có thể ngồi ôm ly cà-phê từ giờ này sang giờ nọ.

Tất nhiên cuộc phát triển kinh tế đang săn đuổi nó ráo riết, khắp nơi...

N.X.H. -Vâng, vâng. Quả có cuộc săn đuổi của kinh tế. Nhiều thứ bị săn đuổi, không riêng cà-phê. Chúng kéo nhau chạy từng đàn: cà-phê, trà... Nghe nói cái trà đạo bên Nhật cũng bị rút ngắn thun lủn. Người uống không còn nhiều như xưa; có uống cũng thỉnh thoảng thôi, không uống đều đều như xưa; mỗi cuộc uống không kéo dài đủ bốn năm tiếng đồng hồ như xưa nữa. Ngoài ra lại nghe cái tắm bên Nhật gần đây cũng đâm vội vã.

V.P. -Có đấy. Vội vã lắm. Ăn vội, uống vội, cái tắm làm gì chẳng vội. Người Nhật thích tắm, thích kéo nhau bất phân nam nữ già trẻ xuống hồ ngâm mình, nhẩn nha. Tục ấy đã thành một truyền thống bốn trăm năm. Trần truồng ngâm mình trong nước nóng, khoái là phải: lắm người mỗi ngày đến hồ tắm nóng (*onsen*) đôi ba lần. Truyền thống ấy mất đến nơi rồi.

Này nhé: Cách đây vài năm, mỗi lần đến nhà tắm truyền thống để ngâm, mất 310 *yen*; trong lúc ấy cứ vào buồng tắm tân thời (*coin shower*) nhét vào máy 100 yen là được quyền tắm ba phút: cũng đủ sạch sẽ chán. Buồng tắm trăm *yen* lan tràn khắp nơi, mở cửa 24 tiếng mỗi ngày; còn nhà tắm truyền thống (*sento*) ít oi, khó tìm, lại chỉ mở cửa 8 tiếng. Như thế truyền thống nào tồn tại nổi. Ở Nhật bây giờ lại cũng có những nơi chính quyền địa phương phải xuất công quỹ ra trợ cấp để cứu truyền thống tắm công cộng, như ở Pháp cứu truyền thống cà-phê ngồi-lì. Nhưng...

N.X.H. - Ăn không rề rà nổi, uống không rề rà nổi, tắm không rề rà nổi. Lẽ nào đàm thoại lại rề rà?

V.P. - A! Ông sốt ruột rất chính đáng. Đàm thoại nó chỉ chưa chấm dứt vì chưa tới đích. Nó lang thang từ cái nọ sang cái kia, cốt là đi tới cái đọc. Ý tôi muốn bảo cái đọc ngày nay cũng vội vã hơn xưa.

Nếu nói phắt ngay ra như thế từ đầu, e người ta sẽ mắng kẻ sĩ thời nay là chúa lười nhác, không kỹ bằng các giới khác, không bằng ai. Phải phân trần trước rằng bây giờ cái gì cũng vội vã, nhiên hậu thiên hạ mới khỏi mắng mỏ người đọc giả.

N.X.H. - Vậy bây giờ hãy nói thẳng vào sự đọc vội.

V.P. - Tôi xin phép nói về tôi. Nói thế tức là tình nguyện gio đầu chịu báng. Vì đọc vội thì mong gì có người khen?

Mùa nắng tôi thường mắc võng ngoài vườn, nằm đọc nhảm nhí. Một hôm, năm ngoái, đang nằm như thế chợt bị ông Mai Kim Ngọc hỏi qua điện thoại: "Anh đọc *La pitié dangereuse* của Stéfan Zweig chưa?" Tôi không nhớ. Tôi vẫn không nhớ nổi những cái đọc hồi nhỏ, lâu quá. Ông nhắc lại qua loa cốt truyện, tôi lần hồi nhận ra. Ông bảo: "Anh thử đọc lại nhé." Tôi tò mò: "Có chuyện gì vậy?" Tôi hỏi, ông không nói lý do, chỉ cười cười. "Để tôi gửi sách, anh đọc lại thử, rồi sẽ nói chuyện." Ông này bí mật dữ!

Đọc lại hơn nửa cuốn, tôi cũng ngạc nhiên về tôi. Tôi ngờ đã đoán ra cái lý do đề nghị của ông bạn. Bèn hỏi lại thì quả nhiên: bây giờ đọc lại, thấy không thưởng thức như xưa. Cái gì không như xưa? Truyện vẫn nguyên là truyện ấy, cố nhiên. Cốt cách Stefan Zweig vẫn cốt cách ấy, làm sao khác được? Chết! thế thì chính mình đã đổi khác rồi. Chối cãi gì được nữa!

Tự dưng lần này mình thấy tác giả rề rà quá, cẩn thận quá. Nhiều lần giữa trang sách mình muốn nhảy một đoạn. Cái gì kỳ cục vậy? Hồi nhỏ mình kiên nhẫn, bây giờ có tuổi lại đâm ra sốt ruột, nóng nẩy. Sao ngược đời vậy?

Ngừng lại giữa sách, nghĩ ngợi vẩn vơ: Hoá ra thời thế đã đổi thay, nhịp sống đổi thay, cái nhịp cảm xúc của mình nó cũng khác đi. Soi trước trang sách cũ, thấy tâm hồn mình đã khác xưa:

"... nước chảy mây trôi,
Tôi lui hồn lại nhưng đời đã xa."

Nói vậy chứ "lui hồn" gì được, hả ông?

N.X.H. - Thì ngay Stéfan Zweig, chính ông ta, cũng nhận thấy các bậc tiền bối của mình trở nên rề rà, làm ông ta sốt ruột.

Trong cuốn *Le monde d'hier* ông chê Balzac, Dostoievski v.v... quá dài dòng. Vả lại xung quanh ông, xung quanh chúng ta, thiên hạ đang xúm nhau chê cái dài, cái chậm. Cho nên giới xuất bản từ lâu đã nảy ý kiến rút ngắn tác phẩm của các bậc thầy: Homère, Balzac, Hugo, Dostoi v.v.... Rút tuốt, cắt bỏ tuốt, không kiêng nể một ai. Và công việc ấy tiến hành mạnh mẽ, thành hẳn ra một ngành hoạt động rần rộ: có những tạp chí (*Constellation, Reader's Digest*...) có mục chuyên rút ngắn tác phẩm đều đều. Rút đăng báo, rút in thành sách v.v... Có sách rút ngắn, lại còn có sách thu băng. Khỏi đọc. Bỏ cuộn băng vào máy, bấm nút, vừa lái xe vừa nghe, vừa chạy bộ vừa nghe. Khỏe ru. Thảnh thơi quá. Đã ăn chạy, uống chạy, sợ gì không đọc chạy. Thưởng thức hết *Chiến tranh và Hoà bình*, hết *Cuốn theo chiều gió*, hết *Những kẻ khốn cùng* v.v..., mà vẫn tiến vùn vụt trên đường trường, vẫn tay không rời bánh lái, mắt không rời cảnh trí tận chân trời..., không một phút nào bị chận đứng ngừng sự hoạt động của mình. Có thế mới đã đỡ sốt ruột.

V.P. - Vâng, đỡ thôi. Con người thời nay không sao khỏi hẳn nạn sốt ruột. Tự dưng vô cớ cứ run bần bật, lúc nào cũng mấp ma mấp máy cựa động.

Dù sao, cái cựa động nhanh nhất vẫn là ở các xã hội kỹ nghệ. Còn tại những xứ kinh tế chậm trễ hơn thì chưa thấy có bày bán những bản *Hồng lâu mộng* thu băng, *Hoàng Lê nhất thống chí* rút ngắn, *Tam quốc chí* rút ngắn, *Kim Bình Mai* thu băng v.v... Phải vậy không? Hay ông đã bắt gặp những cái đó bán ở đâu rồi chăng?

N.X.H. - Sớm hay muộn, cái gì phải đến sẽ đến thôi.

V.P. - Ông nghĩ đúng. Rồi mình cũng theo kịp người ta, mấy hồi. Nhớ bài báo *"What, me read?"* của ông Sven Birkerts trên tờ tạp chí của đại học Harvard hồi 1989. Ông dạy ở Harvard, cứ mỗi lục cá nguyệt ông bảo sinh viên liệt kê cho biết ngoài sách trong chương trình học thì mỗi người đã tự ý đọc thêm những sách gì? bao nhiêu cuốn? thích những cuốn nào nhất? Hầu hết trả lời: Chẳng đọc thêm cuốn nào cả. Lý do: Bận quá. Có người nói rõ hơn: Giá có thì giờ thư thả chắc sẽ đọc... Stephen King, để giải trí! Ối Trời.

Cái tinh hoa của thanh niên nước tiền tiến tại Harvard bận trước; thanh niên các nước hậu tiến rồi cũng bận theo thôi, sao khỏi được? Bận học, bận thể thao, giải trí, giao du, lăng xăng v.v... Đọc sách là chuyện căng thẳng, cặm cụi, cô đơn. Chịu sao thấu? Cái thiểu số người chịu khó tiếp tục đọc cũng phải tìm ra một lối đọc thích hợp với thời đại, chứ cứ giữ mãi một kiểu đọc như các cụ ngày xưa thì khốn với sách mất.

N.X.H - "y, chúng ta nên dừng lại chỗ ấy đấy: Những cách đọc mới. Tôi chắc phải có nhiều phát kiến về phép đọc nhanh...

V.P. - Trong thiên hạ có bao nhiêu cách rút ngắn trang chữ? Tôi chịu! Bá nhân bá ý. Người ta lắm mẹo mà mình không tiến hành được cuộc điều tra rộng lớn quy mô, biết sao cho hết. Có người đọc nhanh có phương pháp, được đào luyện hẳn hoi. Có kẻ tự ý theo mẹo riêng, đọc nhảy lóc cóc. Rụt rè thì chỉ dám nhảy dăm ba dòng, bạo gan thì nhảy từng đoạn dài. Những phần tử siêu việt đọc một hiếu mười thì tha hồ nhảy vọt hàng trang, nhảy phóc một cái từ chương này sang chương khác vẫn không lạc mất mạch truyện v.v...

Đại khái 15 phần trăm số sách in ra mỗi năm là sách khoa học và kỹ thuật; loại sách ấy là để "tra cứu." Kẻ tra cứu khi cần tìm gì lật sách thẳng đến trang ấy thôi, thường khi bất tất phải đọc cả cuốn. Còn các loại sách nghệ thuật thì lẽ ra được sáng tác để đọc trọn vẹn Á__ *from cover to cover* Á__ thì sự thể... như chúng ta đã thấy đấy.

Năm 1985, ông Michael Kinsley có cuộc thí nghiệm lý thú. Ông chọn 70 bản trong số những cuốn sách danh tiếng bấy giờ đang được dân Washington D.C. bàn tán sôi nổi, nhét vào giữa các trang sách một mẩu ghi chú, hứa thưởng 5$00 cho kẻ nào bắt gặp ghi chú ấy và gọi điện thoại đến báo cho tạp chí *New Republic* biết. Rốt cuộc toà báo không nhận được một cú điện thoại nào! Hoá ra phần lớn những "thức giả" bàn tán về sách là chỉ biết sách đại khái qua các bài điểm sách, bài giới thiệu. Chẳng mấy ai mở thử cuốn sách, kể cả sách danh tiếng sôi nổi.

Michael Kingsley bèn có lời khuyên sáng giá gửi đến các tác giả: Muốn có người thực sự đọc lời mình viết ra thì hãy nhảy vọt qua đầu các tay trung gian. Hãy tự mình viết lấy bài điểm sách. Thế là chắc ăn.

Giáo sư Russell Jacoby, tác giả cuốn *The last intellectual* than thở: "Người ta đọc nhanh quá đi mất," và ông đe dọa sẽ mở ra những trung tâm dạy cách... đọc chậm (*slow reading center*). Muốn biết đầy đủ về các phép đọc nhanh và các phép đọc chậm, tôi nghĩ ông nên gặp vị giáo sư này. Ông ta dạy ở đại học U.C. Riverside đây thôi.

N.X.H. - Chắc ông đã đọc qua sách của Jacoby rồi chứ gì?

V.P. - ối! Tôi... "bận quá", ông ơi. Tôi cũng là người thời đại mà.

N.X.H. - E từ đây "người thời đại" phải tập cách viết ngắn, viết sách như thể điểm sách, mới thích hợp chăng?

V.P. - Chúng ta đã quyết định là trước tiên hãy nêu ra các dữ kiện của hoàn cảnh mới, rồi sau đó sẽ tìm hiểu ảnh hưởng của nó đối với việc sáng tác. Nhưng quyết định ấy

có vẻ không thực tế. Đã bốn tháng qua rồi, cứ cà kê mãi với các dữ kiện mà không nói gì đến ý nghĩa cùng ảnh hưởng của nó thì sốt ruột lắm. Không khéo độc giả bực mình, nổi dóa. Sốt ruột là bệnh của thời đại mà. Vừa rồi ông nêu câu hỏi về đường lối sáng tác thích hợp, đấy cũng là một cách đòi hỏi đốt giai đoạn. Suy bụng ta ra bụng người, kỳ tới xin đề nghị hãy thử suy nghĩ về một số ảnh hưởng của hoàn cảnh đối với sáng tác văn nghệ đi. Ông nghĩ sao?

N.X.H. - Có lẽ nên thế. Rồi các dữ kiện, chúng ta sẽ trở lại với chúng nó...

V.P. - ... nếu Trời cho cuộc đàm thoại này kéo dài. Đúng ra là nếu độc giả cho phép.■

Tháng 4 - 93.

NHẬT KÝ CỦA MỴ NƯƠNG

NHUNG UYÊN

Farewell my New York City
Your sins,
And glamour
Fragile souls,
And lonely hearts...
MAY, 1992
NU

Thay lời tựa:

"On the day when it will be possible for woman to love not in her weaknesses but in her strength, not to escape herself but to find herself, not to abase herself but to assert herself — on that day love will become to her, as for man, a source of life and not of mortal danger. In the meantime, love represents in its most touching form the curse that lies heavily upon woman confined in the feminine universe, woman mutilated, insufficient unto herself. The innumerable martyrs to love bear witness against the injustice of a fate that offers a sterile hell as ultimate salvation..."

Simone de Beauvoir

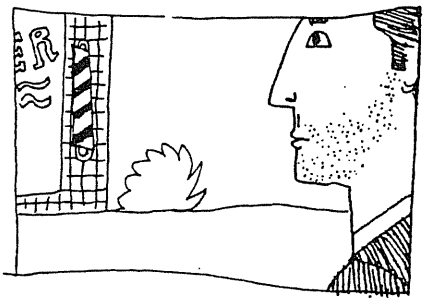

VÀO TRUYỆN

Lời chú của người ghi nhật: Mỵ Nương không có một cuốn sổ nhật ký. Nàng viết bừa bãi trên những trang giấy rơi rớt. Tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Việt. Viết tay hoặc in bằng máy điện tử. Nhiều trang không có ngày tháng năm. Tôi đến nhà Mỵ Nương sau khi nàng đã biến mất, nhặt nhạnh những trang giấy này, thu xếp thành thứ tự, để vào một bìa cứng, dịch lại khi cần thiết, rồi gửi cho người xuất bản.

Do tác giả

* Tóm tắt và dịch thuật từ nguyên tác, "The Diary of My Nương," viết bằng Anh ngữ.

PHẦN MỘT

TÔI VÀ HẮN

New York City, ngày... tháng... năm...

Tôi muốn nói đến ma lực của sự cuốn hút. Sự cuốn hút lớn mạnh hơn cá tính con người... Theo thánh kinh chắc đó là con rắn trên cây táo. Là sự thông thái của trí óc. Là mầm mống của sự khao khát hiểu biết, tính hiếu kỳ dẫn con người đi xa nhân bản và làm họ quên đi nhịp đập của trái tim nguyên thủy, đi đến sự băng hoại khi không còn lý tưởng cao đẹp. Sức mạnh của sự cuốn hút giống như cơn gió lốc tiêu diệt những làng mạc, cuốn xe cộ và con người lên mây, gọi là cơn lốc tornado. Mẹ tôi bảo đó là phong thần khi giận dữ.

Tôi không biết trong tôi ma lực cuốn hút bắt đầu từ đâu, vì sao... Tôi nằm đây, trong thế giới đàn bà độc thân ở thành phố lớn, căn phòng phảng phất mùi nước hoa và phấn, giữa những chiếc áo ngủ và tất lưới mặc dở dang... Tôi nghĩ đến hắn. Ma lực cuốn hút bắt đầu từ khi tôi gặp hắn. Ban đêm tôi vẫn hay chưng diện rực rỡ ở các hộp đêm, ban ngày tôi ăn mặc sang trọng và thủ cựu... Nhưng tôi sống như một nữ tu, và thanh thản trong thế giới nữ tu của mình.

Cho đến khi tôi gặp hắn...

Bề ngoài rực rỡ, nóng bỏng của tôi tương phản với nếp sống nữ tu. Trong cái thanh thản của đời sống nữ tu ấy, có một nỗi bất an vô cớ... Nỗi bất an làm tôi hay

ngửa mặt khóc trong vòi sen nước nóng. Nỗi bất an làm tôi sợ hãi mỗi lần tôi nghĩ đến tương lai, làm tôi muốn khoanh tròn quay về lòng mẹ... Nỗi bất an đem tôi vào gặp bác sĩ tâm lý đôi lần, nhưng họ làm tôi thất vọng, chán nản... và tôi tiếp tục quay cuồng trong nhịp sống dồn dập của Đông Bắc Hoa Kỳ.

Trong quá khứ, tôi không hạnh phúc khi phải sống chung với đàn ông. Tôi nhớ mãi ánh mắt thê lương của bà ngoại, đôi môi mỏng nghiến chặt, nhiếc mắng chị người làm bỏ nhà theo trai:

"Con ngựa lồng, đáng chi thằng đàn ông mà mi phản tao, bỏ nhà theo hắn..."

Mẹ tôi bảo bà ngoại tôi chua chát vì suốt đời không đẻ con trai nối dõi tông đường, làm vợ cả để phải đi cưới vợ hầu cho ông ngoại. Mới bốn mươi tuổi, bà ngoại đã đau bệnh tưởng triền miên. Hết nhức đầu rồi đến chóng mặt. Còn mẹ tôi thì luôn luôn chép miệng, "Ainsi sont les hommes," nhưng vẫn tiếp tục phục tòng bố tôi và tiếp tục than phiền số phận. Tôi mang trong người nỗi u hoài của những người đàn bà trưởng giả xứ Huế sống trong đau buồn và ẩn ức.

Tôi gặp hắn ở Washington D.C. trong một phòng triển lãm tranh ở Georgetown. Dạo ấy, tôi được biệt phái về thủ đô làm việc mất ba tháng. Tôi chán ghét những bức tường màu vàng, bàn ghế bằng thiếc của các công sở chính phủ ở D.C. Tôi chán ghét những giấy tờ chồng chất của công việc, ngày này qua tháng nọ. Tôi theo vài người bạn họa sĩ, tính học nghề, bán tranh cho vui. Người bạn họa sĩ nhờ tôi chủ lễ một buổi tiếp tân ngày ra mắt tranh.

Hắn bước vào phòng tranh, đơn độc, và cao lớn... Bộ đồ lớn Georgio Armani, cà-vạt lụa nhã nhặn, toàn con người là một sự trau chuốt tuyệt hảo, không phải cái trau chuốt đĩ thõa, mà là cái trau chuốt của những người đàn ông có thế lực sành sõi thương trường... Tôi đứng bên những bức tranh nhiều màu sắc, tự biết mình rực rỡ trong chiếc áo dạ hội hở một bên tay, may theo kiểu hoàng hậu Thái Lan bằng satin đen có những đường kim tuyến li ti vàng rực... Hắn nhìn tôi lơ là, khuôn mặt lịch thiệp nhưng lạnh lùng, không mảy may để ý đến vẻ rực rỡ của tôi. Tôi vừa mới bắt đầu "điệp khúc" tán dương màu sắc, thân thế, và sự nghiệp của các họa sĩ thì hắn đã chìa cho tôi tấm danh thiếp, rồi quay lưng đi, làm tôi cụt hứng. Tôi nhìn tấm danh thiếp của hắn: chủ nhân một hãng cố vấn kinh tài quốc tế tôi chưa bao giờ nghe tên...

Khoảng mấy tiếng đồng hồ sau, khi quan khách bắt đầu uống Champagne, tôi tình cờ đứng gần hắn. Một thiếu phụ Nam Mỹ mặc áo đỏ chói đang huyên thuyên nói với hắn về một vài cuộc tiếp tân trong những tòa đại sứ. Hắn quay qua phía tôi như để tránh người thiếu phụ nhiều chuyện. Tôi đang kể cho người bạn nghe cuộc nghỉ hè ở trên đảo san hô. Tôi lặn xuống biển ngắm san hô, suýt chết ngộp vì hoảng hốt khi nhìn thấy con rắn màu xanh nõn chuối bơi lội trong dòng nước trong vắt bên cạnh những kỳ hoa dị thảo của đáy biển... Hắn lắng nghe câu chuyện, rồi cắt lời tôi:

"Cô sợ rắn?"

Tôi quay lại phía hắn, cười dòn:

"Tôi vẫn trách thượng đế oái oăm, đã sinh ra những người đàn bà nhạy cảm như tôi, mà còn sinh thêm loài động vật kinh tởm như rắn rít..."

Hắn nhíu mày. Hắn cao gấp đôi tôi. Nhưng vì tôi đứng trên bục gỗ, nên tôi nhìn mặt hắn rất gần. Hắn đẹp trai, có ria mép phảng phất như Clark Gable. Nhưng sau vẻ thân thiện của nụ cười có chút gì vừa giả dối, vừa dọa nạt làm tôi cảm thấy bất an. Hắn chỉ tay về phía bức tranh sau lưng tôi:

"Cô có nhìn thấy rắn trong bức tranh kia không?"

Tôi quay lại nhìn... Bức tranh lập thể của một nữ họa sĩ Nam Mỹ mang nhiều dục tính... Hàng chục thân hình đàn bà đàn ông quấn quít lấy nhau... Những suối tóc, phiến lưng, những đường nếp cong, mềm, những góc cạnh của thân thể không có nét gãy, trước mắt tôi biến thành những khúc trăn và những sinh vật bò sát cuộn vào nhau... Tôi nóng mặt và cảm thấy gai gai trên da thịt. Hắn nói đúng, đây là bức tranh của thân thể con người, và đồng thời là bức tranh của một đống trăn, rắn lúc nhúc...

Hắn hỏi tôi:

"Cô làm nghề gì mà có dịp đi nghỉ hè cả tháng?"

Tôi nói sơ về nghề nghiệp chuyên môn của mình. Vẻ ngạc nhiên trên mặt hắn không làm tôi khó chịu... Cách ăn mặc của tôi và dáng dấp mảnh mai, giọng nói nhẹ nhàng vẫn làm thiên hạ tưởng lầm tôi chỉ là cái cây làm cảnh... Không ai nghĩ tôi là một phụ nữ có nghề chuyên môn, một nghề nghiệp lao tâm và nhiều cạnh tranh. Hắn có vẻ chú ý đến tôi nhiều hơn, và muốn mời tôi đi ăn trưa... Tôi đưa hắn tấm danh thiếp:

"Tôi sẵn sàng, nếu ông có dịp lên New York."

Tôi không nghĩ mình sẽ gặp lại hắn, nói chi là gặp hắn ở một tiệm thực phẩm Việt Nam. Tiệm thực phẩm Việt Nam không phải là nơi đi dạo cho những người đàn ông như hắn. Vậy mà tôi gặp lại hắn ở đó, khoảng một tuần sau cuộc triển lãm tranh...

Đang đứng ngắm nghía hộp sầu riêng, tôi mơ hồ cảm thấy có bóng ai cao lớn tiến đến bên cạnh. Tôi quay lại, chưa kịp nhận ra hắn thì hắn đã lên tiếng:

"Chào hoàng hậu Thái Lan."

Hắn đứng sát bên tôi, thân thể cao lớn, giọng nói êm ái. Bộ complet Georgio Armani thay thế bằng quần jeans và chiếc áo khoác bằng da đắt tiền. Tay hắn cầm một chai nước mắm... Tôi ngạc nhiên không nói nên lời... Hắn nhắc:

"Tôi gặp hoàng hậu ở phòng triển lãm tranh..."

"Ông làm gì ở đây?"

"Tôi đi theo hoàng hậu cả tuần nay..."

Tôi ngẩn người không biết nói gì. Hắn tiếp:

"Hoàng hậu mua dùm tôi một chai nước mắm... Tôi có người khách hàng ở Nam Mỹ thích dùng nước mắm Việt Nam để ướp thịt quay..."

Tôi hơi sợ. Hắn có đi theo tôi thật, hay chỉ tình cờ đến đây mua nước mắm cho khách hàng? Hắn làm nghề gì mà có khách hàng ở

Nam Mỹ thích ăn nước mắm Việt Nam? Hắn nhìn hộp sầu riêng trên tay tôi:

"Đây có phải là thứ trái cây nhiệt đới có mùi vị và chất liệu (texture) nồng nàn như phụ nữ, nhưng bên ngoài xấu xí gai góc như trứng các con vật từ những hành tinh khác..."

Nhìn sắc mặt chưng hửng của tôi, hắn giải thích:

"Tôi vì công việc làm ăn, rất hay đi Thái Lan, Hồng Kông, Mã Lai và Trung Hoa Lục Địa... Biết đâu tôi rành Đông Nam Á còn hơn cô."

Tôi đặt hộp sầu riêng xuống quầy. Câu hắn so sánh những múi sầu riêng với phụ nữ làm tôi khó chịu. Hắn đỡ hộp sầu riêng... Tôi nhìn thoáng thấy chiếc đồng hồ Rolex trên cổ tay hắn. Có lẽ đây là một tên đàn ông có tiền và hay đi du lịch thế giới. Hắn hỏi tôi:

"Cô đi ăn tối với tôi đêm nay?"

"Như tôi đã nói, tôi sẽ ăn tối với ông ở New York."

"Tôi muốn ăn tối với cô ở D.C, ở New York, ở Paris, ở Roma, ở Madrid, ở Bangkok, và ở nhà riêng của tôi."

Hắn tự mãn. Nhưng khó ghét được một người đàn ông đẹp trai và lịch thiệp. Hắn tiếp lời:

"Tôi sẽ cho người đến đón cô."

Lối lịch sự và khoe khoang thầm kín của hắn là cả một đe dọa. Tôi biết thế nhưng vẫn đưa chân vào. Tôi cho hắn địa chỉ nơi tôi tá túc ở D.C. Tôi nghĩ mình sẽ không gặp lại hắn. Thời gian công tác ở D.C. chóng qua. Và sau đó tôi sẽ về New York.

Tối ấy, hắn cho người đến đón tôi thật. Tài xế một chiếc limousine đen bóng. Hắn mặc complet ngồi sẵn ở tiệm ăn đợi tôi... Hắn gọi món thịt cừu, ăn chậm, không hở môi, cách cầm chéo khăn ăn lịch lãm như tài tử ciné. Sau bữa ăn, hắn bảo tài xế limousine đem tôi về... Suốt bữa ăn, hắn nói chuyện ân cần, duyên dáng, nhưng không hề hỏi về tôi, ngoài vài câu về nghề nghiệp tượng trưng. Tôi phân vân không biết hắn là loại người gì...

Khoảng một tháng sau, tôi về New York. Ngày đầu tiên quay trở lại sở làm, tôi nhận được một mảnh tin điện thoại ở sở là hắn gọi. Hôm đó, vài người bạn gái đồng nghiệp rủ tôi xuống văn phòng công tố viện liên bang để "xem mặt" con trai của cố tổng thống John F. Kennedy. Cậu con của Kennedy, phụ tá công tố viện miền Nam Nữu Ước, là một trong những người đàn ông độc thân có giá nhất nước. Ma lực cuốn hút bắt đầu khi tôi từ chối đi theo đám bạn gái "coi mặt" Kennedy, để nhận lời đi chơi với hắn. Hắn gửi limousine đến đón tôi đi ăn rồi đưa tôi về tận cửa cao ốc chỗ tôi ở. Tôi vẫn phân vân không biết hắn là loại người gì...

Và sự quen biết bắt đầu, nhưng tôi chưa bao giờ cảm thấy thực sự là mình quen biết hắn... Vài tháng sau, khi hắn đặt môi lên môi tôi, tôi vẫn không biết hắn ở D.C. hay New York. Hình như hắn ở cả hai nơi, và biết đâu còn nhiều nơi nữa mà tôi không hay biết...

PHẦN HAI

TÔI VÀ THỊNH

New York City, ngày... tháng... năm...

Nửa đêm, tôi nằm trên giường đọc thư của Thịnh với cơn nhức đầu âm ỉ. Thịnh viết cho tôi những lá thư dài, chữ nắn nót, lời trang trọng nên thơ đầy ngụ ý như tiểu thuyết Việt Nam. Ở khía cạnh tương quan đàn ông - đàn bà, Thịnh không trưởng thành và không thay đổi. Trong thư Thịnh nhắc lại những câu thơ của Huy Cận, "Vậy đó bỗng nhiên mà họ lớn, tuổi hai mươi đến có ai ngờ, một hôm trận gió tình yêu lại, đứng ngẩn trông vời áo tiểu thơ..." Tôi là tà áo tiểu thư cho tuổi hai mươi của Thịnh. Mãi đến giờ, Thịnh vẫn suy nghĩ như chàng trai trong Hoa Vông Vang của Đỗ Tốn. Nếu không gặp lại Thịnh, tôi đã không nhớ đến Huy Cận, đến Hoa Vông Vang. Thịnh hay làm tôi xúc động. Ngược lại, hắn làm tôi đam mê.

Như chuyện ngẫu nhiên, tôi gặp lại Thịnh cũng ở tiệm tạp hóa Việt Nam, cùng trong chuyến đi công tác ở Washington D.C. đã mang hắn vào đời tôi. Thịnh đang mua chả lụa. Chàng nhận ra tôi, nhưng tôi không nhận ra chàng. Trước mắt tôi trong tiệm tạp hóa là người đàn ông Việt Nam trung niên, nhỏ bé, đen đủi và hơi xanh xao vàng vọt... Người đàn ông Việt Nam đứng trước mặt tôi ngập ngừng hỏi:

"Xin lỗi cô có phải là Công Huyền Tôn Nữ Mỵ Nương?"

Đã lâu lắm tôi mới nghe cái tên dài ngoằng của mình trong âm hưởng tiếng mẹ đẻ... Công Huyền Tôn Nữ Mỵ Nương bây giờ là Guinaviere Melinda Công. Tôi lấy tên của vợ King Arthur vì tôi vẫn thích Camelot, còn Melinda nghe tương tự như Mỵ Nương. Nghe câu nói và nét mặt ngượng ngùng của Thịnh, tôi nhận ra chàng. Tôi xúc động thật tình. Tôi nhớ mang máng hình ảnh rắn rỏi của người con trai Việt Nam, hiền lành, nhút nhát, say mê tôi những ngày tôi học lớp mười một Trưng Vương. Thịnh lớn tuổi hơn tôi, nhưng chàng và tôi học Hội Việt Mỹ chung. Ở tuổi nhỏ ấy, tôi vẫn nhớ Thịnh hay nhìn chân tôi... tôi đi học Hội Việt Mỹ mặc minijupe, mang giày cao gót... Những lúc tôi bắt gặp ánh mắt của Thịnh, chàng hay đỏ mặt quay đi...

Thịnh bây giờ không còn là Thịnh ngày xưa... Người Thịnh choắt đi, nét mặt gian khổ. Người con trai rắn rỏi ngày xưa bây giờ là người đàn ông trung niên già trước tuổi. Mười bảy năm qua, Thịnh sắp sửa bốn mươi... Ánh mắt Thịnh không còn trong xanh. Chàng ăn mặc nghèo nàn và lôi thôi.

Sau buổi gặp gỡ ấy, Thịnh trở thành người bạn Việt Nam độc nhất của tôi. Và chàng vẫn say mê tôi như thuở mới lớn.

Tôi không muốn nghe đến sự gian khổ của Thịnh. Tôi tránh nói đến cảnh tù đày, đói cơm rách áo của chàng ở Việt Nam. Tôi chỉ nghe đủ để biết Thịnh trốn khỏi Việt Nam bằng cách đi bộ qua Thái Lan. Rừng nước độc và đất đỏ cao nguyên, bùn lầy bình nguyên Đông Nam Á in đủ vết chân chàng. Thịnh sống những năm dài đằng đẵng ở trại tỵ nạn để chờ nhập cảnh... Bây giờ Thịnh đi làm lao động để gửi tiền về cho gia đình. Những nhọc nhằn của Thịnh làm tôi xấu hổ từ lọ nước hoa cho đến cái ví Channel...

tôi cho tiền Thịnh, chàng không lấy... Rủ Thịnh đi ăn, Thịnh nhất định trả tiền. Thịnh gọi điện thoại cho tôi ngày một, tôi lo lắng không biết Thịnh đào đâu ra tiền trả điện thoại *long distance*... Qua điện thoại, Thịnh hay hỏi những câu rời rạc làm tôi khó chịu... "My Nương có khỏe không? Buổi tối đi làm về nguy hiểm nhớ cẩn thận... Có chịu khó ăn sáng không? Mặc áo ấm? Đi bộ nhớ phòng thân, ở Manhattan nhiều trộm cướp..." Thịnh quên rằng Manhattan bây giờ là một phần hồn của tôi. Thịnh mua ô-mai, xí muội gửi lên cho tôi. Chàng quên rằng bây giờ tôi không ngồi ăn ô-mai, xí muội để đọc thơ Huy Cận. Tôi mặc áo lót hở hang, ăn cracker với phó mát brie, đọc Wall Street Journall... Tôi không biết mình nên yêu hay ghét Thịnh. Hình như tôi yêu Thịnh như yêu cái tên My Nương của mình.

Mẹ tôi bảo tên My Nương là do bà ngoại tôi đặt. Người đàn bà kiểu cách xứ Huế, mặt đẹp như tranh vẽ, đôi môi mỏng mím chặt như sự tất nghiến của cuộc đời. Bà ngoại tôi thích sự tích Trương Chi My Nương. Bà thích xem ca hát, cải lương, hát bội, Hồ Quảng. Trong khi gia đình tôi muốn tôi thành bà trạng, bà đốc, bà ngoại muốn tôi thành nghề ca kịch. Bà bảo tôi hát hay, nét mặt đầy tình cảm như cô đào Thanh Nga. Bà ngoại gọi tôi là "Thanh Nga con." Bà ngoại khuyên tôi nuôi tóc dài từ năm tôi mười hai tuổi. Bà nấu nước bồ kết cho tôi gội đầu. Bà hay nói:

"Người nghệ sĩ đa tài như Trương Chi mới có được trái tim tích thành ngọc đá..."

Tôi là My Nương, là giấc mơ đẹp của bà ngoại... Chỉ có nước mắt My Nương mới làm tiêu tan được nỗi lòng u uất của Trương Chi, của người nghệ sĩ bị đời bạc đãi... Tôi cũng yêu thích Trương Chi như bà ngoại. Có lần tôi nghĩ thầm, nếu là My Nương thật, tôi sẽ yêu Trương Chi, nếu là Esmeralda tôi sẽ yêu Quasimodo. Vậy mà tôi vẫn chưa yêu được con người bằng xương bằng thịt của Thịnh. Tôi chỉ có thể yêu chàng như yêu cái tên My Nương của mình. Như yêu chiếc áo gấm xa xưa của bà ngoại...

Thịnh muốn quay lại học thuốc để làm bác sĩ. Chàng nghĩ rằng trở thành bác sĩ, chàng sẽ giàu và sẽ lấy tôi. Mười bảy năm lao lực ở một xã hội chậm tiến làm Thịnh quê mùa, nhưng không làm Thịnh mất đi cái thông minh khoa bảng. Chàng vẫn là người học trò xuất sắc nhất Võ Trường Toản, xuất sắc nhất dự bị Y Khoa Saigon, và vẫn ham mộng lớn. Chàng muốn có nhiều tiền. Hình như đất Hoa Kỳ làm Thịnh hăm hở muốn kiếm nhiều tiền. Tình bạn với tôi làm Thịnh lên tinh thần. Thịnh hoàn toàn không biết gì về hắn, hay về đời sống hằng ngày của tôi. Chàng ngây thơ nghĩ rằng tôi, một phụ nữ độc lập sống ở Manhattan, vẫn là tôi áo trắng Trưng Vương ngày xưa.

Tôi ngủ quên, lá thư của Thịnh rơi xuống sàn nhà, nằm chơ vơ bên cạnh đôi giày cao gót...

PHẦN BA

CƠN LỐC

New York, ngày... tháng... năm

Tôi không có sự bình yên trong tâm hồn. Tôi tâm sự với người bạn gái Việt Nam làm cùng ngành. Người bạn gái nói đùa, "mày bất an vì mày vẫn đi tìm tiếng hát Trương Chi."

Tôi muốn chấm dứt mọi liên lạc với hắn. Sự bí mật và vẻ lịch thiệp gần như không thật của hắn làm tôi thấy hắn nguy hiểm. Tôi quay lại học tiến sĩ triết hay xã hội học cho vui, và tôi quyết định bay lên Boston để hỏi thăm trường ốc. Khi hắn gọi rủ đi chơi, tôi từ chối, viện cớ là mình phải đi Boston.

Ở Boston, khi tôi về khách sạn, người bồi phòng đưa cho tôi một tấm danh thiếp. Hắn đang đợi tôi ở phòng ăn. Tôi sững sờ, vừa thích thú vừa lo sợ. Tôi tiếc là mình không mang áo đẹp theo để rục rỡ khi gặp hắn. Tôi bước vào phòng ăn của khách sạn, hắn đứng dậy chào. Dáng điệu của Clark Gable.

Tôi biết rằng trong cuộc săn đuổi này, mình sẽ là người thua trận...

... Manhattan, ngày... tháng... năm...

Sự nhàm chán và bất an trong đời sống của tôi đã đến độ cùng cực... Tôi quyết định xin nghỉ giả hạn không lương mấy tháng để vào một Academy học nhẹ thuật diễn xuất... Ngày ngày tôi leo lên metro đi học... Tôi bắt đầu chán ghét những đường phố bẩn thỉu của New York, những khuôn mặt ngái ngủ trên xe điện ngầm... Ở đây không có những đứa trẻ thiên thần hái cỏ ở đồng xanh...

Hắn vẫn là người đàn ông kỳ bí trong đời tôi... Hắn đi ngoại quốc luôn luôn. Những chuyến đi dài, Á Châu, Nam Mỹ, London... Khi về, hắn và chiếc limousine, hộp đêm, và những tiệm ăn sang trọng ở Manhattan làm tôi tối mặt... Hắn sống ung dung, so với những đồng nghiệp của tôi làm việc đầu tắt mặt tối. Tôi tâm sự với cô bạn gái thân:

"Trên giấy tờ là thương gia... Biết đâu hắn chẳng là điệp viên mafia, hay buôn bạch phiến?"

Hắn hay gọi điện thoại cho tôi ở những giờ giấc bất thường. Có khi hai, ba giờ sáng... Bất kể đến giấc ngủ của tôi... Khác hẳn Thịnh luôn luôn ân cần lo lắng đến giấc ngủ của tôi vì tôi hay than phiền khó ngủ.

Mỗi lần ghé New York, hắn đem tôi về một căn apartment ở gần Central Park South. Căn apartment trang hoàng đắt tiền, đầy đủ tiện nghi, nguyên một mặt tường là kính nhìn xuống muôn ánh điện của Nữu Ước.

Tôi mê vẻ lịch lãm từng trải của Clark Gable nơi hắn. Nhưng nỗi bất an trong tôi lớn dần. Tôi nhớ gia đình. Tôi muốn nghe giọng Huế của mẹ tôi. Mẹ tôi vẫn than phiền với họ hàng là Nữu Ước đã cướp mất của bà đứa con gái độc nhất.

Manhattan, ngày... tháng... năm...

Tôi nằm lì trong giường nghe tiếng động của thành phố. Người tôi bừng nóng khi nghĩ đến hắn...

Tôi không hiểu hắn muốn gì ở tôi... Hắn không vồ vập, thiết tha. Hắn thờ ơ với thân thể tôi, thờ ơ luôn với thế giới tâm linh rắc rối của tôi... Những lần hắn gọi điện thoại đêm khuya, tôi ngờ vực hắn say rượu, nhưng giọng hắn vẫn

tỉnh táo, khoan dung...

Mãi cho đến tối hôm qua...

Tối qua, hắn đón tôi từ lớp học nhảy trong chiếc limousine quen thuộc. Người tôi đau ran, nóng bừng, và đầy mồ hôi. Hắn ngồi ở băng sau xe, đón tôi vào lòng. Bộ complet màu xám đậm của charcoal. Chiếc chemise trắng tinh. Tôi tránh vòng tay ôm vì cảm thấy mình ướt át, nhớp nhúa. Nhưng hắn nồng nhiệt một cách khác thường...

Những bắp thịt phải căng giản quá độ trong bốn tiếng đồng hồ tập dượt làm tôi nhăn nhó vì đau đớn... Tôi vén áo kéo tất chỉ cho hắn thấy những vết bầm trên đầu gối vì lê lết trên sàn gỗ... Phản ứng hắn có gì khác lạ. Mặt hắn đỏ lên, mắt lờ đờ rồi rực lên thèm muốn. Hắn bóp mạnh vào những vết bầm trên chân tôi, làm tôi giãy giụa vì đau... Hắn cúi xuống khuôn mặt tôi làm cho tiếng kêu tắt nghẽn trong cổ họng...

... Manhattan, ngày... tháng... năm...

Trong lớp học nhảy, tôi không tập trung được... Tôi nghĩ đến hắn và băng sau chiếc limousine quen thuộc... Mới hôm qua, hắn đón tôi đi ăn... Tôi mặc chiếc áo lụa đỏ khoét cổ rộng... Hắn cầm trong tay ly rượu... Hắn hôn phớt lên má tôi, rồi đổ nguyên ly rượu xuống ngực áo lụa đỏ. Tôi kêu lên vì lạnh. Rượu loang lổ trên áo dán vào da thịt làm tôi buốt xương trong khí hậu cuối đông Nữu Ước mà hơi ấm trong xe không làm tan đủ. Hắn cúi xuống cho tiếng kêu tắt nghẽn thêm một lần nữa... Hắn cầm cục nước đá ép sát vào đầu vú... Tôi lạnh toát cả tứ chi, vùng vẫy... Tôi nghe âm thanh những cục nước đá chạm vào nhau trong ly rượu vàng ánh...

... San Francisco, ngày... tháng... năm...

Tôi theo đoàn ca nhạc của Academy qua Cựu Kim Sơn trình diễn vài tuần... Tôi cần phải đi khỏi Manhattan một thời gian ngắn để đầu óc thảnh thơi... Tôi vẫn bị ám ảnh bởi nỗi bất an, và đồng thời tim tôi vẫn rộn rã vì sự kỳ thú của ma lực cuốn hút... Và tôi nghĩ đến hắn luôn luôn...

... San Francisco, ngày... tháng... năm...

Tôi chỉ là con bé di dân lạc lõng trên đường phố Nữu Ước, Cựu Kim Sơn... Tôi sợ mình sẽ như viên cuội nhỏ, lăn xuống con dốc quanh co của Lombard Street...

... New York, ngày... tháng... năm...

Tôi trở về Manhattan. Khóa học sắp mãn. Hết nghỉ giả hạn không lương, tôi sẽ phải quay lại sở làm. Viễn ảnh của giấy tờ, của cạnh tranh, của những ngày dài cặm cụi trong văn phòng khi trời tối dần bên ngoài chờ Nữu Ước lên đèn làm tôi ớn lạnh và buồn rầu. Tôi không biết làm gì với đời mình bây giờ... Đi làm nghề nghiệp cũ hay đi theo đoàn hát... Hay trở về với ba mẹ tôi, với nếp sống của một cộng đồng Việt ở miền Nam...

Tôi đi San Francisco không cho hắn biết. Khi tôi về lại Nữu Ước, hắn gọi tôi nữa. Tôi thấy mình héo úa...

... New York City, ngày... tháng... năm...

Tôi được tin Thịnh đã được nhận vào dự bị Y Khoa ở George Washington University. Trường sẽ miễn cho Thịnh hai năm dự bị nhờ quá trình đại học ở Việt Nam. Thịnh tiêu biểu cho sự cần cù chịu khó của dân tộc tôi. Sự cần cù chịu khó ấy đã biến tôi từ Công Huyền Tôn Nữ Mỵ Nương thành người phụ nữ độc lập Geinaviere Melinda Công. Vậy mà tại sao tôi vẫn bất an?

Thịnh lấy xe lửa lên thăm tôi bất ngờ... Tôi dẫn Thịnh vào China Town ăn vịt quay, sò, ốc với sốt tương đen... Tôi nhớ đến những hàng ăn bên lề ngã bảy, Trần Quốc Toản, Lý Thái Tổ, Nguyễn Tri Phương. Hồi còn nhỏ tôi mộng lớn để được vào các hàng quán Saigon, Chợ Lớn ăn vặt như người lớn...

Tôi thấy hạnh phúc bên Thịnh... Ăn xong như thường lệ, Thịnh nằng nặc đòi trả tiền... Nếu có ngày Thịnh vỡ nợ vì tôi, tôi không biết phải làm gì...

Trên taxi, Thịnh nắm tay tôi. Chàng bảo tôi đợi chàng học học xong bác sĩ, chàng sẽ lấy tôi, khi chàng có tiền, tôi sẽ không phải làm việc trí óc nữa... Bằng cấp tôi chỉ treo chơi, chàng sẽ để tôi tha hồ ca hát nhảy múa, tôi sẽ thành học viên dài hạn ở Academy...

Tôi thấy mệt mỏi. Tôi làm con tính cộng trong đầu... Những năm Thịnh lao lực trong trường thuốc, trong bệnh viện... Tôi nhìn sự già nua của Thịnh bây giờ. Chàng sẽ 50 tuổi trước khi đem nhẫn đến cưới tôi... Thịnh không biết tôi không hạnh phúc khi phải sống gần đàn ông, nhất là đàn ông như Thịnh... Thịnh không biết hắn và những cục nước đá ép mạnh vào đầu vú... Nếu việc học thuốc của Thịnh bị xáo trộn khi chàng hiểu sự thật về tôi, tôi không biết mình sẽ làm gì, cũng như tôi không biết mình phải làm gì nếu Thịnh đổ nợ vì phải trả tiền gọi điện thoại cho tôi, tiền xe lửa lên thăm tôi... Thịnh có phải là Trương Chi của tôi?

Tôi thấy tội nghiệp cho Thịnh, tội nghiệp cho mình, cho những linh hồn di dân chơ vơ như tôi, như Thịnh... Nữu Ước và đất hứa Hoa Kỳ hay làm người ta nuôi hy vọng, rồi lấy mất sự sống khi hy vọng tan vỡ, còn đất Việt cằn cỗi của tôi giết hy vọng trong con người, con người ở đó chỉ mong mỏi được sống còn. Những hy vọng to tát của thiên đường Mỹ Quốc bóp chết sự sống, còn những mong mỏi nhỏ nhoi ở xứ nghèo tạo nên nguồn sống...

Tôi hỏi Thịnh:

"Anh thấy em có còn sự sống không?"

Thịnh ngơ ngác nhìn tôi, không hiểu...

PHẦN BỐN

HÌNH DÁNG CỦA NHỮNG GIỌT NƯỚC MẮT

Washington D.C, ngày... tháng... năm...

Tôi quay lại Washington D.C. những ngày vào xuân... Nắng lấp lánh, và hoa dogwood trắng nở rộ trên những con đường yên tĩnh của Virginia... Màu hồng của anh đào làm thành phố rực lên ông ánh dưới bầu trời xanh phản ảnh màu nước lóng lánh của dòng Potomac.

Ma lực cuốn hút. Phong thần của mẹ tôi đang cơn thịnh nộ. Và

vì thế, tôi về Washington D.C. để đi kiếm hắn.

Hắn đón tôi về căn apartment trang hoàng như một hộp đêm, nằm trong hầm của một cao ốc thuộc Kalorama, một vùng thượng lưu của Washington D.C Gương bốn bề. Phòng khách như một phòng họp. Bóng tối làm căn apartment lạnh lẽo, nhưng phòng ngủ rực lên màu đỏ.

Suốt cuối tuần tôi nằm trong bóng tối của căn phòng ngủ có chăn gối đỏ rực và gương bốn bề. Nửa đêm tôi thức giấc vì sức nặng của hắn... Hắn thầm thì bên tai tôi những tiếng rời rạc... Hắn nắm mớ tóc dài của tôi, kéo đầu tôi xuống.

Tôi mơ thấy đứa bé gái mặc váy đầm trắng chạy chơi vườn trẻ... Đứa bé gái chạy qua chiếc cầu tre lắc lẻo, dưới cầu có những cá lia thia đủ màu sắc, và những hoa sen tim tím hồng hồng ngào ngạt hương. Đứa bé gái đang ăn bát chè sen long nhãn, thơm nức hương Thành Nội Huế. Người đàn ông bước vào, hất đổ bát chè. Những cái tát đổ lên đầu đứa bé gái, những cái đá hất tung thân hình nhỏ bé... Người đàn bà khóc tức tưởi:

"Anh ơi, anh điên rồi, đừng đánh con!"

Đứa bé gái dẫm lên mảnh vỡ bát chè, rút vào góc nhà, "Mẹ ơi, mẹ đuổi ba đi con sợ ba..." Mắt người cha long sòng sọc... Đứa bé gái nức nở một mình...

Tôi bật khóc lặng lẽ... Nước mắt thấm ướt khoảng lông ngực của hắn thoang thoảng mùi cologne đàn ông. Hắn ôm tôi vào lòng, xiết mạnh. Vòng tay hắn như cắt ngang lưng tôi... bóng tối và sức nặng phủ trùm xuống cho nỗi bất an lớn dần, lớn dần.

... New York City, ngày... tháng... năm

Tôi trở về sở làm... Ngày lại ngày... Hắn vẫn đi ngoại quốc liên miên. Thịnh bù đầu trong sách vở. Khả năng Anh ngữ hạn hẹp làm Thịnh khổ sở với trường lớp. Thịnh thôi không gửi ô-mai cho tôi nữa. Chàng biết ô-mai đầy rẫy ngoài phố Tàu Nữu Ước. Trái lại, hắn gửi cho tôi những quần áo lót bằng ren, lụa, những đôi tất lưới có hình mắt cá, những cái nịt bụng rườm rà...

Tôi thấy mình già cỗi theo năm tháng... Tôi vẫn ăn mặc rực rỡ ban đêm, sang trọng quý phái ban ngày, và vẫn chán chường phía sau bàn giấy... Tôi làm việc tối thiểu 10 tiếng một ngày, rồi đi trình diễn miễn phí cho những vở "off Broadway." Mắt tôi có quầng, che dấu dưới lớp son phấn rực rỡ như trăm ngàn người đàn bà tân tiến của Nữu Ước. Tôi không can đảm làm một sự thay đổi nào... Lúc tôi là My Nương... Lúc tôi là Melinda... Sống trong nhịp đập dồn dập của Manhattan, trong ma lực cuốn hút... Hắn như đam mê ma túy. Còn Thịnh là một an ủi đau buồn.

Hắn về New York thường hơn, ở nhiều tuần. Tôi tìm đến hắn nhiều hơn. Hắn hay trộn cho tôi những tô salad tuyệt vời... Bảy tám thứ rau rực rỡ tươi thắm, những miếng crutons vàng ánh thơm nức mùi tỏi, những miếng thịt gà óng ả xé nhỏ để lên rau... Hắn đúc bánh rồi hâm sữa cho tôi ăn với bánh. Bàn tay hắn trong bếp tài hoa như đầu bếp Maxim, nhưng đồng thời dữ tợn trong màn đêm. Trong sự săn sóc dịu dàng có cái gì hạnh phúc lạnh lùng tàn nhẫn. Như độc dược trộn với đường cát trắng.

Dần dần tôi quen, và tình nguyện ở lại đêm với hắn. Hắn vẫn khoan thai, không khát vọng, không đòi hỏi. Có lần tôi ở lại đêm, và hắn bỏ đi để tôi một mình. Tôi chán chường nằm một mình nhìn ánh đèn Nữu Ước qua bức tường kính. Rồi tôi ngồi dậy lục lọi những ngăn tủ đựng quần áo, những chiếc chemise thẳng tắp, quần lót bằng lụa, vớ cashmere, những khuy áo vàng trong hộp Tifany's. Và tôi nín thở khi nhìn thấy những miếng da bò mềm mại cắt thành hình con dao, những miếng cao su thô bỉ, roi da, cùm tay, và dây trói. Không hiểu sao tôi không thấy sợ. Rồi tôi vuốt ve từng món đồ, lòng tay lạnh ngắt, tôi trở lại giường nằm im đợi hắn về.

Điện thoại reng lúc nửa đêm. Hình như có người đập cửa. Tôi không uống rượu mà như say rượu. Tôi nín thở lắng nghe tiếng nhạc man dại của Gypsy Kings, tiếng ly tách đụng chạm, tiếng người thầm thì, tiếng cười phá... Tôi nằm yên tưởng tượng khuôn mặt những người lạ trong phòng khách, những người đàn ông, đàn bà, và hắn... Rồi tôi thiếp đi trong chập chờn của mộng tưởng...

Tôi nằm mơ thấy đứa bé gái một lần nữa. Trong thành phố Huế yên lặng, cách mạng một chín sáu ba bùng nổ... Công an đến, đốt những cuốn sách do người đàn ông là tác giả, và còng tay dẫn người đàn ông đi... Người đàn bà than khóc, nhưng đứa bé gái mừng rỡ... Không còn hung thần, chỉ còn vòng tay yên ấm của mẹ, của những chị người làm vô tâm... Nhưng người đàn ông được thả về, và cách mạng thành công... Đứa bé gái được mang vào Saigon, một thành phố ồn ào, xa lạ, cũng như Manhattan... Không còn giàn hoa tím im lìm trong cơn mưa buồn xứ Huế, không còn những miếng bánh ít nhị đậu xanh trộn tôm thịt, những miếng bánh nậm óng ả chả tôm thơm vàng... Người đàn ông trở thành bộ trưởng, nhưng vẫn là hung thần cho đứa bé gái... Người đàn bà trở thành bà bộ trưởng, xa hoa, sang trọng nhưng đau khổ triền miên... Những cuộc cãi vã vẫn liên tiếp diễn ra. Những cái tát vào mặt người đàn bà và đứa nhỏ, nhiều khi ngay giữa bữa ăn... Nước mắt hòa lan với máu mũi, máu miệng, những chiếc răng sữa cỏn con trắng trắng gãy vụn trộn lẫn với máu và những hạt cơm lung bung... Những cái đấm đá làm gãy xương sườn. Đứa bé gái lăn tròn trên cầu thang, đầu nện xuống nền đá hoa, máu chảy đầy khuôn mặt hòa với nước mắt. Đứa bé gái nằm nhà thương, kéo áo ông bác sĩ:

"Bác sĩ bắt bỏ tù hung thần cho cháu?"

Không ai nghe, không ai hỏi han. Người mẹ bảo đứa con chạy nhảy leo cửa sổ, té xuống mặt đường... Những cú đá, cú đấm tiếp tục trong phòng kín. Con bé nằm khóc một mình trong xó garage nhà ông bà bộ trưởng...

Nước mắt tôi nhỏ xuống bên gối trong giấc ngủ nặng nhọc. Tiếng nhạc man dại của Gypsy Kings đã dứt. Tôi mở mắt nhìn thấy hắn từ tốn di động trong phòng. Hắn bật ánh đèn hồng leo

lết. Bộ ria mép Clark Gable bất động trên khuôn mặt đẹp trai không một chút tình cảm. Hắn bế tôi trong tay, lau nước mắt, đặt vào tay tôi chiếc nịt da vừa vòng tay cầm:

"Tôi trân trọng dâng cho em sợi dây da này... Tôi xin em ơn sủng này..."

Hắn nằm sấp xuống mặt nệm bọc satin ngà... Tôi quật cái roi da lên người hắn. Người đàn ông to lớn này không thể gãy làm hai... Tôi nức nở quật đòn thù lên gã hung thần trong hắn. Hắn xoay người, lăn lộn... Tôi quật chiếc nịt da lên vòng ngực vạm vỡ. Người hắn đỏ ửng dưới ánh đèn mờ... Tôi thả người xuống như vừa nhìn thấy dung nhan tình yêu...

New York City, ngày... tháng... năm...

Tôi cáo ốm không đi làm. Nằm bẹp trong giường. Tôi tránh nói chuyện với Thịnh, tôi nghe giọng chàng trong máy thu bằng điện thoại, xa xót, bùi ngùi. Chàng bảo dạo này tôi xa vắng, và có người quen gặp tôi ở New York, nói rằng tôi hư hao, đã bớt đẹp... Tôi không muốn nghe giọng Thịnh, tôi chỉ cầu mong hắn gọi... Hắn thảm khốc hơn ma túy. Rồi tôi ngồi dậy, tròng vào người chiếc áo T-shirt đi gặp hắn...

Hắn cầm con dao rọc giấy luồn vào khoảng trống mong manh giữa da thịt tôi và chiếc T-shirt. Hắn xé chiếc T-shirt bằng dao rọc giấy, rồi rạch lớp tights chặt như tất lưới quấn quanh đùi. Mũi dao lạnh ngắt chạy trên da tôi. Tôi rợn người, tứ chi cứng ngắc, nước mắt trào ra, tim tôi đập loạn xạ... Hắn bế tôi đặt lên chiếc ghế da sẫm màu, tối tăm và lạnh toát... Hắn cầm mảnh vụn chiếc T-shirt trùm mặt tôi lại. Hắn nhét một mảnh vụn khác vào miệng tôi. Cột hai tay tôi thúc đằng sau lưng. Một khoảng im lặng vô tận...

Tôi cảm thấy bàn tay hắn dò dẫm quanh ngấn cổ, những sợi tóc cứng của hắn đâm vào cổ tôi, rồi dấu răn cắn mạnh vào ngấn cổ... Tôi kêu không thành tiếng. Môi hắn ấm đặt lên môi tôi, hình như có vị mặn của máu... Lại một khoảng im lặng vô tận. Rồi tay hắn tháo mảnh vụn chiếc T-shirt, tôi mở mắt, ánh sáng ùa vào.

Hắn cúi xuống, chiếc robe de chambre mở tung bày phiến ngực mênh mang... Tay hắn cầm chiếc hộp nữ trang màu đỏ thẫm. Hắn từ tốn mở hộp... Trong tay hắn là chiếc vòng cổ bằng bạc lấp lánh, treo lủng lẳng những giọt hình hạt dưa màu xanh thẫm của ngọc lapis, lấp lánh kim cương chạm chung quanh những giọt hạt dưa... Hắn đeo chiếc vòng vào cổ tôi, hơi lạnh của bạc sterling chạm vào dấu cắn, tôi nhăn mặt vì xót... Hắn nói bằng giọng ướt sũng:

"Chiếc vòng cổ mang đầy những hạt lapis làm tôi nhớ đến những giọt nước mắt... Và nước mắt làm tôi nhớ đến em..."

ĐOẠN KẾT

LỐI VỀ, NGÕ THOÁT, HAY NGÕ CHẾT

Washington D.C., ngày... tháng... năm...

Tôi trở lại Washington D.C, lần thứ ba, và quyết định ghé thăm Thịnh bất ngờ. Căn apartment của Thịnh nghèo nàn ngoài sự tưởng tượng của tôi. Trong tủ lạnh có nồi thịt kho đen đúa, và một đĩa cổ gà luộc... Cửa tủ lạnh gắn những coupons mua thực phẩm cắt ra từ báo... Thịnh có vẻ bối rối, khó chịu vì sự có mặt bất ngờ của tôi. Chàng dùng cái dụng cụ lọc cà phê bằng nhôm trắng kiểu Việt Nam để pha cà phê cho tôi uống. Chàng đổ sữa đặc vào khuấy. Tôi húp ngụm cà phê, vị ngọt lơ lớ, ngây ngất trong cổ họng...

Tôi quấn quít bên Thịnh cả ngày, nhìn chàng đọc sách một cách khó khăn. Thịnh vừa học vừa tra tự điển. Chàng ngồi co vai như một ông già. Ánh mắt Thịnh mệt mỏi. Chàng không còn nhìn trộm chân tôi như hồi còn trẻ.

Tôi lấy taxi vào thành phố rồi đi bộ vào đài kỷ niệm tổng thống Lincoln... Tôi đứng trên những bậc thềm đá vôi nhìn xuống hồ nước đối diện đài kỷ niệm. Mặt hồ phẳng lặng như chiếc áo nhung đen của một bá tước thời trung cổ... Ngôi tháp kỷ niệm Tổng thống Washington cắt hình trên nền trời đen ngòm, sừng sững thẳng tắp như tượng trưng cho đàn ông tính. Ngôi tháp phản chiếu xuống hồ nước, rõ rệt, đường nét thẳng dài, thỉnh thoảng lung lay như đùa giỡn... Tôi quay lại nhìn kiến trúc đài kỷ niệm tổng thống Lincoln... Những cột vôi trắng tròn trịa, những đường vòng chống đỡ, nét thẳng chen với nét cong, vừa thênh thang, vừa tròn kín, vừa hư vô như ngõ vào lòng mẹ... Phía dưới kia là những bụi cây đen ngòm. Ở đó có những tấm bia mộ kỷ niệm chiến tranh Việt Nam...

Tôi về khách sạn Tabard Inn ở đường hai mươi hai, căn phòng nhỏ xíu như những khách sạn bên Âu Châu, cái giường èo uột đủ một người nằm, nệm nghiêng một bên mỗi lần tôi quay trở...

Hắn vẫn đợi tôi ở căn apartment quen thuộc. Hắn chỉ tôi lên tường, "Tôi có món quà cho em." Tôi nhìn lên tường, bắt gặp bức tranh của nữ họa sĩ Nam Mỹ trưng bày ở phòng triển lãm ngày tôi gặp hắn... Bức tranh của những hình người quấn vào nhau, hay đúng hơn, những khúc rắn quấn vào nhau...

Tôi ngồi trong bồn tắm... Tiếng nước chảy róc rách, bọt xà phòng thơm mùi dâu chín... Hơi nước nóng làm căn phòng tráng men như có sương mù... Căn phòng tràn ngập tiếng ngân vang của Pavarotti, "La Donna è mobile, qual piumaal vento, muta d'accento, e di pensiero..." Qua cửa kính mờ ảo, tôi nhìn thấy đường chân trời giữa ráng hoàng hôn, cắt hình những ngôi nhà cổ kính trắng đỏ, và những lùm cây phong...

Trời tối dần. Tôi ăn trên giường, ngậm những miếng yogurt trắng ngà trong miệng, cho chất sữa chua chua lành lạnh tan trên đầu lưỡi. Tôi không muốn nhớ đến cốc cà phê ngọt lợm và những cái cổ gà luộc ở nhà Thịnh... Bên tôi, hắn như một con gấu nhồi bông to lớn, còn tôi là đứa bé gái dạo chơi thành nội Huế.

Tôi vò tóc con gấu, thủ thỉ "Con gấu lớn, Mega Bear, M-Bear, con gấu lớn của M., con gấu lớn của My..." Tôi cười vui trong nhận thức hình như tôi yêu hắn, yêu con gấu lớn của My...

Tôi choàng tỉnh dậy. Hắn

đang đổ một muỗng yogurt mát lạnh lên ngực tôi, "Em phải thức để nhận món quà đặc biệt tôi dành cho em tối nay." Hắn quay lưng rời phòng... Tôi dụi mắt nhìn chung quanh, kinh ngạc.

Bốn bức tường quanh chỗ tôi nằm được che phủ bởi bốn màn ảnh lớn... Căn phòng như thu hẹp lại vì bốn màn ảnh vây chung quanh, như chỉ còn cái giường trôi bồng bềnh giữa một hang động trắng toát...Bỗng nhiên phòng tối om, ánh đèn ngủ vụt tắt, và bốn màn ảnh sáng lên... Tôi hét lên kinh hoàng, tiếng hét dội lại như nuốt chửng lấy hình hài tôi trơ trọi. Tôi ôm mặt, lùi dần, nhưng không còn chỗ thoát, vì sau lưng tôi, trước mặt, hai bên, đều là những hình thù kinh tởm nhầy nhụa trên bốn màn ảnh trắng...

Bốn phía quanh tôi có hàng trăm con rắn bò lổm ngổm. Những con trăn dài đầy màu sắc gớm ghiếc, quanh co... Những con rắn quằng mình treo lủng lẳng trên những cành cây khô đen... Tôi tiếp tục hét, lạc giọng, khan cổ, tôi dãy dụa vì những con trăn, con rắn đang bò về phía tôi... Chiếc giường bồng bềnh lung lay dưới cơn dãy dụa. Ánh đèn lấp lấy, bốn màn ảnh như xao động trước mắt tôi, hình ảnh trăn rắn lúc ẩn lúc hiện trên màn ảnh... tôi thấy bóng hắn trước mặt... Con gấu to lớn của My...

Tôi bíu chặt lấy tay hắn, tiếp tục hét như đang đối diện với cái chết. Toàn thân tôi co rúm. Tiếng hét thất thanh, lạc lõng. Hắn luồn tay giữa hai chân tôi, nâng người tôi lên, tiếng hắn thở đứt quãng, nặng nề... Tôi chưởi rủa, cào cấu, con gấu to lớn đổ xuống người tôi, nặng chĩu như tảng đá của Sisyphus... Tôi bấu chặt lấy con gấu và ngất đi...

... New York City, ngày... tháng... năm...

Chuyến máy bay bốn tiếng đáp xuống phi trường La Guardia, cộng thêm xe cộ chen chúc trong đường hầm từ New Jersey vào Manhattan làm tôi mệt mỏi và buồn nôn. Tối mới trở lại New York sau chuyến về miền Nam thăm gia đình. Có người ký giả Mỹ muốn phỏng vấn ba tôi để lấy bản quyền viết hồi ký về chuyến tranh Việt Nam và cục diện chánh trị Đông Nam Á. Mẹ tôi muốn tôi gặp người ký giả để nói chuyện và điều đình... Nhà xuất bản và người ký giả Mỹ sẽ trả tiền cho gia đình tôi, và nghe đến tiền là mẹ tôi mừng rỡ...

Tôi về để làm đứa con tháo vát giúp đỡ bố mẹ, như để tìm chỗ nương náu cho mình...

Nắng gắt miền Nam, khí hậu sa mạc, và giọng nói kéo dài (drawl?) của người bản xứ làm tôi thấy xa lạ... Cái jupe ngắn, tất lưới đen, cái nón nghiêng một bên mặt, cặp kính Giveucly, và áo choàng mỏng rộng thùng thình kiểu Valentino làm tôi không thích hợp với khung cảnh chung quanh... Tôi bắt tay người ký giả Mỹ, một người đàn ông trẻ chỉ khoảng tuổi tôi... Người ký giả nhìn chăm chú vào đôi môi tôi đánh son hồng tím có ánh bạc lóng lánh... Tôi cười thầm tự mãn vì anh chàng có vẻ bối rối. Anh chàng trao cho tôi bản hợp đồng và bài nhápp cho bố cục cuốn sách, cánh tay rắn chắc, và khuôn mặt tươi sáng...

Tôi cầm xấp giấy về nhà ba mẹ tôi. Căn nhà nhỏ khiêm nhường ở ngoại ô thành phố, mảnh vườn hoang sơ vì ba tôi không còn chăm sóc... Đã bao lâu nay, ba mẹ tôi sống hiu quạnh, đạm bạc, ít người thăm viếng. Ba mẹ tôi cố giữ lại cái ảo tưởng của thời Đệ Nhị Cộng Hòa, hình ảnh hai ông bà bộ trưởng nổi tiếng trí thức, thanh liêm... Số tiền tôi trả hàng tháng cho cái apartment nhỏ xíu ở New York đủ để trả tiền một ngôi nhà khang trang hơn cho ba mẹ tôi, để hai ông bà có thể mời bạn bè khách khứa, để ba tôi có dịp nói chuyện chính trị văn hóa, và tương lai của Việt Nam với người đồng hương, cho ông say sưa trong cái ảo tưởng mình còn mình mẫn và quan trọng...

Mẹ tôi nói huyên thuyên những chuyện không đâu về người này, người họ trong cộng đồng Việt Nam, bà tiếp tục than phiền về ba tôi như một điệp khúc rầu rĩ, điệp khúc mà tôi đã nghe trên ba mươi năm. Tóc bà bạc nhiều, thân người xốc xếch...

Tôi rón rén vào phòng thăm ba tôi... Đã lâu nay kể từ ngày về hưu, ba tôi ngủ suốt ngày... Trong căn phòng thiếu ánh sáng, ông ngủ ngồi trong chiếc thế bành lớn, đầu ngả một bên vai. Trán ông hói, tóc rụng gần hết. Trong giấc ngủ, tay ông bíu chặt lấy thành ghế, hơi thở không đều, mệt nhọc... Mặt ông xạm tối, những thớ thịt trĩu nặng xuống theo tuổi già. Một bên mép rệu chút nước miếng...

Tôi quay lưng bước ra. Tôi thoáng thấy bóng mình trong tấm gương cũ, hình ảnh người đàn bà hợp thời trang, lộng lẫy một cách giả tạo. Bóng ba tôi ngủ gật trong ghế phía sau lưng bóng tôi... Tôi nhìn thấy sự tương phản giữa hai chiếc bóng... Ba tôi đó, hình ảnh của ông cựu bộ trưởng vang bóng một thời. Hình ảnh một nhà chính trị miền Nam Việt Nam mà anh chàng ký giả Mỹ đang muốn phỏng vấn. Lòng tôi trống rỗng.

Tôi ngồi ăn cơm với bát canh mướp đắng do mẹ tôi nấu, lòng bùi ngùi nghĩ đến sự cô đơn và tuổi già của bố mẹ... Mẹ tôi vẫn nói huyên thuyên, như thể đã lâu nay bà không được nói... Mẹ tôi bảo bà muốn về lại Việt Nam. Tôi nghe tiếng được, tiếng mất... Ăn xong tôi ngả lưng nằm trên ghế salon. Giấc ngủ chập chờn.

Tôi mơ thấy đứa bé gái ôm con gấu trắng và trái banh nylon có sọc đỏ. Ông bộ trưởng nằm ngủ trưa trên ghế bành, xấp hồ sơ thả một bên... Sàn đá hoa bóng lộn. Con bé thảy trái banh lên trần nhà có quạt máy. Trái banh rớt xuống mặt ông bộ trưởng... Người đàn ông vùng dậy, vớ lấy đôi dép da, quất lia lịa lên đầu con bé gái... Người đàn ông túm lấy mớ tóc tơ, kéo con bé sền sệt trên nền đá hoa bóng lộn...

Khi tôi tỉnh dậy, trời đã xế chiều... Có tiếng mẹ tôi rửa bát dĩa lách cách trong bếp, và tiếng dép bố tôi lẹp xẹp ở nhà trong. Tôi lắng nghe, tự hỏi có phải ông cũng đang mang đôi dép da, đôi dép da của quá khứ đã chìm khuất... Tôi nghĩ đến chuyến bay về Manhattan, và những đường xá chật chội, bẩn thỉu, những tòa nhà chọc trời của Nữu Ước...

... Manhattan, ngày... tháng... năm...

Tôi ngồi sau bàn giấy, lặng

nhìn bó hoa hồng hắn mới gửi. Cảm giác kinh hoàng của buổi tối nằm dãy dụa giữa bốn màn ảnh đầy hình trăn rắn bò trườn vẫn làm tôi rợn người... Nhưng tim tôi vẫn rạo rực với ma lực mỗi lần nghĩ đến hắn, khi thân thể tôi tê bại dưới sức nặng của hắn... Tôi cắn lấy đầu lưỡi để nhận thức mình còn thấy đau đớn. Tôi nghe loáng thoáng tiếng các đồng nghiệp bàn cãi ngoài cửa, tiếng người thư ký phân bua.

Điện thoại reng. Người ký giả Mỹ viết hồi ký cho ba tôi muốn gặp để nói chuyện. Chuyện hồi ký của ba tôi hay chỉ là cách hắn làm quen? Hắn khỏe mạnh và yêu đời, dáng vẻ rất Mỹ, "all-American" như Robert Redford, chân chính và giản dị như những chàng trai đến thành phố lớn từ vùng MidWest. Như những G.I. ngây thơ trên đường phố Saigon. Tôi tự hỏi làm sao một con người có nét mặt đơn thuần như gã ký giả có thể hiểu được những uẩn khúc của chiến tranh Việt Nam, những tâm hồn như ba tôi để viết cho thành cuốn hồi ký.

Tự nhiên tôi muốn lấy chồng. Lấy một người chồng có vẻ chân chính bộc trực như gã ký giả... Nhưng ma lực trót mọc nấm trong tôi rồi. Tôi nói tạm biệt với gã ký giả, và gác điện thoại.

Mùa xuân đã tàn, mùa hè đã qua... Và trời bắt đầu lạnh. Tôi đứng dậy mặc áo choàng vào người... Tôi lấy xe điện ngầm một mình vào China Town, rồi đi dạo đến vùng Delancey. Tôi đi nhanh như một phụ nữ Manhattan chính cống, tay cho vào túi, hai vạt áo choàng xếp chéo vào nhau... Tôi có cảm tưởng mình mang theo mùi thịt cá tanh tưởi từ những quầy hàng bên vệ đường của người Tàu, bên tai tôi loáng thoáng tiếng cãu nhàu trả giá giữa đám du khách và những người lái buôn Do Thái ở vùng Delancey...

Tôi ghé vào tiệm cà-phê nhỏ ở Little Italy, mua miếng bánh ngọt... Tự nhiên tôi lợm giọng buồn nôn, bao tử như muốn rớt ra ngoài. Một nỗi hoảng hốt dấy lên trong lòng, "hay là mình có thai?" Ám ảnh ghê rợn, tôi ngừng lại, mở ví, đếm những viên còn lại trên vỉ thuốc ngừa thai, và bàng hoàng chợt nhớ ra mình quen hắn đã chín tháng mười ngày, đủ ngày tháng để nuôi một bào thai lớn.

Tôi vuốt ngược mớ tóc ra đằng sau, lấy thỏi son ra tô môi. Tôi đón taxi đến Broadway, bước vào một rạp hát trống... Tôi vẫn yêu những bục gỗ, cánh gà, những tấm màn màu huyền của sân khấu, những tấm bích chương, những tờ quảng cáo chương trình sặc sỡ... Tôi đứng dưới hàng ghế khán giả, ngó lên sân khấu trống, có cảm tưởng mình đang xem một vở kịch không diễn viên, không âm thanh. Tôi thấy hình ảnh bố tôi ngủ ngồi trên ghế bành, đầu nghẹo một bên, nước miếng rỉ bên mép. Ông cựu bộ trưởng với bằng cấp chính trị Tây phương, với quá trình tranh đấu cho độc lập tự do ở xứ nghèo, một trong những ngôi sao sáng của chính trường Nam Việt. Tôi thấy hình ảnh mẹ tôi, người đàn bà suốt đời ấm ức trong sự phục tòng, chưa hề biết thế nào là độc lập tự do trong phạm vi đời sống cá nhân của mình, trong khi chồng hô hào độc lập tự do cho dân tộc. Bà đứng rửa bát, người xốc xếch, tóc bạc trắng, miệng càu nhàu, luôn luôn đòi về Việt Nam...

Tôi rời rạp hát, đi về phía Fifth Avenue... Tôi đi về phía hắn...

Hắn kéo tôi vào lòng, cười nửa miệng, môi hắn dán lấy môi tôi, tay túm lấy mớ tóc đen tuyền, dúi đầu tôi xuống. Tôi nhìn thấy roi da, dây trói, và cùm tay... Hắn còng tay tôi lại, treo tôi lên, kéo cho hai chân tôi xoãi dài, dang rộng bằng dây trói. Hắn nhét mảnh khăn lụa vào miệng tôi... đội chiếc mặt nạ da vào mặt tôi, vạt áo ngủ mong manh bay chờn vờn trong không khí. Trong không gian đen tối, tôi có cảm tưởng bức tường và nền nhà quay cuồng, di động...

Trong không gian đen tối, tôi mường tượng thấy hắn quay tròn chiếc giày cao gót của tôi. Hắn đặt chiếc giày lên ngực, một lúc sau ngồi dậy pha rượu, tay cầm ly rượu hắt lên người tôi. Môi hắn đuổi bắt những giọt rượu chảy xuống thân tôi lạnh lẽo.

Trong không gian chập chờn mờ ảo, tôi thoáng nhìn thấy ánh đèn Nữu Ước sáng rực bầu trời ngoài bức tường kính, trước khi hắn kéo chặt chiếc mặt nạ da sát thái dương, đẩy tôi vào bóng tối thăm thẳm. Tôi nghe mơ hồ tiếng roi da vun vút trong không khí. Như tiếng gió rít lên, sắc bén... Tôi có cảm tưởng mình là con nộm được treo bằng dây. Tôi không còn cảm giác vì hình như hồn tôi đang lìa khỏi xác. Tôi rướn người theo từng đường roi đi như người con gái tập hát đi tìm bóng Trương Chi. Tôi cảm thấy mình đang bay trong khoảng không gian vô tận, trong ánh lửa thiêu ngùn ngụt... Tôi thấy mình cột hai tà áo dài trắng vào nhau, chạy ngược con dốc Nguyễn Bỉnh Khiêm, trèo tường qua Thảo Cầm Viên Saigon. Cây lá gai góc đâm lấy người tôi đau đớn, nhưng tôi vui thích như đứa bé nghịch ngợm đang trốn nhà đi chơi. Tôi đứng trên bờ thành ngăn cổng trường Trưng Vương với sở thú, bên kia tường Thịnh đợi tôi cạnh chiếc xe Honda năm mươi. Mắt Thịnh trong xanh tuổi thanh niên, da chàng sáng bóng. Tôi dang hai tay để lấy thăng bằng, nhón bước trên bờ thành như người trong đám xiếc, rồi tôi nhảy vào lòng Thịnh, chàng té ngửa, và hai đứa tôi lăn tròn trên bãi cỏ...

Tôi mường tượng tiếng roi đi trong không khí nghe vùn vụt như tiếng xé lụa trong điển tích Trung Hoa... Giữa nhịp roi, tôi nghe tiếng Thịnh gọi "My Nương, My Nương..." Tôi kêu khẽ, "Thịnh ơi," nhưng tiếng kêu không thoát khỏi cần cổ. Ở đâu đó vang vọng tiếng hát lảnh lót của người ca sĩ Việt Nam, tiếng hát tôi đã quen nghe những ngày thơ ấu, "Đêm năm xưa, khi cung đàn gây mơ, hoa lá quên giờ tàn, mây trắng bay tìm đàn, hồn người thổn thức trong phòng loan..." Trong không gian u tối tôi thấy một điểm sáng di động. Tôi rướn người lên một lần cuối và hình như dây trói bật tung...

Tôi đi theo điểm sáng, đi theo tiếng hát. Nương theo LỐI VỀ... NGÕ THOÁT... HAY NGÕ CHẾT. Có tiếng réo gọi mơ hồ, "My Nương, My Nương..." ■

May 2, 1991
Washington D.C

CẦU VỒNG BẢY SẮC

TRẦN MỘNG TÚ

Eric lấy chiếc đồng hồ quả quít trong túi áo ra, anh chạm nhẹ những ngón tay lên mặt đồng hồ. 8 giờ 45 sáng. Vi trễ 15 phút rồi. (anh nói một mình) Có lẽ cô hụt chuyến bus 8 giờ sáng. Eric đứng dậy, đi thong thả ra cửa, chiếc cửa tự động mở tung ra phía trước, một luồng hơi lạnh phủ ập lấy anh, Eric giơ tay kéo gấp hai vạt áo khoác, che kín ngực lại, anh đi thẳng ra ngoài cao ốc đứng sang một bên đợi Vi. Trời lạnh quá! Chắc cũng phải xuống đến 30 độ rồi, thế nào chiều nay cũng có tuyết. Khí lạnh hòa tan trong không gian, luồn lỏi vào trong vạt áo, thấm vào da thịt cho anh một cảm giác lâng lâng, ngây ngất, anh há miệng ra nuốt một ngụm đầy không khí mát lạnh, ngọt lịm. Hơi lạnh thấm buốt vào từng kẽ chân răng, bất giác anh nhớ đến câu thơ hôm nào Vi đọc cho anh nghe

"Thủa chờ đợi chao ôi! là rét mướt" (1)

Anh mỉm cười một mình. Không sao, rét mướt thế nào anh cũng đợi Vi được. Anh nghiêng tai nghe những tiếng động chung quanh anh. Tiếng xe vận tải của người tài xế chở rau đến cái xe đó chắc là vẫn lái nguyên đêm, anh có thể hình dung ra người tài xế vừa lái xe vừa ngáp ngắn ngáp dài. Tiếng xe của mấy cậu sinh viên đi học, lao nhanh, thắng gấp. Tiếng xe từ tốn, khoan thai của người đứng tuổi. Có cả tiếng thở của mấy người chạy bộ vừa lướt qua mặt anh. Tiếng chuyện trò của mấy em nhỏ đứng đợi xe bus của trường đến đón, anh biết rõ mấy em này học lớp 9 giờ của trường tiểu học gần đó. Anh nghe được cả tiếng chân của con chó đang băng qua con đường nhỏ gần cao ốc anh làm việc. Eric ngước mặt lên, có tiếng chim sâu kêu ríu rít ngay trên cành thông chỗ anh đang đứng, cả tiếng con chim *blue gay* kêu gióng một, anh nhớ con chim này rồi, chỉ được cái đẹp mã nhưng mà không biết hót, anh cũng nhớ rất rõ màu xanh biếc và thân thể tròn trĩnh với cái mào trên đầu tạo cho nó một vẻ đẹp rất riêng biệt, nhất là khi nó chuyền từ cành nọ sang cành kia, hồi còn nhỏ đã bao nhiêu lần anh muốn bắt nó mà không được. Bây giờ thì chẳng còn cách nào mà bắt được nó nữa... Bỗng anh nghe thấy những tiếng động nhẹ, rất thân quen, tiếng động như tiếng nhạc từ xa đưa tới, tiếng của chiếc gậy nhỏ gõ dịu dàng trên vỉa hè. Một cái quầng sáng mờ mờ hiện ra trước mắt anh, cái quầng đó đến gần anh thêm chút nữa, anh đoán được hôm nay Vi mặc áo lạnh có màu thật đậm, anh đưa cây gậy của mình ra phía trước chạm nhẹ vào cây gậy của Vi như một lời chào.

"Em có lạnh lắm không?"

"Lạnh quá anh ạ. Sao anh không đứng ở trong cho ấm, ra ngoài này đón em nhỡ bị cảm thì sao!"

Eric đi sát vào cô một tay khoác lên vai cô, tay kia anh chập cả hai cây gậy làm một.

"Để anh dắt em."

Vi đi như dựa hẳn vào Eric, những sợi tóc cô chạm vào cằm Eric làm cho anh nhột nhạt, một thứ nhột nhạt êm ái, dễ chịu. Mùi thơm của tóc của thân thể cô như quyện lấy anh, một hương thơm rất đặc biệt, anh không thể nhầm với những hương thơm khác được. Vi cất tiếng.

"Mẹ làm em trễ chuyến xe 8 giờ. Cứ bàn hoài là tối nay sẽ nấu món gì để đãi anh và bác."

Eric cười dễ dãi.

"Mẹ em thì nấu món gì anh thấy cũng ngon cả." — Anh trao cây gậy cho Vi.

"Chốc nữa giờ ăn trưa mình gặp nhau nghe anh, phải vào lớp kẻo trễ, hôm nay anh đọc Thánh Thư của Kahlil Gibran cho học trò nghe."

"Dạ, trưa nay mình có gà xào sả ớt."

"Tuyệt!" — Eric vừa nói vừa cúi xuống hôn nhanh lên trán cô.

Vi đứng im lặng thưởng thức cái hôn của anh lâu hơn một chút nữa, đợi cho tiếng giày của anh rẽ vào lớp anh, cô mới thong thả đi về phía lớp của cô. Hôm nay cô có lớp thủ công. Cô phải móc cho xong tấm khăn bàn mùa xuân. Cô tự nhắc mình. Cuộn sợi màu hồng bên tay mặt, cuộn xanh bên tay trái, cuộn vàng ở giữa lòng.

Vi khóc thút thít trong lòng mẹ.

"Về trọng lượng, và khí hậu thì con phân biệt được chứ màu sắc thì làm cách nào mà con nhìn được màu đậm màu nhạt."

Mẹ Vi ôm cô vỗ về.

"Con bình tĩnh nghe mẹ nói và suy nghĩ, lắng nghe bằng cảm xúc bén nhạy của con: Bây giờ con chia ra làm ba nhóm. Nhóm thứ nhất là: khí hậu mát mẻ trọng lượng nhẹ và màu sắc thật nhạt như: mùa xuân, lông ngỗng, sợi tóc, sự êm ái. Nhóm thứ hai là: khí hậu ấm áp, trọng lượng trung bình, màu không đậm không nhạt, như đầu mùa hè, sức nặng của quả cam, quả táo, màu nâu của gỗ, màu xám của bầu trời mùa đông. Nhóm thứ ba thì mạnh hơn, như cái nóng giữa mùa hè (con đã biết rồi), sức nặng

ở quả tạ em con vẫn tập thể dục (con đã nhắc thử rồi) và màu thật là đậm.

Vi im lặng một lúc, cô ngước đầu nhìn mẹ với cặp mắt đầy màu đen của cô.

"Con có thể chia làm ba nhóm nhưng vẫn không làm cách nào biết được màu sắc, mẹ đừng cố ép con nữa!"

Mẹ Vi kiên nhẫn, bà hôn lên trán cô, rồi bảo.

"Con đợi mẹ một chút."

Bà đi vào phòng lục trong túi vải vụn đem ra một miếng lụa mỏng, cầm tay cô đặt lên miếng lụa, nói.

"Con vuốt lên đây đi, rồi con nhớ lấy cái cảm giác mềm và mát này: màu nhạt của hoa hồng, của lá non của bầu trời mùa xuân nó cho ta cái cảm giác đó."

Rồi bà dắt cô đến bên lò sưởi cầm tay cô hơ hơ lên trên ngọn lửa hỏi cô.

"Con có thấy tay con ấm ấm không? Đó là màu trung bình không đậm không nhạt."

Bà kéo tay cô sát vào gần ngọn lửa hơn chút nữa, gần đến nỗi cô phải giật mạnh tay ra, mẹ cô cắt nghĩa.

"Đó là màu thật đậm, như màu đỏ của lửa, của máu, còn màu đen và màu nâu đậm thì nó chùng xuống và như kéo dài ra, nó không nóng nẩy như màu đỏ nhưng nó hun hút và không đáy như bóng tối trong mắt con vậy."

Cô ôm mẹ, mẹ ôm cô, cô khóc và nói.

"Con cám ơn mẹ, con hiểu rồi."

Hôm đó là một ngày đầu xuân, người ta dắt đến lớp cho Eric một cô học trò mới. Khi anh giơ hai tay ra phía trước như một lời chào để đón tiếp thì bà giám thị đặt vào tay anh một bàn tay bé nhỏ, mềm và ấm. Anh thấy như có một luồng điện chạy thẳng vào trái tim, anh quên bẵng đi là phải nói một lời chào đón thông thường, anh hỏi một câu không ăn nhập vào đâu cả.

"Có phải sáng nay trời đẹp lắm không?"

"Vâng trời đẹp lắm" — Bà giám thị trả lời.

Cô học trò mới của Eric đến từ Việt Nam có tên là Vi, một tuần cô sẽ học với anh hai buổi về sinh ngữ, những ngày còn lại cô sẽ học thủ công và sinh hoạt tập thể với những bạn khác.

Eric nhớ lại lần đầu khi anh cầm tay cô để lên cuốn sách cùng cô đọc. Cô để nguyên bàn tay bé bỏng ấm áp của cô trong bàn tay run rẩy và lạnh của anh. Anh cũng không hiểu tại sao lúc đó lại xúc động quá đáng đến như vậy, đâu có phải đấy là lần đầu tiên anh cầm tay một nữ sinh ngoại quốc dạy đánh vần, dạy đọc tiếng Anh đâu (mãi về sau này anh mới hiểu ra là: có lẽ anh đã yêu cô ngay từ ngày đầu tiên cô bước chân vào lớp học của anh, đặt bàn tay cô trong bàn tay anh). Thế mà đã hơn ba năm rồi, thời gian đi nhanh thật, hai người đã có với nhau biết bao nhiêu là kỷ niệm đẹp, đã kể cho nhau nghe bao nhiêu chuyện về phần đời riêng tư, về quê hương khác biệt của mình.

Khi anh biết chắc là Vi cũng yêu anh, tự nhiên anh tò mò muốn biết rõ về nhan sắc của cô, mặc dầu đã nhiều lần anh được cô cho phép bàn tay anh nghe ngóng chạm vào khuôn mặt cô, được xoa lên trán cô, được vuốt lên tóc cô, được ôm đầu cô vào ngực anh. Anh biết là sống mũi cô thanh tú, cái trán cô cong cong, cái miệng cô nhỏ nhắn, cái cổ cô thon thả, da mặt cô mịn màng, nhưng anh vẫn không thể hình dung ra đích xác toàn diện nét mặt cô, mà anh thì thèm được biết lắm. Anh nghĩ ra chỉ có một cách là anh phải nhờ đến mẹ, anh dặn dò mẹ:

"Khi con đắt Vi đến thăm mẹ lần này (mẹ anh đã gặp Vi nhiều lần rồi) thì mẹ phải ngắm thật kỹ cho con."

Sau khi đưa Vi về nhà cô, anh nôn nóng hỏi mẹ.

"Miệng Vi giống miệng ai?"

Mẹ anh ngẫm nghĩ một lúc

"Giống miệng cô Dorethy của con lúc cô còn trẻ, hai bên khóe môi cũng hơi cong lên ngay cả khi không cười."

"Da Vi màu gì?"

"Màu ngà."

"Vi cao bằng ai?"

"Thấp hơn mẹ gần một cái đầu."

"Mũi Vi giống mũi ai?"

"Không giống ai mình biết cả, nhỏ lắm."

"Tóc Vi màu gì?"

"Màu nâu đen."

Anh do dự một lúc

"Vi với cô bạn gái cũ của con ai đẹp hơn?"

"Vi giống con búp bê Trung Hoa không so sánh với cô bạn cũ của con được."

Cuối cùng anh thấp giọng hỏi một câu mà mẹ anh không biết trả lời thế nào.

"Mắt Vi màu gì hả mẹ, mẹ có thể đoán được không?"

Mẹ anh đến gần anh cầm lấy bàn tay anh trong cả hai bàn tay bà, dịu dàng nói với con.

"Điều đó có cần thiết không con? Nếu mẹ nhìn được thì mẹ đoán chắc là Vi phải có một cặp mắt đẹp lạ con ạ. Vì cô ấy đã nhìn ra tình yêu của con."

Eric đứng yên lặng để tay mình trong tay mẹ, mẹ kéo anh vào lòng bà nhưng anh lại ôm lấy bà gọn lỏn trong tay anh. Anh hình dung lại những màu sắc trong quá khứ những cặp mắt đen của người Á Châu mà anh còn nhớ được. Màu đen của đôi đồng tử của Vi dưới hai mí mắt khép kín đó chắc phải đen mướt như chiếc áo vét nhung của mẹ anh hay mặc vào đêm Giáng Sinh. Anh ôm mẹ chặt hơn một chút nữa, thì thầm vào tai bà.

"Mẹ ơi! Con muốn cưới Vi làm vợ."

Bà lặng người đi vì xúc động, nước mắt bà ứa ra, bà ngửng đầu lên nhìn vào khuôn mặt thân yêu của con, bà thấy từ hai cái hố đen sâu thẳm đó cũng đang ứa ra hai giòng lệ định mệnh.

Người ta đến báo cho tôi biết con trai của tôi đã được tải thương về từ Việt Nam. Tôi được đưa thẳng vào bệnh viện để gặp con. Đứa con trai thân yêu của tôi bị cháy bỏng cả mình. Tôi ngồi bên giường con hai ngày hai đêm, đối diện với một đám bông băng bất động. Khi đám băng được tháo ra thì bác sĩ cho biết cặp mắt đã bị hư 95% vì sức nóng của lửa bom. Tôi nhìn con với những vết bỏng còn đỏ hỏn trên da thịt và đôi mắt mù lòa, tôi biết ngay rằng từ nay tôi không có quyền khóc thành tiếng trước mặt con tôi. Bằng đủ mọi cách, tôi phải giúp cho con tôi có lại một đời sống bình thường. Suốt hai năm liền hai mẹ con tôi ngày

ngày đi đến trường mù. Điều quan trọng là làm cách nào để Eric vui vẻ chấp nhận hoàn cảnh của mình và tự tin trở lại nghề dạy học đã có trước khi bị động viên sang Việt Nam. Dĩ nhiên con tôi không thể dạy những học trò bình thường được và cũng phải cần một thời gian để học đọc và viết bằng chữ nổi trước khi đem kiến thức của mình chỉ dạy người khác. Khi nhìn Eric đứng giảng buổi học đầu tiên cho những người học trò mù với nét mặt hân hoan tự tin, tôi không còn dám ao ước một hạnh phúc nào lớn hơn thế nữa. Chuyện tình của Vi và Eric tôi coi như một câu chuyện kể trong cổ tích. Tôi có bao giờ tưởng tượng đến ngày những nhân vật trong truyện bước ra khỏi những trang sách và bắt đầu làm tôi bối rối, lo lắng như hôm nay.

Hai người ngồi ăn ở chiếc bàn nhỏ trong góc của phòng ăn, ở đây họ có thể nói chuyện riêng tư mà không bị các bạn đến quấy rầy. Vi đưa phần cơm của Eric cho anh (Từ ngày thân nhau, thỉnh thoảng Vi lại muốn mời Eric ăn một bữa trưa bằng món ăn Việt Nam đem theo). Vi nói

"Mẹ đã sắp sẵn hai hộp cơm, của anh bao giờ cũng nhiều cơm hơn của em."

Eric cẩn thận đưa tay ra phía trước một khoảng cách vừa đủ để đón lấy hộp cơm trên tay Vi.

"Tối nay anh sẽ gọi điện thoại cám ơn mẹ em."

Vi vừa mở phần ăn của mình vừa hỏi anh.

"Sáng nay anh đọc bài gì cho học trò."

"Anh đọc lại đoạn về "Hôn nhân" của Kahlil Gibran mà hôm trước anh đã đọc ở lớp em, em còn nhớ hết không?"

"Dạ, em nhớ, em học thuộc lòng rồi, để em đọc lại anh nghe."

Cô buông chiếc muỗng xuống bàn, kéo chiếc ghế cô đang ngồi lại cho thẳng thắn, đầu hơi cúi xuống một chút, cô ở trong tư thế của một người bắt đầu cầu nguyện trước bữa ăn, giọng cô êm ái và nhỏ đủ để hai người nghe với nhau.

"Bạn đã được sinh ra cho nhau, và sẽ cùng nhau mãi mãi."

"Bạn sẽ sống với nhau cho đến khi đôi cánh trắng của tử thần đến phân tán bạn."

"Vĩnh hằng bạn sẽ thuộc về nhau ngay cả trong ký ức thinh lặng của Thượng Đế."

"Nhưng bạn nhớ hãy để những khoảng cách ở giữa sự gần bó đó,"

"Và để cho gió từ những chốn bồng lai múa lượng giữa hai người."

"Yêu nhau nhưng đừng biến Tình Yêu thành bản khế ước."

"Tốt hơn hãy để mặc cho biển luân lưu giữa bờ bãi linh hồn của cả hai."

"Hãy rót đầy ly nhau nhưng đừng uống chung một ly."

"Hãy cho nhau phần bánh của mình nhưng đừng ăn chung một ổ bánh."

"Hãy hát và khiêu vũ hân hoan với nhau nhưng để cho nhau những phút riêng tư,"

"Vì ngay cả những sợi dây của đàn tỳ bà cũng rung lên một bản nhạc nhưng mỗi dây đều có một nỗi niềm riêng."

"Hãy cho nhau trái tim nhưng đừng giữ chặt trái tim của nhau,"

"Vì chỉ có bàn tay của Đời Sống mới cầm giữ được trái tim bạn."

"Hãy nương dựa vào nhau nhưng đừng bám sát vào nhau quá đỗi."

"Như những cây cột trong đền thờ đứng riêng rẽ,"

"Và cây Sồi, cây Trắc Bá thì không mọc trong bóng của nhau." (2)

Vi đã ngừng đọc ở câu cuối mà Eric vẫn còn chìm trong âm thanh của ngôn ngữ. Vi cũng vậy, cô giữ im lặng một lúc như để những lời cô vừa đọc đủ thời gian hòa tan trong máu — khoảng cách im lặng đó người ta thường nói là: có một thiên thần vừa bay ngang — Cô ngửng đầu lên hỏi nhỏ anh

"Em đọc có đúng hết không?"

"Em giỏi lắm." — Eric nói trong xúc động. "Nếu anh không cầm sách thì anh không thể thuộc được như em. Em vẫn là cô học trò giỏi nhất lớp của anh."

Cuối bữa ăn, Vi đưa cho Eric một miếng thạch để tráng miệng, cô cắt nghĩa món tráng miệng này cũng giống như jello của người Mỹ vậy, nhưng cứng hơn một chút. Eric cắn một miếng nhỏ, anh phê bình

"Thơm và mát cổ thật em ạ!"

Vi đưa ý kiến

"Khi em nuốt miếng thạch thì em có thể tưởng tượng ra màu sắc theo cách mẹ em hướng dẫn. Cái ngọt thanh và mát của thạch chắc phải cùng một nhóm với những màu thật nhạt."

"Em thông minh lắm!" — Eric khen.

Vi hỏi Eric

"Có phải màu trắng của tuyết mùa đông cũng là màu nhạt không?"

"Không phải, nó mạnh hơn và lạnh chứ đâu có mát, em đã vọc tay vào tuyết bao giờ chưa?"

"Có, lạnh buốt cả tay."

"Em có bị tuyết tạt vào mặt

LỘNG GIẢ

CÒN XUÂN, HOA LẠI NỞ

Xa gửi N.L.T

Năm xưa, khi bác tiễn tôi đi
Chẳng nhớ rằng tôi nói những gì...
Khe khẽ bác ngâm vần tống biệt
Ngập ngừng tôi nhấp chén tương ly!
Quê hương xin đợi tin Hồng, Nhạn
Đất khách mù tung vó Ký, Kỳ
Dong ruổi dễ đâu sờn sức ngựa
Còn xuân, hoa lại nở, lo chi.

bao giờ chưa?"

"Có, năm ngoái, lạnh và đau nữa."

"Đó, màu trắng nó lạnh và mạnh như vậy, nó thuộc về màu lạnh cùng với màu xám tro chứ không phải cái mạnh của màu nóng như màu đen và màu đỏ."

"Thế màu vàng thì như thế nào?"

"Màu vàng thì nó nồng nàn hơn màu xanh và màu hồng, nó cho mình cái cảm tưởng ngây ngất và đằm thắm, vị hăng hắc của hột cải cho em cái cảm giác đó. Ngày trước anh thích hoa hồng vàng lắm, người ta dùng nó tượng trưng cho tình bạn."

"Thế tình yêu thì màu gì hả anh?"

Eric đặt bàn tay mình úp lên bàn tay Vi đang để trên bàn, anh nói chậm rãi.

"Tình yêu nhiều màu lắm em ạ: Khi người ta bắt đầu yêu, bắt đầu bâng khuâng tự hỏi — Không biết mình có được yêu lại hay không? Thì hình như nó phơn phớt màu xanh, đó là cái màu của sự vui buồn trộn lẫn. Khi yêu mà được yêu lại thì người ta thường ví là cuộc đời đang có màu hồng. Anh thấy khi vừa được yêu, vừa được người mình yêu cảm thông, hiểu biết, tri kỷ với mình như một người bạn thì nó nồng nàn và đẹp như một đóa hồng vàng em ạ. Còn khi say đắm yêu nhau đến quên cả trời đất vạn vật chung quanh thì nó rực rỡ và nóng bỏng như màu đỏ vậy. Nếu bây giờ mà em hết yêu anh thì chắc là anh chỉ còn biết duy nhất có một màu đen mà thôi!"

Vi xoay bàn tay cô lại, đan những ngón tay của cô vào giữa những ngón tay của Eric, kéo anh cùng đứng dậy. Eric một tay cầm tay cô, một tay cầm cả hai chiếc gậy trắng. Họ rời phòng ăn đi về lớp học. Cô thỏ thẻ bên tai anh.

"Bây giờ thì em chỉ toàn thấy một màu hồng!"

"Anh cũng vậy."

Eric giữ Vi đứng lại một phút trước cửa lớp của cô, anh nói ngập ngừng.

"Cứ mỗi lần cắt nghĩa cho em một điều gì hay làm giúp em một việc gì anh lại buồn buồn trong dạ, tiếc là chẳng gặp em sớm hơn 5, 10 năm trước, khi anh còn đầy đủ khả năng để giúp em hữu ích hơn."

Vi cười nhẹ.

"Chưa chắc đâu Eric. Mười năm về trước thì em còn ở trong trường Lái Thiêu tận Việt Nam mà anh thì ở Mỹ, làm sao mà gặp được. Ngay cả nếu em có sang đến đây có được gửi vào ngôi trường này học thì lúc đó anh cũng đâu có dịp nào bước chân đến đây mà gặp em, nếu anh chưa bị hỏng mắt."

"Em nói đúng đấy. Nhưng anh phải công nhận với em là trường Lái Thiêu dạy em đến nơi đến chốn thật, nên khi em sang đây em mới bắt kịp và học nhanh hơn là anh tưởng."

Vi vẫn cười, cô nói.

"Trường Lái Thiêu có tốt thật nhưng thiên về thủ công nhiều hơn. Em sở dĩ theo học được ở lớp anh là do công lao của mẹ em cả. Chính mẹ em là người đã dạy cho em phân biệt màu sắc bằng cảm giác ngay từ khi em còn bé. Mẹ dạy em văn chương, thơ phú ngay khi em vừa biết đọc biết viết. Bắt đầu bằng những bài hát ru con, rồi ca dao, tục ngữ, khi em bắt đầu vào trung học là mẹ đã mướn thầy dạy riêng cho em sinh ngữ ở nhà. Em mang ơn mẹ vô cùng, nhất là mẹ đã dạy em biết chấp nhận và yêu bản thân mình trong tất cả mọi trạng huống. Mẹ luôn luôn nhắc nhở em rằng: *"Trước hết con phải yêu chính con rồi con mới nảy sinh được tình yêu những người chung quanh."*

"Chúng ta thật là may mắn đã có những bà mẹ hết lòng thương yêu chúng ta. Nếu không có mẹ anh luôn luôn ở bên cạnh anh trong những năm đầu gặp nạn thì anh chưa biết đến bao giờ mới lấy lại được sự tự tin và chấp nhận hoàn cảnh của mình" — Eric lấy tay điểm nhẹ vào lưng cô, anh trao lại cây gậy nhỏ cho cô, nói thêm một câu âu yếm.

"Thôi em vào lớp nghe! Nhưng này, hãy nói cho anh biết, bây giờ em đang nhìn thấy màu gì trong mắt?"

Vi, một tay đỡ lấy chiếc gậy, tay kia cô giơ lên chạm vào gáy Eric, bá đầu anh xuống thấp ngang với cô, cô nói bằng giọng có pha chút nũng nịu.

"Em thấy cả một cây cầu vồng bảy sắc."

Ngực Eric rung lên vì sung sướng, anh cúi xuống theo đà kéo và hôn nhẹ lên môi cô.

"Em thật tuyệt vời! Anh là người đàn ông may mắn nhất trong thế giới của bóng tối."

*

* *

Anh thân yêu!

Em được mời đi dự đám cưới của Eric và Vi, vào một ngày đầu xuân (để kỷ niệm thời điểm hai người gặp nhau lần đầu). Hôm đó khí trời ấm áp và trong suốt. Ngoài cha mẹ và một vài người thân của đôi bên, khách đến dự đều là học trò của Eric và bạn học cùng lớp với Vi. Em nhìn những người bạn của họ tiến vào nhà nguyện mà không ngăn được xúc động. Quần áo họ tươm tất, nét mặt họ trang nghiêm, mỗi người cầm trên tay một chiếc gậy trắng, tiếng gậy khua nhẹ trên sàn gỗ như những tiếng nhạc bật lên ở những nốt thật trầm.

Eric đứng sẵn với vị chủ tế ở phía trên chỗ bàn thánh đợi cô dâu. Vi mặc áo dài bằng gấm trắng, tóc cô cài những bông hoa nhỏ màu hồng thật nhạt. Vi không cầm một bó hoa như những cô dâu khác mà cô cầm chiếc gập trắng thường ngày của cô, chiếc gậy trắng đó cũng được quấn chung quanh bằng cùng một thứ hoa cô cài trên tóc. Cô khoác tay cha, cha cô dắt cô lên và trao cô tận tay chú rể. Vị chủ tế có cặp mắt tròn to và xanh biếc, lúc nào cũng nhìn vào khoảng không trước mặt, khi đọc sách thánh, đôi mắt đó vẫn đăm đăm nhìn lên và ông dùng những ngón tay đọc trên trang sách.

Khi Eric và Vi trao nhẫn cho nhau, em không muốn quan sát bằng mắt nữa, em nhắm mắt lại để chia chung hạnh phúc với họ. Anh ơi! Trong bóng tối của hai mắt nhắm ngày hôm đó, em đã nhìn thấy nguyên cả một chiếc cầu vồng bảy sắc, em nhớ đến câu nói: *"Tình yêu là một sự mù lòa!"* Nước mắt em ứa ra, dàn dụa.■

Tháng 5/93

(1) Thơ Xuân Diệu
(2) Thơ Kahlil Gibran
(Trần Mộng Tú dịch)

BUỔI SÁNG MÙA XUÂN NGHE QUẠ KÊU

THANH NGUYỄN

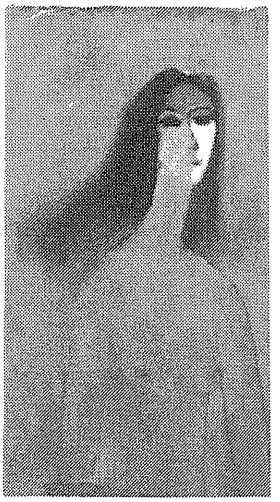

1

Lũ quạ nơi vùng tôi ở chúng vừa làm tôi bẽ bàng không ít về cái nỗi nhớ quê của mình! Ấy là một buổi sớm mùa Xuân. Có cơn bão rớt từ đâu ngoài miệt biển Thái Bình thổi vào đất liền của Cali. Đang từ cái trong xanh khô ráo của mọi ngày, trời đất lại mây giăng ảm đạm; rồi lại có thêm mưa bụi phất phơ bay... Tôi mới dọn nhà xong được hai hôm; còn lạ nước lạ cái ở khu phố này. Gặp ngày cuối tuần, đang gà gà trong chăn vào cái cữ sắp đến giờ mở mắt thì nghe văng vẳng bên tai, như từ một cõi nào xa xôi lắm, tiếng gà vịt râm ran ở miệt ngoài! Thoạt đầu văng vẳng mấy tiếng "cạp cạp...". Tín hiệu âm thanh lọt vào trạng thái mông lung đang lúc chập chờn nửa tỉnh nửa mê rốt cuộc vẫn ráp nối được với trung khu ký ức của não bộ nên ý thức bắt đầu làm việc! Bấy giờ lại nghe thành mấy tiếng "cà... cà". Rồi ý thức lại điều chỉnh một lượt nữa thành "cạ... cạ...". Đến đấy thì tôi đã tỉnh hẳn! Chắp hai bàn tay gối dưới đầu, liền thắc mắc: "Quái! Vịt gì mà lại kêu 'cạ... cạ...'; mà từ hôm đặt chân đến đây thì đã thấy ai nuôi gà vịt trong sân đâu mà có tiếng gà hay tiếng vịt?"

Lồm cồm ngồi dậy, khoác cái áo jacket lên người, từ nhà trong ra nhà ngoài, mở cửa bước ra chỗ hiên nhà tiếp giáp với bãi cỏ xanh đến tận giáp mí của mặt đường nhựa. Chả thấy vịt đâu; chỉ thấy có hai con quạ đang đi vờn quanh cái thùng rác to tướng dựng bên kia đường; còn một anh nữa thì đang đi lững thững từ bên này đường qua phía bên kia để nhập bọn với hai đồng loại. Tôi lẩm bẩm: "Bố sư khỉ! tưởng gì, hóa ra là bọn mày! làm Ông cứ tưởng lầm ra tiếng gà tiếng vịt như ở miệt ruộng miệt vườn ngày trước!"

Trời đang mưa phùn; mưa phất phơ, mong mỏng thôi, nên tôi cũng lững thững bước theo lối đi dẫn ra mặt lộ. Ba con quạ thấy bóng người mà bọn chúng vẫn tỉnh queo! Quạ mang quốc tịch Mỹ có khác! Chúng thừa biết là ở xứ này người hành hung bắn giết người thì không nói làm gì, chứ còn chuyện người định giở trò hành hung chim chóc súc vật ra là thế nào cũng có nhóm bảo vệ "súc vật" họ làm ầm ĩ trên báo, trên truyền hình! Năm rồi chả phải có anh đánh chó rồi ngồi tù đó là gì? Nói thế chứ cái con quạ đang lững thững bách bộ qua bên kia đường nó cũng đứng khựng lại, ngoái đầu liếc mắt nhìn tôi như thể thẩm định xem liệu tôi có là một đối thủ sắp cạnh tranh cái thùng rác bên đường kia với nó hay không! Để nó khỏi ngộ nhận, tôi cũng dừng bước; và vì thấy không có gì phải cảnh giác thêm, cái con quạ đó nó lại tiếp tục khập khiễng bước qua đường. Tôi quan sát kỹ thêm một chút: ừ nhỉ! đúng là nó đang bước khập khà khập khiễng! Chả lẽ nó què? Chó mèo rủi ro vì ỷ y, thấy chủ nhà cưng tưởng người ngoài đường cũng cưng, bị xe nó cán què thì không nói làm gì; chứ còn quạ thì làm sao đến nỗi què? Định tâm nhìn cho thật kỹ nữa thì thấy là không phải tại nó què! Đầu đuôi là do cái mặt đường nhựa phẳng lì! Qua quá trình tiến hóa của loài quạ, ngón chân của nó sở dĩ được định hình như thế là bởi từ không biết bao triệu năm nó đi trên các thế đất lồi lõm hay đứng bám vào cành cây. Bởi thế mà khi nó đi trên mặt đường nhựa phẳng lì chỉ mới có trên mặt đất từ non trăm năm nay thì tất nhiên là chưa đủ thời gian cho cái giống nhà chúng nó kịp thích nghi.

Thấy tôi chú mục quan sát thì có lẽ cái con quạ đang đi khập khiễng kia nó cũng nhồn nhột sau gáy, nên một lần nữa nó đứng khựng lại, và lại ngoái đầu nhìn tôi không chớp mắt. Trong ánh mắt đen láy của nó, tôi thấy dường như có điều gì đó khó chịu. Như thể nó muốn nói với tôi: "Nhìn gì mà nhìn dữ vậy cha nội?" Một lần nữa, để nó khỏi hiểu lầm là tôi có ý cạnh tranh với nó về cái thùng rác phía bên kia đường, tôi lững thững trở vào nhà, đánh răng rửa mặt, vào bếp bắc nước sôi pha tách cà phê đầu tiên trong ngày. Đang lúc đổ nước sôi vào cái "phin" cà phê thì có tiếng xe rác cùng tiếng người lao xao ngoài mặt đường.

Lát sau thì tôi đã tay cầm tách cà phê, tay cầm điếu thuốc rồi ngồi dưới mái hiên trước nhà

nhìn cây cỏ đang mùa xanh tươi dưới cơn mưa phùn của một ngày có bão rớt. Những lúc như vậy thì đầu óc cứ thế mà tản mạn.

2

Có lần đọc báo ở xứ này tôi gặp phải mẩu tin là có ai đấy đã thống kê số quạ sinh sống trên toàn cõi Liên Bang Hợp Chủng Quốc. Lâu ngày rồi, hôm nay sực nghĩ lại không nhớ rõ con số được đưa ra là bao nhiêu! Vài chục ngàn; vài trăm ngàn hay vài triệu? Tịnh không nhớ rõ! Nhưng dù có là bao nhiêu thì cứ nghĩ mà thán phục cái anh con nhà nào đã bỏ công ra sưu tầm những loại con số kiểu như thế! Quỷ thật! ngay cả thống kê dân số Cali, có căn cứ vào số "Social Security" hẳn hoi kia mà thiên hạ còn cự nự là số dân đưa ra không chính xác vì người ta lờ đi số dân cư ngụ không giấy tờ của cơ quan INS (Sở Di Trú); huống hồ là thống kê về loài quạ mà chính quyền Tiểu Bang hay Liên Bang chả có cơ sở vững chắc gì theo dõi! Quạ thì làm gì có hồ sơ ở Sở Thuế (IRS), ở sở Lộ Vận (DMV), ở Sở An Sinh Xã Hội (SSA)? Nhưng nếu như có ai thắc mắc đi đặt vấn đề với cái anh con nhà thống kê kia thì thế nào anh ta cũng bình tĩnh trả lời: "Anh/Chị không tin hả? thì cứ đi mà đếm!"

Tôi cũng sực nhớ là qua xứ này được ít ngày thì một hôm cùng ông bạn đi tìm việc, giữa chừng mỏi chân cùng ngồi lại ở một cái ghế gỗ công viên giữa thành phố; mỗi người gặm một cái "hamburger" loại "Big Mac". Vừa ăn vừa uống "Coca". Bụng buồn thì làm sao mà ăn cho hết cái "Big Mac"? Bởi thế mà gặm hết già nửa cái thì ông bạn của tôi đã bẻ một mẩu bánh vứt cho một anh quạ có bộ lông bóng lưỡng đang lờn vờn chầu chực cạnh đấy. Cái giống chim chóc, sóc siếc này kia ở công viên quả là chúng tinh mắt! Thấy người có cái ăn là chúng để ý theo rõi rất kỹ. Chỉ cần mình có động tác bố thí là y như rằng chúng từ các lùm cây bụi cỏ kéo nhau đến kiếm chác. Coi mòi hết còn kiếm chác gì được thì chúng lại kéo nhau đi. Lần ấy tôi nhớ là có lẩn thẩn hỏi ông bạn xem quạ ở xứ này chúng sống bằng nghề gì để mưu sinh nhỉ? Có ai chăn nuôi gà qué gì đâu để còn rình rập bắt trộm? Ông bạn tôi đang buồn bực chuyện công ăn việc làm, chuyện "ở bên nhà đã chả ra sao, mà qua đến đây thì lại càng chẳng ra sao!" bèn xử dụng ngay cái phép biện chứng theo kiểu quy nạp: "Đấy! Thì chúng ăn 'hamburger' người ta ăn thừa rồi vứt cho!" Tôi lý sự: "Người Mỹ ở đây họ ăn một lúc cả hai cái "Big Mac" vẫn còn chưa bõ bèn gì; còn đâu thừa nữa mà san sẻ cho quạ?" Tôi nhớ là lần đó ông bạn tôi không buồn trả lời! Mà tôi cũng không chắc là ông ta có thực sự để tâm đến câu nói mà ông ta dùng để trả lời tôi hay không nữa! Chuyện vẩn với nhau mà bụng dạ còn để mãi tận đâu đâu thì biết thế nào mà nói!

Buổi sáng mùa xuân có mưa phùn phất phơ bay, ngồi uống cà phê hút thuốc nhẩn nha rồi nhìn mấy con quạ đã bỏ cái thùng rác trống trơn sau khi xe rác chạy qua, và đã bay lên đậu trên cành già của cái cây "maple" đang thay lá xanh đợt mới, tôi có thêm suy nghĩ là về cái khoản mưu sinh thì giống quạ xứ này cũng khó mà trông mong gì nơi mấy cái thùng rác! Thỉnh thoảng nhiều đêm tôi vẫn bắt gặp hai mẹ con một chị không phải là người Mỹ, mỗi người tay xách một cái bọc nylon lớn, tay cầm cái đèn "pin", vừa đi rảo mỗi người một bên bờ đường, chiếu đèn vào các thùng rác để nhặt nhạnh các vỏ hộp "Coca", "Pepsi" hay đại loại để đem ra mấy địa điểm "recycling" ngoài các khu "super market" đổi lấy tiền cắc. Quạ thì vừa không có đèn "pin" vừa không có túi nylon để đựng vỏ hộp nước ngọt đem ra đổi lấy tiền ngoài mấy chỗ "recycling" nọ nên cũng khó bề cạnh tranh với người! Còn chuyện "hamburger" hay thức ăn thừa của người ta vứt vào thùng rác để quạ có thể kiếm chác thì, nói theo kiểu người Mỹ: "Forget it!", "đừng hòng!". Nhưng rồi thường khi tôi vẫn thấy chúng lang thang trên mặt đường, sục sạo trong đám cỏ, mổ vào chỗ này chỗ kia. Chả biết chúng ăn cái giống gì! Duy chỉ biết là chúng vẫn béo, khỏe; lông lá này kia vẫn bóng lưỡng; và tiếng kêu thì vẫn sang sảng, chả có vẻ gì là yếu đi vì suy dinh dưỡng.

Rồi kiếm miếng ăn xem chừng đã không mấy sẵn có, mà về cái khoản cư ngụ cũng lại có vẻ gay go cho quạ! Quạ xưa giờ vẫn quen thói làm tổ ở các lùm cây cao. Quạ cần chiếm "cao điểm" — nói theo thuật ngữ nhà binh — là bởi có như thế thì tầm quan sát của chúng mới rộng ra. Có từ trên cao thật cao thì tầm mắt mới bủa rộng ra cả một khu vực lớn để dễ xác định vị trí của nguồn lương thực. Dạo mấy năm về sau này, do bão rơi bão rớt liên miên ở Cali., cây đổ nhà sập nên thiên hạ tuy thích bóng mát của những lùm cây cao nhưng cũng không ít người đành phải cắn răng bỏ tiền ra thuê người đốn những thân cổ thụ trong sân nhà. Gió lớn, cây đổ thì còn gì là nhà? Do đó mà sau khi mất nơi cư trú ưng ý của mình thì quạ bèn đổi địa chỉ qua các cây "cọ" mà dường như ở xứ Cali. này chỗ nào cũng có. Loại cây mà xứ này họ gọi là cây "palm" ấy! Mà "palm" thì cũng có dăm bảy loại. Có loại to và lùn. Có loại cao ngòng và mảnh khảnh. Nhìn xa, cái lũ "palm" cao ngòng và mảnh khảnh đó thường làm tôi nhớ những thân cau ở xứ mình. Nhất là vào những buổi sáng mù sương, hay những buổi chiều vàng khi mà — nói theo thơ Xuân Diệu — "ánh sáng nhòa dần cùng bóng tối". Vào cái cũ ấy thì những cây "palm" cao vút và khẳng khiu trông chẳng khác gì cây cau nơi quê nhà. Làm nhớ đến những câu thơ kiểu như:

"Ai về thắp gió heo may
Sầu lên vút ngọn cau ngoài bờ ao."

Câu thơ của Hoài Nam, tức Trần Dạ Từ, mà mấy mươi năm trước — ở một tiệm hớt tóc đường Đỗ Hữu Vị, Saigon — tôi đọc được trong tờ Văn Nghệ Tiền Phong.

Chỉ có khác với cau là trước hết cái cây "palm" cao vút và khẳng khiu nọ không có quả cau; và thứ nữa là không dẫn đến cái màn mo cau theo ngọn gió tình cờ mà rơi đánh độp một phát trên mảnh đất trống ngoài sân vườn! Tạo hóa sinh ra cây "palm" ở vùng có "thiên chức làm sa mạc" như đất Cali. là sắp xếp cho nó có

cách để giữ độ ẩm cho thân cây. Đọt vươn lên, thân và tàu lá nhô ra thì những tàu lá ở rìa dưới cùng cũng tàn héo đi, rồi khô lại và đuổi dài theo chiều dài của thân cây. Để tự nhiên thì chúng không đời nào rơi rụng. Hết lớp này đến lớp khác, cây vươn cao lên thì các tàn lá chết cũng cứ thế mà phủ kín phần thân phía dưới. Chúng phủ kín thân cây để che nắng cho cây, không để cho nước từ dưới rễ lên đến đọt cây phía trên cao với tàn lá xanh um bị hâm nóng khi lên đến tận ngọn. Tạo hóa cẩn thận và tài tình là thế! Nhưng anh con người, nhân danh "mỹ quan" lại muốn chơi trội so với tạo hóa! Anh con người bèn cứ lá chết đến đâu là tỉa gọn đến đó! Trông thì quả là "đẹp mắt", nhưng đồng thời cũng là gây khó khăn cho sự sinh tồn và tăng trưởng của cây "Palm". Ảnh hưởng đến sự sinh tồn của chim chóc; trong đó có quạ!

Mất cao điểm vì các cây "Oak", cây "Chesnut" bị đốn thì quạ bèn nương náu trong lùm lá chết nơi những cây "Palm". Quạ mà chui vào đám lá chết nơi cây "Palm" thì tức là đã phải chịu "muối mặt" lắm rồi! Chẳng khác gì dân ở biệt thự phải chịu ép mình về sống ở chung cư! Bởi trong cái đám lá nâu khô ấy cũng có vô số các anh chị thường trú khác: chim cú, chim sẻ, chim sáo... Có điều vì quạ là đàn anh nên quạ cư ngụ ở dưới lớp lá khô trên cùng; kế đến là bọn chim cú chim sáo; rồi dưới cùng là đám thấp cổ bé mỏ nhất là cái đám chim sẻ! Nhưng những cây "Palm" bị tỉa theo kiểu "mày râu nhẵn nhụi" như thế kia thì quạ hay cú hay sẻ gì đi nữa còn lấy đâu ra chỗ để nương náu?

3

À mà quạ ở xứ mình không phải là hiếm nhưng tại sao trong thơ phú hay văn học nước ta ít thấy nhắc đến quạ? Trong khi thơ văn Trung Quốc thì lại thấy nhắc nhở khá nhiều đến quạ. Quạ ở trong thơ của các nhà thơ tầm cỡ chứ không phải thứ thường. Cho hẳn cả tên quạ vào tựa đề bài thơ kiểu như "Đêm thu nghe quạ kêu" trong Đường Thi chứ chả phải chỉ đưa vào "phân cảnh" kiểu "Nguyệt lạc ô đề..." — mà cụ Tản Đà dịch Nôm là "Trăng tà tiếng quạ kêu sương" — trong thơ của Trương Kế, chẳng hạn! Phải chăng vì cú, quạ, là cái giống báo gở như phong tục dân gian xứ mình vốn kiêng kỵ? Làm thơ, viết văn thì phải chăng có nhắc đến Nhạn, Hoàng Yến, v.v... thì mới "thơ", mới "sang cả" hơn? Đây này: chả lẽ làm nhà thơ lớn — "lớn", "nhỏ" cũng thường khi là do mình nhiều hay ít tự tin, nhiều hay ít bạn tốt -- mà lại đi khai bút đầu xuân theo cái kiểu:

"Buổi sáng mùa xuân nghe quạ kêu

Bao nhiêu tình ý cũng tiêu điều..."

Thơ như thế thì sang cả vào đâu cho được? Đấy là chưa nói đến chuyện lãng mạn quá, quên cả ý tứ, làm thơ kể rằng nghe quạ tranh nhớ đến người yêu! Thơ kiểu ấy thì rất dễ xa nhau!

Ngày đi học, đọc văn của De Maupassant trong sách về Văn học Pháp ở nhà trường, tôi vẫn còn nhớ đoạn tả cảnh những cánh đồng tuyết phủ vào mùa đông, khi mà "chỉ còn những con quạ mổ mổ lên lớp băng tuyết với những cái "gros becs" — mỏ to tướng — của chúng!" Ở xứ Mỹ này thì Peo đã dành cho quạ một chỗ đứng vững vàng trong thi ca Mỹ! Quạ trong văn học Nga cũng đầy rẫy. Ở xứ mình họa hoằn mới có những bài dân ca Nam Bộ kiểu như: "Quạ kêu í ị quạ kêu..." thì quạ ta mới không bị bỏ quên trong kho chữ nghĩa nước Nam.

Hai mươi năm trước, ngày còn quanh quẩn ở Thành hố Nashville bên Tennessee, nhìn ngang ngó ngửa trong khu đại học tôi chỉ thấy rặt có mỗi giống chào mào đỏ thắm mà dân bản xứ gọi là chim "Hồng Y" — "Cardinal". Chả trách mà bên Tennessee người ta chọn con chim "Cardinal" làm đại biểu cho chim chóc trong Tiểu bang của họ! Đưa luôn nó vào huy hiệu của

MINH HÂN

KHUYÊN BẠN VỪA BỊ VỢ BỎ

Có, không cũng thế mà thôi!
Già rồi, chưa hiểu "mệnh trời" hay sao?

Mày dọn tới ở nhà tao,
Sớm hôm nói chuyện ngày nào học chung.

Một mai về lại quê hương,
Vuốt râu gẫm lẽ vỗ thường cười khan...

Orange tháng 3-93

Tiểu bang! Nhưng ngày đó, xuân hạ thu đông gì mà thấy cái anh "Cardinal" tôi vẫn không mảy may xúc động; tuy phải nói là cái sắc đỏ lộng lẫy nơi con chim đó trên nền tuyết trắng của mùa đông quả là tuyệt vời! Thấy nó xinh đấy! Đẹp lộng lẫy thật đấy! thế nhưng trong bụng tôi lại như chép miệng thầm nói với nó một cách ngao ngán: "Mày là mày, tao là tao, mày chẳng can dự gì đến tao, mà tao cũng chẳng can dự gì đến mày!" Nhưng ở vùng tôi cư ngụ bấy nay thì khi thấy lũ quạ tôi lại cảm thấy gần gụi! Nó chả đẹp đẽ gì dưới mắt con người; và tôi cũng thừa hưởng cái vô thức tập thể của dòng giống mình để coi cú quạ như cái giống chim chóc báo hiệu những chuyện chẳng lành; nhưng mỗi lần thấy chúng thì tôi lại thấy nao nao trong lòng. Có một cái gì đấy nơi nó gợi nhớ cho tôi đến đất trời xứ mình! Như thế này, chẳng hạn, thì hỏi sao không nhớ:

Hà Nội vào cái thời 1925 có ba nơi mà đám ả đào đặt đại bản doanh. Một là khu Khâm Thiên; hai là khu Ngã Tư Sở; và Ba — thu hẹp hơn — là ở khu Thái Hà Ấp, quê Nội của tôi. Một anh nọ trong Ấp mê cô đầu thế nào đó nhưng bị cô ta đá đít! Ức quá, bố mày đi bắt đâu được về một con quạ con. Bắt được quạ về, đem bỏ vào lồng nuôi. Cho ăn cơm, rồi ngày lại ngày: dạy cho quạ nói! Ai cho rằng chỉ có sáo, nhồng, cưỡng, khướu mới biết nói thì tức là người ấy chưa biết gì về quạ! Người ta có thể dạy cho quạ nói; với điều kiện là phải gọt bớt lưỡi cho nó! Gọt cho đúng kích tấc: chưa đúng mức thì nó vẫn không phát âm theo tiếng người được; còn gọt quá tay thì nó sẽ nói ngọng! Bởi thế mà sau khi bắt được quạ về thì cái anh chàng ở Thái Hà Ấp kia mới bắt đầu cho nó ăn học một cách có hệ thống! Ăn thì đã có cơm. Quan trọng: cơm có trộn muối! Nuôi ăn cái kiểu đó thì đến khi thả cho quạ ra khỏi lồng, dù có muốn chăng nữa quạ cũng không thể đi tìm tự do bởi nó đã trót quen mỏ với cái món cơm trộn muối! Xểnh ra ngoài thiên nhiên thì lấy đâu ra muối để trộn với gà con mà ăn, nếu như có bắt trộm được gà con? Còn về cái khoản học tập văn hóa thì sau khi gọt lưỡi cho quạ, Sư Phụ chỉ truyền cho đệ tử mỗi hai câu lục bát:

"Cô đầu, cô đít, cô đuôi
Quan viên chết hết, ai nuôi cô đầu?"

Hẳn anh ta hậm hực chuyện tình đời đen bạc, hận cô Mai cô Mận nào đó bỏ anh đi theo đám quan viên lắm tiền, sành chơi, nên giờ anh toan tính chuyện rửa thù bằng một sự phóng thanh cơ động!

Thế thì bay qua lượn lại thế nào, sau ngày tốt nghiệp rốt cuộc cũng có buổi quạ đến đậu ngay phóc nóc nhà của đám cô đầu! Các cô nhác thấy bóng con chim chỉ có tài mang đến cái xúi quẩy cho thiên hạ, các cô bèn kéo nhau ra sân giơ tay xỉa xói, hù đuổi quạ! Từ trên nóc nhà, thấy có bóng người thì quạ lên tiếng:

- Quạạ!

Các cô vung tay nói:

"Phỉ phui nhà mày! cút!"

Quạ đọc luôn một hơi: "Cô đầu, cô đít..." Các cô ức quá, các cô chửi: "Tổ sư nhà mày!" Quạ vẫn lải nhải: "Quan viên chết hết..." Các cô ném sỏi, ném que củi lên thì bấy giờ quạ mới bay đi; tuy vẫn tiếp tục rót lại trên không mấy câu lục bát đáng ghét nọ!

Buổi sáng mùa xuân này, nghe tiếng quạ kêu tôi sực nhớ đến chuyện ngày trước ở Ấp! Âm vang cùng hình ảnh câu chuyện cũ phút chốc như đều sống lại cả trong lòng. Cả cái anh mưa phùn kia nữa! Loáng thoáng chẳng khác gì cảnh mưa phùn đất Bắc, tuy ngoài tầm mắt kia không có những thửa ruộng xanh non của buổi đầu Xuân.

Mà buổi đầu Xuân, có muốn tìm thơ mở ý gì đấy nhưng trước mắt không có Én hay Hoàng Yến, chỉ có quạ đen với mưa phùn thì chả lẽ làm chuyện văn chương có nghĩa là biến quạ đen thành Hoàng Yến? Ngày còn làm việc ở một cái tòa báo đường Võ Tánh Saigon, báo hàng ngày vẫn đăng tải cái "roman feuilleton" của một anh tác giả tre trẻ, khoảng trên dưới ba mươi. Ngày ấy tôi thua anh ta đâu cũng khoảng bảy tám tuổi; và cũng đã sính cái chuyện văn chương chữ nghĩa, tuy chả bao giờ mơ tưởng chuyện lập thân với nó cả! Vả lại, những nhà văn có tài xưa nay thì hình như ít ai chọn lấy nghiệp Văn; hình như chính cái nghiệp Văn nó chọn lấy họ! Một buổi sáng, anh nhà Văn trẻ nói trên đến tìm Quản Lý để hỏi thăm chuyện tiền nong; xin được "tạm ứng" vài trăm gì đấy! Quản Lý còn la cà ngoài cái tiệm Tàu ngoài ngã Sáu nên anh ta tạm chờ đấy, rồi nhân tiện leo lên gác, quan sát anh em biên tập viên đang hí hoáy làm việc. Thấy anh ta, tôi hỏi: "Truyện của Anh chừng nào dứt?" Anh ta tươi cười: "Ô! còn dài! thì cái tựa của nó chẳng ghi rõ là "Truyện Dài" là gì?" Và nghiêm trang: "Giới trẻ họ thích truyện này lắm!" Tôi nói: "Thế hả? Anh hẳn phải từng trải lắm mới có nhiều chất liệu như thế để mà viết!" Anh ta cười sảng khoái: "Thế thì còn nói mà làm gì! Không có cái gì cả mà mình dựng nên chuyện thì mới là hay chứ!" Và lại tiếp tục cười sảng khoái.

Từ bấy đến nay đã thấm thoát ba mươi năm qua. Mỗi lần có dịp cầm bút toan tính chuyện viết lách một cái gì là y như rằng tôi khó mà không nhớ đến tiếng cười sảng khoái cùng lời nói của anh nhà văn trẻ ngày trước! Chả biết giờ này anh ta ở đâu và đang làm gì! Có điều là suy đi rồi nghĩ lại, suốt ba mươi năm qua tôi thật vẫn chưa thấy sự không-có-gì-mà-dựng-nên-được-cái-gì là nó hay ho ở chỗ nào! Bởi thế mà tôi tự biết mình không có tài làm chuyện Văn chương! Vả lại cũng có anh bạn tự xét mình có tài làm chuyện Văn chương anh ta đã nói với tôi cái điều đáng buồn ấy! Tôi cố gỡ gạc, hỏi anh ta xem phỏng như tài sức tôi mà sính chuyện văn chương quá, viết ít ít một tí thôi thì có được hay không? Anh ta nói: "Được! nhưng đừng cố cậy cục đăng báo làm gì; 'Moa' không đọc đâu!"

Do đó mà buổi sáng mùa xuân có mưa bụi phất phơ bay này, nhớ về một cánh đồng lúa với con sông xưa ở quê nhà, tôi chỉ làm nổi được mỗi câu lục bát:

Lòng còn mãi tận đâu đâu...
Nhìn ngang nhìn ngửa: mấy đầu quạ đen!

Đành viết ít ít vậy! ■

CHIỀU QUA PHÚ AN HÒA

NGUYỄN TẤN HƯNG

Kể từ khi những chiếc bắc hai đầu được sử dụng, nhằm di chuyển nhanh chóng các đoàn convoy quân vận, sự kẹt xe ở bến bắc Rạch Miễu đã phần nào được giải tỏa. Người ta không còn thấy những chiếc xe đò Á Đông, Thuận Thành đậu nối đuôi nhau dài ngoằn trước cửa hãng Dépôt la-ve hiệu con cọp và trường Nữ tiểu học nữa. Trường Nữ tiểu học cũ này, ngôi trường chỉ có mỗi một dãy nhà, vách ván, lợp fibro-cement, đủ chỗ cho bốn năm lớp, bây giờ đã được trưng dụng làm phòng tuyển mộ của Sư đoàn 7 Bộ binh. Ngay sau khi trường Nữ tiểu học mới vừa được xây cất xong. Một dãy lầu hai từng xi-măng cốt sắt, đẹp đẽ tân thời, nằm sát bên trường bán công Thiên Hộ Dương, đối diện xéo xéo qua hãng cà rem Dân Sanh.

Loại bắc hai đầu thiệt là tiện lợi, xe rời bắc không phải chạy thụt lùi theo kiểu... *tôm càng một ngạnh hai đuôi*. Mà xuống đầu này, lên đầu kia, thoải mái hết sức. Sạch sẽ nữa, trong lẫn ngoài đều sơn màu trắng tinh, nhìn mát con mắt. Đã vậy, lại chở nhiều xe, hai hàng xe lớn hoặc ba hàng xe nhỏ. Rồi coi to lớn đềnh dàng vậy mà chạy lẹ hơn mấy chiếc bắc cũ, nhỏ gọn mới kỳ. Và còn có thêm tầng thứ nhì, với nhiều băng ghế dành cho khách bộ hành lên đó ngồi nghỉ chân, hóng gió, ngắm trời mây. Chỉ tội cho bác tài công, một mình một thân, phải leo cầu thang lên tuốt trên chiếc lồng cu nhỏ bé, gắn chơi vơi trên nóc bắc.

Hồi mới đem về nhiều người không quên thói "mới chuộng cũ vong, tham đó bỏ đăng," chẳng thèm đi bắc cũ. Cứ nấn ná chờ thêm độ mươi phút, nửa tiếng nữa sẽ được đi bắc lớn. Ít ra một vài lần cho biết với người ta và, dĩ nhiên, luôn thể cũng để tránh được cái cảnh bị sóng nhồi hoặc nước tạt lên người, ướt áo quần bất tử. Còn con nít thì ôi thôi khỏi nói, vì không phải mua vé đò cho nên kéo nhau cả đám, đeo theo bắc đi chơi qua lại hà rầm. Và may mắn thay cho những người ôm đàn cầm ca... giữa chợ đời hoặc những kẻ bán hàng rong kiếm sống qua ngày. Không phải dãi dầu mưa nắng nữa vì trên đầu, giờ đây, có được một mái che miễn phí, mát rượi.

Ánh nắng chiều bàng bạc chiếu trên sông làm tăng thêm vẻ đẹp nhấp nhô, lấp lánh của những lượn sóng vàng lăn tăn theo cơn gió nhẹ. Mặc dù đang nước ròng, mặt sông vẫn trải rộng mênh mông như một mặt hồ bao la, chạy dài từ đông sang tây, mút mắt ngút ngàn. Chiếc bắc lớn chầm chậm trôi lênh đênh giữa dòng, tiếng máy tàu đều đều rì rầm, u u ru ngủ. Lặng lẽ băng ngang sông Tiền Giang ở đuôi cồn Thới Sơn. Bỏ lại phía sau lái là cồn Rồng, nổi lên như một rặng đồi thẩm xanh, chạy xuôi ra biển tưởng chừng đến tận vàm Giao Hòa của kim An Hóa hay vàm Kỳ Hôn của kinh Chợ Gạo. Cạnh bên sườn đồi lúp xúp xanh rì đó, nổi bật lên một vệt màu nâu sậm của chiếc Amiral Charner rỉ sét, với những cột ống khói vẫn còn nghiêng nghiêng ngạo nghễ vươn cao. Một chứng tích trầm lặng, im lìm nhưng đã nói lên thật nhiều về những ngày tàn của cuộc thế chiến thứ hai. Những ngày Nhật đảo chánh Tây, những đợt tiêu thổ kháng chiến trên đường trở về chiến khu, những hằng triệu người chết đói, những máu lửa của mùa thu năm 45 đã một thời điên cuồng xảy ra trên đất nước Việt Nam mến yêu.

Bây giờ, nếu quay nhìn về phía trước mũi bắc thì trái lại, cảnh vật lau lách ở đuôi cồn Phụng đã đổi thay rất nhiều. Ở đó, từ lâu đã có chiếc thuyền bát nhã sơn xanh đỏ màu mè của ông Đạo Dừa, tựa như thuyền rồng của vua chúa ngày xưa, nằm chênh vênh trên cạn, lẫn khuất trong tàn bần, dẹt, tràm. Một trung tâm du lịch hay một biểu tượng của thời đại? Một vị hành giả đạo hạnh đã xuất hiện, nhập thế, dấn thân vào đời với một tôn giáo mới? Những tôn giáo mới chỉ đặc biệt thành hình và phát triển ở miền Nam. Như trước đây, đạo Cao Đài với đức độ pháp Phạm Công Tắc. Như đã có với đạo Hòa Hảo, lấy Tứ ân hiếu nghĩa làm trọng, do giáo chủ Huỳnh Phú Sổ, tức Phật thầy Tây An hay ông Sư vãi bán khoai, khởi xướng. Đằng này, một Hòa đồng tôn giáo như một kêu gọi bắt tay giữa chuột với mèo. Chỉ vậy thôi mà đã lôi cuốn hàng ngàn, hàng vạn tông đồ nâu sồng áo vải đang xúm xít đùm bọc lẫn nhau để lập làng, lập thánh địa riêng. Những ngôi nhà tranh vách lá, những quán tiệm nghèo nàn, èo uột thản nhiên mọc lên như cây cỏ bên đường. Càng ngày càng đông, càng lúc càng ồn ào náo nhiệt. Và, đương nhiên, càng đánh mạnh vào thị hiếu của khách thập phương. Ai ai cũng muốn đến thăm một lần cho biết và nhìn tận mắt Cậu Hai, tức kỹ sư hóa học Nguyễn Thành Nam, người đã sáng lập đạo. Học trò nữa, tội gì mà anh với em không tay trong tay làm một chuyến hành hương qua miền tình ái đầy yêu thương, kỷ niệm đó... để rồi, biết đâu, sẽ mãi mãi đi vào đời nhau như không bao giờ phai nhạt.

Chiều nay, Kim Yến lại thêm một lần nữa qua bắc Rạch Miễu. Một lần nữa đi ngang thôi chớ không ghé làng ông Đạo Dừa. Nhưng, lần đi này xem ra rất khác so với mọi khi. Vì không phải chỉ qua bên kia bờ Tiền Giang, vòng

vòng khu phố xá, tiệm quán, vườn tược chung quanh khu Tân Thạch với chúng bạn rồi về. Mà lần này nàng đi xa hơn, về tuốt bên làng Phú An Hòa, qua nhà chị bạn thân cùng lớp, chị Hồ Điệp, dạo chơi cho biết. Và rất có thể sẽ qua đò trên sông Ba Lai để tạt sang làng kế bên, làng Phước Thiện, quê hương của ông Đạo Dừa, nhìn tận gốc cái am nhỏ xíu xây cất đầu tiên trong đất nhà của ông. "Nếu tình hình cho phép...," chị Điệp có nói với Yến như vậy! Làm như Việt Cộng đã trở về và đã thành lập mật khu, căn cứ địa trên Xứ Dừa đến nơi! Mà cũng chính vì vậy, nàng càng muốn đi gấp gấp trước khi tình thế không còn thuận lợi. Để, nếu ai ăn ở đâu thì cứ ở yên đấy mà thôi. Tự do đi lại sẽ bị hạn chế hoặc thu hồi. Yến định hỏi Điệp thêm điều gì nữa về Phú An Hòa, nhưng nàng bỗng nghe tiếng ca trầm bổng:

Chiều xưa phai nắng dấu mòn đưa lối

Soi bóng chung đôi mà hóa chia phôi

Sương lạnh chiều đông vương tiếng gọi

Của người nguyện đợi chờ, nghẹn ngào giờ tiễn đưa

Chợt thấy lòng như rớt giữa hư vô

Đưa tiễn nhau đi ngại những đêm mơ

Đêm chập chờn buông lên giấc mộng

Em vẫn thường gặp anh, nhớ lúc xưa nơi sân... trường...

Mèn ơi, tiếng ca của người nghệ sĩ mù trên bắc Rạch Miễu! Nào có thua gì những tiếng ca điêu luyện của các ca sĩ nổi tiếng trên đài phát thanh đâu, Yến tự hỏi. Mặc dầu chỉ được đệm theo bằng những nốt nhạc véo von, tiếng bấc tiếc chì, của mỗi cây đàn ghi-ta trên tay ! Và sẽ tuyệt vời hơn nữa, nếu đừng để mắt đến cái hình ảnh một con người rách rưới, lang thang được dẫn dắt bởi một em bé mặt mũi quằn quện, lem luốt không kém, vì mồ hôi nắng gió suốt cả ngày! Nàng chợt thấy lòng mình se lại trước những khổ ải của nhơn gian! Vì đâu mà nên tội? Nhưng, tiếng ca ấy đã đổi giọng, rung lên từng tiếng nấc giữa rừng người và rừng xe đạp đang chen chúc một bên đò, mà trong đó, phần lớn là những cậu học trò và những cô nữ sinh mới lớn, vừa chớm nụ yêu đương:

Như ngày xưa vẫn gặp nhau nơi sân trường vắng lặng, gió thổi nhẹ hàng phượng già rung rung lá, mình ngồi bên nhau nhìn nắng rụng bên... thềm...

Trời ơi, sao mà mùi quá vậy nè trời! Đúng là rót mật vào lòng người! Ôi, vọng cổ hoài lang! Ôi, tân cổ giao duyên! Giọt nắng chiều lung linh rơi xuống mặt sông như đang ngừng lại, đổi tần, sáng lên, phụt một chút đèn màu phụ họa theo tâm tình cũng như tiếng tơ đồng rươm rướm máu, rưng rưng nước mắt của người nghệ sĩ. Vì tiếng đàn ghi-ta bỗng thêm réo rắt rạt rào, ngân nga xé lụa. Yến cảm thấy bồi hồi trong dạ, nửa muốn cầm tiền chạy đến bỏ vào ca, nửa ngại ngùng hãy chờ xem có ai đó bước ra làm trước. Nhưng chậm mất rồi, lại phải nghe tiếp:

Đẹp biết bao nhiêu thời tuổi ngọc êm... đềm! Tình trong sáng như tâm hồn mới lớn, đâu nghĩ đến một ngày hai đứa phải xa nhau... ơ... ơ...

Trời đất quỉ thần, thôi đi ông ơi, chưa gì hết mà sao lại phải xa nhau? Mà may quá, chẳng biết mấy chị lớn lớn đứng chung quanh mình có khổ đau trong lúc xa nhau hay không, nhưng riêng nàng, vì chưa có người tình nào hết nên nàng xin miễn. À, mà hóa ra người nghệ sĩ mù định đánh vào tâm lý và lòng thương người của đám học trò hay sao đây chớ? Coi bộ ổng cũng mánh mung dữ ha! Dám chắc, ngày qua ngày, ổng luôn luôn ca cái bản ruột này trong những lúc tan học về. Mà ngẫm nghĩ lại, không ít thì nhiều, ai ai cũng đều có một thời trải qua tuổi cắp sách đến trường hết. Như vậy lời ca này nào có phải cho riêng ai? Tuy nhiên, dòng suy tư của Yến chợt bị cắt ngang bởi tiếng nộ nạt của bà bán hàng rong:

"Cái ông mù này đứng xít qua một bên coi, tránh đường cho người ta đi coi. Tối ngày cứ chàng ràng, chộn rộn như vầy hoài thì bán buôn, làm ăn cái nông nỗi gì được nữa. Dang ra..."

Con nhỏ cầm tay ông mù như hiểu được những trắc trở sắp xảy ra, đưa tay quẹt mũi rồi ôm ngang hông, kề vai đẩy ổng nép sát vô thành chiếc xe đò phía sau. Tiếng đàn ca bỗng dưng im bặt, ông mù xuôi một tay giữ lấy cán đàn ôm vào người, tay kia mò mẫm vào thùng xe tìm chỗ đứng. Chị bán hàng rong quay ngang xề bánh trước mặt ông, bước qua, lanh lảnh cất tiếng rao:

"Ai bánh quai vạt, bánh hạnh nhân, nhưn đậu xanh nước dừa đường cát trắng hôn..."

Yến thấy tội nghiệp cho ông mù và con bé quá! Họ đột nhiên bị rơi vào tình thế lép vế như những viên đá nhỏ trước bánh sắt hủ lô! Rõ ràng hai ông cháu đang bị cái bà sồn sồn quần đen, áo vải ú mốc thích mốc cời, và đầu quấn khăn rằn kia xử ép. Ối mà thôi, chuyện đời là vậy, đâu đâu cũng có cảnh mạnh được yếu thua. Mà hẳn không riêng gì nàng cảm thấy như thế, vì bàng quang thiên hạ xung quanh đều như cảm thông cảnh ngộ, đưa mắt ngơ ngác nhìn. Có một anh chàng mặt mày sáng láng bảnh bao, phù hiệu Nguyễn Đình Chiểu thì phải, đem bỏ vào chiếc ca nhôm mấy đồng bạc lẻ. Tiếng kim khí chạm vào nhau rổn rảng, chói tai. Con bé thò bàn tay nhỏ xíu vét lấy bỏ vào túi ông mù, đồng thời vội vã cúi đầu nói tiếng "cám ơn ông bà" như cái máy. Rồi như có phần nào mắc cỡ vì bị bà bán hàng rong lấn lướt trước mặt mọi người, con bé bẽn lẽn níu tay ông mù kéo ông lần đi nơi khác. Than ôi, có lẽ "sanh lão bịnh tử" như Phật dạy không chưa đủ, mà quả thực trên cõi đời này, đã còn nhiều cảnh ngang trái, thương tâm hơn nữa. Nàng muốn bước tới mà cứ lẳng lặng chồn chân, lõ mắt ngó lom lom một hồi, rồi bất giác buông tiếng thở dài. Đúng là... *chợt thấy lòng như rớt giữa hư vô...*

Nhưng, tiếng Hồ Điệp đã lôi nàng về với thực tại:

"Yến, nhìn phía xa xa kìa, có thấy cái cồn mới nổi kia không?"

Nàng quay lại, nhìn theo hướng ngón tay chỉ của Điệp rồi trầm trồ:

"Ồ, lạ quá hén! Trông giống như một con trâu nước hay con rùa biển nổi lên giữa dòng. Mà nó tên gì vậy chị?"

"Yến hỗn lắm đó mới có dịp

HỒ ĐẮC VŨ

TIÊN SAY

Đêm một mình
Uống rượu suông
Say!
Xòe tay mãi
Coi đường nhân duyên.
Tử vi nói:
Có gốc tiên
Nên đành
Nhắm mắt
Ngồi yên
Một lần.
Miệng đọc kinh
Tâm phân vân
Cho nên
Huệ giác
Sượng trân
Hết rồi
Nhìn ly rượu
Nụ ai cười
Ta đành
Uống cạn
Thành người
Thế gian.

nhìn tận mắt cái cồn mới nổi này. Vì phải đợi đến lúc nước ròng sát như bữa nay mới thấy được, chớ bình thường nó chìm lỉm dưới mặt nước. Chị không biết tên của nó là gì nữa. Có người gọi là cồn Qui, vì mình đã có cồn Rồng, cồn Phụng. Có người gọi là cồn Tân Long, ý nói cồn Rồng Mới. Cũng có người gọi trắng ra là cồn Bần cho gọn, vì như Yến thấy đó, bần đã mọc đầy trên cồn.

"Ửa, lạ quá, cồn ngập nước đáng lý ra chỉ thấy bùn đen hoặc cát vàng thôi, chớ sao lại có cây cỏ mọc xanh rì trên đó được hả? Không chết, không úng thủy mới kỳ ha!"

"Mình thấy nhỏ vậy chớ người ta nói cái cồn này đã được bồi đắp hằng chục năm qua rồi đó. Một khi có cây cỏ mọc bám lên cồn thì lẹ lắm, chỉ cần một hai chục năm nữa thì nó sẽ lớn không thua gì cồn Rồng, cồn Phụng đâu."

Yến vẫn thường nghe ông bà mình nói rằng sở dĩ cồn nổi lên được là tại vì có một con sấu già, còn gọi là con cù, nào đó, đã đến lúc muốn đi tu, nhằm ăn năn hối lỗi đã giết hại không biết bao nhiêu mạng người và luôn cả loài cầm thú, nên cố tình nằm im một chỗ dưới lòng sông để cho cát, bùn phù lấp dần. Trở thành cồn, cù lao. Nhưng, sau nhiều năm tu luyện, cù có thể được phước để trở thành rồng, cựa mình, bay bổng về trời làm cồn sụp đổ, thủy táng mọi thứ xuống sông, mà người đời thường gọi hiện tượng này là cù dậy. Chẳng biết có thật hay không, hay chỉ là huyền thoại nhằm khuyên người đời hãy nên làm lành lánh dữ. Nếu những ai cố tâm, dốc lòng tu thân dưỡng tánh thì nghiệp quả dẫu có ngàn cân đè nặng trên lưng, như cái cồn trên lưng cù kia, rồi cũng có ngày hóa giải được. Đến ngay cả loài bò sát như cù như sấu kia mà cũng còn hưởng được duyên phần căn cội, mọc cánh thành rồng thì còn phải nói! Nàng bâng khuâng tỏ bày cảm tưởng với bạn:

"Quả là chuyện vật đổi sao vời chị Điệp hả?"

Điệp hiểu ý, nói theo Yến, rồi bất sang chuyện khác:

"Ửa, chuyện biển dâu của đất trời ấy mà! Nhưng mà thôi, mình hãy chuẩn bị lên bắc là vừa."

Yến quay về phía trước. Chiếc bắc lớn đã bớt máy, đang chạy chầm chậm tiến vào cầu nổi từ phía hạ dòng. Cầu nổi là một khối xi-măng rỗng ruột, hình hộp, chìm sâu dưới nước chỉ còn lé đé năm bảy tấc nổi trên không. Trồi lên hụp xuống theo con nước lớn ròng, dọc theo các trụ đứng. Bắc có thể ủi mũi cặp vào ba vị trí, thượng hạ nguồn và ngoài khơi, tùy theo con nước. Mặt trong bờ, cầu nổi được nối với đất liền bằng một cầu sắt sơn đen, lót đà gỗ ngang, rộng vừa đủ cho những chiếc xe hàng, xe đò to lớn nhất. Một đầu được giữ chặt trên nền đất và đầu kia tự do di chuyển lên xuống giống như một cái đòn cân. Mấy lúc nước ròng vực xuống thiệt thấp như lúc này, đi lên cầu như đi lên một con dốc thiệt cao, nhìn lên mỏi mắt, thấy bắt ngộp.

Không giống như xe cộ, hễ xe nào xuống trước thì sẽ chạy lên trước, khách bộ hành lên xuống theo kiểu tùy hứng. Hễ có vé trong tay thì tà tà xuống bắc tìm chỗ đóng đô. Ngoại trừ những người dẫn theo xe đạp như phần đông lũ học trò ở xa, vì không thể dắt xe lên cầu thang cho nên đành phải chen chân đứng dọc theo hai hành lang bên hông tàu. Chớ hầu hết hành khách đi bộ đều leo lên mui, tìm băng ngồi nghỉ ngơi, hóng mát. Vì cũng đến hơn bốn mươi lăm phút hoặc cả tiếng đồng hồ mới đến nơi. Ấy vậy mà lúc xuống bắc, đám khách không vướng bận hành lý, chẳng tay xách nách mang kia lại từ trên mui cao ùn ùn đổ xuống, để lăm le

giành đi trước mới khổ. Lại mạnh đi trước yếu đi sau như một lý lẽ của sự tuần hoàn trong trời đất.

Sau mấy lần nhận dấu hiệu bằng những cái khoác tay tới, lui, ngừng lại từ người nhân viên sân trước và sau mấy lần gõ kiểng leng keng liên lạc với hầm máy để tiến, lùi, ngưng nghỉ, bác tài công đã lần hồi cho bắc ủi nhẹ, cặp êm vào cầu nổi. Hai sợi cáp to cỡ, có làm sẵn cái khoen tròn ở cuối dây, đã được tròng vào trụ cột giữ an toàn cho bắc khỏi trôi. Tấm bửng phía trước mũi được từ từ hạ xuống bằng một máy quay tay, do người nhân viên phụ trách sân mũi điều khiển.

Phút giây chờ đợi đã đến, mọi người nhốn nháo lần lượt túa ra, bước lên cầu nổi. Với hơn một phần ba là đám học trò. Ồn ào nói cười trò chuyện, lấn át cả tiếng máy tàu đang chạy rù rì, ga-răn-ti. Phụ với Điệp một tay, Yến vịn vào pọt-ba-ga đẩy chiếc xe đạp lên dốc cầu. Phải cẩn thận kẻo bị rớt guốc hay kẹt vào kẽ hở thì nguy. Chỉ cần đoàn người ngợm đi phía sau dẫm chân, bước lên xác mình mỗi người một bước thì cũng đủ chết.

Quang cảnh trên bờ lại càng rộn rịp, giựt giành, tranh hơn tranh thua dữ hơn nữa. Những gian hàng trái cây, bánh kẹo, nhứt là kẹo chuối dầy dẫy. Những chiếc xe nước mía, sữa đậu nành, đậu đỏ bánh lọt, cũng hàng hàng lớp lớp. Rồi thụt vào bên trong một chút là những tiệm hủ tíu, tiệm phở, tiệm cà phê. Đâu đâu cũng có kẻ bán người mua. Và tiếp ngay theo đó là bến xe lam về Bến Tre đậu phía bên này, và bên kia là bến xe đò đi xuống An Hóa, Bình Đại hay đi lên An Khánh, An Hội. Đó là chưa kể những chiếc xe gắn máy lôi, xe tàu mo, đậu dọc theo vệ đường. Tiếng mời mọc, trả giá, gọi nhau ơi ới dường như cứ đều đặn diễn ra mỗi lần bắc cặp cầu, Yến nghĩ. Nàng hỏi thêm:

"Chị Điệp, từ Tân Thạch về đến Phú An Hòa bao xa vậy?"

"Không xa lắm đâu, chừng bốn năm cây số là cùng! Ngồi lên đi, chị chạy một mạch độ khoảng một giờ trở lại là sẽ tới nhà! Mà mình phải chạy nước rút dẫn đầu, không nên để bọn con trai ở phía sau bắt kịp, cho đỡ phiền phức. Tụi nó tuy có sức nhưng thường hay tụ lại thành bầy, chạy cà rề cà rề, tán hươu tán vượn, đùa giỡn dọc đường."

Yến liền làm ngay theo lời Điệp nói, vén tà áo ghé mông ngồi lên yên sau. Điệp cũng đã tròng sợi dây thun ràng lại ống quần cho khỏi bay dính vào sên, sẵn sàng tiến tới. Ở phía trước, một vài tà áo trắng cũng đã thấy phất phơ trong gió. Trông như những cánh buồm thẳng hàng nối đuôi nhau trên một dòng sông nhỏ, đang tiếp tục lềnh đềnh trôi.

Một tiếng đồng hồ thong dong trên "Liên tỉnh lộ 6" như đã ghi rõ ràng trên cột cây số, Yến thầm hỏi. Kể ra cũng xa và mệt đó chớ, nàng tự trả lời! Mà cũng hên, vì trời chiều đã xuống thấp và dịu mát nhiều lắm rồi. Ánh nắng nhạt vàng pha lẫn sắc hồng của ráng chiều trên cao, xiên xiên chiếu trên thân cây, ngọn lá làm dài thêm bóng mát như trải đều từng khoảng trên mặt lộ. Cách vệ đường một con mương, phía sau kia là vườn tược điệp trùng, có những chỗ thấy toàn là dừa với dừa, chi chít cao thấp khác nhau. Xen lẫn trong đó, thỉnh thoảng hiện ra một mái lá đơn sơ, khói cơm chiều nghi ngút bốc cao như những vầng sương mỏng. Một hình ảnh thanh thản yên bình, một tiếng nói dịu dàng mộc mạc của chốn làng quê. Rất phù hợp với những tâm hồn mới lớn, tuổi học trò thơ thới, hồn nhiên...

Điệp lên tiếng giải thích:

"Đây là Cầu cống số một! Yến cứ đếm đủ ba cây cầu cống thì chị em mình sẽ đến ngã tư Trúc Giang, coi như hơn nửa đường. Từ chỗ đó, có hai ngã về nhà chị. Một là chạy thẳng tới một dỗi nữa, gần đụng cầu Ba Lai, rồi quẹo vô lộ Thầy Tư Vinh. Hai là theo lộ đá về Bình Đại, chỉ một khoảng ngắn thôi, rồi quẹo vô lộ Điệp, con lộ mang tên của chị thiệt đó! Nhưng người ta không đặt tên để kỷ niệm một người còn sống nhăn răng như chị đâu, sở dĩ con lộ mang tên này là vì dọc hai bên lộ có trồng rất nhiều cây điệp. Không phải điệp phượng vĩ của mình, mà chỉ là điệp me tây thôi! Tuy nhiên, đến mùa hè cũng trổ bông dỏ ối như ai, đẹp mê tơi đi nghe Yến."

"Chị muốn nói lát nữa mình sẽ về nhà bằng con lộ đó?"

"Ý, không được đâu! Ngã đó hơi xa mà mình coi bộ không đủ thì giờ! Chi bằng hãy để dành cho bận về, lúc ấy mình thư thả, rảnh rỗi hơn!"

Lụi hụi, không mấy chốc, đã đến Cầu cống số hai! Tiếng nước chảy róc rách qua cầu, qua cống đá xi-măng cốt sắt thì đúng hơn, còn nghe được trong cơn gió thoảng. Hòa lẫn với tiếng bánh xe đạp chạy ro ro trên đường nhựa. Nơi đây cũng vậy, vườn tược phủ trùm những mương những liếp, mất hút trong mắt sâu. Bên này bỗng có một ngôi nhà thờ và bên kia một cái trường học im vắng trong nắng chiều. Xa xa, thêm một đoạn nữa mới có một ngôi nhà cất chồm ra mặt lộ. Rồi tiếp đến, lại âm u với những thân dừa lá ngọn trên cao cùng những bụi chuối và những chòm mận phất phơ dưới thấp.

Kể ra nàng cũng bạo gan lắm khi nhận lời mời của chị Điệp đi về quê chơi, Yến nghĩ. Mà không đi cũng không được, bạn bè phải có qua có lại với nhau, nếu chỉ một chiều thì trước sau gì cũng mỗi người mỗi ngã. Bà Điệp đã đôi ba lần đến nhà nàng rồi, thì bây giờ đến phiên nàng phải đáp lễ. Mới giữ được tình thân, mới còn thắt chặt mối dây liên hệ. Nhưng Yến có mục đích của mình, nàng muốn anh Hiếu của nàng xáp lại cùng người bạn gái đẹp nhứt lớp, nhứt trường. Còn bà Điệp thì sao? Chẳng lẽ bả cũng định dụ mình về nhà đặng câu vô cho anh của bả, anh Hòa, Lê Phú An Hòa anh của Lê Lan Hồ Điệp, mà nàng đã có gặp một lần. Nếu đúng như vậy thì coi bộ không ổn vì giữa Điệp và nàng rồi ra sẽ ai chị ai em? Kỳ hén! Mà chắc anh Hòa cũng chẳng để ý gì đến nàng đâu, chỉ xem nàng như một đứa con nít đỏn, hỉ mũi chưa sạch thôi, nàng tự nhủ như vậy.

Vừa đến chỗ vui nhộn, Cầu cống số ba, có nhiều căn nhà cất khít nhau ở sát mặt đường, bỗng có một đoàn xe đạp từ phía sau ùa tới và có tiếng nói con trai inh ỏi bên tai:

"Ô, tưởng ai xa lạ, ai dè chị Điệp, mạnh giỏi chị? Lâu ngày

dữ nghe! Sao, chị thích ở trọ bên Mỹ Tho luôn hay là muốn làm lại cuộc đời, đi đi về về với tụi này cho có bạn?"

Điệp cũng chẳng cần khách sáo:

"Ê, Lâm đó hả, mạnh giỏi? Còn mấy ông tướng kia đâu, Hiển, Chiêu, Thuận?"

"Tụi nó đang chạy tới từ phía sau kìa!"

"Đi đi về về? Thôi đi, lâu lâu cà rịch cà tang một chuyến như vầy không sao, chớ ngày nào cũng đạp tới đạp lui trên con đường này hoài coi bộ ngán quá. Mệt lắm!"

Cả bọn con trai xông lên, đạp rề rề một bên hông như muốn vây lấy Điệp vào giữa. Toàn là bạn bè quen, cùng làng cùng xóm. Tiếng chào hỏi vang rân. Lại có một tên khác vừa trờ tới, xen vào hỏi cắc cớ:

"Chị chở ai vậy chị Điệp? Em bà con của chị hả?"

Yến liếc nhẹ một cái về phía tiếng nói và bỗng hơi giựt mình. À, thì ra đó là anh chàng bảnh trai đã cho ông mù dưới đò mấy đồng bạc lẻ. Chắc là con của ông phú hộ hay điền chủ gì đây, nàng nghĩ thầm. Vì chàng ăn diện coi bộ sang cả quá: áo *nilfranc* trắng, quần *tergal* xanh sắc lẻm và thêm đôi giày *bata* mới nữa. Vậy mà sao hắn không thuê nhà ở luôn bên chợ Mỹ Tho cho tiện ha! Hay lại thêm một tên công tử miệt vườn càng giàu càng kéo không ra nữa đây? Điệp đùa giai, trả lời tỉnh bơ:

"Ừa, đó là em bà con bạn dì của chị đó! Chiêu có muốn làm quen hay không đặng chị giới thiệu?"

Nữa, bà này lại dóc tổ nữa rồi, Yến than thầm! Bà con cái gì đâu mà bà con? "Chị dâu em chồng" thì họa may có phần trúng! Nếu tương lai xảy ra đúng như dự tính của nàng! Nhưng cái anh chàng Chiêu kia lại cũng lì lợm và khôn vặt không kém, đã trả lời câu hỏi có hơi ngỡ ngàng, sổ sàng, hốc búa đó bằng một câu hỏi khác:

"Cuối tuần này anh Hòa có về không, chị Điệp?"

"Chi vậy?"

Chiêu cười hề hề:

"Chị sao khó tánh quá! Thì có ảnh về tụi này mới có cớ để kéo lên nhà chị chơi chớ chi. Tối ngày chị cứ chuyên môn bắt nạt em út không hà."

Chà, mới đó mà đòi làm em út bà Điệp rồi ta! Có nói thiệt như lòng mình hay không đây, anh bạn? Khuôn mặt Chiêu nhìn ngang cũng có nét ớn. Trán cao, mũi thẳng, tai dài, mái tóc bồng bềnh trong gió. Mỗi lần quay sang nói chuyện với chị Điệp đã để lộ cặp mắt sáng như sao, nằm dưới cánh chun mày rậm và đều. Đẹp trai đó chớ! Ô hay, hình như mình đã khen? Nhưng mà điều đó không mấy gì cần thiết, trai tài gái sắc mà lại. Để coi anh chàng còn có thêm những cái tài gì, ngoài cái tài... tán gái. Hy vọng là ngày mai sẽ gặp lại. Và may mắn thiệt, Điệp đã trả lời đúng theo ước mộng của nàng.

"Tới lứa giựt dừa mà anh Hòa không về sao được, bộ hổng sợ ông bà già la cho mà tắt bếp à! Mà này, hay là nhứt cử lưỡng tiện, ngày mai Chiêu cứ tới nhà chị chơi, biết đâu nếu mình không tổ chức đi quảy dừa lúc ban ngày thì cũng có thể làm màn lột dừa dưới trăng ban đêm vậy."

"Ừa, để rồi Chiêu sẽ tính. Có thể rủ tụi Thuận, Hiển đi cùng. Ê, Lâm, mày có muốn đi theo bọn tao không? À, có thể mình sẽ đắp bờ tát mương, kiếm một mớ tôm làm gỏi đãi cô em của chị Điệp một bữa chớ. Cho cổ biết qua hương vị quê hương miệt vườn của mình. Chẳng hay cổ tên gì vậy chị?

Úi chà, đừng khai bất tử nghen bà Điệp! Định ăn gian hả bạn? Vừa hỏi tên mà còn vừa liếc ngang liếc dọc mình nữa, khổ ghê! Nhưng hên quá, Điệp đã cứu bồ Yến:

"Phải hối lộ cho chị cái gì chị mới tiết lộ bí mật cho Chiêu biết chớ, đâu có vụ nói khơi khơi danh tánh của người đẹp ra như vậy được nà!"

Đã đến ngã rẽ tâm tình, ngã tư Trúc Giang, bọn con trai đành phải chia tay. Chỉ mình Lâm quẹo lên hướng tây bắc, đi về miệt An Khánh, An Hội. Ba tên còn lại tẻ xuống hướng đông nam, về các làng lân cận như Phú Thành, Lộ Điệp, Quới Sơn, Lộ Ngang... tiếp giáp với các làng Giao Long, Giao Hòa, An Phước. Chiêu còn nói với theo:

"Chị không nói nhưng trước sau gì Chiêu cũng biết hà. Hổng chừng trưa mai tụi này kéo lên nhà chị chơi đó. Không có anh Hòa cũng chẳng sao, chị nên chuẩn bị đi là vừa. Gởi lời kính thăm hai bác Tư nghe chị Điệp."

Điệp chẳng thèm trả lời trả vốn gì hết, lẳng lặng đạp thẳng một nước. Một khoảng đồng trống rồi lại đến mí vườn. Trong khoảng đồng trống đó, bên tay phải đặc biệt hơn, có dinh quận Trúc Giang. Một ngôi nhà nền đúc phông-tô, tường gạch quét vôi vàng, mái lợp ngói mốc đỏ au. Phía trước có một cái sân rộng và giữa sân có dựng một cột cờ bằng nhôm trắng thiệt cao. Dinh quận và gia đình các nhân viên hành chánh được bảo vệ bởi một đơn vị Địa phương quân. Khu gia binh lợp tôn, vách ván của lính cất xung quanh một cái chợ. Bên ngoài, lần lượt có một con đê đắp cao với nhiều lỗ châu mai và chòi canh, rồi tới giao thông hào với nhiều vòng kẽm gai giăng mắc hai bên bờ. Hệ thống phòng thủ có vẻ chắc chắn, cẩn thận. Tuy nhiên, có điều là Việt Cộng không mấy khi tấn công căn cứ nay, vì bốn phía đều là đồng không mông quạnh dễ bị phát giác. Mà chỉ từ xa pháo kích vào thôi. Bởi vậy, ở những khu vườn tiếp cận, nhứt là dãy vườn dừa từ mí ruộng bên hông dinh quận chạy dài tới cầu Ba Lai, đêm cũng như ngày đều có những cuộc hành quân truy lùng và tảo thanh địch.

Khi gần tới lộ Thầy Tư Vinh, còn gọi là lộ Phú Nhơn, Điệp nhắn nhủ với bạn:

"Yến, có thấy cây cầu Ba Lai lờ mờ trước mặt không?"

"Ồ, thấy rồi! Coi bộ cao lớn quá hả? Lát nữa mình có đi qua cầu không vậy chị?"

"Không, ngã rẽ vô nhà chị ở phía dưới này một chút. Cũng chẳng gì đặc biệt lắm đâu, vì cầu Ba Lai có cùng một kiến trúc so với cầu Tân An, cầu Bến Lức nằm trên đường đi Sàigòn. Chỉ có khác một chỗ là hổng có đường xe lửa chạy ngay chính giữa cầu. Ối, Tây á mà, tụi nó cất cầu nào cũng giống như cầu nào, toàn là bằng sắt, sơn đen, lót ván. Yến có qua cầu Tân An, Bến Lức lần nào

chưa?"

"Chưa chị, em chưa có dịp nào để lên Sàigòn hết."

"Thôi để mai mốt, lúc nào rảnh chị sẽ chở Yến lại dằng đó coi cho biết. Bây giờ phải chạy rút về nhà, kẻo tối."

Dứt lời, Điệp liền quẹo trái vào con lộ đá đỏ rộng lớn, đủ chỗ cho hai chiếc xe lam hay xe du lịch chạy ngược chiều, tránh nhau mà không cần phải bớt ga. Con đường như đã nói lên sự giàu có, cấp tiến của dân chúng trong làng đã một thời theo Tây học. Con đường dẫn vào dinh thự, nhà lầu của những người, từ lâu, đã trở thành những địa chủ, ruộng vườn cò bay thẳng cánh chó chạy cong đuôi.

Tiếng bánh xe đạp cán trên những viên sỏi nhỏ bắt đầu kêu to hơn, rồ, rồ, rồ... Yến như còn luyến tiếc, ngoái nhìn cây cầu Ba Lai lẫn khuất sau hàng dừa một lần cuối, rồi mới ngó thẳng về phía trước. Con lộ đá đỏ quanh quẹo như một con rắn lớn, màu gạch tôm, trườn lên những liếp dừa màu đen xám. Trên đầu, nhiều nơi cành lá giao nhau che khuất trời mây. Bóng chiều đã xuống thật thấp, chỉ còn thỉnh thoảng lóe lên một vài tia nắng lơ lửng, muộn màng trên đọt dừa xanh.

Yến cảm thấy như Điệp và mình đang đi lạc vào chốn không người vì chung quanh nàng không thấy một ngôi nhà nào cả. Nàng đâm lo âu, sợ sệt như có một sự nguy hiểm nào đó đang chờ đợi hai đứa, và ước gì phải có lũ con trai ban nãy đi cùng. Nhứt là cái anh chàng đẹp trai, sáng láng, và bạo dạn tên Chiêu kia. Ô hay, sao chưa chi mình đã nghĩ đến người ta! Nàng chợt cảm thấy mắc cỡ, nhột nhạt với chính mình! Rồi tự bào chữa rằng nàng chỉ nghĩ tới Chiêu phòng khi có việc gì bất trắc xảy ra mà thôi! Anh hùng ôi, hãy làm ơn ra tay nghĩa hiệp khi giai nhân gặp nạn nghen! Mà hình như Điệp và nàng sắp sửa gặp nạn thiệt! Vì cây cầu đúc bắc ngang qua con rạch lớn đã bị Việt Cộng giựt sập và thay thế vào đó bằng một cây cầu khỉ, với hai thân dừa lão dài thườn thượt giữ dính vào nhau bởi những thanh gỗ nằm ngang. Đã vậy rong rêu lại đóng xanh dờn vì những lần bị nước ngập nữa chớ. Lơ tơ mơ có thể bị trợt, lột tòm xuống nước. Thấy chị Điệp lột guốc đi chưn không, chầm chậm dẫn xe qua mà tội. Phải chi có Chiêu ở đây, mượn chàng cõng giùm con ngựa sắt này thì đỡ biết mấy. Yến bắt chước làm theo và để cho chắc ăn, nàng bèn đi hai hàng, bước từng bước một trên hai thân dừa. Mà tệ thiệt, sao không ai thả bậy cho khách qua đường một cây sào cầm tay cho vững bụng vậy cà?

"Mình còn qua hai cây cầu dã chiến như vầy nữa thì sẽ tới nhà. Chắc lúc đó trời cũng sẽ nhá nhem tối. Thôi, ngồi lên đi, Yến!"

Yến thẩn thờ ngồi lên pọt-ba-ga mà hồn để tận đâu đâu. Nhìn con đường vắng vẻ, quanh co trong cảnh chiều trước mặt, thiệt không khác gì lời diễn tả êm đềm của nhạc bản mà nàng đã nghe ông mù ca dưới đò: *Chiều xưa phai nắng dâu mòn đưa lối...* Nhưng nàng muốn dừng ngay lại đó, không buồn nghĩ đến câu thứ hai đượm nét ly bôi...

Rồi tưởng là xa, ai dè không bao lâu, hai cây cầu dừa bắc trên hai con rạch nhỏ, hai đoạn đường ngắn nối tiếp rồi cũng đã qua. Điệp thở phào, khoan khoái quẹo vô lối mòn dẫn vào nhà.

"Tới rồi đó, Yến!"

Yến nhìn quanh quất và có hơi ngạc nhiên không hiểu vì lý do gì mà dân làng lại không thích cất nhà sát mặt lộ, mà sụt vào trong, tối thiểu cũng năm bảy liếp dừa, khuất bóng trong tàng cây ăn trái. Một ngôi nhà ngói, vách bổ kho, nền đúc đá ong cao tới ngực lờ mờ hiện ra trong màn đêm xuống vội. Bên trong nhà đã đỏ đèn, ánh sáng leo lét từ ngọn bong bóng lớn không xua đuổi nổi bóng tối đang lan tràn đến hàng hiên trước. Tiếng cúm núm, nhéc nhen thỉnh thoảng vọng lại từ xa. Một vài tiếng chim lẻ bạn thảng thốt kêu giữa trời cao trên đường tìm về tổ ấm. Cuộc đời miền quê sao có vẻ u buồn tẻ lạnh quá, nàng bỗng nghĩ. Giúp bạn một tay, cả hai đẩy nhẹ chiếc xe đạp lên bậc tam cấp.

Nghe tiếng động, má Điệp bước ra vừa mừng, vừa la:

"Mèn đét ơi, sao con về trễ quá vậy Điệp? Đã biểu đừng đi như vậy nữa, dạo này nguy hiểm lắm con không biết sao? Còn đứa nào đây?"

"Dạ, thưa bác..."

"Nó tên Yến, má! Bạn học cùng lớp với con đó. Con rủ nó về nhà mình chơi cho biết. Chiều chúa nhựt, hai đứa tụi con sẽ trở qua Mỹ Tho. Ba đâu má? Anh Hòa đâu má?"

Bà già chẳng màng trả lời con, mà lại hỏi lại rồi tự giải thích luôn một mạch:

"Tụi bây có bị ai xét hỏi dọc đường không vậy? Lóng rày không như lúc trước đâu! Hễ cứ chạng vạng tối là tụi nó xách súng ngựa trời, bá đỏ đi nằm đường chống thám thính. Ôi thôi, cái đám quỉ đó nó ác độc lắm! Già trẻ lớn bé, đàn bà con nít gì gì nó cũng chẳng từ, hổng tha. Cứ cắt cổ, mổ bụng riết chắc là dân làng này phải bỏ xứ mà đi. Tình hình sao mà mỗi ngày một tệ. Thôi, đi tắm rửa rồi lo cơm nước đi con."

Điệp nhìn Yến rồi quay lại nói đùa với má nàng như để trấn an bạn:

"Gì mà dữ vậy, má! Cùng lắm thì tụi con sẽ thức suốt đêm, thay phiên nhau đánh mõ hồi một cho ba má ngủ chớ lo gì!"

Má nàng vội nói:

"Thôi, đừng có ở đó nói xàm nữa con ơi!"

Điệp cười vang rồi thân mật nắm lấy tay bạn kéo về căn buồng riêng. Thay đồ ngắn rồi hẳng tính gì thì tính, nàng nhủ thầm. Yến thản nhiên đi theo bạn, lòng hân hoan nghĩ đến ngày mai, như không còn xa lắm. Và trong thâm tâm nàng, rõ ràng chuyến đi này xem ra có nhiều ý nghĩa, ẩn tình, kỷ niệm không dễ gì quên. Bỗng nàng như "xuất khẩu thành thơ," vỡ ra trong đầu những rung động mộc mạc, chân thành:

Chiều nao em đến thăm Phú An Hòa

Tình anh sao mãi vấn vương đường xa

Dừa xanh phất phới bay trên đầu gió

Đã trong em thương nhớ tuổi học trò...

Bên ngoài, chiều Phú An Hòa dường như đà tắt hẳn, đã âm thầm nhường lại mọi thứ cho một đêm lồng lộng ánh trăng rơi...■

BIÊN KHẢO VĂN HỌC CỦA VÕ PHIẾN

THẾ UYÊN

THƠ MIỀN NAM (1954-1975) tập I của VÕ PHIẾN, do Văn Nghệ xuất bản, Cali., USA 1991. 130 trang. Địa chỉ phát hành: Văn Nghệ, 10881 Oak Street, Stanton, CA 90680, USA. Giá đề USD 6.00.

TRUYỆN MIỀN NAM (1954-1975) tập I của Võ Phiến, cũng do Văn Nghệ xuất bản, 146 trang, giá đề USD 6.00.

Các chế độ đủ loại của con người xây dựng ra tiếp tục theo nhau qua, kể cả chế độ mà đã có thời kỳ nhiều người tưởng rằng có thể "muôn năm trường trị nhất thống giang hồ" là chế độ Cộng sản. Một trong những cái còn tồn tại sau khi một chế độ đã tiêu tùng, đó là văn học. Sự tồn tại của văn học bền vững đến nỗi lắm khi cái dân tộc đã tạo ra nền văn học ấy đã diệt vong, văn học vẫn cứ còn như thường.

Chính bởi thế mọi nỗ lực tiêu diệt văn học của một Tần Thủy Hoàng thời xưa hay Đảng Cộng sản Việt Nam sau 1975 sẽ không đưa tới đâu hết. Mọi nỗ lực đốt sách, xay sách thành bột giấy, chôn hay nhốt nhà văn trong các trại cải tạo đều không dẫn tới một kết quả bền vững nào. Bởi thế cuộc sống của quốc gia miền Nam phù du có 21 năm, nhưng nền văn học độc đáo và phong phú của nó vẫn cứ tồn tại, trong nội địa cũng như hải ngoại.

Nhưng nếu xét về phương diện cụ thể, vật chất, và nếu dùng một từ sáo ngày xưa là "sau cơn binh lửa" thì nền văn học miền Nam năm ấy bị tổn hại nặng nề về phương diện tài liệu. Những gì còn giữ được trong một số thư viện Việt Nam hiện nay vẫn chưa được mở cửa cho công chúng. Những gì tồn tại ở hải ngoại thì phong phú hơn, nhất là trong các thư viện lớn của Pháp và Hoa Kỳ. Mức độ phổ biến của các tác phẩm của nền văn học này tương đối cao, một phần vì các thư viện mở rộng cho công chúng, một phần nữa, quan trọng hơn, là do nỗ lực tái bản các sách trước 1975 của hai nhà xuất bản chuyên nghiệp Xuân Thu và Đại Nam, tăng cường thêm bởi nhà Văn Nghệ, An Tiêm...

Mặc dù có thế, việc tổng hợp và phân tích nền văn học ấy vẫn là cần thiết cho tất cả. Bởi vậy nhà văn Võ Phiến đã làm một công việc hết sức đáng khen và cũng hết sức cần thiết khi viết cuốn "*Văn học miền Nam, tổng quan*" (nhà xb Văn Học, Cali., USA). Đây là một biên khảo văn học thuộc loại dễ đọc và quyến rũ độc giả bởi vì Võ Phiến đã dùng thể văn kể lại xen kẽ với lối biên khảo thông thường. Đọc cuốn này của ông, độc giả thú vị thưởng thức, không phải một đống chương mục khô khan, mà một thực thể sống động. Để đạt được những đặc tính ấy, Võ Phiến đã không ngại mở rộng các ghi chú của mình sang đến cả địa hạt sinh hoạt thường nhật và tác phong của các văn nghệ sĩ.

Giá trị của "Văn học miền Nam, tổng quan" còn có tính cách thực dụng nữa. Không ít trường hợp những trí thức Mỹ đã hỏi người Việt về nền văn hóa văn học thời Việt Nam Cộng Hòa, và người bị hỏi chỉ có cách cầu cứu tới cuốn biên khảo của Võ Phiến thôi. Ngay bản thân người điểm sách cũng vậy. Trong hai lần được yêu cầu làm seminar cho sinh viên Đại Học miền Bắc Hoa Kỳ, người điểm sách đều mang cuốn sách của Võ Phiến ra, nhìn vào đó mà soạn bài thuyết trình phải có bằng tiếng Anh.

Nhưng chỉ dùng "*Văn học miền Nam, tổng quan*" ấy trong việc phác thảo những nét chính thôi, còn dẫn chứng thì phải tìm lấy. Võ Phiến cũng biết rõ như vậy nên ông viết tiếp về từng giác giả của thời kỳ văn học này với dẫn chứng cẩn thận. Hai cuốn "*Thơ miền Nam*, tập I" và "*Truyện miền Nam*, tập I" được xuất bản theo chiều hướng soạn thảo này.

THƠ MIỀN NAM tập một

Trong tập đầu về thơ này, Võ Phiến giới thiệu và phê bình được tám nhà thơ: Anh Tuyến, Bàng Bá Lân, Giản Chi, Hoàng Hương Trang, Phạm Công Thiện, Phạm Thiên Thư, Tô Thùy Yên và Trần Bích Tiên.

Chúng ta thấy danh sách này hơi lộn xộn. Hai vị đầu là di sản văn nghệ tiền chiến (trước 1954), Giản Chi thì đa số chỉ biết tới ông như một nhà biên khảo giỏi về cổ văn. Năm người sau mới thực sự là thuộc thời kỳ văn học 54-75. Đã thế người chót, Trần Bích Tiên thì kể như không ai biết tới, và văn nghiệp chỉ bao gồm đúng... một bài thơ.

Võ Phiến cũng biết vậy nên ông đã minh định trong phần đầu sách như sau: "*Chúng tôi vẫn cho rằng nhận định về một tác giả là nhận định về một tâm hồn, chứ không phải về một kỹ thuật, một chủ đề, một tư tưởng...*" (trg 11) Nói cho rõ thêm, đó là sự giao cảm giữa hai tâm hồn, tâm hồn Võ Phiến và tâm hồn của những thi sĩ ông đã nhắc tới. Ở đoạn kế, Võ Phiến còn nhấn mạnh thêm đường lối chọn lựa tác giả cũng như phê bình của ông là "*...tôi chỉ muốn chú trọng đến phong cách, đến tâm hồn của tác giả. Đây bất*

quá chỉ là một số cảm nghĩ của một người sáng tác trong khi thưởng thức những người sáng tác khác mà thôi." (trg 14)

Phát xuất từ những quan điểm như trên, Võ Phiến đã mang lại cho chúng ta những khám phá bất ngờ. Thí dụ như trường hợp Hoàng Hương Trang uống rượu, ông viết:

"Hồi tiền chiến làm nghệ sĩ thích khoe say (có người không uống được rượu cũng khoe say). Nhưng hồi ấy tửu đồ toàn thị là nam tử, tôi chưa bắt gặp được người đẹp nào say sưa trong thi ca cổ điển và tiền chiến. Sau 1954, Hoàng Hương Trang là một người đẹp, và là một người say dữ đội. Nói say dữ không phải nói ngoa, vì quả chưa thấy ai trong đám nam tử kể trên say mà hung tợn như Hoàng nữ sĩ:

..."Ly rượu tràn ướt trơn đất lạnh

Ngủ vùi say, trong trận lốc tình

Ôm chân tượng đá đinh ninh

Vuốt ve những tưởng người mình dấu yêu.

Trong cơn mộng, phiêu diêu ân ái

Mặc trần truồng phơi phới thịt da..."

(trg 33-34)

Nhưng rồi Võ Phiến ngay thẳng ghi nhận: "*Điều đáng tiếc là ở Hoàng Hương Trang thơ đẹp không được mấy (Phải chăng vì người đẹp quá say đâm dễ tính?*" (trg 36)

Lời phẩm bình và chọn thơ của Võ Phiến đại lược là như vậy. Ông thích tác giả nào thì nói tới tác giả đó, và với mỗi tác giả, ông chỉ thưởng ngoạn những bài ông thích mà thôi. Bởi thế về Phạm Công Thiện (sự nghiệp chính là văn xuôi), ông chỉ nói và trích dẫn đúng một bài: "*Ngày sinh của rắn VIII*" và lại không quên tiện tay trích luôn hai bài thơ của một tác giả khác đã gây cùng thứ xúc động đó nơi ông, là Hoàng Cầm (bài "*Theo đuổi*" và "*Về với ta*").

Về "tu sĩ đa tình" PHẠM THIÊN THƯ, Võ Phiến đã nhận định khá hay như sau:

"*Thử tưởng tượng: Nếu Phạm Thiên Thư sớm tối miệt mài kinh kệ, một bước không ra khỏi cổng nhà, không biết tới chuyện hẹn hò, không hề lẽo đẽo đưa em này đi rước em nọ về v.v... thì nền thi ca của chúng ta thiệt thòi biết bao. Lại thử tưởng tượng Phạm Thiên Thư quanh năm suốt tháng chỉ những em này nọ dập dìu, nhớ thương ra rít, mà không màng tới kinh Hiền kinh Ngọc, không biết chuông mõ gì ráo, thì trong kho thi ca tình ái của ta cũng mất hẳn đi một sắc thái đặc biệt chứ.*" (trg 49)

Đã nói đến thi sĩ, thì phải nói đến các nàng thơ của quí vị đó, và những gì các "chàng" đã làm với các "nàng". Riêng đối với Phạm Thiên Thư, Võ Phiến đã nhận xét chính xác như sau:

TRẦN HỒNG CHÂU

ĐƯỜNG ĐI SAN JOSE

Đường đi San Jose
Sa mạc trải dài
Quặn đau thạch thảo
Hoang vu ói mật vàng
Chuyển mình
Đường 5 mệt đứt hơi
Sỏi đá sạn
Đầu đòn gánh
Quẩy vai gầy
Núi rừng triền miên.
Núi rừng Ventura
Phong trần
Đôi chân lạnh
Ta biết đây là phương nam!
Núi rừng Diablo
Quỷ dữ
Đầu nhiệt vỡ tung
Ta biết đây là phương bắc!

Phố phường Santa Ana
Phố phường Santa Clara
Đường sao nhiều thánh nữ
Ngân trắng
Huệ tháng tư
Đường sao nhiều thiên thần
Los Angeles
Đại đô thị
Chập trùng
Chật đường trẩy hội
Đường sao nhiều tội lỗi
Vút cao núi ngàn!

Lung linh cánh phù dung
Da cam một tuổi ấu thơ
Bạt ngàn ma chơi lửa cháy
Bạt ngàn tiền kiếp bướm bay

Xào xạc
Tự vẫn, vòng cỏ khô
Quằn thảo dòng sông nhựa
Đường vắng
Quái vật bi thương
Đứt rễ
Thảo mộc đau muối xót

Vườn cam
Vườn đào
Không âm thanh
Không hoa lá
Chỉ rùng mình một thinh không
Xương gỗ đen thổn thức
Có xuống thăm dòng chảy
Lưu đày
Đáy vực sâu
Bơ vơ hồn gầy
Bộ lạc đau

Đi! cho ta một người tình nhỏ bé!
Ở đầu sông quên lãng
Ở cuối tuần San Jose
Vỗ về
Vòng tay rộng mở
Cho dâng tràn biển lớn
Cuốn sô sỏi đá
Trên thịt da cháy bỏng
Trên rã rời tâm tư
Đường số 5
Đường đi San Jose!

Tháng 12/92

"Thơ tình của chàng là thứ thơ tình không có nụ hôn. Người tình của chàng là thứ người tình không da thịt. Đố thiên hạ tìm ra trong thơ chàng một nụ hôn, tìm ra những cặp môi mọng như quả nho, gò má ửng hồng như trái đào, những sóng mắt đắm đuối, ngực tròn phập phồng... Yêu nhau như thế không vì hoan lạc mà chỉ cùng thấm thía cái tính cách bọt bèo của kiếp người. Ái tình không đưa tới hạnh phúc, cũng không đưa tới những quằn quại, ghen tuông, khổ đau, sầu não v.v... Nó chỉ đưa tới sự ngẩn ngơ. Ngẩn ngơ trước mênh mông, vắng lặng." (trg 53-54)

TÔ THÙY YÊN là một nhà thơ độc đáo, độc đáo vì là một nhà thơ thành danh từ đã lâu mà không hề xuất bản một thi phẩm nào, độc đáo vì vần điệu: ông là một trong những nhà thơ hiếm có sử dụng rất nhiều vần trắc ở đầu cũng như cuối các câu thơ, độc đáo vì ông, (gần đây thêm Khoa Hữu) là một trong những nhà thơ hiếm có có giọng hào sảng của một đấng nam tử cõi đông châu Á. Võ Phiến đã nhận xét về Tô Thùy Yên như sau:

"Tô Thùy Yên là thi sĩ nam có giọng bắc. Ông không giống ai, không giống người bắc nào; ông bắt kịp cái điêu luyện của ngôn ngữ bắc, thế thôi. Và Tô Thùy Yên không phải chỉ bắc có cái giọng. Hình như ông còn gần gũi miền Bắc tận trong tâm hồn. Dù sao, đây là lần đầu tiên chúng ta gặp những thắc mắc siêu hình trong thi ca một người sinh trưởng trong Nam.

"Bảo rằng trong thơ Tô Thùy Yên có chủ đề triết lý, bảo thế e chưa thích hợp. Gần như toàn bộ sự nghiệp thi ca của ông là một dấu hỏi khổng lồ nêu lên trước cái bí ẩn muôn đời của vũ trụ." (trg 77 và 80)

Vì thơ của Tô Thùy Yên khó sưu tầm nên riêng với tác giả này, Võ Phiến đã trích dẫn tới bảy bài. Và khi trích dẫn như thế, chắc Võ Phiến chưa được biết tới một bài thơ khá dài Tô Thùy Yên làm sau khi được tha khỏi trại cải tạo, mới được phổ biến gần đây trên báo chí hải ngoại. Chỉ với một bài thơ này thôi, người đọc thấy Tô Thùy Yên vẫn giữ được phong độ cũ, mặc dù không biết bao nhiêu năm phải sống trong các trại cải tạo lẫn lao tù của nội địa.

TRUYỆN MIỀN NAM tập I

Cuốn thứ nhất về văn, Võ Phiến mới giới thiệu được có ba người: Nhất Linh, Túy Hồng và Thanh Nam.

Không ai ngạc nhiên khi Võ Phiến đặt Túy Hồng và Thanh Nam liền nhau. Trên thực tế họ là vợ chồng; về văn học, những gì họ đã viết ra có ràng buộc với nhau. Một trong những cuốn kể như không có cốt truyện ly kỳ rùng rợn gì cả mà vẫn được độc giả thích là *"Tôi nhìn tôi trên vách"*, người đọc tinh tế có thể nhận ra khá dễ dàng là Túy Hồng đã lấy chất liệu từ cuộc sống vợ chồng với Thanh Nam. Nhưng tại sao Võ Phiến lại đặt luôn Nhất Linh vào cuốn này với hai nhà văn lớp sau?

Cái gì cũng có lý do của nó, nhất là với Võ Phiến, người đã nổi tiếng từ thật đã lâu về cái tài chẻ sợi tóc làm tư, xong rồi lại lúi húi chẻ làm tám.

Điểm nhận định đầu tiên đáng chú ý của Võ Phiến về Nhất Linh là Võ Phiến đã phân biệt khá chính xác rằng ít nhất đã có tới hai Nhất Linh, chứ không phải là một: *Nhất Linh trẻ* và *Nhất Linh già*. Và Võ Phiến cũng xác định ngay rằng: *"Nhất Linh già vui hơn Nhất Linh trẻ... Giọng đùa đùa của Nhất Linh vào thời kỳ sau 1954 khiến ta nghĩ ông không còn lấy làm quan trọng chuyện gì nữa, ông nhìn xuống tình yêu, xuống lòng say mê của các nhân vật với một sự tò mò có lẫn chút giễu cợt."* (trg 22)

Võ Phiến thật đã bén nhậy khi nhận thấy sự kiện đó, bởi vì thường thường càng về già khuynh hướng chung của con người là càng trở thành nghiêm túc hơn (dù trong nhiều trường hợp sự nghiêm túc này chỉ là một thứ đạo đức giả mạo, bởi vì các cụ Việt Nam xưa đã từng nhận xét khá đúng rằng "đàn ông cắt đầu gối còn chảy máu thì còn ham đàn bà"). Không cần phải nhìn ngược xa lại quá khứ, lấy ngay những người đang viết ở hải ngoại, như Túy Hồng và Duy Lam, cũng thấy khá rõ. Trước 1975 bút pháp sử dụng chữ nghĩa tiếng Việt như phù thủy của Túy Hồng, dù đôi khi đập phá cuồng nộ, nhưng vẫn hay phảng phất một nụ cười nào đó. Sau nhiều năm ở Hoa Kỳ, Túy Hồng không còn nhiều nụ cười ẩn hiện ấy như hồi trẻ nữa. Đọc cuốn mới viết và xuất bản tại Hoa Kỳ, *"Tay che thời tiết"*, độc giả dễ nhận ra sự thay đổi này. Trường hợp Duy Lam cũng vậy. Hồi còn trẻ Duy Lam đã nổi danh như cồn với hai tập văn vui *"Gia đình tôi"* và *"Ngày nào còn đàn bà"*. Hơn hai mươi năm sau, mới định cư ở Hoa Kỳ chưa lâu, nhưng qua cả trăm bài thơ và những văn xuôi nữa đã làm, độc giả đã tìm thấy một Duy Lam mới rất là nghiêm túc.

Dĩ nhiên sự kiện Nhất Linh già vui hơn Nhất Linh trẻ đương nhiên phải dẫn tới những hệ luận đương nhiên khác nữa. Võ Phiến đã nhận thấy như sau: *"Chay tịnh là một đặc điểm của các mối tình trong tiểu thuyết Nhất Linh... ít khi Nhất Linh để cho ái tình trong truyện của ông vượt sang giai đoạn sinh lý"* (trg 25). Nhưng rồi Nhất Linh biến đổi dần dần: cuốn "Bướm trắng" là một dấu hiệu chuyển tiếp, để rồi sau 1954, Nhất Linh thay đổi hẳn, ngay thẳng miêu tả tình dục giữa trai gái. Điều đó làm ông gần gũi với các nhà văn thế hệ sau như Túy Hồng, Thế Uyên... nhưng vẫn cứ là xa cách bởi vì:

"...ông không để cho nhân vật đi đến mục chót của tình yêu xác thịt. Ông chỉ đẩy đến sát bờ vực, rồi dừng lại, khiến ta choáng váng cả người. Ông xoa nóng thân xác lên hừng hực rồi bỏ lửng, rồi treo lại, không cho thỏa mãn. Cho nên bảo rằng những ái tình ấy là trong sạch thì thật là một thứ trong sạch gay cấn kinh khủng, trong sạch nghẹt thở, chết người! Lắm lúc người đọc kêu thảm: Thế này thì chẳng thà đừng trong sạch cho đỡ ấm ức, khốn khổ." (trg 26-27)

Qua đoạn văn trích dẫn trên, một lần nữa chúng ta lại thấy rõ bút pháp Võ Phiến đã sử dụng để viết văn học sử miền Nam 1954-1975. Đó là một bút pháp vui tươi, linh hoạt. Bộ biên khảo của Võ Phiến còn dài lắm nên người điểm sách tạm ngưng ở đây với một chú giải: Muốn nói gì thì nói Võ Phiến về già viết văn vui hơn Võ Phiến trẻ, tương tự như chính Nhất Linh vậy.■

THẾ UYÊN tháng 3, 93.

CHỮ "TÔI" TRONG HỒI KÝ HỒ DZẾNH KHÔNG PHẢI LÀ HỒ DZẾNH

HOÀNG KHỞI PHONG

Cách đây vài tháng, quyển hồi ký Cát Bụi Chân Ai của Tô Hoài lọt ra hải ngoại. Trên trang Văn Học Nghệ Thuật của Người Việt đã có một bài viết điểm quyển sách này. Đồng thời nó được in lại bởi hai nhà xuất bản Thanh Văn và Hồng Lĩnh. Nội dung quyển hồi ký này chứa đựng nhiều điều đã được che dấu bởi chế độ hay bởi chính tác giả.

Tuần qua nhà xuất bản Thanh Văn gửi tới độc giả một quyển hồi ký khác của Hồ Dzếnh một người cầm bút trong nước cùng thế hệ với Tô Hoài. Giữa hai nhà văn và hai quyển hồi ký có những điều khác biệt. Tô Hoài còn sống và là công thần của chế độ, Cát bụi Chân Ai được in từ trong nước và được in lại ở hải ngoại. Hồ Dzếnh chết năm 1991, nổi tiếng cùng thời gian với Tô Hoài trên lãnh vực thơ. Sau 1954 ông ở lại ngoài Bắc như Tô Hoài nhưng từ đó tới nay người ta chỉ biết đến Hồ Dzếnh qua những bài thơ ông sáng tác trước đó.

Chẳng những ông đã không là công thần của chế độ, ông chìm lẩn trong đám đông cho tới ngày nhắm mắt lìa đời. Và sau cùng điều khác nhau quan trọng nhất là quyển hồi ký của Hồ Dzếnh chưa hề được in ở trong nước. Bản thảo viết tay của ông được chuyển ra ngoài. Qua lời bạt của Nguyễn Khắc Xuyên thì tập bản thảo này được bỏ dở nửa chừng và cách xếp đoạn khi ấn loát chính là cách sắp xếp của nhà xuất bản chứ không phải của Hồ Dzếnh.

Trong lời bạt của Nguyễn Khắc Xuyên có lưu ý những độc giả dễ xúc động, nên cẩn thận khi đọc quyển hồi ký này vì nó thảm thương quá. Cảm giác của tôi khi đọc một mạch tác phẩm chỉ có tám mươi trang này tôi thấy chữ thảm thương dường như đúng nhưng không đủ. Thật khó có thể tìm một từ nào diễn tả đủ về cái chất mà quyển hồi ký chứa đựng. Nó khởi đi một cách hết sức khiêm tốn, giản dị:

"Tôi sinh vào hồi ba giờ, tháng Bảy dư, năm Kỷ Sửu, ở một làng nhỏ cách xa Hà Nội gần hai trăm cây số..."

Trong Cát Bụi Chân Ai, Tôi Hoài cũng khởi đi bằng một câu giản dị: "Tôi kém Nguyễn Tuân mười tuổi. Trước kia tôi không quen Nguyễn Tuân..."

Chữ "Tôi" trong Cát Bụi Chân Ai của Tô Hoài là... Tô Hoài, người con cưng của chế độ, của văn học miền Bắc trước kia và của trong nước bây giờ. Từ chữ "Tôi" này Tô Hoài dẫn độc giả đi gặp nhiều khuôn mặt khác, nhiều phương trời khác. Tô Hoài có nhiều điều để nói hơn vì trong chế độ đó quả tình Tô Hoài là một người nặng ký. Ông có mặt ở những chỗ xứng đáng với địa vị của ông, ông tham quan nơi này, thăm viếng nơi nọ. Ông đi Liên Sô, Tàu, Phần Lan, Ấn Độ. Ông sang Châu Phi, Châu Mỹ. Ông là bạn của những người con cưng khác của chế độ như Nguyễn Tuân, Nguyên Hồng, Xuân Diệu... Ông cũng đã có thời là bạn với những người trong Nhân Văn Giai Phẩm trước khi cái giòng văn chương ngoài Bắc tách ra thành hai luồng nước chảy... trái chiều. Chiều của Tô Hoài là chiều hoan hô, cổ võ chế độ (sau O Chuột, Dế Mèn Phiêu Lưu Ký, Quê Người và trước... Cát Bụi Chân Ai). Tất nhiên chiều của Nhân Văn là chiều ngược lại. Do đó quyển hồi ký của Tô Hoài đồ sộ hơn, nói dài khoảng ba trăm năm chục trang vì chữ "Tôi" của Tô Hoài nặng ký hơn.

Chữ "Tôi" trong hồi ký của Hồ Dzếnh thì không phải là... Hồ Dzếnh. Ông mượn lời người con còn sót lại để viết về đời sống của người cha (Hồ Dzếnh) cùng gia đình trong đó có mẹ và... "Tôi" (người con còn sót lại). Trọn tám mươi trang sách không hề viết về bất cứ ai ngoại trừ cái gia đình có bốn miệng ăn gồm cha, mẹ, anh và cái người xưng "Tôi" chưa đầy một tuổi đó.

Cha là một nhà văn. Nhà văn trong cái thời khoảng: "... Văn nghệ không nhận ai là thiên tài cũng như cõi đời không biết có

KIÊM THÊM

NHỮNG BƯỚC NGHÌN XƯA

ai khua guốc qua những ngày tĩnh mịch
kẻ đắm say tựa cửa với sương rơi
nặng đã muốn đậu trên vành nón lá
gió tỏ bày sao ngại tiếng âm quen
cảnh đời đó thật còn xanh bát ngát
huyền hoặc xưa người chịu đứng bên lề
và từ đấy dưới đáy sông oan trái
cành rong rêu lưu giữ bước chân thầm.

người nào xuất chúng. Một nhà văn như cha tôi không khác gì cô gái điếm: Cô gái chiều khách hàng, nhà văn chiều thời đại..." Còn mẹ?

Mẹ đã về với cha qua một mối tình cực kỳ thanh cao giữa một cô gái độc giả mồ côi và một nhà văn nghèo. Mẹ đã có lần viết trong hồi ký: "... Nhưng em chờ mà anh chưa viết được. Nghề viết cực nhọc, đanh ác đến thế kia anh? Em thấy anh như chúi hẳn đầu trên giấy, gân trán nổi rõ, bàn tay run run với ngọn bút... Khi xưa, hồi mới quen em, anh viết dễ dàng, bây giờ anh đo đắn... Có phải rằng nghệ thuật khi đã chín, thì nghệ sĩ trở nên hồ nghi?... Mà nói làm sao, tâm trạng con người sa lầy giữa thời đại ngang trái. Nghệ thuật lại càng không phải thứ đồ dùng luôn thay đổi, theo sự quản thúc của những nhu cầu vẫn chỉ là trong vòng khủng hoảng..."

Anh, nhân vật thứ ba trong gia đình là một cậu bé chưa đầy ba tuổi. Cho tới khi anh chết thì cha lấy tay đo người anh từ đầu xuống chân..." Ngày thường cha tôi vẫn đo anh như vậy, nhưng là đánh dấu bằng bút chì gạch từ chõm đầu, lên bức tường. Lần đầu tiên cha tôi lẩm bẩm:

- Ờ! Thế mà được những năm gang tay!

Sau cùng là nhân vật được Hồ Dzếnh mượn xưng "Tôi". "Tôi" đã được cha mẹ tính cho ra đời ở nhà hộ sinh, nhưng rồi lương dạy học một trường tư không phát đúng kỳ, nên "tôi" ra đời trong một cái lều lộ thiên nơi góc vườn sắn. Mẹ nằm chờ ở cữ từ chiều, nhìn những mái nhà, trăng và gió cho tới khi đẻ thì đã gần sáng và được chính tay người cha tắm rửa:

"Tắm rửa cho tôi xong - Ôi đôi bàn tay người đàn ông vụng dại - Cha tôi bế tôi và khiêng mẹ tôi vào nhà trọ. Lúc đó, trời vừa hừng sáng. Màu xanh ngắn qua những kẽ lá còn lóng lánh nước mưa. Gió thoảng đưa vào nhà hương cây chanh mới được ướp lại..."

Nhà chỉ có bốn miệng ăn, cha là nhà văn mà nghề chính để sống là thầy giáo, mẹ cũng có khi buôn bán một thứ gì đó mà vẫn không làm sao đủ ăn. Cha phải bán chiếc xe đạp cũ, một gia tài thuở đó, cho một người học trò, lại còn bị học trò ép giá. Thế rồi anh chết trước. Vài tháng sau mẹ không còn sữa trong đôi vú mỗi ngày một khô héo lại. Mẹ mỗi ngày mỗi kiệt lực, mà vẫn dấu cha cho tới khi quỵ xuống, "Tôi" thì lại chỉ có mấy tháng, nào biết gì nên khi tìm thấy đôi vú của mẹ thì:

"Tôi nằm lật lại, và cứ thế thúc miệng vào bầu sữa nóng. Tôi nhai, tôi nghiến, tôi khóc thét lên vì khát. Bàn tay của mẹ tôi chỉ hơi run dỡ lấy đầu tôi..."

Và rồi sau cùng mẹ cũng chết. Cha, người nhà văn đã không có đủ tiền mua một cỗ áo quan, thậm chí đã phải đi lừa người chủ tiệm hòm mới mang được một cỗ quan tài về chôn mẹ giữa lúc máy bay đồng minh oanh tạc khu vực nhà xác.

Tôi không ngạc nhiên khi quyển hồi ký này được in trong tình trạng còn đang viết dở nửa chừng. Tôi tự nghĩ con người viết những giòng chữ này, phải có một trái tim bằng thép, mới có thể chịu đựng được những bất hạnh to lớn như thế phủ chụp lấy gia đình, mới có thể viết cho tới hết những đớn đau mà ông đã hứng chịu trong đời sống. Để cho một nhà văn đã thành danh như Hồ Dzếnh bị dồn ép như thế thì cái xã hội, cái chế độ nào đó phải có một trách nhiệm không ít thì nhiều.

Tôi nghĩ đến cái hơi thơ buồn man mác của Hồ Dzếnh trong Quê Ngoại, cái chất văn hiền hòa của ông trong Chân Trời Cũ, và tưởng ra nhà thơ của chúng ta rút ruột mình ra để viết những giòng hồi ký này. Mỗi một chữ, mỗi một giòng được hiện lên giấy là một hơi thở của nhà thơ bị mất đi nơi buồng phổi, một tế bào rơi ra khỏi trái tim ông. Ông gục xuống nửa chừng vì ông đã không còn dưỡng khí trong buồng phổi, và trái tim thổn thức của ông cũng không còn sức để đập những nhịp của đời.

Chỉ tám mươi trang sách mỏng manh, mà người đọc chúng ta cũng đã muốn ngộp thở. Ông là một nhà thơ làm sao có thể đi tới cuối dốc đời? Ông sống, nghiến răng sống để nuôi con nên người. Sống thực cái cảnh ngộ mà ông đã trải xem chừng dễ hơn là viết lại nó. Đó là lý do tại sao ông đã bỏ dở nửa chừng. Sống một cuộc đời như Hồ Dzếnh thì cho dù có là con người được đúc bằng thép cũng có lúc phải mệt nhoài, đi cho hết đường tên của cuộc đời mình thì đã rũ xuống, thể hiện cuộc đời đó một lần thứ hai trên giấy có khác nào ông phải vác thánh giá leo đồi Golgotha một lần thứ hai.

Đối với tám mươi trang hồi ký của Hồ Dzếnh quả tình chữ thảm thương của Nguyễn Khắc Xuyên không đủ. Chữ thảm thương làm cho quyển sách vốn đã mỏng, lại còn mỏng thêm, vốn đã nhẹ, lại còn nhẹ thêm. Nó làm cho người đọc nhìn thấy kích thước của Hồ Dzếnh, vốn đã không muốn khoa trương thêm một lần mờ nhạt đi một chút nữa. Và có lẽ không một từ đơn hay kép nào đủ. Chính vì thế không một bài viết nào có thể nói đủ về quyển sách cho bằng đọc chính nguyên bản của nó.■

Sách mới:

THUNG LŨNG HOA SIM

của HẠNH ĐỨC

Một tập truyện ngắn lý thú và thơ mộng, với lối viết mộc mạc, tự nhiên, nhưng lôi cuốn, gây hiếu kỳ...

Sách dầy 250 trang, giá **$10.00**

SÁCH BÁO TRONG THÁNG

NGUYỄN NAM ANH

HOA TẠNG TRẦM TƯ, Thơ của TỊNH LIÊN NGHIÊM XUÂN HỒNg, Thanh Văn xuất bản. Sách dày 58 trang. Đề giá 6 MK.

Người ta nói thơ là cái phần tinh túy của văn. Mỗi chữ, mỗi câu trong Hoa Tạng Trầm Tư là mỗi cái chắt lọc, nó bắt người ta nghĩ ngợi, nó không để cho người ta "kịp" cảm. Chỉ khi nào ông không bị cái tư tưởng nhà Phật chế ngự khi ấy thơ ông đến gần người đọc. Như bài *Gửi Họ Vũ*. Hơi thơ xưa mà vẫn đáng yêu.

Liên lạc: Thanh Văn
P.O. Box 411723
Los Angeles, CA 90041

HỒ DZẾNH, QUYỂN TRUYỆN KHÔNG TÊN, Bạt của NGUYỄN KHẮC XUYÊN, Thanh Văn xuất bản. Sách dày 104 trangg. Đề giá 7 MK.

Đây là tập hồi ký của nhà thơ Hồ Dzếnh viết về những năm sống chật vật của ông (1947-1950).

Ông Nguyễn Khắc Xuyên trong lời bạt cho biết cuốn hồi ký này không ghi ngày tháng, "nhưng ắt hẳn tác giả đã viết vào cuối đời mình, năm 1987 hay 1988" (Bạt, tr.93). Một cuốn sách viết dở dang của một nhà thơ, nhà văn từng có thời làm rung động trái tim của nhiều người trẻ.

QUÊ NGOẠI II, TIẾNG HÁT THIÊN NGA, Thơ HỒ DZẾNH, Bạt NGUYỄN KHẮC XUYÊN. Sách dày 130 trang. Đề giá 7 MK. Thanh Văn xuất bản.

Tập sách này chia làm hai phần: phần chính gồm những bài thơ làm trong những năm 1977 đến 1990 , phần phụ gồm những bài viết từ năm 1938 đến năm 1977.

Năm mươi bài thơ của một tài thơ được nhiều người yêu mến. Thơ ông tuy không có những chữ cũ mòn nhưng rõ ràng là không mới, không còn mới. Tuy vậy, đọc thơ ông người ta vẫn sẽ bị cuốn vào, chạy theo nhịp đập của những âm điệu. Bài *Quả Táo* của Hồ Dzếnh (trang 45-47) có được sự lôi cuốn đó.

Liên lạc: Văn Nghệ
P.O. Box 2301
Westminster, CA 92683
(714) 527-5761

ÔNG H.O. Tuyển tập truyện ngắn HÀ THÚC SINH, Nhà xuất bản Thế Giới. Sách dày 206 trang. Đề giá 12 MK.

Mười sáu truyện ngắn của Hà Thúc Sinh là 16 mảnh đời được vẽ bởi một ngòi bút chuyên nghiệp.

Từ *Đại Học Máu* đến *Ông H.O.*, Hà Thúc Sinh, con người đa tài, viết văn, làm thơ, soạn nhạc — đã tặng cho người đọc một tác phẩm tốt đẹp.

Địa chỉ liên lạc:
Nhà Xuất Bản Thế Giới
3023 CenterWood Way
San Jose, CA 95148
(408) 274-5171
(714) 638-7177

TUYỂN TẬP THƠ VĂN PHẬT GIÁO, kỷ niệm Phật Đản 2537, THÁI TÚ HẠP thực hiện. Sách dày gần 350 trang. Sông Thu xuất bản. Không đề giá.

Tuyển tập này gồm nhiều sáng tác thơ văn của các tác giả quen thuộc. Trong lời nói đầu của cuốn sách, thi sĩ Thái Tú Hạp cho biết thơ văn của các tác giả được tuyển chọn như những đóa *Vô Ưu* thanh thoát trong vườn Lâm Tỳ Ni ngày xưa.

Địa chỉ liên lạc:
Tuần Báo Saigon Times
9129 E.Valley Blvd
Rosemead, Ca 91770
(818) 286-9798/ 286-1239
Fax (818) 286-3293

CUỐI ĐÊM DÀI, Tập truyện NGUYỄN THỊ THANH BÌNH, An Tiêm xuất bản. Sách dày 210 trang. Đề giá 10 MK.

Mười lăm truyện ngắn của một nhà văn nữ. Đây là cuốn sách thứ ba của Nguyễn thị Thanh Bình. Hai tập trước: *Ở Đời Sống Này*, tập truyện, năm 1989 và *Giọt Lệ Xé Hai*, truyện dài, 1991.

Nguyễn thị Thanh Bình viết bạo, nhưng hơi dễ dãi với chính mình.

Liên lạc An Tiêm
1528 S. La Cienega Blvd
Los Angeles, Ca 90035

HỘI RẪY VƯỜN SÔNG RẠCH, tập truyện của HỒ TRƯỜNG AN, Miệt Vườn xuất bản. Sách dày 248 trang. Đề giá 12 MK.

Với lối văn kể chuyện cà kê, viết mà như nói, chi tiết xum xuê mà không nhàm, Hồ Trường An khai thác tối đa và thành công trong bút pháp "miệt vườn". Hồng Lan nhận xét: "Anh còn có biệt tài làm bếp trong văn chương."

Tìm đọc *Hội Rẫy Vườn Sông Rạch* để ... bắt thèm những món ăn quê hương miền Nam.

Liên lạc: Miệt Vườn P.O. Box 25321
Winston Salem NC 17114 - 532

ĐỢI BỜ, tập truyện LÊ THỊ THẤM VÂN, tác giả xuất bản, 1993. Sách dày 200 trang. Đề giá 8 MK.

Lê thị Thấm Vân định cư tại Hoa kỳ từ năm 1975, tốt nghiệp Trung học và Đại học (ngành xã hội) tại Hoa Kỳ. Theo tác giả thì những truyện ngắn trong tập truyện đầu tay này được viết từ năm 1989 đến cuối năm 1992 và đã đăng trên tạp chí *Văn, Làng Văn* và *Văn Học*. Hiện Lê thị Thấm Vân cư

ngụ tại thành phố Los Altos, miền Bắc California.

Trong thư Thay Lời Tựa, tác giả viết như một cách trả lời câu hỏi: "Tại sao viết?"

... "Tôi viết văn. Tôi khám phá ra màu sắc trong cuộc sống... Tôi cảm nhận được nhịp rung của đời sống... Tôi tìm được sự thông cảm, hàn gắn..."

Truyện Lê thị Thấm Vân nhẹ nhàng, chữ nghĩa của cô hiền lành. Đôi bờ là tập truyện của một tâm hồn trong sáng.

Thư từ liên lạc: Trần Mạnh
P.O. Box 360923
Milpitas, Ca 95035

BỎ CHỐN MÙ SƯƠNG, Tập truyện SONG THAO, Kinh Đô xuất bản.

Sách dày 230 trang. Đề giá 12 MK.

Song Thao tên thật là Tạ Trung Sơn, từng cộng tác với nhiều nhật báo, tuần báo, bán nguyệt san, nguyệt san tại Saigon. Ông định cư tại Montréal, Canada từ năm 1985.

Ông khởi viết truyện ngắn từ 1991. Các sáng tác của ông đã được đăng trên *Văn, Làng Văn, Nắng Mới*...

Tám truyện ngắn vẽ lại tám mảnh đời trong bối cảnh của một thành phố Canada được viết bởi một ngòi bút rất yêu chuộng văn chương.

Liên lạc: Kinh Đô
10600 Bellaire, Suite 138
Houston, TX 77072
(713) 495-4033

NGÀY QUA RẤT VỘI, Thơ LƯU NGUYỄN, Nắng Mới xuất bản. Sách dày 96 trang. Đề giá 10 MK.

Vượt biển tị nạn tại Gia Nã Đại 1980, Lưu Nguyễn cùng một số thân hữu chủ trương tạp chí *Nắng Mới*. Hiện ông là Chủ tịch Trung tâm Văn Bút Québec.

Các sáng tác của ông đã đăng trên các báo *Văn, Văn Học, Làng Văn, Lửa Việt, Nắng Mới, Thời Tập, Sóng*... Ngày Qua Rất Vội là tập thơ thứ hai của ông. Tập trước có tên Tri Ân, thơ, do Sông Thu xuất bản 1990.

Những bài thơ ông như chiếc cầu bắc ngang dòng thơ tiền chiến và hiện đại.

Liên lạc:
Nắng Mới
CP 40 Succ. Côte Des Neiges
Montréal, PQ, H3S-2S4
Canada

Đã phát hành:

BỎ CHỐN MÙ SƯƠNG

Tập truyện của **SONG THAO**

Bìa 4 màu của Nghiêu Đề
Phụ bản của Thái Tuấn - Đinh Cường
Hoàng Xuân Sơn - Hồ Đình Nghiêm

Sách dày 240 trang
Giá: 12 Mỹ kim/ 15 Gia kim

Xin hỏi tại các nhà sách hoặc liên lạc:

TẠ TRUNG SƠN

7805 Claire Fauteux # 1
MONTREAL, P.Q., HIK 5B6 CANADA
Điện thoại: (514) 354-5338

THỜI ĐẠI MỚI

Phản Ảnh Tư Tưởng Mới Nhất
Của Thời Đại Chúng Ta

Về THIỀN tác giả viết:

"Thiền là khi Ăn thì Ăn,
Khi Ngủ thì Ngủ."

Có người sẽ bảo, sao THIỀN lại dễ dàng thế. Vâng dễ lắm. Xin mời quý vị thử đi. Nhưng nếu tập đủ công phu, thì sẽ có phép lạ:

"Thoát được Sinh Tử Luân Hồi."

Tác Giả: **TRẦN VĂN KHA**

LITTLE SAIGON
SUPERMARKET
小西貢超級市場

9822 BOLSA AVE. • WESTMINSTER, CA 92683 • TEL: (714) 531-7272

Chợ chúng tôi có nhận thẻ tín dụng để trả tiền hàng.

VISA · AMERICAN EXPRESS Cards · MasterCard

Quý khách hàng đã biết rõ về giá hạ
Cũng như phẩm chất luôn luôn tươi tốt
Của chợ chúng tôi, không nơi nào bằng

VÀ CÓ THÊM QUÀ TẶNG

CHỢ LITTLE SÀIGÒN CÓ 10 CÁI NHẤT

- Chợ lớn NHẤT
- Hàng nhiều NHẤT
- Thịt, cá, rau tươi NHẤT
- Đủ loại hàng thực dụng NHẤT
- Giá cả các loại hàng hạ NHẤT
- Đã có tặng phẩm nhiều NHẤT
- Tiếp đãi ân cần NHẤT
- Địa điểm thuận lợi NHẤT
- Bãi đậu xe an toàn NHẤT
- Và đã được mọi người ưa thích NHẤT

100 NGƯỜI NÓI 1000 NGƯỜI NGHE 100.000 NGƯỜI ĐẾN.
MỘT NGÔI CHỢ LÝ TƯỞNG CỦA NGƯỜI VIỆT HẢI NGOẠI

VANCO INC.
DBA DELTA FOOD CO.
IMPORT & PACKAGING OIL

14942 MORAN ST. - WESTMINSTER, CA 92683
TEL. (714) 898-7544 - FAX (714) 891-3536

- Hãng chúng tôi chuyên môn vô chai và thùng đủ loại dầu ăn nguyên chất.
- Nhập cảng trực tiếp các loại gạo, nếp, bún, bánh tráng và đồ khô thượng hạng.
- Chuyên bán sĩ, và cung cấp thẳng đến nhà hàng.
- Đặc biệt có bán đủ loại gia vị, túi nylon, và các đồ đựng "to go" như dĩa giấy, ly, muỗng, nĩa, đũa v.v...

Quý vị có cơ sở sản xuất thực phẩm, xin mời đến: DELTA FOOD CO.

MỞ CỬA HÀNG NGÀY: Từ 7:30 AM đến 4:00 PM

BULK RATE
US POSTAGE PAID
SANTA ANA, CA
PERMIT No 23

TRUNG TÂM QUANG TUYẾN WESTMINSTER

Bác Sĩ LÊ VĂN GIAO, M.D.

ABR ▫ FACR ▫ FACNM

10051 Bolsa Ave., # A-2 ▫ Westminster, CA 92683

(Góc Bolsa và Brookhurst)

(714) 839-4311 - 839-4321

CHUYÊN KHOA QUANG TUYẾN, TRUY TẦM UNG THƯ NGỰC VÀ ĐỒNG VỊ PHÓNG XẠ

- *Tốt nghiệp Y Khoa Bác Sĩ tại Đại Học Y Khoa Utah*
- *Cựu Nội Trú Nội thương và Ngoại thương Đại Học Y Khoa USC*
- *Tốt nghiệp chuyên khoa Quang Tuyến Đại Học Y Khoa USC*
- *Nguyên Giảng Viên và Bác Sĩ Trưởng các Bác Sĩ thường trú Đại Học Y Khoa USC*
- *Hậu Đại Học Đồng Vị Phóng Xạ (Nuclear Medicine) tại Đại Học Y Khoa USC*
- *Chuyên khoa đặc biệt về Truy Tầm và Trị Liệu Ung Thư Ngực tại UCLA*
- *Nguyên Bác Sĩ Trưởng Khu Quang Tuyến cho CIGNA HEALTH PLAN*
- *Hiện là Bác Sĩ Quang Tuyến tại Nhà thương FHP và Fountain Valley*

TRUY TẦM VÀ HỢP TÁC VỚI CÁC BÁC SĨ CHUYÊN MÔN ĐỂ TRỊ LIỆU CÁC BỆNH UNG THƯ NGỰC, CỔ, TỬ CUNG, BAO TỬ, RUỘT, PHỔI, V.V...

- **Những máy móc tối tân định các bệnh:** Sản Phụ Khoa, Trẻ Em, Chứng bệnh Cấp Tính và Kinh Niên, Người Lớn.
- *Do nữ chuyên viên dùng máy Quang Tuyến tối tân bậc nhất, chuyên chỉ để chụp hình Ngực vô cùng chính xác, và giảm thiểu độ phóng xạ trên cơ thể bệnh nhân đến mức tối thiểu hầu như không đáng kể.*

Giá 3.00 Mỹ Kim.